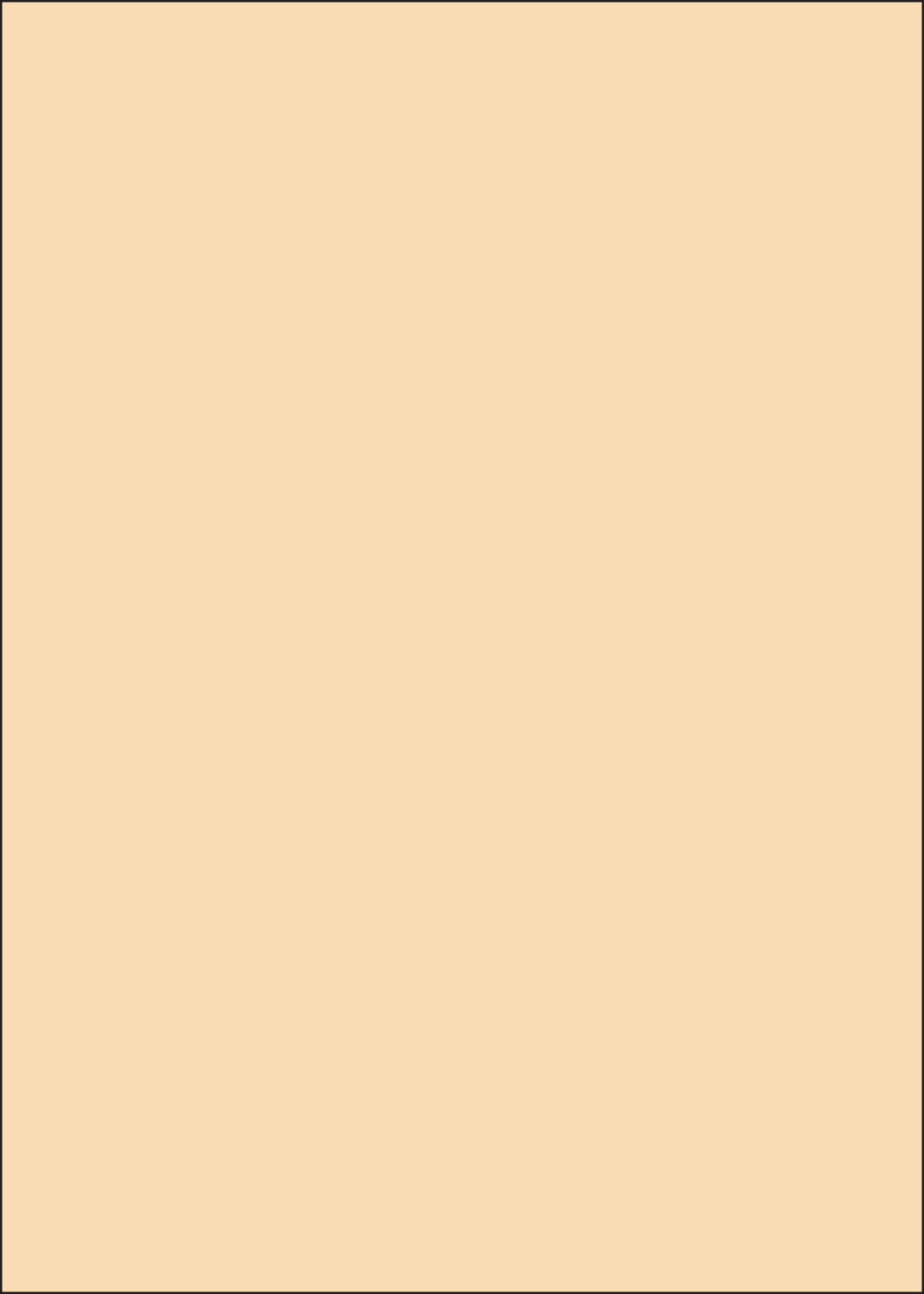


doãn quốc sỹ



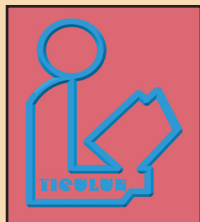
Khu Rừng Lau I

BASINH
HƯƠNG
LƯA



KHU RỪNG LAU 1 BA SINH HƯƠNG LỬA

DOÃN QUỐC SỸ



MỤC LỤC

Khai Từ 6

Phần I - CÂU CHUYỆN KHỞI ĐẦU

CHƯƠNG MỘT - THỜI THƠ ẤU 8

CHƯƠNG HAI -

CÁCH NHAU NGÀN VẠN DẬM 29

CHƯƠNG BA - ANH TRƯỞNG VÕ 74

CHƯƠNG BỐN -

PHẨM TIÊN RƠI ĐẾN TAY HÈN 107

CHƯƠNG NĂM - BÊN GIƯỜNG MẸ 127

Phần II - MÀU TÍM HOA LAU

CHƯƠNG MỘT -

NÀNG TIÊN ĐI DƯỚI TRĂNG 139

CHƯƠNG HAI - ĐỘC HÀNH 176

CHƯƠNG BA - VIÊN CỔ VẤN THỦ THUẬT 195

CHƯƠNG BỐN - TRĂNG SOI ĐƯỜNG MÒN 228

CHƯƠNG NĂM -

MÂM SEN TRONG HỎA NGỤC 252

Phần III - GIÃ TỪ

CHƯƠNG MỘT - NGƯỜI ANH TRỞ VỀ	272
CHƯƠNG HAI - Ý THỨC VỀ NỐT NHẠC	286
CHƯƠNG BA -	
PHONG TRÀO TAM PHẦN KHÓA BẢY	292
CHƯƠNG BỐN - ĐÔI BẠN NHỎ	309
CHƯƠNG NĂM - MỘT TẤN BI HÀI	359
CHƯƠNG SÁU - DÒNG SUỐI TÌM ĐƯỜNG	412
CHƯƠNG BẢY - HAI LẦN SANG SÔNG	425
Tiểu sử	451
Tác phẩm	453

Khai Từ

Bên nhân vật chính - Cô Miên - còn những nhân vật khác chẳng kém phần quan trọng, vì tâm tư tưởng cùng nếp sống của họ góp phần không nhỏ vào câu chuyện. Để các bạn đỡ bỡ ngỡ, ngay từ buổi đầu tác giả xin giới thiệu họ cùng các bạn theo thứ bậc huynh trưởng :

Khiết và Khoá : sinh năm 1913

Lãng : sinh năm 1918

Hãng : sinh năm 1921

Hiển : sinh năm 1922

Tân : sinh năm 1923

Kha : sinh năm 1924

Miên : sinh năm 1926

Căn cứ vào thứ bậc tuổi tác trên chúng ta thấy Khiết, Khoá và Lãng ở vào cùng thế hệ, tạm mệnh danh là thế hệ Nguyễn Thái Học vì họ có trực tiếp tham gia hoặc gián tiếp chịu ảnh hưởng phong trào phục quốc của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Còn năm người kia : Hãng, Hiển, Tân, Kha, Miên thuộc thế hệ sau, trưởng thành trong cuộc khói lửa toàn dân kháng Pháp 1946-1954.

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 7

Kể ra theo lẽ lối nghiêm chỉnh xưa của các cụ, quan niệm khát khe về hai chữ hiếu đễ, trên kính dưới nhường, thì hai thế hệ trên khó mà có sự gần gũi thân mật như vậy. Bậc đàn anh xét nét, nghiêm cẩn; lũ đàn em khép nép, ngưỡng mộ, vâng lời. Ở đây tuy đôi bên chênh lệch tới mười ba tuổi (người cao niên nhất là Khiết sinh năm 1913, người trẻ nhất là Miên, 1926), nhưng nhờ cả hai thế hệ đã thấm nhuần văn hoá Tây phương nên sự gặp gỡ và thông cảm của họ có phần dễ dàng.

Chao ôi, họ thân quý nhau như Lưu Bình, Dương Lễ, đùa cợt nhau như lũ hề yêu đời - ngay cả những khi thất bại đau đớn nhất.

Theo thứ tự tuổi tác thì Khiết (1913) đứng đầu, theo quyền ưu tiên của nhân vật thì Miên (1926) đứng đầu, nhưng câu chuyện không khởi đầu bằng Khiết, chẳng bằng Miên mà bằng Tân (1923).

Nào xin mời các bạn bắt đầu vào thế giới của tác giả. Nói là thế giới của tác giả, kỳ thực là thế giới của chúng ta, nóng hổi thực tại đất nước.

Phần I - CÂU CHUYỆN KHỞI ĐẦU

CHƯƠNG MỘT

THỜI THƠ ẤU

I

Quê Tân - Vũ Đình Tân - ở làng Lại Vũ thuộc huyện Từ Sơn (Bắc Ninh), ngay bên tả ngạn sông Đuống, cách cầu Đuống chừng hơn một cây số, vào những ngày đẹp trời làng Lại Vũ vẫn có thể nghe thấy tiếng còi mười giờ vẳng lên âm u từ Hà Nội.

Lại Vũ ! - Nghe các cụ truyền lại thì sở dĩ đặt tên làng như thế vì thoát kỳ thủy chỉ có hai họ Lại, Vũ đến sinh cơ lập nghiệp tại đây rồi về sau mới có thêm những họ Nguyễn, Hoàng, Quán, Doãn...

Lên năm, Tân theo học vỡ lòng ông giáo Hanh ở xóm Chợ. Sang năm lên sáu, Tân đã được ông giáo dạy tiếng Tây, chỉ học vocabulaire thôi. Ông giáo chép những tiếng mots đó ở một quyển sách in bên Tây. Trên bàn ông có quyển tự điển Pháp Việt rất còm cũi của vị cha cố nào đó người Pháp. Nhiều khi gặp phải tiếng khó, ông giáo Hanh tra quyển tự điển không có, ông cau mày gât, nửa như tự gât, nửa như gât với cuốn tự điển :

- Thế là cái đích gì, thôi bỏ !

Sau khi lũ tiểu tử đã theo lệnh ông hí hoáy gạch bỏ tiếng mot không có trong tự điển đó, ông tiếp tục giảng sang chữ khác. Ông đọc chữ Pháp trước, học trò đọc theo; ông đọc nghĩa chữ Việt sau, học trò cũng đọc theo.

Có một trường hợp hãn hữu về nghĩa chữ mà Tân còn nhớ đến ngày nay : Theo ông Hanh thì café là cà-phê, le café là nước cà-phê; thé là chè, le thé là nước chè.

Còn một điểm nữa mà vì ngày đó Tân còn nhỏ quá không rõ là ông giáo Hanh khi đề ngày tháng thì chỉ những ngày đầu tháng ông mới chịu ghi thêm quán từ le; tỉ dụ : Lundi le 3 Janvier 19... Từ mùng mười trở đi ông bỏ quán từ le viện có rằng bên chữ nho - ông giáo thông cả chữ nho - các cụ cũng chỉ dùng sơ cho những ngày đầu tháng thôi... Tỉ dụ : Duy Hoàng nam Bảo Đại, Quý Hợi niên, thất nguyệt, sơ tứ nhật... Từ mùng mười trở đi các cụ đâu có dùng sơ ?

Học chữ Tây ông giáo Hanh được nửa năm thì thầy xin cho Tân vào học lớp Năm trường làng.

Vào những năm lên sáu, lên bảy, lên tám này, trí nhớ của Tân ngày nay chỉ còn thoi thóp giữ được chút ít hình bóng kỷ niệm. Một điệu hát nửa Tây nửa Ta đượm tính chất bốn cọt ngày ngô :

10 | Doãn Quốc Sỹ

Mình ơi có đi bờ hồ

Ăn kem... ăn kem kẹo dừa, ăn bánh, ăn bánh ga-tô.

Một điệu hát khác phổ biến hơn, đó là bài Tạ điều người Tàu :

Ngộ bên Tàu là ngộ bên Tàu

Ngộ bên Tàu là ngộ mới sang

Sang Nam Việt bán buôn làm giàu.

Kèm theo bài Tạ này là tiếng đàn tầu, chiếc đàn tròn như đàn nguyệt nhưng cán ngắn; cũng vì giây ngắn hơn đàn nguyệt nên tiếng đàn trong và cao nghe lanh chanh hời hợt như tiếng cười tiếng nói của đứa trẻ mới lớn chứ không thâm trầm chín chắn như tiếng đàn nguyệt.

Tiếng đàn bầu của chú Phan hàng xóm sao mà buồn! Chú bị tật khoằm chân từ thuở bé, cha mất sớm, mẹ nghèo. Phải chăng vì thế chú chọn đàn độc huyền để phổ tâm tình u buồn của chú vào đấy ? Khi chú ngồi xếp vòng tròn gẩy đờn thì không ai trông thấy tật chân của chú. Thụy, người con gái xinh xinh ở ngay phía sau nhà chú, đêm đêm xay lúa sấy gạo, khuya nghe tiếng đàn bầu của chú mà thổn thức cõi lòng.

Đàn bầu ai gẩy thì nghe

Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.

Làm sao mà Thụy không nghe cho được ? Tiếng đàn trong đêm khuya thanh vắng như rót vào tai. Thụy xinh như cánh hoa đào. Trong vườn nhà Thụy phía kế cận nhà Phan có cây đào, về cuối đông hoa nở đón xuân. Khi nghe tiếng đàn của Phan, Thụy buồn như cành đào đong ướn trong một ngày cuối đông có mưa phùn. Thụy thành thím Phan rồi suốt đời Thụy tận tụy hầu hạ Phan, hình ảnh Phan với Thụy là hình ảnh người ngồi xếp vòng tròn gảy đàn bầu chứ chẳng phải hình ảnh Phan lúc đứng dậy đi tập tễnh.

Trong số những bạn của thầy, Tân còn nhớ có ba bác: bác Ký, bác Tử và bác Thạc.

Thứ nhất là bác Ký, người phong tình, quần chức âu áo vải phin trắng nõn, bao giờ hai túi cũng nặng trĩu thư tình. Mỗi lần viết xong một bức thư mới, bác thường mang lại đọc bàn với thầy để sửa gọt từng câu từng chữ trước khi gửi đi, sau mỗi câu đặc ý hai người lại vỗ đùi cười ha hả. Mở đầu bức thư nào cũng bằng ba tiếng rất trang trọng : Thưa quý nương... rồi tiếp đến những câu văn biền ngẫu tề chỉnh thiết tha. Lâm ly nhất là sau mỗi tiếng « Ôi ! » lại có một câu tập Kiều. Tỷ như :

Thưa quý nương,

Từ ngày gặp quý nương, tôi những đêm năm canh trần trọc, ngày sáu khắc mơ màng, ruột tằm trăm mối, đòi đoan vò tơ !

Ôi !

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không ?

Bỗng bác Ký bỏ làng đi đâu xa, hình như về một huyện nào thuộc tỉnh Hà Đông, rồi có tin bác Ký dính líu vào vụ ăn cướp (!) và bị mang ra xử tại tòa Đại hình, rồi bị đày đi Côn Đảo. Kỷ niệm thì đứt nối, đầu óc Tân hồi đó lại non nớt quá nên sau này mỗi khi ôn lại kỷ niệm ngày nhỏ, nhớ đến bác Ký, Tân vẫn không hiểu duyên cớ gì đã khiến bác Ký chuyển hoá từ chàng thanh niên phong tình quần áo trắng nõn sang một tên ăn cướp rồi bị tù đày. Sau cùng Tân ngờ rằng bác có tham gia hội kín, rồi hoặc bị tay sai của thực dân vu khống, hoặc người làng sợ vào sãngtan hỏa lò nên phải nói chệch ra như vậy.

Thứ hai tới bác Tử người cao, khuôn mặt xương xương, nước da trắng, râu rậm khi cạo nhẵn còn xanh om, trông bác có vẻ đẹp phong lưu sáng sủa của người trí thức ngày nay. Mà theo sự xét đoán của cậu bé Tân thì bác xứng đáng là trí thức lắm vì bác viết chữ nhỏ rất đẹp, đọc truyện Kiều, Cung Oán, Chinh Phụ, Bần-nữ-thán toàn bản chữ nôm. Câu chuyện của bác bao giờ cũng vui, một số nhân vật đặc biệt của làng đều được bác ghi nhận và tả lại bằng những nét điển hình đượm tính chất hài hước. Quả thực bác phải thông minh

lắm mới có được những nhận xét tinh tế như vậy. Câu chuyện của bác hấp dẫn đến nỗi mỗi khi thấy bác đến chơi là Tân quanh quần ở nhà. Nhiều câu chuyện vui bác nói với thầy, Tân không hiểu nghĩa nhưng thấy cả hai người cất tiếng cười khoái trá thì Tân cũng vui lây. Tân thích tiếng cười của bác Tử, tiếng cười sang sảng, ranh rách, lạnh lạnh đượm chút kiêu kỳ của người hiểu đời, vẫn thích sống giữa đám nhân gian nhưng vẫn khinh thế ngạo vật. Hằng năm cứ vào gần Tết mẹ lại mua một chục tờ giấy đỏ khổ rộng có đóm trắng kim, thầy mời bác Tử đến viết lại hoành phi câu đối thay những cái cũ. Bức hoành phi khung gỗ treo ở chính gian giữa có ba chữ « ĐỨC LƯU QUANG » nét chữ đại tự rắn rỏi nhưng cũng cao và hơi gầy như bác Tử. Đôi câu đối dán hai bên cột tre (dạo đó nhà Tân còn là nhà lá) nét chữ bay bướm hơn :

Phúc sinh phú quý bình an thịnh

Lộc tiến vinh hoa sự nghiệp hưng.

Mùa xuân năm Kỷ Ty (1929, Tân lên bảy) thầy mẹ khởi công xây nhà gạch. Năm trước - năm Mậu Thìn - mẹ đã cho xây bệ và lát sân, cả làng ai cũng khen mẹ buôn bán đảm. Ba chữ triện lớn « KỶ TỶ XUÂN » đắp bằng xi măng ở phía trước tường hoa trán mái cũng là do bác Tử viết rồi căn lên giấy dầu làm mẫu cho thợ nề đắp.

Vật đổi sao dời bác Tử nghiệm, rồi nghèo xơ xác, rồi ôi, thực chẳng ai ngờ, bác đi ăn trộm. Bác không dám đến chơi với thầy nữa, thỉnh thoảng Tân gặp bác ngoài đường, bác gầy quá, râu ria xồm xoàm, quần áo mỏng tanh rách mướp, dáng đi tội tã, hèn mọn, đầu hơi cúi xuống để không nhìn ai và để mặc ai nhìn mình. Theo dư luận người làng thì sở dĩ bác « xuống » thế vì cụ thân sinh ra bác ngày xưa là một nhà nho bất đắc chí xoay ra gá bạc làm bao nhiêu người làng thất cơ lỡ vận. Vì sự tích ông bố « chứa thổ đồ hồ » như vậy nên nay bác chịu nghiệp báo « đời cha ăn mặn đời con khát nước.» Về sau này khi Tân đã lớn, các con bác Tử cũng đều trưởng thành và làm ăn khá giả để phụng dưỡng bác tử tế. Đã có đạo bác cai được thuốc phiện và người làng lại được dịp nghe giọng nói hài hước của bác chế người này riếu người nọ, nhưng thực tình giọng nói cũng như tiếng cười của bác không còn được sang sảng như xưa : Tuổi trẻ đã mất, sự hồn nhiên đã mất, bác còn đeo nặng những lỗi lầm của dĩ vãng ! Cai được mấy năm rồi bác hút trở lại, bác mở một bàn đèn để thường xuyên tiếp các khách hút tài tử người làng hoặc người hàng tổng, bác tiêm hầu lấy sái. Câu chuyện quanh bàn đèn của bác nghe đâu dí dỏm lắm và luôn luôn rộn tiếng cười nhưng ở đây là cả một thế giới khác, Tân chưa hề đặt chân tới để chứng kiến bao giờ.

Sau cùng là bác Thạc bác hiền nhất trong ba người. Bác có cửa hàng bán kẹo, bác rất yêu Tân và ngày bé Tân được bác « đắp » cho - lời mẹ - biết bao là kẹo bánh. Trong những cuộc họp mặt đông đủ cả bốn người (thầy và ba bác) câu chuyện của bác Thạc chắc chắn có gì là đặc sắc cho nên tới nay khi nhớ đến bác, Tân không hề giữ được lời nào. Cùng một tai hoạ làm bác phá sản : nghiện ! Vốn hiền lành nên vẻ tang thương của bác khi đã mắc nghiện trông càng hèn mọn. Tân còn nhớ một ngày đầu năm kia, bác mặc chiếc áo the thâm màu nước dưa đã sờn vai và rách khuỷu, bác đội chiếc khăn xếp chữ nhân bạc phách cũ nát, bác lễ trước bàn thờ nhà Tân và khi ra về mẹ biếu bác một hộp (hai chiếc) bánh chưng. Tân buồn mãi vì thương bác. Về sau bác thành một người nhớ hết những ngày giỗ của người làng bất kỳ thân sơ; ngày đó bác mang vàng hương lại lễ rồi điềm nhiên ngồi đợi gia chủ mời vào mâm ăn. Bác còn sống mãi, bệ rạc, lay lắt như vậy cho đến năm đói - 1945 - thì chết.

Mỗi độ xuân về, gia đình Tân vẫn được vui xuân bằng « bánh chưng xanh thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ » thì ba bác đã lần lượt rơi vào cảnh tàn tạ nào tù đày nào nghiện ngập, Tân còn nhớ mang máng cảnh mẹ ngày đó lo sốt vó khi hay tin đến lượt bác Thạc nghiện, vì mẹ sợ thầy rồi cũng đến đưa anh đưa em mà rơi vào cảnh truy lạc nốt.

16 | Doãn Quốc Sỹ

Vụ án cụ Phan Bội Châu với những lời nói đanh thép nồng

nàn tinh thần ái quốc của cụ trước toà án có để lại tiếng vang trong trí óc non nớt của Tân. Mãi tới sau này cụ đã mất ở Huế rồi, Tân còn được nghe lời nói thiết tha của một bậc vào hàng cha chú : « Bình sinh tôi chỉ ao ước thực hiện được hai điều, một là vào Huế yết kiến cụ Phan, hai là uống rượu đàm đạo thi ca với Tản Đà. » Trong khoảng thời gian này tiếng hát véo von tại làng thường là những câu ngâm ái quốc tỹ như bài « Tiễn Chân Anh Khoá » của Á Nam Trần Tuấn Khải :

*Anh Khoá ơi, em tiễn chân anh ra tận bến tàu,
Hai tay em đỡ cái khăn giầu em lấy đưa anh;
Tay cầm giầu giọt lệ chạy quanh,
Anh xoi một miếng cho bõ chút tình em nhớ thương.
Anh Khoá ơi, cái bước công danh ngoắt ngoéo đủ
trăm đường.*

*Anh đi một bước, tấm gan vàng em sẽ làm đôi;
Kìa người ta bè bạn vui cười,
Anh em ta thương nhớ, chỉ ngâm ngùi mà đứng trông
nhau.*

*Anh Khoá ơi, còi tu tu tàu sắp kéo cầu.
Đường trần em sắp sửa gánh sầu từ đây.
Trông anh, em chẳng nở dời tay,
Nỗi riêng em dặn câu này, anh chớ có quên.*

*Anh Khoá ơi, kìa người ta lắ**m** bạc nhiều tiền,
Anh em ta phậ**n** kém d**u**yen hèn mới phải long đong.
Một mình anh nay Bắc mai Đông,
Lấy ai trò chuyện cho khuây lòng lúc sớm khuya*

...

Hoặc một vài câu trong bài « Hải ngoại huyết thư » của Phan Bội Châu :

*Ngày mong mới v**í**a con ấ**m** tử
Tối vui chơi má**y** đ**ư**a h**à**u non.
Trang hoàng gác t**í**a l**ầ**u son :
Đã hao m**ạ**ch nước lại mòn x**ư**ơng d**â**n.*

Thời Tân còn nhỏ không bao giờ mẹ ôm Tân ru ngủ vì Tân có tật hể cứ nghe tiếng ru là khóc thốn thức. Tân thấy tiếng hát ru đó ảo não quá ! Thường thường đích thân thầy phải ôm Tân rồi vừa đưa võng vừa đập vào cột dọa đánh « con mèo này, con chuột này, » ấy thế thì Tân ngủ. Khi Tân đã thiu thiu thầy mới ngâm thơ (chứ không hát ru). Bài thầy vẫn ngâm mãi sau này Tân mới hay đó là một bài thơ ái quốc tiêu cực của Trần Tế Xương, bài « Nhớ bạn » :

*Ta nhớ người xa cách núi sông
Người xa xa có nhớ ta không ?
Sao đương vui vẻ ra buồn bã
Vừa mới quen nhau đã lạ lòng.
Lúc nhớ nhớ cùng trong mộng tưởng
Khi riêng, riêng cả đến tình chung.
Tương tư lọ phải là mưa gió
Một ngọn đèn xanh trống điểm thùng.*

Sự hoạt động của liệt sĩ Nguyễn Thái Học và việc ông cùng mười hai đồng chí lên đoạn đầu đài Yên Bái có để lại một tiếng vang hoang đường. Ngày đó Tân, cậu bé lên tám, có nghe xì xào dư luận giữa đám người lớn : Nguyễn Thái Học có phép tàng hình nên Tây không bắt được; rõ ràng một lần mật thám Tây đã cầm được tay ông nhốt vào ngục, rồi hôm sau vào kiểm soát thì chỉ còn thấy giầy xích không; lại có tin đồn một lần Nguyễn Thái Học bị bắt, ông nói mấy lời cho tên cai ngục nghe, tên này ứa nước mắt khóc rồi ông tàng hình mất. Vẫn dư luận trên kết luận : « Cho nên nhất định Nguyễn Thái Học chưa chết, việc Tây xử trăm mười ba liệt sĩ tuy có nhưng nhất định sau đó Nguyễn Thái Học tái sinh. »

II

Sau vụ mười ba liệt sĩ lên đoạn đầu đài (1930) « Sinh hoạt văn nghệ » của làng nghèo nản lắm, tiếng ngâm sa mạc những bài ca ái quốc không còn. Chỉ còn tiếng đàn bầu ngày một nảo nuột của chú Phan, tiếng nhị réo rắt của bác Phấn và đặc biệt tiếng sáo vô cùng thê lương của cậu Vinh cùng tiếng hồ chao ôi là âm thầm của anh Pháo, đến nỗi người làng đã phải nức nở khen bằng câu thành ngữ : « Hồ Pháo, sáo Vinh. » Về văn chương chỉ còn những câu đối vặt, những bài văn tế sáo, những bài về chế riếu nông cạn. Cụ Tĩnh cùng xóm có tậu một khoảng vườn hoang. Cụ tậu khoảng vườn này để dành phần cho đứa con thứ hai. Đối diện với nhà cụ chỉ cách có con đường xóm, sát với thửa vườn đó là nhà Hương Chi, một người trạc ngoại tứ tuần, ương gàn và tham lam. Mỗi lần rào lại nhà, Hương Chi lại lấn sang vườn cụ Tĩnh một ít. Cụ Tĩnh bèn viết hai vế câu đối chữ nôm lên tường đối diện với cửa ngõ nhà Hương Chi để bày tỏ quan niệm triết lý nhân sinh của cụ đối với việc Hương Chi lấn đất.

*Đất hơi trời ơi sống tham đất
Trời soi đất xét chết giả trời.*

Mỗi khi làng có ông già bà cả năm xuống, người nhà thường đến xin bài văn tế tại nhà cụ huyện Từ - cụ đậu cử nhân rồi được bổ nhậm ngay tại huyện nhà - Từ Sơn.

Tại chức chưa đầy một năm thì cụ cố mất, cụ treo ấn từ quan về quê thọ tang và từ đấy thôi không ra làm quan nữa. Cụ có ba phòng : Cụ bà Cả hiền lành sinh được mấy cậu ấm cô chiêu cũng hiền lành. Cụ bà Hai đẹp đài các, biết làm thơ, cháu một vị Tam Nguyên, làng vẫn mệnh danh là « bà huyện Thanh Quan », sinh hạ được một trai một gái đều đẹp và thông minh. Bà Ba trẻ hơn cả, dáng cao lớn, không đẹp nhưng chắc chắn hồi trẻ phải gọi tình lắm; mồm mép béo lẻo người làng gọi đùa là « bà lắm chuyện, » bà nổi tiếng khéo chiều chồng, một điều bảm quan lớn, hai điều bảm quan lớn. Bác Tử cười ranh rách nói diều : « Thấy quan lớn tiểu tiện chắc bà vội vã chạy lại xin nâng bàn thắm cho khỏi rớt !» Một hôm khác có đông đủ thầy và ba bác, nhân thoáng thấy bóng bà qua ngõ, bác Ký nói : « Kìa Bà lắm chuyện vừa đi qua !» bác Tử ứng khẩu đọc bốn câu vè :

Chuyện ông huyện để g... ra,

Bà huyện tưởng quả cà vác bát lại xin.

Ông huyện vừa quát vừa rên :

Rằng đây cái g... của min đó mà.

Bác Thạc cười gập người lại, mặt đỏ như mào gà. Bác hiền lành ít nói nhưng khi thích chí thì cười thực tình.

Người làng vẫn đến xin bài văn quan huyện Từ vì cụ là người trung hậu, bài văn chỉ ca ngợi công đức cha mẹ và bày tỏ lòng hiếu của con mong được đền ơn sinh

thành (như chính cụ đã treo gương) chứ không hề dùng văn chương để móc máy gia chủ như máy ông đồ bất đắc chí. Tân có ông cậu rất ham đi ả đào Khâm Thiên hay Ngã Tư Sở. Ông ngoại Tân mất đúng vào ngày ba mươi Tết, phải quản quan ván đợi đến mùng sáu Tết mới phát tang và làm ma linh đình. Ông cậu Tân có nhờ ông đồ Ba (gọi vậy vì ông đồ tam trường) làm cho một đôi câu đối khóc cha. Vế đầu ông viết đại ý : hơn một ngày không ở kém một ngày không đi nên cha mất vào ngày tất niên; vế thứ hai ông hạ rất thâm thúy, Tân còn nhớ nguyên vẹn vế đó :

Xót xa lòng hiếu tử, đêm xuân trần trọc trông năm canh.

Vừa có nghĩa tả lòng xót xa thương cha của người con hiếu, vừa có nghĩa là « người con hiếu » đó đã trần trọc không ngủ được, sốt ruột vì tiếng trống (trống cô đầu) rộn rã suốt đêm xuân.

Đáo để nhất trong số các nhà nho bất đắc chí phải kể đến ông tú Mền (ông đồ ba lần tú tài), không ai dám đến xin ông câu đối hay hoành phi. Ông hay chữ và nguy hiểm đến có thể xếp cùng hạng với các bậc bất hủ Trạng Quỳnh, Tú Xuất ngày xưa; tử như chỉ cần cho hai chữ hoành phi « Đại Lại » là đủ đánh gia chủ một đòn chí tử về tinh thần; rõ ràng hai chữ hoành phi đó là ca ngợi họ Lại lớn nhưng lại ngầm móc ông tổ ba đời nhà

họ Lại làm nghề lái lợn (Đại Lại = Lớn Lại = Lái Lợn). Người hiền nhất trong số các nhà nho làng Lại Vũ là ông Đồ Thinh, ông chỉ thích kinh Dịch và xem tử vi, ông hiếm hoi có một cậu con trai tên là Chuỷ mà số tử vi lại không được tốt lắm cho nên ông hơi buồn. Chúng ta sẽ có dịp gặp lại ông đồ Thinh và Chuỷ sau này.

Ấy đại loại không khí văn nghệ làng Lại Vũ từ sau vụ mười ba liệt sĩ lên máy chếp ở Yên Bái để đền nợ nước là như vậy : « Tiếng sáo véo von, tiếng nhị réo rắt, tiếng hồ tiếng đàn bầu buồn thảm, câu đối, thơ, vè nói móc nhau... »

III

Đề bề mặc cho một thời thơ ấu tưởng phải kể thêm một kỷ niệm sau này của Tân. Ngày đó vào trung tuần tháng ba năm Tân Mùi - 1931 - Tân bước sang tuổi lên chín, chùa làng đức chuông xong mở hội khánh thành. Khách thập phương về đông như kiến cỏ vì câu nói cửa miệng thời đó : « Thành Hoàng đình Tông, Đức Ông chùa Lại. » (Thành Hoàng đình làng Tông Chỉ và đức ông chùa làng Lại Vũ có tiếng là thiêng.) Nhân dịp hội chùa này mẹ có mở một ngôi hàng giải khát ở ngay gian giữa tam quan chùa, ngày đầu mẹ cho Tân uống một thứ nước trong vắt khi mở ra rót vào ly có sỏi bọt, uống vào thấy tê tê đầu lưỡi, mẹ gọi là nước chanh. Buổi tối có hát tuồng, dân làng dựng rạp giữa bãi cỏ phía bên tam quan. Ông lý trưởng làng Lại Vũ là một tay sành tuồng, đánh trống châu hay, đích thân đi tới làng Phùng cách làng nhà chừng hai mươi cây số đón bằng đờc phường Phùng về. Trùm phường Phùng là kếp Chí có tài đặc biệt đóng Quan Công. Tân nghe nói mỗi lần đóng Quan Công, y phải xin âm dương trước. Rồi suốt buổi tuồng, trong buồng trò, trên bàn thờ mới thiết lập có treo tranh Quan Công, phải hương nến thường xuyên. Để anh linh đức Thánh Quan khỏi nổi giận, trùm Chí phải hoá trang khác đi chút ít với khuôn mặt của Ngài xưa bằng cách kẻ thêm mấy đường đen trên khoảng mặt đã bôi son đỏ.

Tối hôm đó Tân được xem tích Hoa Dung tiểu lộ. Danh bất hư truyền ! Kép Chí người cao lớn, giọng vàng sang sảng đóng vai Quan Công thật tuyệt. Trước khi Quan Công ra, tất cả khán giả có tới hàng trăm người ngồi hoặc đứng im phăng phắc nghe thấy tiếng tim hồi hộp của mình cùng tiếng muỗi vo ve trên ngọn cỏ gần đây. Thoạt là một hồi trống chiêng rã rệ rồi đổ dồn. Rồi màn trò hé lên vừa đủ cho Quan Công ra, mặt đỏ râu dài, trước trán giản dị là một vòng đai lấp lánh để giữ lấy vuông khăn xanh trùm đầu và tỏa xuống che kín khoảng lưng vai. Mỗi bước khoan thai đỉnh đặc của Quan Công là một tiếng trống kèm theo tiếng chiêng điểm nhịp tưởng chừng trái đất rung chuyển dưới bước chân cương nghị của Ngài. Không khí uy nghi như thiên đình, đai mũ và áo bào của Ngài như sao sa lấp lánh, rục rờ cùng với tiếng chiêng trống huy hoàng. Sự yên lặng uy nghiêm của Ngài đè nặng lên cảm giác của khán giả. Tiếng chiêng trống vừa dứt tiếng Ngài thét, giọng vàng sang sảng ngân dài. Tiếng thét dứt, Ngài hát chòm râu về phía sau đôi mắt long lanh một niềm uy vũ bất khuất...

Rồi Ngài bắt sống được Tào Tháo ở đường hẻm Hoa Dung. Trông thằng Tào Tháo quỳ mọp dưới chân Ngài đến là hèn, nó kể lễ công nó thù phụng Ngài thừa thất thủ Hạ Bì trước đây, ba ngày yếm nhỏ năm ngày yếm lớn, biểu Ngài ngựa xích thố, lại may túi gấm đựng râu

Ngài...

Rồi Ngài nhân từ tha Tào Tháo...

Rồi Ngài bị Gia Cát Lượng đòi chiếu theo quân pháp chém đầu.

Rồi Trương Phi kể lễ cùng đại ca Lưu Huyền Đức công nằm gai nếm mật của Ngài trải gian nguy từ thuở đào viên kết nghĩa...

Rồi Ngài được tha...

Tân sung sướng thở phào khoan khoái tưởng chừng chính Tân vừa thoát tử hình. Một tình cảm kính mến uy nghi tràn lên dâng ngập hồn thơ ấu của Tân.

Tấn tuồng trang nghiêm hết, sang phần chèo cổ hý lộng để kết thúc đêm vui. Đó là một tấn chèo riều anh nhà quê ngớ ngẩn bị vợ lừa dối, rồi cả hai đem nhau đến cửa quan. Ông quan liêm chính này cho đào hố gần gốc cây mai cổ thụ, một người lặn xuống đó, ông qua vờ tra tấn gốc cây khiến cây thốt lên lời tố cáo người vợ...

Anh chồng thật là một tên hề đại tài. Anh có hai râu mép quặp xuống (vẽ bằng mực). Anh quần khăn đầu riu, áo cài lẩn khuyết, quần ống thấp ống cao, anh cất lời nói là khán giả cười rộ, khi anh bị vợ lừa dối cất tiếng than, khán giả tuy thương mà vẫn không nín được

cười.

Tan chèo, trên đường về Thầy nói với Mẹ :

- Thăng cha trùm Chí đóng giỏi thật, vai nào cũng tuyệt.

- Vai anh chồng ai đóng đây hở Thầy ? - Tân hỏi.

- Trùm Chí chứ còn ai ! - Thầy đáp.

Ừa trùm Chí - Tân nghĩ - Trùm Chí vừa đóng vai Quan Công mặt đỏ râu dài uy nghi chính khí ? ! Không có lẽ, không thể được, làm sao có thể thế được ? ! Một người vừa mới một giờ trước đây cất từng bước đĩnh đạc có tiếng chiêng tiếng trống điểm nhịp làm lóng lánh những trân châu trên đai mũ trên áo bào, tiếng thét uy vũ làm run sợ Tào A Man, thanh long đao múa lên làm địch quân chạy rạt, kể cả khi Ngải đứng yên giữ thế vuốt râu địch quân cũng không dám lại gần, cũng người đó làm sao có thể chỉ một giờ sau thành anh hề râu quặp đen như nhọ nồi run cầm cập dưới sự xia xói của cô vợ đánh ác, nhớn nhác khi đến cửa công. Không thể được ! Làm sao có thể thế được ! Tân thao thức, Tân băn khoăn, Tân chợp ngủ nhưng lòng vẫn chối nhận việc trùm Chí vừa đóng vai Quan Công uy nghi ở tuồng trước lại đóng vai anh chồng ngớ ngẩn ở vở chèo sau. Không thể được ! Làm sao có thể thế được ! Trí non nớt

của Tân ngày đó cho rằng khi đóng tuồng, nhân cách của người đóng với nhân cách vai tuồng phải vĩnh viễn là một. Đã đóng Quan Công thì cũng phải có đức tính trung nghĩa như Quan Công và không thể ngay sau đó đóng vai anh hề sợ vợ được.

Sau này vào năm thi bằng cơ thủy - năm mười bốn tuổi - Tân được đọc một chuyện cổ tích Ba Tư ở sách «Tứ Dân Văn Uyển». Chuyện đọc đã lâu ngày, đại ý Tân chỉ còn nhớ loáng thoáng :

« Có một cô vợ rất đẹp kia lừa chồng, nàng có tình nhân. Một hôm nàng ra chợ, từ vua quan đến thường dân ai cũng muốn bắt nhân tình với nàng. Nàng vờ ưng thuận hẹn ngày giờ gặp mặt, ở ngay nhà nàng. Qua cửa hàng thợ mộc anh này cũng muốn bắt nhân tình với nàng nốt. Nàng bèn nhờ y đóng cho một cái tủ có năm ngăn lớn rồi cùng hẹn y ngày giờ đến nhà nàng. (Tất cả có năm người muốn hưởng thụ nàng, kể cả anh phó mộc.) Chiếc tủ lớn được đóng xong kịp thời kê vào góc phòng, những kẻ thèm khát ái tình kia lần lượt đến đứng với ngày giờ đã định, nhưng rồi họ chưa kịp hưởng thụ gì đã kẻ trước người sau phải lần lượt ẩn mình vào một ngăn kéo lớn vì cứ mỗi lần nghe tiếng gõ cửa, người vợ lại làm bộ cuống quýt là chồng về. Sau khi năm người tình bất đắc chí đã nằm im thin thít trong năm ngăn kéo của chiếc tủ khổng lồ thì tình nhân nàng đến, đôi uyên

ương đó chấp cánh tung trời bay đi xa... Ở lại trong tú thoạt người trên cùng đái lên đầu quan đại thần, quan đại thần đái lên đầu anh thợ mộc, anh thợ mộc đái lên đầu vua, vân...vân... Tóm lại trong số năm người thì bốn người đái lên đầu nhau. Rồi anh chồng về, mở khoá ngăn kéo cho năm người ra...

Khi ai nấy đã rõ chuyện thấp mưu thua trí đàn bà - lời tác giả Ba Tư kết luận câu chuyện cổ tích - nhà vua bèn an ủi anh chồng mất vợ bằng cách ban cho bổng lộc và quan tước để anh cùng nhà vua và quan đại thần chung lưng sát cánh trị dân mặc dầu các ông trị vợ mình cũng không nổi. »

Đọc xong câu chuyện cổ tích Ba Tư này Tân bỗng liên tưởng đến trùm Chí trong vở chèo sợ vợ. Tội nghiệp, cho mãi đến sau này đã chứng kiến bao cảnh phé hung với những vai hề chánh trị mà mỗi khi nhớ lại tấn tuồng Hoa Dung Tiểu Lộ, trong cõi sâu tâm tưởng Tân vẫn muốn phủ nhận vai hề kia và cứ muốn định ninh rằng đêm đó trùm Chí chỉ đóng có vai Quan Công.

CHƯƠNG HAI

CÁCH NHAU NGÀN VẠN DẬM

I

Tân học hết lớp ba tại trường làng, theo lên trường huyện học tiếp lớp nhì lớp nhất rồi dòi quê xuôi Hà Nội học đến nửa năm thứ hai ban thành chung thì thầy ốm nặng; mẹ bỏ buôn bỏ bán thuốc thang cho thầy ngót nửa năm ròng xiềng liềng gia tài mà thầy cũng không qua khỏi. Khi thầy đã nằm xuống, chị Khanh - chị Tân hai mươi một tuổi, về nhà chồng đã được hơn một năm, bị sẩy thai rồi cũng mất. Rõ thực phúc bất trùng lai hoạ vô đơn chí ! Tân phải bỏ học vì việc buôn bán của mẹ theo vận áo xám gặp nhiều thua lỗ và gia đình bắt đầu mang công mắc nợ. Năm đó - 1939 - Tân mười bảy tuổi cuộc đại chiến thứ hai cũng vừa bùng nổ.

Thôi học về quê vào đúng mùa nước lên, Tân họp với một số thiếu niên cùng làng cùng lứa tuổi ngày ngày mang vó ra sông đánh cá, chiều chiều mang đó ra đồng chọn luồng nước mà đặt đó đơm cá, hôm sau dậy thật sớm ra nhấc đó lên, bên trong đã đầy cá rô, trê, trạch, nhiều khi cả lươn nữa. Đoàn thiếu niên khi đi đặt đó như vậy thường cao giọng hát bài đồng dao :

*Giời mưa giời gió
Vác đó đi đơm
Về nhà ăn cơm
Trở ra mất đó.*

Được cái đó của bọn nào đặt đâu vẫn nguyên đây chưa lần nào gặp chuyện sớm hôm sau ra mất đó.

Trong đám thiếu niên cùng làng có Hoạt đồng niên với Tân. Hoạt có vóc người lực lưỡng, mớ tóc dày, lông mày rậm, khuôn mặt vuông, nước da bánh mật. Hoạt cộng tác với Tân thành một cặp trong việc đánh cá. Sức lực hung hãn của Hoạt hợp với trí thông minh của Tân đã giúp cho cả hai bao giờ cũng thắng cuộc ganh đua với những cặp trẻ khác.

Thoạt việc Tân về làng chỉ có nghĩa giản dị là vì nhà sa sút không đủ tiền cho Tân được ở lại Hà Nội theo học nữa và việc mấy hôm đầu Tân cùng các bạn cùng lứa tuổi đi đánh cá cũng chỉ có tính cách tài tử như một cậu học trò nhân vụ hè về làng, rồi vì ưa hoạt động mà nhào vào nếp sống của người làng để vừa giải trí vừa hoà đồng. Nhưng một tuần qua đi số cá kiếm được khá nhiều, ăn thừa thãi còn đem bán, làm mẹ đâm suy nghĩ. Nửa tháng sau Tân thấy mình cùng Hoạt là hai đứa trẻ sinh sống về nghề đánh cá. Việc buôn bán của mẹ càng ngày càng sa vào thế bí, nhất là ngày chị Khanh bị sẩy rồi mất theo thầy. Cứ quan sát vẻ nhìn của mẹ thì biết

người áy náy biết chừng nào. Mấy lần mẹ có ý bảo Tân ngừng đừng đi đánh cá nữa nhưng không được, Tân đã quá thân với Hoạt.

Hai tháng qua, mùa nước hết. Làng bắt đầu làm vụ chiêm, tình thân của tuổi trẻ càng thắm thiết giữa Tân và Hoạt. Hình như Hoạt có lây của Tân được thêm chút thông minh tài tháo vát. Nhưng đôi bạn không còn được xum họp. Nhà Tân mới sa sút, nghèo mà còn ở nhà ngói, trái lại Hoạt vốn sinh ra đã là con nhà nghèo việc học không qua cấp sơ học. Mùa nước hết, trong khi dân làng sửa soạn vụ chiêm, Hoạt theo một người bà con xuôi Hà Nội kiếm được chân « ét » tài xế trên con đường Hà Nội Nam Định. Hoạt đi, Tân ở lại hợp tác với ông chú họ là một tay đánh cá chuyên nghiệp mà dân làng Lại Vũ vẫn quen gọi là ông Tây. Ông quả là... ông Tây thực, người cao, da đỏ hồng, mũi lõ, hai tròng mắt xanh, giọng nói ồ ề ngô nghê. Bà cụ thân sinh ra ông nữ danh là Diệt đứng với câu « thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân. » Năm Giáp Thân (1884) quân Pháp từ sông Hồng vào sông Đuống rồi nhập với cánh quân thứ hai của chúng vừa đổ bộ lên Phủ Lại cùng tiến đánh Bắc Ninh, quân Cờ Đen phải rút lên mạn Thái Nguyên; đứng vào cái năm ấy cô Diệt vừa mười sáu xuân xanh và đứng vào ngày giặc cờ đen rút lên Thái Nguyên thì cô bị một tên tướng Tàu hiếp trên cánh đồng làng. Bốn năm sau cô đành phải lấy lẽ thứ tư ông Đề Bách; cô vừa

hai mươi tuổi, xinh tươi mơn mớn, ông Đề thì đã trên năm mươi lại mấy lần mắc bệnh phong tình không thể có con được nữa. Năm cô Diệt ba mươi tuổi, vào một buổi trưa cô đi chợ về gặp một đội binh Pháp tập trận giả tại đồng làng, một tên lần theo bờ gò đón chặn và hiếp cô trong bụi. Cô về có mang và sinh ra cậu con trai đầu lòng tóc đỏ mắt xanh; ông Đề không nhận, đuổi cả hai mẹ con về bên ngoại, nhưng ông cũng làm ngơ cho đứa trẻ được mang họ ông, họ Vũ. Khi ông Đề mất đi, các anh em thúc bá thương tình bà Tư - cô Diệt - lại gọi về gia nhập với đại gia đình họ Vũ, lúc đó gia thế ông Đề cũng đã sa sút đi nhiều lắm rồi. Khi Tây - không hiểu ai đã đặt tên này - tới tuổi trưởng thành thì gia cơ điền sản của ông Đề cũng khánh tận. Mẹ vừa khuất núi, Tây bứt ra ở một cái lều chính tự tay Tây dựng lên ngoài bãi ven làng và sinh sống bằng nghề đánh cá từ đây. Ông con cả cụ Đề Bách vào ngày đó bị mật thám Tây bắt tình nghi giải tới hoả lò Hà Nội, một tên tây lai đã hỏi cung và tra tấn ông.

Khi được tha về, ông nhìn Tây sống nghèo hèn và hiền lành mà cảm mến. Ông nghĩ chỉ cần thăng lính tây xưa biết và nhận con, là Tây lập tức có một nếp sống, một địa vị của con dân mẫu quốc và biết đâu Tây chẳng vào làm trong mật thám, gia nhập đoàn nhân viên hỏi cung hách dịch và tra tấn tàn ác ? May thay - ông nghĩ thế - Tây đã sống nghèo hèn nhưng hiền lành theo nếp

sống Việt trong luỹ tre xanh.

Sau này chính ông đã đứng ra giạm hỏi và cưới xin cho Tây một cô gái nghèo trong làng, ý ông muốn hoàn toàn đồng hoá dòng máu lai trong người Tây. Hình như việc có thêm người đàn bà vào sống trong lều cũng không là một biến cố quan trọng cho lắm đối với Tây, nếp sống của Tây vẫn phẳng lặng với nghề đánh cá thức khuya dậy sớm, ngày đánh cá, tối câu đêm. Giọng nói của Tây suốt đời đành là cứ ồ ề, ngô nghê như vậy, tính tình cực kỳ hiền lành. Mãi đến năm năm sau Tây mới có đứa con trai đầu lòng đặt tên là thằng Phiệt mắt đen, tóc đen, mũi dọc dừa, nước da bánh mật - nước da của mẹ - Phiệt đã hoàn toàn hoà lẫn với giọng giống Việt. Ông con trưởng cụ Đề Bách hẳn bằng lòng lắm ! Vợ Tây ốm nặng, về với mẹ rồi chết. Tây ở vậy « gà sống nuôi con », không tục huyền. Theo vai về trong họ, Tây vào bậc chú Tân. Năm Tân bỏ học về làng đánh cá với Hoạt rồi hợp tác với chú Tây thì thằng Phiệt đã lên sáu. Phiệt có theo học A, B, C ở trường làng, nhưng tan học là ba chân bốn cẳng nó chạy về quãng sách ở giường rồi đi tìm bố ở ngoài đồng ngay. Nó ưa leo đèo theo sau bố để xách giỏ, xách mồi hoặc một vài đồ nghề khác. Khi Tân hợp tác với chú Tây, Tân mến Phiệt ngay. Phiệt ra chiều cũng nặng cảm tình với Tân mà nó gọi là « anh Tân » với tất cả vẻ thành kính vừa đơn giản vừa thơ ngây của nó. (Tân thật có ngờ đâu rồi đây, còn lâu... lâu

lắm, Tân sẽ có dịp sát cánh với Phiệt trên con đường vào sinh ra tử.) Chính vào dịp hợp tác này, Tân mới được ông chú thủ thi truyền cho hết bí quyết đánh cá. Giọng ồ ề đơn giản và hiền lành của ông dẫn Tân vào thế giới của cá như bà dẫn cháu vào thế giới cổ tích. Mùa cá đẻ vào tháng tư; ruộng lúa khi đó chưa gặt hoặc đã gặt rồi chỉ còn chân rạ; đặc tính cá đẻ rất dạn người, chúng cắn đuôi nhau đi hàng đàn từ sông vào ruộng. Thôi thì đủ các loại cá : cá nheo, cá ngạnh, cá diếc, cá trạch (có những con lớn bằng cổ tay), cá chép (có con dài tới bảy mươi phân, bề ngang một gang tay người lớn). Tháng tư vào những ngày mưa, nước sông lên, cá theo con nước cắn đuôi nhau vào ruộng đẻ, khi nước rút chúng lại trở ra sông, đó là lúc gần trọn đàn chúng đã vào rước - một thứ bầy cá - của chú Tây. Bao giờ - theo lời chú - chúng cũng thoát đi được một số; có khi không may cho chú đúng vào lúc chúng rút ra sông, trời tiếp một cơn mưa lớn khiến chúng thoát trọn đàn. Chú Tây cho đó là trời muốn vậy, vì có thể mới năm này sang năm khác còn cá cho chú đánh. Vào những ngày không mưa chú đánh cá bằng rập, một thứ vó vuông và khá lớn có thể úp được trọn đàn sộp. Chú kể cá sộp tinh lắm, chú từng nằm trên bờ rập hàng giờ (có phủ lá để ngụy trang cho cá không thấy) theo dõi đàn sộp nhờn như sát bờ rập mà không chịu vào, đôi khi con đầu đàn quay mình lại cho một phần đuôi tiến vào trước như để dò xét địch tình rồi lại

vùng ra lạch nhớn như tựa hồ để trêu tức chơi. Cứ như vậy cho đến một phút nào đó, nó chọt lao mình như một đường tên vút từ lạch vào khoảng nước rộng và sâu ngay dưới tầm rập; cả đàn sộp cũng vội ùa theo như sợ mất chủ, rập ụp xuống như máy, một vài con may thoát ra ngoài nhảy tòn trên mặt nước, quấy tất ra phía sông, những con bị úp dưới rập vùng vẫy một cách tuyệt vọng đục ngầu cả khoảng nước. Có những mẻ sộp lớn làm rách rập, buổi tối hôm đó chú Tây phải ngồi vá lại dưới ánh đèn dầu lạch trong lều, hoặc dưới ánh trăng. Cá chuối tuy dễ mà khó vì phải hiểu tâm lý cá. Cá chuối rất thương con, nó thường dắt đàn con đi vào chỗ ngồi nông loi thoi ngọn cỏ, nước cửa trong nửa đục để kiếm ăn. Đàn chuối con khi đó chỉ lớn như những con đòng đòng, tung tăng bơi lội, mổ vào những ngọn cỏ, đớp những bọt nước hoặc tròng gheo nhau. Chuối mẹ lặn dưới đáy ngồi đầu đó, canh chừng đàn con. Chú Tây chỉ cho Tân cách quan sát biết chắc chuối mẹ ở đâu. Ngọn cỏ là là mặt nước kia không có gió mà khe khẽ lung lay, chính là chuối mẹ lờn vờn bên dưới đó. « Cá chuối chết đuối vì con, » bây giờ chỉ việc bắt một con sin sít sống, mắc lưỡi câu vào ngang thân, đợi lúc đàn con bơi gần chỗ mẹ, thả lưỡi câu xuống cho con sin sít quấy mạnh, lập tức sộp mẹ ghen con, vùng lên đớp con mồi và mắc lưỡi.

Hằng năm vào tháng tám nước sông cạn, dân đánh cá chuyên nghiệp của làng Lại Vũ thường hẹn nhau tập hợp ở quãng sông nông nhất rồi dăng dãi thành hàng ngang, tay mỗi người cầm một chiếc nôm, có khi nôm úp được con cá cực lớn, cần người phụ lực lặn xuống. Bất loại cá này hai tay giữ chặt chưa đủ, bí quyết là phải lập tức bóp mắt nó, như vậy nó mới hết quấy để hòng thoát thân. Nghệ thuật lặn xuống để bắt cá lớn này, làng Lại Vũ chưa ai qua mặt được chú Tây. Tiếng kêu hốt hoảng giữa dòng sông thường bao giờ cũng là « Bác Tây ơi, giúp tôi một tay đây !» Nếu con cá lớn đó để ở nhà ăn thì mặc nhiên khúc giữa bao giờ cũng dành biểu « bác Tây », tục lệ của dân chài lưới làng Lại Vũ là như vậy. Trong những câu hát của dân chài thuở đó có một câu Tân còn nhớ mãi về sau này :

*Người ta câu biển câu sông
Tôi đây câu lầy con ông cháu bà.*

Mộng san bằng giai cấp của họ cũng chỉ thể hiện trong lời hát bông đùa thế thôi, thực tình họ có đời sống riêng mà họ ưa thích còn hơn cả việc câu được « con ông cháu bà ».

Hợp tác với chú Tây được ngót một tháng, bảy giờ vào cuối tháng bảy, thì mẹ kéo Tân về để giúp người trong việc buôn bán. Thế là bỏ học, Tân thực thụ lặn lưng vào cuộc đời từ năm mười bảy tuổi. Thoạt Tân đi

theo mẹ để giúp đỡ người trong việc cất hàng loại xa xỉ ở Hà Nội mang về các tỉnh nhỏ bán buôn, rồi lại buôn các phẩm vật địa phương mang về Hà Nội. Sau một chuyến hàng cuối năm, về tới đầu làng, Tân giật mình hay tin chú Tây đã mất, tội nghiệp chú bị chết lạnh, chú không đủ áo ấm vào mùa đông này. Phiệt được ông bác hiếm hoi - ông con trưởng cụ để Bách - mang về nuôi, ông không có con trai và rất ưng Phiệt sẽ thừa tự sau này mặc dầu của hương hỏa của ông cũng chẳng còn gì ngoài chiếc nhà ngói ba gian hai trái đã ọp ẹp lắm.

Sau hai năm ngược xuôi giúp mẹ, Tân đã thành thạo, chàng khuyên mẹ ở nhà để một mình chàng đảm đương công việc. Chiến tranh làm hàng ngoại hóa khan hiếm nên việc buôn đi bán lại đó giúp Tân trả dần được công nợ cho mẹ. Dầu hỏa đã trở thành một thượng đẳng xa xỉ phẩm, khắp miền quê đã dùng thay bằng dầu lạc, nhiều nơi dùng kèm một thứ nén bằng lá tằm nhựa thông. Tân thuê thuyền theo các đường sông máng lớn nhỏ chuyên chở hai thứ này (dầu lạc, nén-nhựa-thông) vào sâu các vùng hẻo lánh. Quân Nhật đã đặt chân lên toàn lãnh thổ Đông Dương, người Pháp đã mất nước vào tay người Đức. Tuy nhiên Toàn quyền C. vẫn còn chút quyền hành ở đây đủ để đại diện cho nền văn minh thực dân cấp bằng phát minh cho một số người « bản xứ » đã sáng chế ra được thứ đèn dầu lạc với hệ thống bánh xe răng cưa nhỏ có thể khêu bắc đèn cao thấp tùy ý. Nhân

việc này một nhà ái quốc tiêu cực làng Lại Vũ đã lấy một câu Kiều để mỉa mai :

*Phát minh sáng chế nhà ta
Đã buồn cả ruột lại dơ cả đời.*

Mà « đã buồn cả ruột lại dơ cả đời » thật ? Người Việt được chứng kiến những tiến bộ của Nhật trên mọi ngành kinh tế chánh trị, quân sự, nghệ thuật... Trông người Nhật hùng mạnh uy hiếp được thực dân da trắng, được xem phim thời sự Nhật để biết những hoạt động mọi ngành kỹ nghệ nặng nhẹ của Nhật, được xem phim Nhật để biết tài năng diễn xuất của tài tử Nhật, người Việt thấy buồn tủi cho số phận mình. Rồi từ buồn tủi chuyển sang giận hờn vì luôn luôn được tin quân đội Nhật bắt bớ, tra tấn, đâm chém người Việt, tàn ác có phần hơn thực dân Pháp xưa. Có tin một người bán cám cho quân Nhật để chúng nấu cháo cho ngựa; người bán cám vì nghèo nên tìm cách trộn lẫn với mặt cưa mong kiếm thêm chút lợi, chẳng may ngựa Nhật bị chết, quân Nhật bèn mổ bụng ngựa nhồi người bán cám vào trong mà khâu lại để trừng trị. Văn minh xứ mặt trời mọc, học trò ưu tú của Tây phương đã coi mạng người Việt không quý bằng mạng con ngựa của họ ! Vẫn nhà ái quốc tiêu cực làng Lại Vũ trên có ứng khẩu bốn câu tứ tuyệt như sau :

*Việt tộc những mong người Á trước,
Da vàng máu đỏ hỡi ai ơi.
Cha lũ gian tham phùng cướp nước,
Văn minh coi ngựa quý hơn người !*

Quả có thể, một sự thất vọng chua chát không nói sao cho xiết được đối với những người Việt vì quá giàu tình cảm nhân đạo nên mới quá ngây thơ trên chính trường mà tin vào thuyết Đại Đông-Á của quân phiệt Nhật.

Tại các thành thị lớn dân chúng đã quen nghe còi báo động là chạy ra hầm trú ẩn gần nhất. Các trường học ở thủ đô tản cư về vùng quê hay vào tận Sầm Sơn hoặc lên tí Tam Đảo.

Dưới hai lần xiềng xích Pháp-Nhật giờ đây người dân Việt ngây thơ nhất cũng đã hiểu trên bước đường dành tự chủ, mình chỉ có thể trông cậy vào chính mình. Và trong khi còn phải đợi thời, một số lớn bí mật tham gia các tổ chức cách mạng, số còn lại lạnh lùng nhìn bày sới đế quốc cầu xé nhau. Riêng Tân vì đi sâu vào các miền quê để buôn bán nên vẫn giữ được tâm hồn thanh thản. Mùa cam, Tân lên tận Bồ Hạ; mùa dứa, Tân lên tận các đồn điền miền Bắc Phú Thọ; mùa lê, Tân lên tận Lạng Sơn. Những hàng đống tiền đường thì chở bằng xe lửa hoặc ô tô nếu không thì bằng thuyền. Tháng sáu năm 1942 Tân về tận Phủ Sóc (Thái Bình) đóng gạo chiêm chở ngược Hà Nội bán. Ba tháng sau - tháng chín - Tân

lên một đòan điền ven sông Thao, thuộc Hưng Hoá cát đượ năm thuyền dứa. Buổi sáng hôm đó, trước khi xuống thuyền, người quản lý đòan điền mời chàng uống một ly sữa tươi. Đó là một buổi sáng hồng nhưng mát rượi vì tiết trời đã vào giữa thu. Gió sớm từ phía sông lùa về gòn gợn. Uống xong ly sữa có ánh hồng bình minh, giữa một khung cảnh có rừng rậm, núi cao, sông rộng, Tân thấy rừng mình, cõi lòng tự nhiên phới phới. Đó là năm Tân vừa hai mươi tuổi.

II

Về Hà Nội bán hết chuyến dứa, Tân dự định đi Yên Bái rồi Lào Kay buôn một chuyến măng, nấm hương, mộc nhĩ đầu tiên. Nhờ các bạn buôn giới thiệu, Tân mang theo một số hàng xa xỉ xuống bán tại ga Thanh Ba là nơi được giá nhất. Tới nơi, hàng của Tân đã được dỡ xuống, chuyến tàu xuôi từ Lào Kay vừa về tới. Biết là chuyến tàu này còn dừng lại ở Thanh Ba ít ra là năm phút, tiện thấy toa hạng ba dừng ngay trước mặt, Tân nhảy lên đi một lượt ngắm thiên hạ cho thoải mái và đỡ cuồng căng. Chàng bỗng dừng lại trước hàng ghé cuối toa, tay vịn vào thành cửa : trước mặt chàng là một cô gái trạc mười sáu mười bảy, ngồi bên một bà đã đứng tuổi, Tân đoán là mẹ nàng. Người con gái có một vẻ đẹp thật quý phái, vừa tươi sáng vừa hiền hậu. Quần áo nàng mặc đồng màu lụa trắng càng làm tôn vẻ dịu dàng của đôi mắt đen thơ ngây và nước da trắng mát. Nhan sắc đó càng như được tăng lên bội phần giữa những khuôn mặt già nua khắc khổ trong toa xe và giữa cảnh đời nung chập chùng bắt đầu man rợ của miền trung du đương chuyển mình vào thượng du này. Còn Tân với bộ quần áo đương mặc lẽ cố nhiên chàng chẳng có vẻ gì là sang trọng, nhưng dáng chàng cao, thân hình chắc lắn, tuổi trẻ ấy, sức dẻo dai ấy, thêm nước da dạn dày sương gió ấy tự nhiên gây được uy tín cho Tân và bộ quần áo nhàu nát chàng mặc chỉ khiến chàng có thêm

vẻ đẹp phong trần của một thanh niên sớm lặn lộn với đời. Người con gái cành vàng lá ngọc kia - Tân tin rằng nàng thuộc giòng dõi quý phái - hẳn muốn được gieo mình vào đôi cánh tay cứng cáp của những người đã xông pha nhiều gió bụi. Tân hơi mỉm cười khi thấy khuôn mặt đẹp đó ngẩng nhìn chàng, e dè nhưng đầy thiện cảm và tưởng chừng nàng đã đọc được ý nghĩ thâm kín của mình. Nàng trong trắng như màu lụa bạch nàng mặc và Tân bỗng có cả tưởng như mình là một hiệp sĩ đời xưa càng xông pha nhiều mưa gió càng thêm vẻ phong lưu mã thượng.

Tiếng còi thét vang mà không làm xao động giấc mơ yêu đương Tân dật thềm trong trí. Tiếng ống khói phụt nặng nề con tàu chuyên bánh. Khi tàu đã bắt đầu có đà Tân còn nhìn nàng một lần cuối rồi mới nhảy xuống.

« Nước da trắng mát, một nốt ruồi đen trên gò má bên trái trông quả có đẹp !» - Tân tự nhủ thâm như vậy.

Đêm hôm đó Tân trọ ở hàng cơm đối diện ga Thanh Ba, một đêm không trăng nhưng rất nhiều sao dày đặc cả trời. Giường nhà trọ nhiều rệp, chúng bò lên lưng lên cổ Tân; chàng luôn luôn lấy tay đập rồi kẹp giết từng con giữa ngón tay cái và ngón trỏ, nhưng hết con này đến con khác, đoàn quân đói máu đó xung phong không ngớt, lại thêm không khí oi bức làm mồ hôi đổ ra như tắm, Tân đành vùng dậy ra ngoài, ngược đường đi

lên chừng năm mươi thước rồi uốn ngực vươn tay làm động tác hô hấp. Chàng tin rằng hít được nhiều không khí trong sạch ban đêm có thể bù vào sức lực đã mất vì không ngủ được.

Có tiếng cười nói thanh thanh của đoàn con gái tắm đêm.

Tân ngồi xuống một phiến đá ngẩng nhìn về phía sau ga những hình đen nổi của đồi núi chập chùng. Phía trước ga mờ mờ bãi cát trắng thoai thoải đưa tới dòng sông Hồng dạt dào tiếng sóng.

Những người con gái tắm đêm đã đi lên, tay cầm quần áo ướt. Giọng nói thanh thanh của họ ngừng khi họ nhận ra Tân ngồi đấy.

Tân lên tiếng hỏi rất tự nhiên :

- Các cô làm ở đâu mà ra sông tắm khuya thế ?

Quả nhiên lời hỏi làm họ bớt ngỡ ngàng và tiếng trả lời của họ thân mật :

- Chúng em làm ở xưởng dệt kia.

Rồi họ đi thẳng.

Chỉ dưới ánh sao thôi Tân cũng nhận thấy những khuôn mặt tròn đầy đặn với màu da bánh mật của họ.

Họ vừa tắm xong - Tân nghĩ thầm - chắc da thịt thơm mát lắm, họ đã mang lên một phần rất nhỏ cái thơm mát menh mông của con sông đêm. Họ tiến về những lò quay mía làm mật có tháp thoáng ánh đèn. Tiếng chân vội vã của họ như làm rung chuyển những mạch đất nối liền với huyết quản Tân, khiến có cảm tưởng tim chàng rung động cùng một nhịp với bước chân xa dần của họ. Rồi ánh đèn những lò mía cũng tắt nốt. Quanh Tân chỉ còn tiếng thì thầm của hoa lá vụn vặt, tiếng con sông va làm phải vờ và tiếng những vì sao im lặng trao đổi những ý kiến bằng ánh sáng trên cao.

Vẫn ngồi nguyên trên phiến đá vệ đường, Tân co chân và tì cằm lên đầu gối. Và trong trạng thái nửa thức nửa ngủ chàng thả hồn quỵện lấy hình ảnh người con gái có nước da trắng mát với điểm nốt ruồi đen trên gò má bên trái. Tân tưởng tượng thấy nàng lên theo đường hẻm xuống bãi cát thoai thoải, nàng cởi để quần áo trên bờ, khoả thân xuống gập dòng sông. Nước sông có ướp muôn thứ hoa rừng, mùi thơm tuy hoang dại ngây ngô nhưng cũng biết quán lấy thân hình có nước da trắng mát kia, lưu luyến mãi trên đó, rồi thấm vào mạch máu nàng. Tân tưởng tượng thấy mình cũng lên theo xuống, cầm gọn quần áo của nàng - thứ quần áo bằng lụa bạch - trong hai bàn tay, quần áo vừa trút xuống còn ẩm hơi da thịt người đẹp...

Hôm sau bán hết hàng ở Thanh Ba, Tân mang tiền ngược Yên Bái rồi tạm ngừng lại ở ga Phố Lu. Chàng trọ ở nhà một bà có máu đồng bóng, rất nhân đức nhưng nói quá nhiều. Con gái bà khuôn mặt thật xinh, nhưng bị sốt rét rừng kinh niên, có báng.

Ngày Tân ra chợ đón mua măng, mua mộc nhĩ; tới chàng đến sông tài sừ xem tuồng và nghe tiếng « hôi a... hôi a... » của các cô sẩm trước khi mở bịch. Chàng khoác vai một cô bé giang hồ kém chàng chừng một hai tuổi dáng người nhỏ nhắn. Có khi hai đứa cùng đi trên đường « rầy » hai tay dang ra cố giữ thăng bằng được một quãng dài, như trò xiếc đi trên giây, cho tới lúc mệt cùng đứng lại nhìn nhau cười ngặt nghẽo. Sự giao thiệp của Tân với cô gái giang hồ thoát chỉ có thế.

Hôm cuối cùng, sau bữa cơm trưa Tân không nghỉ, người con gái giang hồ đến tìm chàng rồi cả hai đi về phía có đường sắt. Nhìn xuôi về Hà Nội, Tân nghĩ đến cô gái quý phái bận đồ lụa bạch ở ga Thanh Ba. Nhìn lên mạn ngược, chỗ con đường khuất nẻo chui vào rừng núi, chàng liên tưởng đến nỗi niềm cần cù, cô độc và hiu quạnh trọn vẹn. Chợt có tiếng còi từ sau dãy núi đá vôi vọng lại, rồi con tàu xuất hiện, men theo bờ sông tiến tới. Tân ôm người con gái giang hồ nép dưới gốc chuối rừng. Chàng ngẩng lên nhìn. Những khuôn mặt hành khách thoáng hiện trên từng toa tàu. Lẽ cố nhiên

không có khuôn mặt mà chàng tương tư.

Tàu dừng lại ở ga này một phút, kế đó là tiếng còi thét lên nhắc nhở tiếng còi ở ga Thanh Ba. Tân nhớ lại cái nhìn của chàng gửi về phía người con gái quý phái một lần cuối cùng trước khi nhảy xuống.

Sau ba ngày, số mặng, mội nhĩ mua đã đủ Tân cho đóng bì để đợi chuyến tàu gởi trước về Hà Nội, còn chàng tiếp tục đi Lào Kay mua nấm hương. Buổi chiều khi việc đóng hàng và gửi hàng đã xong, Tân thơ thẩn theo con đường đá nhỏ dẫn về một châu lỵ heo hút nào đó. Chàng đứng tựa vào một góc cỏ thụ lớn, gần chiếc cầu nhỏ bên trên lát những tấm tôn dầy. Một đồng bào thiếu số người Tày mặc áo chàm bạc màu dắt một con ngựa thồ bé nhỏ trên mình chất đầy giỏ không (những lâm sản đã bán hết) ! Ngựa cũng như người nhẩn nại bước trên đường hẻm, những hòn sỏi vô tri lăn theo bước chân của họ. Khi ngựa đi vào cầu, móng nó đập vào tấm tôn, tiếng tôn vang lên tuy rộn ràng mà buồn nản. Rừng núi chìm dần vào bóng chiều cho thêm phần bí hiểm. Sao bắt đầu mọc vô tư trên đỉnh trời. Lòng Tân như muốn vút lên để trùm tỏa lấy bóng con tàu xuôi hôm nào có mang người đẹp về Hà Nội.

Tiếng vó ngựa đập trên cầu tôn... Tiếng sỏi lăn rào rào xuống vệ đường còn vang vang trong hồn Tân. Con ngựa thồ bé nhỏ thường bị chất nặng đồ trên lưng (tùng

mảng da trầy thịt rướm máu tổ cáo điều đó). « Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai. » - kiếp ngựa đó phải là ngựa thồ !

Khoảng lau già gần chỗ Tân đứng xào xạc dạt theo chiều gió thổi, Tân lơ đãng nhìn ra xa một chút, quanh chàng cây rừng như có vươn lên tìm ánh sáng, thân cây nào cũng phủ đầy tầm gửi, cành cao gầy guộc nhưng những nhánh lá đầu cành rất mềm và rủ xuống như liễu khẽ đu đưa với gió chiều, thỉnh thoảng một chiếc lá úa bứt khỏi rụng chao chát. Có cành cao, thật cao nở bông hoa đỏ, màu đỏ ngơ ngác. Không thấy bóng con chim nào, một con chuồn chuồn bay rập rình khi xa khi gần luôn luôn vô có đôi chiều.

Màn sương biêng biếc đã từ rừng núi tỏa ra lạnh buốt, thêm nhiều chòm sao lóm đóm trên nền trời đương ngả dần sang màu tím xẫm. Tân cúi đầu theo đường về thần thờ.

Tối hôm đó về khuya, Tân theo cô bé giang hồ vào phòng. Đó là lần đầu tiên Tân tới nhà điếm. Khi người con gái khỏa thân đến nằm bên chàng, Tân rùng mình nghe có tiếng nước sôi mạnh bên ngoài, tiếng nước gọi lại hình ảnh tưởng tượng con sông đêm ở ga Thanh Ba biết quán lấy thân hình ngọc của cô gái đẹp mát như lụa.

III

Suốt hai bên dọc đường xe hoả Yên Bái-Lào Kay thuận là rừng nứa và rừng chuối, thứ chuối rừng có những bông hoa đỏ tươi như hoa sen. Thịnh thoảng con tàu băng qua chiếc cầu nhỏ bên dưới là dòng suối vô danh đục ngầu đổ ra con sông xa. Tân tới Lào Kay khoảng tám giờ rưỡi tối. Trời mưa lớn, ánh đèn vàng khè và thừa thớt của Lào Kay càng trở nên hiu hắt. Lúc đó trời tạnh mưa, có lẽ đã tới mười giờ hơn, Tân rời khỏi nhà trọ đi trên con đường ướt bóng, vừa đi vừa cúi mặt xuống như muốn soi trên đó để tìm một khuôn mặt không phải gương mặt của chàng mà là của người con gái ga Thanh Ba.

Có ánh đèn khá tung bưng bên đường và những bóng người rộn rã. Đó là tiệm bán cháo lòng lợn, món ăn đặc biệt đã từng làm Lào Kay nổi tiếng với câu ca dao (nếu có thể gọi được đó là ca dao) :

*Đi thời nhớ vợ cùng con,
Về thời nhớ bát cháo ngon bên đường.*

Tân rẽ vào tiệm, lách tìm một chỗ ngồi giữa đám đông, phần lớn là những công chức bất đắc chí : người đương si sụp húp cháo với một vẻ ngạo nghễ thây kệ việc đời, kẻ đã say lè nhè gọi thêm thức nhắm, yêu cầu nhiều thứ này ít thứ nọ.

Ra khỏi tiệm cháo, Tân về phòng trọ. Nhưng chàng không ngủ được, chẳng hiểu vì ý nghĩ luôn luôn bị ám ảnh bởi « người đẹp ga Thanh Ba » hay vì ngọn nguồn con sông Hồng Hà nơi đây ào ào đổ thành thác lớn ? Mười một giờ khuya chàng vụng dậy thơ thẩn dọc theo đường phố chính. Người đi thưa thớt, thường là từ sông bạc ra về, hoặc từ nhà tới sông bạc. Vô tình chàng tiến tới đầu cầu sang Cốc Lếu. Ánh đèn bên đó trông còn vàng khè hơn, ngái ngủ hơn bên Lào Kay.

Tân tặc lưỡi tiến vào cầu, tới quãng giữa chàng nhận thấy người lính gác đứng nép vào thành sắt, chiếc áo choàng bị thổi rạt sang một bên vì luồng gió mạnh lạnh đẫm hơi đêm. Phố Cốc Lếu im lìm trong giấc ngủ hèn mọn, những căn nhà thấp và hẹp, cửa đóng kín mít. Tân tự hỏi thầm : ngộ người đẹp ga Thanh Ba phải theo cha tới nhậm chức ở chốn này ? Sắc nước hương trời đó mà bị chôn vùi nơi rừng thiêng nước độc này thực là cả một mối tiếc hận lớn cho trời và cho người. Ý nghĩ vẫn vơ đó còn ám ảnh Tân tới khi chàng trở sang đầu cầu bên kia rồi quay lại nhìn :

*Ai mang tôi đến chốn này,
Bên kia Cốc Lếu, bên này Lào Kay.*

Có lẽ đến hai giờ khuya Tân mới chợp ngủ, sáng sớm chàng bừng tỉnh dậy vì có tiếng xích loảng xoảng. Nghển cổ ngó qua cửa sổ, Tân thấy một đoàn tù chùng

hơn mười người, chân đeo xích, xếp thành hàng một, có ba người lính đeo tiểu liên đi kèm ở ba quãng : đầu giữa và cuối; cả người tù lẫn người coi tù đều như cảm chung một niềm tủi hổ. Tiếng xích vẫn loảng xoảng va đều xuống đường. Tân nhìn theo, đôi mắt xa xôi, tự đặt mình là một trong số đó và hình ảnh đôi mắt người đẹp nhìn lại chàng khi đoàn tàu bắt đầu chuyển bánh rời ga Thanh Ba xuôi Hà Nội... Câu chuyện tình bỗng nhuộm màu bi đát, Tân nằm xuống, lòng như thốn thức.

Trở về trung châu ! Phải trở về trung châu ! Tân vô cơ quyết định - rồi chàng ra ga lấy vé.

IV

Trời vừa chớm thu, gió mai xào xạc, nắng vàng hiu quạnh. Mùa thu đến thật đúng lúc để kịp khắc sâu những rung động của Tân về hình ảnh người đẹp ga Thanh Ba.

Chính những bất ngờ đó - thưa các bạn - sẽ làm nên định mệnh, cũng như bất ngờ Kim Trọng về Liêu Dương, bất ngờ tên bán tơ xung xuất làm nên định mệnh nàng Kiều. Kiều khổ, nhưng chính cái đau khổ làm nàng đẹp và chính vì nàng Kiều đẹp trong đau khổ nên đã làm đẹp lây bao nhiêu người đọc truyện nàng về sau. Có phải vì thế, Tân tự nhiên cũng thấy mình đẹp lên trong mỗi tình đau khổ này ? Đau khổ thật chứ, tự nhiên gặp nhau rồi trong thoáng qua mỗi người một ngã, biết đâu mà tìm ? Mà có gặp nhau đi nữa, thì một thiếu nữ quý phái như vậy làm sao chịu trao duyên với chàng trai nghèo sớm bỏ học đi buôn như Tân.

Tân ôn lại một trong những bài thơ chàng thích, bài « Tình Quê » của Hàn Mặc Tử, những vần thơ đó cũng đến bất ngờ để thêm dệt thêm đường nét não nùng cho mỗi tình. Cùng với tiếng chàng ngâm khẽ gió chợt lồng lộng quyện lấy lời thơ khiến ý thơ càng man mác chơi vơi.

Người con gái ngồi trên toa xe ở ga Thanh Ba chẳng thể hiểu được lòng chàng trai hai mươi kia muốn như thời gian rút đầy không gian để một phần hồn mình được gặp khoảng không gian nào đó có bóng người yêu:

*Trước sân anh thơ thân
Đăm đăm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đôi quê
Gió chiều quên dừng lại
Dòng nước luôn trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói,
Lòng anh dường đê mê
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi tới trăng thề ?*

Như có tiếng nhủ trong lòng : Tân muốn làm kẻ lữ hành cô độc trọn đời lang thang đi tìm người yêu mà vẫn thầm mong đừng bao giờ gặp :

*Dù ai không ngóng đợi
Dù ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn sau lũy tre
Dù ai bên bờ liễu
Dù ai dưới cành lê
Với ngày xanh hờ hững*

Cố quên tình phu thê

Trong khi nhìn mây nước

Lòng xuân cũng nã nề.

Cảnh nhà thanh bạch, việc học bỏ dở dang, mộng đời hâu như chưa thành hình đã lỡ dở, Tân với tất cả năng lực phồn thịnh của trí tưởng tượng trong tuổi hai mươi như tập trung lại mà kết tinh với giấc mộng vàng, đồng hoá với hình ảnh trong trắng của người con gái. Rồi như do một sức kích động thâm kín nhưng mãnh liệt Tân vùng vẫy chống lại hoàn cảnh, chàng lập tức có sức thu xếp cuộc đời để bắt đầu nói lại việc học. Vẫn đi buôn, chàng không đi những chuyến lâu hàng tuần nữa mà chỉ đi vài ba ngày là cùng. Chàng thoát mượn sách của bạn, rồi mua thêm sách ngoài, sau cùng, xin theo một lớp riêng học gấp học nhảy bậc. Cố tiếp tục việc học như vậy Tân hy vọng rồi đây sẽ được gặp lại cô gái Thanh Ba : - Không, Tân không hề hy vọng thế. Tự lượng hoàn cảnh mình đã không thể cùng nàng kết tóc xe tơ thì một lần gặp là một lần hun đốt tâm can. Không bao giờ gặp nữa, hình ảnh đẹp đó sẽ biến thành một giấc mơ; người ta có thể thổn thức trong một giấc mơ nhưng cõi lòng bớt bị nhói buốt. Tân chỉ thấy rằng cần tiếp tục học để vươn khỏi sự tranh tối tranh sáng của trí thức, nó làm cho chàng bực bội nhiều khi đến nghẹt thở.

Vừa một năm qua, ngày Tân đỗ thành chung cũng là ngày gia đình chàng hoàn toàn thoát khỏi cơn bần bách. Mẹ đã thu xếp được một cửa hàng ở phố chính tỉnh Bắc Ninh. Từ đấy Tân chuyên cần về việc học. Năm sau - 1945 - năm có cuộc cách mạng tháng tám, chàng đỗ tú tài phần thứ nhất một cách tương đối nhẹ nhàng nhờ tình trạng chiến tranh các thí sinh được miễn thi vấn đáp.

Đã biết bao đêm hè trong sáng, gió nồm hây hây. Tân nhìn lên mặt trăng, cố ôn lại hình ảnh người con gái trên toa xe ở ga Thanh Ba.

Đã bao nhiêu đêm thu trăng lạnh rờn rợn không gian, Tân thấy lòng mình trống trải mênh mang hồn như muốn mở rộng ra để chụp lấy hình ảnh người đẹp.

Đã có biết bao đêm đông, nghe tiếng mưa rơi gió lộng, hồn Tân toi bời thiếp đi trong giấc mộng chung chăn với nàng.

V

Năm 1946, Tân đỗ xong tú tài phần hai rồi về Bắc Ninh thăm mẹ. Nhìn cửa hàng của mẹ khuếch trương đã khá lớn, xét đến nền học vấn của mình thoát cấp trung học, kể từ đây mỗi khi nghĩ đến bóng lụa bạch năm nào Tân đã tự giải phóng khỏi mọi tự ti mặc cảm.

Chịu ảnh hưởng nếp tình cảm lãng mạn một thời vong quốc, Tân trù mến lấy mỗi tình kỳ dị. Càng biết là không bao giờ còn gặp lại người đẹp nữa, hình ảnh giai nhân càng như loãng ra hoà vào máu để rồi vĩnh viễn luân lưu trong tâm tưởng cho đến ngày chàng lìa bỏ cuộc đời.

Nghỉ hè năm đó chàng cũng chỉ về Bắc Ninh với mẹ có một tuần rồi lại xuôi Hà Nội ngay để tiếp tục học đàn như năm ngoái.

Nguyên do năm ngoái sau khi đỗ xong tú tài phần một, Tân có theo một người bạn đồng khoa mua một chiếc vĩ cầm rồi theo học một danh sư người Nga lưu vong ở đường Gia Long gần khu hồ Thuyền Quang. Tâm trạng Tân khi đó y hệt tâm trạng một anh đánh bạc gặp vận đỏ đã vỡ khá nhiều còn đánh thêm mấy tiếng lớn nữa cho càng nặng túi. Ừ, đã đỗ nửa tú tài lại học đàn nữa, mà học violon, thứ đàn khó nhất, hay nhất, tài hoa nhất ! Vì vậy nghỉ hè năm nay cũng như nghỉ hè

năm ngoài Tân chỉ về thăm mẹ có một tuần rồi sau đó xuôi Hà Nội với tất cả vẻ vội vã của một nghệ sĩ hăm hở theo đuổi nghệ thuật đến cùng. Sự thực với tất cả các bạn, Tân đã tuyên bố thành thật là chỉ học cho biết qua « ngôn ngữ » thứ đàn ấy để có thể thưởng thức đứng đắn âm nhạc cổ điển Tây phương. Khi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ, Tân để đàn ở nhà, theo một số bạn thanh niên tình nguyện theo lớp huấn luyện cán bộ tăng gia sản xuất. Thanh niên các nơi đến họp từng đợt chừng bốn năm chục người tại một trụ sở tạm thời đặt ở một làng thuộc huyện Từ Sơn; sau đó họ đi chuyển tàu đêm ngược Phú Thọ để tới một đồn điền hẻo lánh kia, nơi được chọn làm địa điểm huấn luyện.

Chuyến tàu chở đoàn Tân tới ga Thanh Ba vào mười hai giờ khuya. Tân thò đầu ra ngoài khung cửa sổ ngẩng nhìn, đêm đó không trăng không sao, cả vũ trụ như chìm trong một nỗi niềm bí ẩn. Tàu chuyển bánh, gió phả vào mặt Tân trong khi chàng hơi mỉm cười, băng khuâng ôn lại những hình ảnh cũ, hình ảnh người đẹp năm xưa ngồi trong toa xe... Hình ảnh con đường xuống sông thoai thoải cát trắng... Hình ảnh những người con gái tắm đêm, hơi mát tự da thịt tỏa thấm vào hương đêm theo gió. Tân có cảm tưởng trên bước đường phiêu lưu kháng chiến, chàng sẽ gặp lại người xưa ở một khoảng rừng núi thâm u nào. Tới lúc đó, Tân mới nhận ra một điều là chàng không còn nhớ khuôn mặt người đẹp gặp

ở ga Thanh Ba nữa. Sáu năm qua rồi còn gì... Giờ đây chàng chỉ còn nhớ cảm giác êm đềm mát rượi của màu quần áo lụa bạch phản ánh lên khuôn mặt nước da trắng mát có chấm nốt ruồi đen trên gò má bên trái. Tân tưởng nếu mình là nghệ sĩ, chàng sẽ xuống ven sông lấy cát ảm nặn một pho tượng có khuôn mặt đẹp; rồi khi đã đồ sập lên chàng chỉ việc điêm thêm một chấm đen trên gò má bên trái, thế là bức tượng đã có thể tượng trưng cho mối tình thoáng qua nhưng lâu bền của chàng đối với bóng đẹp gặp thuở hai mươi. Tân nhớ mang máng một câu bằng tiếng Pháp :

*Le plus beau refrain de la vie
C'est celui qu'on chante à vingt ans.
(Điệp khúc đẹp nhất của cuộc đời
Là điệp khúc hát vào tuổi hai mươi.)*

Anh em trong toa xôn xao thức giấc vì sắp tới ga xuống. Mọi người đồng ca một bản hành khúc để thực tỉnh ngủ. Bản hành khúc đồng ca vừa dứt thì tiếng một anh bạn :

- Liệt đâu, cho nghe bài « Nguyễn Thái Học » mày !

- Đếch vào ! - Liệt đáp gọn rồi giơ tay lên xoa cái đầu trọc lóc của mình nhìn Tân ngồi ngay bên, cười, cặp môi dày của anh toè răn ra trong nửa hồn nhiên nửa thô bỉ. Tân cũng mỉm cười « đáp lễ » anh và nói :

- Anh cho nghe bài đó đi !

Liệt mới đến trụ sở tạm thời (ở Từ Sơn) sáng nay, anh đến cùng với anh bạn học thân tên là Khuê (người vừa yêu cầu anh hát bản Nguyễn Thái Học). Thoạt trông thấy Liệt anh em ai cũng phải mỉm cười : đầu trọc tều một cách khôi hài, khuôn mặt dài rất nhiều trứng cá, nước da mai mái hơi ngả sang vàng khè của những người bị sốt rét kinh niên, đôi mắt khá sắc luôn luôn đưa đẩy để làm duyên cho nụ cười xoè nở trên cặp môi dày. Mỗi khi nói với Khuê, những danh từ Liệt dùng nghe thật...mất dạy, nhưng khi nói với bất cứ anh em nào khác thì giọng nói cũng như tiếng dùng của anh lại rất lễ độ tuy vẫn còn đượm vẻ hề, thành thử Tân vẫn chưa hiểu Liệt thuộc thành phần nào của xã hội; dầu sao căn cứ vào cách cư xử trong một ngày vừa qua, toàn thể anh em có thể tin ở Liệt là một thanh niên dễ dãi có thể giao du được. Liệt chưa chánh thức hát cho anh em nghe bài nào, nhưng qua một vài câu anh hát đón theo giọng của vài anh em

khác thì chắc chắn giọng anh phải hay lắm... Khuê lại cất tiếng giục :

- Ê, Liệt hát đi mày !

Tân ngồi bên cũng giục thêm một câu :

- Anh cho chúng tôi nghe một bài đi, mười phút nữa đã xuống ga rồi.

Liệt ý chừng nề lời Tân hơn bèn đứng dậy dặng hắng. Anh em yên lặng chờ nghe.

« Nguyễn Thái Học » là một bài ca buồn thảm do một nhạc sĩ vô danh sáng tác, lời ca như thể một bài ai điếu của một đồng chí nào đó đã thoát chết từ vụ 1930 còn sống sót đến ngày nay, rồi nhân dịp nước nhà vừa dành lại chủ quyền, tưởng nhớ lại người bạn liệt sĩ cũ và cất lời than khóc. Giọng Liệt rất trầm, ấm dịu nên đã gợi được hết tình ý buồn thảm của lời ca, hơn nữa Liệt hát với tất cả sự say mê của một nghệ sĩ phụng sự nghệ thuật, vẻ hề của anh biến hẳn không để lại một vết tích nhỏ, dưới ánh điện yếu ớt của toa tàu khuôn mặt Liệt lúc biểu diễn bài ca càng thêm vàng vọt và như hơi co dúm lại trong một niềm thống khổ trang nghiêm.

Lời ca dứt, tiếng vỗ tay tán thưởng nhiệt tình, Liệt đưa tay lên xoa đầu trọc nhìn Tân mỉm cười, đôi môi đầy toè dãn, lập tức anh trở lại vẻ hề quen thuộc hầu như thường xuyên của anh.

Tàu từ từ dừng lại... Đã tới ga Âm Thượng. Đoàn thanh niên xuống toa rồi theo ánh đuốc ra khỏi ga, rẽ vào một đường mòn, qua một chiếc cầu treo nhỏ đu đưa như võng, vòng vèo quanh những sườn đồi, bì bõm lội qua những con suối nhỏ... Có lẽ tới một giờ sau mới tới cứ sở. Nơi ăn chón nằm đã được những toán tới trước thu xếp sẵn, mọi người chỉ còn việc mắc màn rồi nằm lăn quay ra ngủ mê mết.

Có người con gái khuôn mặt trắng mát tiến đến với Tân. Không rõ nàng cười trước hay Tân cười trước. Gặp nhau sao mà buồn ! Nàng nói : « Em mười bảy, em chỉ sống đến năm hai mươi. » Tân cũng biểu đồng tình: - «Em nói đúng ! Một người con gái đẹp chẳng nên sống quá tuổi đó, em cho anh xin khoảng thời gian ngắn còn lại của em !»

Tân sực tỉnh, xung quanh là bóng tối đen đặc và lạnh buốt : chàng vừa chợp ngủ ! Bên cạnh có tiếng ngáy, xa hơn, phía cuối phòng có tiếng cựa mình. Tân kéo tấm mền phủ kín tai cho ấm những mong nôi kịp giấc mơ. Nhưng - cũng khó như kẻ lặn vội xuống biển tìm viên ngọc trai vừa sên tay đánh rớt - Tân biết trước là không bao giờ, không bao giờ nữa, chàng có thể tìm lại được giấc mơ đẹp và mong manh như nắng chiều đó.

VI

Gió rít từng hồi tự trên đỉnh đồi cao lùa xuống các thung lũng nhỏ, khiến những chiếc lá vàng đua nhau rụng và những chiếc lá khô dưới đất tựa hồ những hồn ma bị dựng dậy đuối nhau tíu tít quanh các gốc cây. Tiếng gió và tiếng lá khô càng thêm bí ẩn khi bóng chiều đã hoàn toàn phủ kín miền đồi núi khu đồn điền Lợi Ký này.

Đồn điền Lợi Ký gồm hàng ngàn mẫu đồi chè, không kể những nương sắn cùng những khoảng thung lũng khá rộng có ruộng lúa. Tân thuộc toán cuối cùng tới đây. Sau ba ngày tận lực làm việc để thu xếp nơi ăn chốn nằm cho có quy củ, hơn hai trăm nam nữ thanh niên có mặt lúc đó vừa hay tin chương trình huấn luyện bắt đầu từ hôm sau.

Về tổ chức nội bộ, ban giám đốc chia họ thành từng trung đội, mỗi trung đội trên dưới ba mươi người, thay phiên nhau phục dịch bếp nước.

Thời khoá biểu được ấn định như sau : sáu giờ sáng có hồi kèn đánh thức, từng toán, tùy nơi mình ở, đưa nhau đến khúc suối gần nhất - khoảng từ một đến hai trăm thước xa - đánh răng rửa mặt. Sáu giờ rưỡi tập họp tại sân chính, chào cờ, nhận huấn thị của ban giám đốc. Bảy giờ ăn sáng - sắn luộc là món ăn duy nhất - rồi sau

đó hoặc công tác kiểm củi hoặc vào lớp học lý thuyết, hoặc lên đồi võ nương tăng gia thực hành.

Tuy mới đến đây được ba ngày, Tân cũng như các anh em khác đã biết qua lý lịch đồn điền Lợi Ký. Đồn điền này cha truyền con nối đã được ba đời. Thoạt là cụ đề Kinh vì « có công » đi dẹp cuộc khởi nghĩa Yên Thế nên được chính phủ Pháp cho phép khai phá vùng này lập đồn điền, số ruộng khai phá hằng năm sản xuất đủ thóc lúa cho hàng huyện chính là công cụ đề Kinh, đời thứ nhất.

Đời thứ hai : ông phán Nghị. Ông Nghị sinh trưởng tại Hà Nội theo học đủ bốn năm bậc thành chung ở trường Bưởi. Đỗ xong, ông được bổ vào một chân thư ký tòa Sứ. Họ hàng bè bạn gọi ông là ông phán từ đấy. Ông bà phán Nghị vẫn có một cửa hiệu bán vải rất sầm uất ở phố hàng vải thâm. Khoảng năm 1943, ông bà tậu thêm một dinh cơ khá lớn ở làng Định Quyết và nhập tịch làng đó, cách Hà Nội chừng năm cây số về phía đường xe điện Kim Liên. Vào dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết Nguyên Đán, nghỉ hè ông bà cùng các con về làng hưởng gió đồng. Tuy đi làm nhưng ông vẫn gián tiếp điều khiển công việc tại đồn điền. Cho đến 1945, sau cuộc đảo chính Nhật, ông xin thôi, lên ở hẻm chôn hèo lánh này trực tiếp khuếch trương đồn điền. Các đời chèo đã xanh lá, ông cho xây cất xưởng làm chè ngay tại đồn

điền, lại cho đóng một chục chiếc thuyền lớn chuyên chở lá chè tươi xuống các chợ miền xuôi bán. Ngoài ra ông còn cho trồng thử hai mẫu cam quanh nhà, lấy giống tận Bồ Hạ (Bắc Giang). Ông và bà thay phiên nhau đi đi về về, lẽ cố nhiên vào những ngày giỗ và Tết nhất, cả hai ông bà đều có mặt ở làng Định Quyết.

Hãng, đưa con trai đầu lòng, được ông cho sang Pháp học từ năm mười lăm, năm mười chín Hãng đỗ xong tú tài. Thời này Âu Châu chinh chiến, hai năm qua đi Hãng không đỗ thêm một chứng chỉ đại học nào, nhận thấy đại chiến đã sang thời tàn cực, tàu bè đi lại bót nguy hiểm ông Phán bèn gọi Hãng về nước và sang hẳn tên đồn điền cho Hãng, đời thứ ba. Đó là vào năm 1944.

Nhưng Hãng chẳng phải làm gì cả ! Biết tâm lý con mới ở Pháp về không thể ở chốn đèo heo hút gió, ông xếp nhiệm vụ cho Hãng tại ngay Hà Nội, vừa trông nom lũ em ăn học, vừa đợi từng chuyến trà về điều khiển việc phân phát tới các mối hàng rồi thu tiền. Hãng còn ghi tên học Luật, cuối năm đó anh thi đỗ chứng chỉ năm đầu. Nói là Hãng có nhiệm vụ trong nom lũ em ăn học kỳ thực chính Vân - cô em gái lớn của Hãng - đảm đang việc đó, trong khi bà Phán đi đi lại lại như thoi để liên lạc giữa đồn điền với Hà Nội. Ở hoàn cảnh như vậy, Hãng đã khét tiếng là một sinh viên Luật học phá gia chi tử tưởng không lấy làm lạ, tuy nhiên khoảng mấy

năm này tiền của vào nhà ông Phán như nước nên Hăng tha hồ vung tay ném tiền qua cửa sổ cũng chẳng thấm thía vào đâu.

Năm Hăng về nước - 1944 - Vân vừa mười tám tuổi kém anh năm tuổi và đang theo học năm thứ ba ban trung học Pháp tại trường nữ Félix Faure. Vì học trường đầm nhiều năm nên Vân không ngỡ trước những cử chỉ đôi khi quá phóng khoáng của anh, nhất là đối với phái đẹp.

Vân có cô bạn chí thân tên là Quỳnh Hương nhà nghèo, gia cảnh gặp nhiều ngang trái phải bỏ học từ năm trước. Vân thương Quỳnh Hương lắm, chính Hăng cũng thông cảm tình cảnh của Quỳnh Hương coi như em gái và tận tình giúp đỡ nàng một cách trong sạch hoàn toàn, không vụ lợi. (Sau đây chúng ta còn dịp gặp lại Quỳnh Hương.)

Dưới Vân là Thi, em gái thứ hai của Hăng, năm đó mười bốn tuổi. Thi theo học ở trường Đồng Khánh, năm thứ nhất ban Thành chung.

Mới năm trước Vân thương Quỳnh Hương phải bỏ học, sang năm sau Vân không ngờ chính nàng cũng rơi vào hoàn cảnh bắt buộc bỏ học. Bà Phán lên đồn điền để lại cửa hàng vải cho nàng, rồi phi cơ Đồng minh hoạt động dữ, Hà Nội báo động đêm báo động ngày,

các trường tư di chuyển ra ngoài ô hay vào Hà Đông, các trường công đi xa hẳn, trường Albert Sarraut vào tận Sầm Sơn (Thanh Hoá), trường Félix Faure lên Tam Đảo và trường Đồng Khánh xuống Hưng Yên. Thi theo trường đi Hưng Yên, ghi tên vào ký túc xá. Thế là Vân đành phải bỏ học ở lại Hà Nội để tiếp tục trông nom cửa hàng vải cho mẹ đồng thời giúp anh cáng đáng mọi công việc quen thuộc : phân phát từng chuyến trà tới các mối hàng rồi thu tiền.

Bà Phán có người em gái góa chồng buôn bán ở Hải Phòng. Không may bà em này chết trong một chuyến oanh tạc của phi cơ Đồng minh để lại ba đứa con trai : Cung, mười hai tuổi vừa đỗ xong bằng cơ thủy nhưng thi vào trường Bưởi trượt phải học tư; Tiên mười tuổi, Cận tám tuổi đều còn ở bậc tiểu học. Bà Phán mang cả ba cháu về nuôi coi như chính con đẻ của mình.

Khi cuộc kháng Pháp sắp bùng nổ, ông bà Phán thu xếp cho cả ba con Hăng, Vân, Thi và lũ cháu Cung, Tiến, Cận lên đồn điền; dinh cơ tại làng Định Quyết ông bà nhờ người hàng xóm trông nom giúp. Hăng buộc lòng phải về đồn điền nhưng ở đây anh cũng chẳng làm gì mấy ngoài việc thỉnh thoảng tổ chức buổi đi săn đêm tiêu khiển. Rồi kháng chiến toàn quốc... Rồi đồn điền Lợi Ký được chọn làm địa điểm huấn luyện cán bộ tăng gia sản xuất... Rồi toán thanh niên đầu tiên tới... Hăng

càng năng tổ chức đi săn đêm. Mới mười ngày qua mà đã ba lần anh em được ăn thịt thú săn của Hăng : lần thứ nhất mấy con chồn; lần thứ hai con lợn rừng; lần thứ ba con hươu.

Ủy ban trung ương tản cư di cư chọn đồn điền Lợi Ký làm địa điểm huấn luyện không phải là không có lý do. Thứ nhất : đồn điền này xa đường thủy, xa đường bộ, xa đường xe lửa, không lo lộ mục tiêu phi cơ địch tới oanh tạc. Thứ hai : chính tại đồn điền, cùng những vùng lân cận phía ven sông Nhị Hà còn rất nhiều đất tốt bỏ hoang, khi lớp huấn luyện bế mạc vùng này có thể tiếp nhận trên dưới một vạn đồng bào di cư tới lập nghiệp.

Và như chúng ta đã biết, trong vòng mười ngày các toán nam nữ thanh niên đã tới đủ, lớp huấn luyện sửa soạn khai mạc vào ngày hôm sau.

VII

Chương trình huấn luyện gồm hai đề mục chính :
C Trồng tía và chăn nuôi. Ngoài ra còn những đề mục phụ như phương pháp tổ chức đồng bào tại nơi định cư, phương pháp ngừa bệnh, nhất là bệnh sốt rét rừng... Đây là một chương trình huấn luyện cấp tốc, trước dự định trong hai mươi lăm ngày phải xong, nay đã mười lăm ngày qua mà chương trình mới hết một phần ba, trông thấy trước phải ít ra một tháng nữa mới tới ngày bế mạc, nghĩa là các học viên phải đón xuân kháng chiến đầu tiên - xuân Đinh Hợi - ngay tại đồn điền Lợi Ký.

Thành phần trại huấn luyện khá phức tạp. Ban giám đốc gồm : một anh đội trưởng hướng đạo, một anh sinh viên kiến trúc và một anh chưa học hết lớp nhất nhưng tham gia cách mạng từ thời bí mật. Ban giảng viên gồm những nhà chuyên môn trong số có một người mới ở Tàu về. Còn các trung đội học viên bên dưới thì sinh viên thú y có, sinh viên luật khoa có, công chức có, nông dân có, công nhân có... Đặc biệt có cặp tình nhân : chàng, vóc người cao gầy, nước da trắng xanh, mái tóc đen dài gọn sóng, dáng đi bao giờ cũng có một vẻ uể oải rất...tĩnh thành, hình như chàng là kịch sĩ thì phải; nàng cũng cao, người thon, tóc uốn, khuôn mặt trái soan, đôi mắt đen thông minh một cách kiêu kỳ,

dáng đi mệt nhọc một cách tình tứ, hình như nàng là vũ nữ thì phải. Lẽ cố nhiên ban đêm nàng ngủ ở khu nữ giới, nhưng sáng sớm, trên con đường ra suối rửa mặt, họ âu yếm sát vai nhau, tay trong tay hoặc quàng ngang lưng. Giờ nghỉ họ đưa nhau đi tha thẩn trên đồi chè, lúc đó họ như hai hành tinh sinh đôi chung một vòm không khí, chung một quỹ đạo. Tất cả mấy trăm anh chị em học viên khác không coi đó là một điều chướng mắt, trái lại ai nấy có thái độ bao dung tựa hồ các anh chị làm ăn căn cơ ở quê nhà nhìn về ngộ nghĩnh Tây Tàu của vợ chồng thằng chú em mới ở tỉnh chạy loạn về. Các cán bộ thì nhìn họ bằng đôi mắt tin tưởng kiêu hãnh vì họ nghĩ rằng có hạng người càng phức tạp, uy tín của cách mạng càng lớn mạnh khi uốn nắn được họ vào con đường hy sinh gương mẫu.

Riêng Tân, chàng không chú ý đến cặp tình nhân đó, chàng đặc biệt chú ý đến hai cô gái lớn con ông bà chủ, mặc dầu rất ít khi hai cô qua lại những chốn đông người tụ tập. Những ngày đầu sống tại đồn điền, lần thứ nhất Tân bắt chợt thấy hai cô trong một khung cảnh thừa đủ gây thành một ấn tượng lâu bền. Buổi chiều đó mặt trời đã gần chầm đỉnh núi phía Tây, ánh sáng hiu hắt một ngày đông tàn tạ chẳng còn thể phấn đấu nổi với hơi lạnh từ thung lũng dâng lên và tiếng gió âm thầm qua những cành khô như tiếng thở dài tuyệt vọng của một tình nhân bên giường bệnh một tình nhân. Trên chiếc

ghế xích đu, bên cạnh cửa sổ trông về phía bếp - tiểu đội Tân khi đó đang phụ trách công việc bếp nước - dáng một cô gái bận đồ lụa bạch với chiếc áo len ngoài cùng ăn sát vào thân hình chắc lẳn, cổ quàng khăn san màu tím hoa cà : nàng đương cúi cúi khâu vá. Rồi cô em từ phòng trong chạy tới, dáng mảnh khảnh hơn, bận đồ tương tự, duy áo len mặc ngoài màu hồng và khăn quàng len màu vàng; nàng cầm quyển sách ở tay nhưng không đọc, luôn luôn cúi xuống bàn bạc với chị điều gì, dáng điệu vô cùng thùy mị. Cả hai cùng có suối tóc tơ óng đẹp rủ xuống vai.

Buổi tối ánh sáng ngọn măng-sông 120 nến ở phòng khách như thừa sinh lực tràn thoát ra các ngả cửa sổ thành những phiến ánh sáng trắng xanh in hằn lên những luống hoa dài chạy viền quanh nhà. Lũ trẻ nhỏ đã đi ngủ. Tháp thoáng bóng cao gầy của ông bà Phán, bóng vạm vỡ của Hăng, hai bóng đẹp dịu dàng và bóng mấy người trong ban giám đốc ở nhà bên sang thăm xã giao. Có tiếng vĩ cầm khá điêu luyện. A ! Đó là tiếng đàn của anh chàng sinh viên kiến trúc trong ban giám đốc. (Tân cũng không hiểu sao anh chàng sinh viên nghệ sĩ đó lại là thành phần của ban giám đốc.) Rồi tối hôm sau vẫn những phiến ánh sáng đó vẫn những bóng người đó và tiếng đàn. Có một lần vô tình Tân theo bậc gạch lên sân, chàng vội vã đi lướt qua thềm, khuôn mặt lạnh lợi với ánh mắt khoẻ mạnh của cô chị có nhìn ra.

Nhiều hôm mưa rơi từ chiều dai dẳng, những bước chân đi ướt át làm nặng trĩu tâm hồn, rồi bóng tối mênh mông cảm lạnh rủ xuống xóa nhòa ý niệm thời gian trong trí Tân... Rồi ánh đèn bùng sáng... Tân lắng nghe tiếng đàn từ phòng khách vắng xuống qua màn nước mưa.

Hắn anh chàng sinh viên kiến trúc muốn tỏ mình là một nhạc sĩ bách công vì anh chàng đánh đủ các loại bài, từ một vài đường nhạc cực kỳ lắt léo và phong phú chắc là trích ở một concerto nào, qua những bản cổ điển nhỏ, tới những bài Việt phổ thông như : Con Thuyền Không Bến, Cô Hái Hoa, Suối Mơ,... Tất cả những bài đó anh chàng đều đánh thuộc lòng và - điều này mới đáng quý - kể cả những bài bình thường nhất dưới ngón tay tài hoa của anh cũng đượm một sức quyến rũ đặc biệt y như những cô gái vừa đến tuổi dậy thì mỗi người một vẻ.

Thế nào anh chàng chẳng mê một trong hai cô - Tân nghĩ thầm thế - và thế nào tiếng đàn của anh chẳng gây băng khuâng xao xuyến trong lòng ai rồi. Đã hơn một lần vừa nghe tiếng đàn vừa chạnh thương cho mối tình vô vọng đến phi lý của mình, Tân thầm ước cho đôi trẻ trên kia sớm thành đôi lứa.

VIII

Thâm thoát chương trình huấn luyện tại đồn điền Lợi Ký đã được dư ba tuần lễ, tới ngày ba mươi Tết công việc tạm ngừng.

Những học viên nào có gia đình gần vùng này đều lên xin ban giám đốc cho phép về. Còn những người ở lại ai nấy như cô tránh nhắc nhở đến việc đón xuân, trừ việc ban giám đốc báo trước sẽ tổ chức lửa trại vào đêm mùng bốn Tết. Không nhắc đến là phải ! Còn lòng dạ nào mà đón xuân ? Ở đây tuy xa tiếng súng nhưng tin tức tới đều và nhanh. Trung đoàn thủ đô vẫn bị vây hãm tại khu hàng Bạc, hàng Chiếu, Ngõ Gạch, Đồng Xuân... Các mặt trận ngoại ô đã lần lượt bị vỡ, phi cơ địch càng được thể tung hoành oanh tạc để mở rộng đường tiến quân của chúng. Đó là hiện trạng bi đát của cả dân tộc. Đến tâm trạng riêng tư từng ở lại đồn điền Lợi Ký : gia đình họ ra sao khi mặt trận mở rộng ? Hiện nay thất lạc nơi đâu ? Có còn nguyên vẹn hay không ?

Mưa rơi suốt ngày ba mươi, âm thanh rả rích. Chiều, mưa ngừng một lát, vòm trời đượm vẻ ngơ ngác của một người sầu khổ đến thất lạc tinh thần, rồi khi màn đêm vừa buông xuống niềm thống khổ như giật mình tỉnh giấc và mưa lại bắt đầu rơi...

Tân không quên những nông nỗi buổi tối chàng sớm phải chịu trong cảnh mẹ goá con cô, cửa nhà sa sút; Tân không quên những nỗi cực nhọc thức khuya dậy sớm chuyên chở hàng hoá trong mấy năm trường buôn bán đỡ đàn mẹ... Nhưng điều mà Tân không quên hơn cả là chưa một đêm ba mươi Tết nào chàng phải sống xa mẹ. Quân Pháp chưa đánh đến Bắc Ninh, mẹ chàng chưa phải tản cư, nhưng đêm ba mươi Tết này mẹ chàng làm gì, mẹ chàng nghĩ gì trong cảnh cô quạnh đó ?

Để đánh lạc tình thương mẹ, Tân chuyển ý nghĩ sang người đẹp ga Thanh Ba y như người chăm chú nhìn một vì sao để quên cả vòm trời man mác. Thực vậy tình thương mẹ của chàng mênh mông như không có biên giới thời gian mà tình gặp gỡ cô gái áo lụa bạch là vết đau của hiện tại của tuổi chàng.

Có lẽ đêm đã khuya lắm rồi... Đêm ba mươi Tết, đêm của xum họp đoàn tụ mà nơi đây lặng lẽ như mô hoang. Tân ra đứng bên cửa sổ ngó về phía thung lũng tối đen; gió tự bên ngoài lùa nhẹ vào, phả lên mặt chàng với chút ít mưa bụi. Có tiếng cành cao lung lay trong gió phía cuối nhà. Có tiếng quả ửng rụng nhẹ không biết là quả gì. Tựa như có cái gì xôn xao náo động bên ngoài chuyển mình.

- « Em mười bảy, em chỉ sống đến năm hai mươi, em không muốn sống hơn. »

- « Em nói đúng, một người con gái đẹp chẳng nên sống quá tuổi đó, em cho anh xin khoảng thời gian còn lại của em. »

Tân quay về giường nằm vừa đắp kín chăn vừa nhắm mắt ôn lại giấc mộng những mong ngủ thiếp ngay đi...

Một ý nghĩ chợt đến : Hay là người con gái đó đã tử nạn khi quân Pháp mở rộng mặt trận nào ?

Trong khi đó, ông bà Phán và mấy người con lớn đương sửa soạn làm lễ giao thừa trên nhà. Tân nào có biết. Mưa đã ngớt hẳn, chàng lắng nghe tiếng gió... Tiếng gió khô xác, lẹ như cánh én, chắc là gió đương ra công quét sạch mây xám ngoài kia để đón một năm mới, năm của hy vọng.

Tân ngủ thiếp đi và lạc sang một giấc mộng nào trong đó có tiếng ngâm thơ, giọng ngâm rã rệ mang mang buồn như giọng của Cao Tiệm Ly tiễn Kinh Kha bên bờ Dịch Thủy :

Cách... nhau... ngàn... vạn... dặm...

Nhớ... chi... tới... trăng... thề...

CHƯƠNG BA

ANH TRƯỞNG VÕ

I

Mùng bốn Tết !

Toàn thể gia đình ông Phán có mặt tại đêm lửa trại và ngồi ở hàng ghế danh dự cùng với ban giám đốc và các đội trưởng trong số có Tân. Ba cậu nhỏ Cung, Tiến, Cận ngồi kèm hai bên ông bà Phán ở hàng ghế đầu. Hăng ngồi ở hàng ghế thứ hai. Anh mặc ngoài chiếc áo chandail nên trông càng vạm vỡ; nước da rám đen, khuôn mặt vuông, đôi mắt linh hoạt chứng tỏ anh là một thanh niên ham hoạt động, đồng thời mớ tóc uốn gọn chải gọn rất đẹp tô cáo anh vào hạng đào hoa lịch lãm. Ngồi hai bên anh là Vân và Thi.

Sau lời tuyên bố khai mạc mọi người đứng dậy làm lễ chào cờ và mặc niệm. Anh chàng sinh viên kiến trúc với cây vĩ cầm phụ trách độc tấu bản « Tiến Quân Ca » và bài « Mặc Niệm », tiếng đàn sắc gọn ở bản thứ nhất và rất réo rắt ở bản thứ hai, tới nốt dài cuối cùng, anh chàng bấm thành nốt láy - trille - bồi hồi thổn thức. Khi tiếng đàn dứt hẳn, mọi người thở phào, tiếng tấp tấc ngợi khen như một luồng điện truyền nhanh qua các cửa miệng. Không một thanh niên nào tỏ ý ghen tài bởi

anh sinh viên nghệ sĩ đó chẳng hề có một thái độ nhỏ tở về lưu tâm đến tài của anh. Điều kỳ dị nhất là chính anh chàng cũng chẳng hề tở về chú ý đến hai người đẹp.

Càng về khuya than hồng càng đượm, đôi mắt Vân long lanh, đôi gò má nàng hồng căng như có tiết ra hơi nóng nồng nàn, nụ cười của nàng tươi tắn cởi mở, thỉnh thoảng nàng khoa tay, đôi cánh tay đầy đà nổi hẳn dưới làn phin trắng, đôi bàn tay với những ngón thon dài, mỗi khi nhón cầm cái gì ngón út thường uốn cao và cong lên. Thi ngồi ngay bên, thơ ngây trong trắng. Kể cả lúc than hồng rực rỡ nhất, da Thi vẫn phảng phất xanh, rõ ra người sức khoẻ mong manh từ bé; mỗi khi nàng cười với cha mẹ, anh chị... nụ cười hiền như có làm dịu ánh than hồng, mặc dầu nàng mặc áo len dài tay - màu len xanh lá cây - mà một lần có cơn gió mạnh lùa tới nàng phải để một tay lên ngực rồi thúng thảng ho làm rung động đôi hoa tai tròn nhỏ nàng đeo.

Chương trình diễn được một lúc, chợt ông Phán đứng dậy chào mừng vồn vã và một người trạc ba mươi đương lách đám đông khán giả đi vào.

- « Ông chủ tịch... Ông chủ tịch huyện !» - Lời ông Phán nói khẽ nhưng Tân nghe cũng rõ, chàng ngẩn nhìn và bờ ngỡ.

Chủ tịch huyện Thanh Ba (đồn điền Lợi Ký thuộc địa phận Thanh Ba) vừa tiến tới. Về niềm nở quá đáng của ông Phán tiến tới bắt tay khiến điệu bộ viên chủ tịch càng thêm chững chạc.

Ngày mồng hai, nhân ra ga Âm Thượng chúc Tết mấy người quen, ông Phán có gặp viên chủ tịch này và ngỏ lời mời y nếu tiện dịp đến thăm đồn điền Lợi Ký vào đêm mồng bốn Tết, đêm có lửa trại. Trong thâm tâm, ông Phán không ngờ là y sẽ đến. Viên chủ tịch cũ từ ngày đầu cách mạng là một thanh niên đã học đến năm thứ ba ban thành chung, rất hăng hái, nhiệt thành yêu nước nhưng cũng rất nhu mì giải quyết mọi việc thuận bằng tình cảm. Viên chủ tịch mới lên thay được chừng ba tháng nay. Đoàn thể - ông Phán cũng chỉ mang máng hiểu rằng « đoàn thể » tức là những phần tử quan trọng điều khiển Mặt trận Việt Minh - giải thích sự thay đổi đó rằng : « Khu vực này rất quan trọng, là đầu mối các miền Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lào Kay nên cần một người có kinh nghiệm lên điều khiển guồng máy hành chính. » Ai cũng nhận điều giải thích ấy là đúng nhưng viên chủ tịch mới có vẻ cứng rắn nghiêm khắc quá. Ông Phán hơn ròn rợn khi thấy y có thái độ trở mặt như trở bàn tay : vừa cười rất niềm nở với người này lại lập tức có ngay bộ mặt nghiêm lạnh với người khác, phần nhiều là người cấp dưới của y (là nhân sĩ bàng huyện, ông Phán vẫn được y mời họp để tham

gia ý kiến với ủy ban hành chính kháng chiến huyện). Đây là lần đầu tiên, sau ba tháng lên làm chủ tịch, y đến thăm đồn điền Lợi Ký (trại huấn luyện liên lạc thẳng với tỉnh, không qua y).

Thoạt ông Phán giới thiệu y với bà Phán, với các con, rồi với tất cả những người có mặt tại cuộc lửa trại. Gặp đôi mắt Tân y thoáng vẻ bối rối nhưng y tự chủ được ngay khi cúi chào và từ đó không nhìn Tân một lần nào nữa. Ông Phán vỗ tay mấy cái đợi ai nấy im lặng rồi mới nói :

- Thưa các anh chị em tôi rất lấy làm hân hạnh, rất lấy làm hân hạnh giới thiệu cùng với toàn thể các anh chị em trại huấn luyện... Đây là ông Mạnh... Nguyễn Đức Mạnh, chủ tịch huyện Thanh Ba.

Mọi người vỗ tay, viên chủ tịch cúi chào, ông Phán mời y ngồi bên cạnh, cuộc vui tiếp tục. Y tới một mình, ở đây không phải là ủy ban không có cấp dưới, nên y chỉ phải xử dụng có một bộ mặt, bộ mặt xã giao niềm nở.

Tân nghĩ thầm :

- Chủ y, hừ, Chủ con ông Đồ Thịnh, việc gì hấn phải tránh không dám ngó mình. Hấn sợ phải nhận mình là người làng ?

Tân đưa mắt nhìn đôi bàn tay to lớn của y, đôi bàn tay đắc lực của những kẻ đã từng vật lộn với đồng ruộng để tạo nên những cơ nghiệp lương thiện ca ngợi trong phong dao :

*Nay mừng những kẻ nông phu,
Cầu cho hoà cốc phong thu bình thời
Bước sang hạ gió thu tàn,
Thu tiền tiền hoạch giàu ngang Thạch Sùng.
Quý nhân cùng kẻ anh hùng,
Rắp toan muốn hỏi nhà nông ê hề.*

Thân hình y thật là lực lưỡng - y vẫn lực lưỡng từ thuở bé, Tân nhớ lắm - nhiều lần Tân nhắm mắt lại tưởng tượng giá y mặc quần áo nâu thì y đẹp chất phác biết là chừng nào, tiếc thay y lại vận âu phục với đôi vai long đĩnh.

Y luôn luôn quay xuống hàng ghế dưới nói chuyện với Hăng, Hăng vốn là chàng trai dễ dãi vô tâm nên cười nói thực tình. Đôi khi y có gọi chuyện với Vân để được Vân lễ phép đáp lại, chỉ có Thi là ngảnh mặt đi nơi khác tuyệt nhiên không nói gì với y.

Trán y hơi thấp, nhưng mái tóc thưa nhẹ nhõm. Thuở y còn là người nhà nông, y cũng thuộc hạng thông minh kha khá có thể ứng khẩu hát những câu vè dí dỏm đối đáp với những cô gái quê tinh ranh có nụ cười tươi với

cặp mắt sắc như dao cau. Đôi mắt y sáng lăm, Tân tin rằng đứng giữa quăng đồng bao la, cặp mắt đó ngẩng nhìn trời có thể tiên liệu rất đúng những ngày gieo mạ cấy lúa. Cả khuôn mặt y dờ nhất có cái miệng : đôi môi hơi dày và hàm răng trước cửa vỡ ra quá nhiều nên chi y chúm môi thì được, nhưng mím môi thì hơi khó. Khuôn mặt vuông, cằm bạnh, nước da bánh mật chỉ cần gặp nắng một ngày là trở nên đen xạm.

Chương trình đã diễn được quá nửa, bà Phán quay lại khuyên Thi nên đi ngủ trước kéo gối lâu bị cảm lạnh, bệnh phổi có thể tái phát. Thi vâng lời đứng dậy thì có lời giới thiệu anh chàng sinh viên nghệ sĩ độc tấu một bản, nàng lại ngồi xuống cùng vỗ tay với mọi người rồi lim dim mắt theo dõi tiếng đàn thăt thều chập chờn như cánh bướm và lơ đãng như chiếc thuyền không người, bản Réverie của Schuman. Bản nhạc dứt bà Phán quay lại dục Thi lần nữa nàng mới quyết định đứng dậy về phòng. Viên chủ tịch quay lại, ý muốn nói vài lời xã giao với Thi, nhưng nàng đã đi thẳng.

Chương trình lửa trại bế mạc, ông Phán muốn lưu viên chủ tịch huyện nghỉ lại đồn điền nhưng y cảm ơn và xin cáo lui.

Tân đưa mắt nhìn theo, ôn lại thái độ rất kẻ cả của y suốt buổi lửa trại và chàng kết luận thầm : « Làm chủ tịch huyện. Chủ đã đánh mất một cái gì thực của y, nó làm y đẹp - đẹp về tinh thần - y đương cố tạo nên một cái gì mới để thay thế, nhưng cái mới không hợp với y chút nào, nó khiến y lạc lõng, bỡ ngỡ. Sở dĩ không ai để ý đến vẻ lạc lõng bỡ ngỡ đó, sở dĩ y tưởng đã đàn áp được vẻ lạc lõng bỡ ngỡ đó chỉ vì hiện tại y đương nắm quyền hành. »

II

Ông đồ Thinh là một nhà nho lỗ vận, tính tình hiền lành chỉ mê đọc kinh Dịch và khảo sát về tử vi, chẳng ngày nào là không có khách trong hàng huyện đến hỏi ông về lá số nào đó. Ông sinh sống bằng nghề tử vi.

Số hiếm hoi - ông biết vậy vì tự thấy bị Tuần, Triệt ở cung tử tức - mãi gần năm mươi tuổi ông mới có được với bà bé cậu con trai đầu lòng mà ông đặt tên là Chuy. (Bà cả mất đã ngoài mười năm.)

Bà đồ sinh được « hoàng nam » vui như mở cờ, trong khi đó ông đồ đượm vẻ đăm chiêu sâu muộn. Thoạt là bà đồ không hiểu, cho tới ngày kia có ông đồ Cán tới chơi bà mới vỡ lẽ...

Ông đồ Cán là người cùng bên quê Liên Phú với bà đồ có liên hệ thúc bá chút ít. Ông đồ Cán thân với ông đồ Thinh từ thuở hai người còn cắp sách theo học cụ Phó bảng làng Đỗ Xá ngay sát bên làng Lại Vũ. Cả đôi bạn cùng lận đận trên trường thi cử, ông Cán thoạt xin được bổ nhậm thừa phái tại một huyện miền trung du, rồi từ đấy hết huyện lỵ trung du này sang châu lỵ thượng du khác, ông thừa Cán thăng chức đô lại, ông đồ Cán ! Ông đồ Cán cũng thích tử vi nhưng tự nhận mình chỉ đáng là đàn em ông đồ Thinh. Mỗi lần có dịp

về thăm quê - một năm độ đôi ba lần - thế nào ông đồ Cán cũng đề ra một buổi sang bàn về tử vi với ông đồ Thinh rồi mới trở về nhiệm sở. Còn một điểm nữa khiến hai người càng thân nhau : ông đồ Cán cũng hiếm hoi. Nguyên do, theo sự nhận xét của ông đồ Thinh, cung tử tức của ông đồ có sao Bạch Hổ, hổ thường ăn con ! Năm ông đồ Thinh sinh Chuỷ thì ông đồ Cán cũng chỉ mới có một cậu con trai duy nhất đặt tên là Khoá chừng năm, sáu tuổi gì đó. Đi làm việc quan trên mạn ngược lâu năm, ông đồ Cán nghiện, điểm khác nhau vì hoàn cảnh đó đâu có ăn nhằm gì đến tình bạn của hai người. Lần đó Chuỷ đã gần đầy tuổi thì ông đồ Cán về thăm quê và sang thăm ông đồ Thinh.

Ông đồ mở đầu câu chuyện :

- Giai bất nhân Phá Quân Thìn Tuất, gái bạc tình Tham Sát Nhàn cung ! Tôi xem sổ thẳng bé nhà tôi mà thấy ngại bác ạ.

Ông đồ Cán cầm lá số của Chuỷ xem qua một lượt suy nghĩ rồi gật gù :

- Mệnh cung có Phá Quân !

Ông đồ nhăn mặt đau khổ :

- Phá Quân mà lại đóng ở Tuất nữa mới chết chứ.

Ông đô Cán cười :

- Bác đừng ngại, đã đành Phá Quân là hung tinh nhưng xưa kia cũng là số của Quan Vân Trường, con người trung nghĩa biết bao.

Ông đô thở dài nhè nhẹ, khẽ lắc đầu :

- Thì vẫn thế...

Ông muốn nói tiếp : « ... nhưng mấy người được như Quan Vân Trường, » rồi lại thôi. Ông cúi xuống nhìn lá số tiếp :

- Nó là Thuỷ Nhị Cục, khoảng tuổi 42-52 đại tiểu hạn trùng phùng. Tướng Quân ngộ Triệt e rằng bất đắc kỳ tử.

Ông đô Cán lại an ủi :

- Trường hợp đại hạn xấu, tiểu hạn cũng xấu, hai anh xấu gặp nhau không hành hạ nhau nữa, cùng một bạn một bầu với nhau mà, nếu cả hai cùng tốt thì « Thái cương tắc triết » như lúa tốt quá hoá ộp; cho nên theo kinh nghiệm của tôi đại tiểu hạn trùng phùng lợi không lợi to, hại không hại lớn.

Ông đô lắc đầu vẻ ngao ngán hơn, nhưng lần này ông không nói gì.

Sự thắc mắc của ông đồ về lá số của Chủy cũng nguôi dần; ông vẫn tiếp tục nghiên cứu những lá số khác. Cậu bé Chủy lớn lên trong sự nuông chiều của ông và trong bầu không khí nghiêm trọng của tử vi, kinh Dịch. Ông đồ thường cùng bạn nghiên cứu tử vi, kinh Dịch vào sau bữa cơm tối.

Chính bà đồ phải luôn luôn gào thét đánh mắng Chủy. Mỗi lần chứng kiến thái độ ngỗ nghịch quá đáng của Chủy, ông đồ vớ lấy chiếc xe điều kinh châu (thứ xe điều có nhiều mấu, đánh rất đau) áp vào đít Chủy và quát khê : « Ông đánh chết giờ !» Chủy thường điềm nhiên đứng yên hơi bĩu môi vì thừa biết bố không bao giờ đánh mình.

Vào năm Chủy lên ba, một lần đôi tri kỷ tử vi gặp nhau, ông đồ Thịnh dạo đó đương mệch bỗng hỏi ông đồ Cán :

- Bác Mẫn-Trí nhi (tên tự của ông đồ Cán) sau này ngày tôi hai năm mươi bác đặt tên hiệu cho tôi là gì nào?

Đôi mắt ông đồ Cán sáng lên, ông ngờ đâu mình lại được cái hân hạnh ông đồ Thịnh hỏi ý kiến về đặt tên hiệu trước lúc lâm chung, cả tư duy ông bùng lên chói lọi và ông đáp ngay :

- Thái Nhất tiên sinh ! Phải, Thái Nhất tiên sinh rất hợp với quý danh !

Ông đồ gật gù :

- Thái Nhất tiên sinh !

Giọng ông đồ Cán càng hồi hả :

- Thái Nhất, khí trong trời đất lúc còn hồn nhiên, vị phân...

- Vâng, tôi biết - ông đồ trầm ngâm đáp - chữ trong Lại Thị Xuân Thu. Khí đó thanh tịnh hợp với tên Thịnh của tôi, ý nghĩa bao quát hơn nên bác lấy làm tên hiệu.

- Chính thị ! - Ông đồ Cán vội vã đáp.

- Xin đa tạ và xin nhận - ông đồ vẫn nói bằng giọng thật điềm tĩnh.

Khi ra về ông đồ Cán mới giật mình lo lắng nghĩ thầm hẳn là bạn mình đã tự bấm số trước biết không tránh được số trời nên mới nghĩ đến đặt tên hiệu. Và lòng ông đồ Cán rung rung.

Được lúc tĩnh tâm nào, ông nghĩ câu đối viếng bạn.

Những tưởng ngày một ngày hai ông đồ Thịnh mát, nào

ngờ ông đồ khoẻ trở lại, đôi bạn còn gặp nhau nhiều để tiếp tục thảo luận về tử vi. Kể những câu thơ bàn về tử vi ông đồ đọc nhiều lắm nhưng cậu bé Chủy - năm đó lên bảy - chỉ nhớ được đọc có một câu mà cậu cho là lý thú lắm :

*Sao Thai mà ngộ Đào Hoa
Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng.*

Đúng vào lúc không ngờ nhất thì ông đồ Cán được hay tin ông đồ Thịnh mất. Tên hiệu « Thái Nhất tiên sinh » đặt trước thềm thoát đã năm năm.

Trong hàng đối tượng dài nườm nượp của bà con bạn hữu xa gần phúng ông đồ có chiếc trướng của ông đồ Cán. Ông đồ Cán đã tôn việc xem tử vi của người bạn quá cố lên thành một thứ đạo, ông dùng bốn chữ của Từ Cán đời Lục Triều để ca ngợi bạn trong lời ai điếu :

KỶ ĐẠO DO TỒN

Ý ông muốn nói : ông đồ Thịnh tuy chết đi nhưng đạo tử vi của ông sẽ còn mãi mãi trong đám môn sinh.

Ông đồ mất, Chủy lên tám, học trò có họp đồng môn làm ma linh đình, nhưng sau đó bà đồ sống lần hồi trong cảnh túng bần. Sau cùng, cực chẳng đã bà đành cho Chủy sang làng bên - quê bà - đi ở chăn bò cho một

điền chủ là cháu họ gọi bà bằng cô. Ngày ngày Chủy phụ trách chăn một con bò đen tuyền và một con bê vàng đốm trắng. Chủy rất ưa con bò đen hung hãn này; trên bờ sông máng hể gặp con bò khác nó thường xông tới húc liền kỳ cho đối phương bỏ chạy, nhiều con vì hốt hoảng tránh nó mà lặn xuống sông máng. Cũng vì con bò đen hung hãn này mà thường xảy những vụ xô xát giữa Chủy với lũ mục đồng cùng lứa tuổi, nhưng vì sức Chủy vạm vỡ nên mỗi khi có cuộc ẩu đả phần thắng thường về Chủy. Sau phút chiến thắng, Chủy cười hềnh hếch ngồi ngất nghểu trên lưng bò, tay cầm sợi chỉ dài đầu buộc con cánh cam giựt giựt cho nó bay vù vù trước mặt và ca lớn câu đồng dao :

Bò đen húc lẩn bò vàng

Để cho bò trắng lặn quàng xuống sông.

Sớm sớm Chủy thường tìm bắt một con cánh cam buộc vào đầu sợi chỉ dài làm đồ chơi cầm tay suốt ngày; về chiều khi con cánh cam đã mệt lả giựt không buồn bay nữa, Chủy đặt nó xuống đất, dí mạnh gót chân lên, lắng tai nghe tiếng vỡ rạn của đôi cánh cứng cùng thân thể con vật khôn nạn, khi nhấc gót chân sang bên Chủy khoan khoái nhìn xuống, con vật đã bị nát bét, phần dưới tiết ra một chất nước vàng bầy nhầy. Mỗi lần dí gót chân như vậy Chủy nghe xao động trong tiềm thức sức mạnh của bản năng phá hoại và dường như còn

vương chút tình cảm hãnh tiến của kẻ thấy mình nắm được quyền sinh sát trên một sinh vật.

Đêm đêm Chủy có cặp sách đi học ABC. Vì sáng ý chẳng bao lâu Chủy biết đọc, biết viết, làm tính. Năm mười bốn tuổi Chủy về sống với mẹ. Bà đồ vẫn rất nghiêm khắc với con nhưng Chủy cũng biết sau bề ngoài nghiêm khắc đó, mẹ thương mình rất mực. Tình từ mẫu dường như có làm yếu khuynh hướng phá hoại và tình cảm hãnh tiến bên trong Chủy. Rồi trên mười năm dòng Chủy đem hết lực ra giúp mẹ mọi việc đồng áng khó nhọc : đó là ưu điểm thứ nhất của Chủy về chữ hiếu. Chủy thuộc rất nhiều ca dao câu ví, trong khi làm lụng ngoài đồng Chủy vẫn hát đối đáp với các cô gái cùng làng. Chỉ những lúc cách ngỡ như vậy là các cô giữ được cảm tình với Chủy, tới lúc đôi bên gần nhau Chủy hay giở trò chớt nhả thô tục bị các cô cự nự. Các cô gọi riều Chủy là « anh Trương Vô ». Đáng người vạm vỡ, khuôn mặt không đến nỗi xấu duy có bộ răng vỡ làm Chủy thất thế trước ái tình. Trong trường hợp bị xúc phạm, nhiều cô dùng những câu khá chanh chua. Chuyện đó đến tai bà đồ, bà lồng lộn lên xỉa xối vào mặt Chủy : « Cha tiên nhân nhà mày, mày có thềm cái đậu rán để rồi bà mua về cho mày, việc gì mày phải dờ trò khôn nạn để bêu riếu bà. » Bị mẹ mắng, Chủy biết lỗi im lặng : đó là ưu điểm thứ hai của Chủy về chữ hiếu. Nhưng rồi sau đó, chứng nào vẫn tật ấy ! Đồng

thời với câu xia xói : « Cha tiên nhân nhà mày, mày có thềm cái đậu rán để rồi bà mua về cho mày !» Bà đồ đi ước hỏi mấy cô gái cùng làng cho Chủ, nhưng có lẽ vì Chủ có thành tích bất hảo quá, lại thêm danh từ « Trương Vô » đã quá phổ biến trong làng nên các cô gái đến tuổi đều một mực từ chối, bà đồ đành tính chuyện hỏi vợ cho Chủ ở làng bên - quê bà - công việc chưa thành thì bà bị bệnh - bệnh già - rồi mất. Đó là vào khoảng 1943 - 44 gì đó.

III

Cũng vào đạo này ba hoa khôì làng Lại Vũ đều gặp số phận hẩm hiu rất đáng thương cảm.

Nàng thứ nhất thân hình nhỏ nhắn, mặt trái soan, nước da trắng mịn đôi mắt đen thăm thẳm dưới đôi lông mày lá liễu cong dài, nàng thường chít khăn nhiễu, tóc rẽ giữa, một vài sợi uốn quăn tự nhiên lòa xoà xuống trán và khoảng hai thái dương, dáng nàng đi đứng thực đoan trang, người làng vẫn gọi đùa là Thuý Kiều.

Nàng thứ hai khuôn mặt tròn, nước da trắng hồng, đôi mắt bồ câu đen thơ ngây, giọng nói tiếng cười ròn tan, dáng đi lanh chao đon đả, làng vẫn gọi là Thuý Vân. Là con nhà giàu, quanh năm « nàng Vân » chít khăn nhung, vành khăn tròn lẫn rất khéo rất gọn trên đầu.

Nàng thứ ba có vẻ đẹp đậm lai, khuôn mặt bầu bĩnh, đôi mắt phảng phất màu xanh da trời lóng lánh, mũi cao; nàng vấn tóc trần và đầu ngói rẽ lệch, tên nàng là Hạng. Một thanh niên có chút Tây học gọi đùa nàng là Étéenne (Été + N = Hạng + N = Hạng).

Năm 1944, hội giời - dân làng Lại Vũ vẫn gọi năm nào có bệnh dịch tả hoành hành là năm hội giời - nàng Étéenne không may mắc bệnh rồi « nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên hương. »

Nàng Thúy Vân vẫn cất hàng ngũ cốc tại huyện Từ Sơn rồi xuôi Hà Nội bán buôn cho mấy hiệu khách lớn ở phố hàng Bồ. Một thanh niên Trung Hoa con một chủ hiệu lớn nhất mê nàng. Rồi đôi bên mê nhau. Chàng thanh niên con trời đó lần mò về tận làng Lại Vũ hỏi nàng làm vợ nhưng cha mẹ nàng cương quyết khước từ cho rằng để con gái lấy khách là một cái nhục lớn cho gia phong. Câu chuyện vỡ lở, nàng Thúy Vân mất giá ! Một số chàng trai môn đăng hộ đối trong làng giữ nguyên thành kiến không ai chịu hỏi nàng. Sang năm 1944, nàng đành nhận lời lấy một thanh niên cùng xóm rất tầm thường, kém nàng hai tuổi. Chàng trai nay đã thi ba lần rồi mà chưa đỗ bằng Cử thủy, y cao lớn ngô nghê như gà tồ, ăn nói bộc tếch, mặt đầy trứng cá, đôi bàn tay chuối mẩn đã thô lại sần sùi vì ghẻ mướp, y chỉ được một ưu điểm là : con một, nhà giàu, mẹ góa. Các chàng trai môn đăng hộ đối tuy giữ thành kiến không chịu hỏi nàng Vân làm vợ, nhưng xem ra chẳng chàng nào là không giữ nguyên tình cảm ngấm ngấm say mê nàng. Vì ngấm ngấm nên mãnh liệt, càng mãnh liệt khi biết kẻ kia sẽ làm chủ nàng và càng mãnh liệt hơn nữa theo tỷ lệ thuận với thời gian vun vút xê dịch tới gần ngày vu qui của nàng. Ba hôm trước ngày cưới một thanh niên hào hoa nhất làng gặp nàng trước cửa miếu vắng vẻ, đúng lúc tiếng chuông chùa gần đây ngân tiếng thu không. Anh chàng đã buông theo lòng dục mà sần sỏ

ôm ghì lấy nàng như một tên vũ phu, nàng bị ả lùn cho ngã dựa lưng vào đồng rơm bên tường miếu gần với cây hoa móng rồng tỏa hương thơm sực nức vào lúc nhòa tối. Nàng hết sức kháng cự ! Anh chàng nói nửa như van lơn, nửa như giận dữ, trong tiếng thở hổn hển : « Em sống với anh một phút chẳng hơn sống với thằng đó suốt đời ư ? » Nàng vẫn vùng vẫy sau cùng thoát khỏi đôi cánh tay sắt lung lạc bởi ái tình kia, vành khăn sổ tung, quần áo có xô lệch... Hôm sau gặp nàng giữa đường làng đông đúc, chàng thanh niên bất đắc chí đã bước theo sát nàng mấy bước và ngậm khế đủ để nàng nghe :

*Biết thân đến bước lạc loài
Nhi đào thà bẻ cho người tình chung.*

Ngày cưới nàng, những lời xì xào bàn tán, than tiếc ngẩn ngơ : « Hạt ngọc ngâu vầy... » « Cú đậu cành mai... »

Vẫn anh chàng thanh niên bất đắc chí ngậm thêm một câu nữa :

*Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Thối nôi đồng điệu lại vẫn than rơm.*

Một bầu không khí hận tình u uất qui tụ lấy trí tưởng tượng của thanh niên làng, đan lát thành một màng lưới vây quanh lấy nàng Vân trong đêm tân hôn.

**

Thúy Kiều vừa đến tuổi xuân của đời - hai mươi tuổi - thì xuất giá. Chồng nàng là một thanh niên trắng trẻo dáng cao và hơi gầy, có đôi chút học thức; chàng học đến năm thứ ba thành chung thì phá ngang theo ngành hiệu thính viên. Mãn khoá chàng được làm trưởng đài vô tuyến tại Mường Sinh, một thị trấn miền thượng Lào phía Tây Nam Phong-Saly, khoảng giáp với Vân Nam và Miến Điện. Chàng một mình ra đi nhậm chức vừa lúc nửa năm hương lửa đương nồng, hẹn vợ mãn nhiệm kỳ - một năm rưỡi - sẽ trở về cùng nàng. Con đường cách trở xa thật là xa, thư từ kể từ ngày gửi phải một tháng sau mới nhận được. Mấy bức thư đầu chàng viết cho anh em vui lắm, chàng kể những chuyện ân ái rất ngộ nghĩnh mà chàng hưởng thụ với các « nõng » (em) miền thượng Lào giữa ban ngày, ngay trong vườn cây thuốc phiện. Bỗng nhiên thư tín của chàng ngừng bật với nàng cũng như với các bè bạn trong làng. Nàng tiếp tục công việc hàng ngày ươm tơ tằm, quay guồng, xe sợi, dệt lụa tại căn nhà ngang cửa mở về hướng Đông. Buổi sáng ánh mặt trời ủa vào, bóng nàng in thành vệt dài trên vách phía trong cùng; ban đêm khi nàng khêu

lớn ngọn đèn trên vách để dẹt cửi, bóng nàng ngả dài về phía cửa ra vào. Ôi, bóng nàng sớm, trưa, chiều và đêm sao mà âm thầm, âm thầm nhưng vẫn đoan trang rất mực. Sang giữa năm 1944, nàng được tin chàng có tham gia cách mạng hoạt động miền thượng Lào và bị thực dân xử bắn cùng với một số đồng chí ngay trong rừng Mường Sinh cách nơi chàng làm việc không bao xa. Bóng nàng càng âm thầm càng đoan trang, tiếng guồng xa, sợi chỉ se dài như bất tận tự cuộn tròn trong lòng thăm thẳm của thời gian; rồi ban đêm là tiếng khung cửi đều đều buồn buồn làm nền cho tiếng lòng âm thầm, ní non một mình nàng biết, một mình nàng hay.

Một lần vào khoảng nửa đêm tiếng khung cửi bỗng nhiên ngừng bật lại khá lâu, bà mẹ chồng ở buồng trên thoáng nghe có tiếng khóc nức, bà rón rén xuống nhà ngang đứng sát cửa, né mình trong bóng tối, nghiêng đầu nhòm vào : nàng đang gục đầu trên hai cánh tay, mái tóc hơi lác lư trên khung cửi. Mê man trong đau khổ, nàng không nghe thấy tiếng bước chân của mẹ chồng, bóng nàng không còn in dài ra phía cửa mà thu gọn lại trên khoảng khung cửi như đang ghé xuống an ủi thầm bên tai nàng.

Mặt trận Việt Minh thời này hoạt động dữ tại các miền quê. Chính Tân cũng gia nhập đoàn thể Thanh Niên Cứu Quốc làng để hoạt động bí mật. Tiểu tổ của

Tân - Tân là tổ trưởng - gồm ba thanh niên làng, người nào cũng mang thêm bí danh, phụ trách hoạt động tại một xã lân cận. Ba người đã thay phiên nhau làm « anh Cán » (cán bộ) tới đó khai hội để mở rộng phong trào. Chủ cũng là tổ trưởng một tiểu tổ khác chuyên đi tới các chợ, các trường học tuyên truyền xung phong, hoặc đến từng nhà Việt gian (những hương lý cam chịu hợp tác với Pháp Nhật) cảnh cáo hoặc lớn hơn, tổ chức phá kho thóc của Nhật phát cho đồng bào nghèo để khuếch trương ảnh hưởng Mặt trận. Chủ lấy bí danh là Mạnh mẽ từ đây.

Uy tín của Chủ ngày một lớn, cái tên « Trưởng Vô » mờ dần trong quên lãng và cũng vì thế Chủ tự thấy có bốn phận phải thận trọng không dám có thái độ xấu nét với các cô như xưa nữa.

Tối hôm đó tiểu tổ Chủ phụ trách tổ chức một buổi mít tinh lớn gồm mấy xã quanh vùng, khẩu hiệu : «Chống thu thóc !» « Chống phá lúa giồng đay !» Địa điểm được chọn ngay tại bãi tha ma giữa đồng làng.

Với sự hợp tác của bốn tiểu tổ bạn, Chủ bố trí các cây súng - súng sáu, súng mót-cơ-tông; súng bắn chim - canh gác các ngã đường trọng yếu. Cuộc mít tinh sau cùng biến thành tuần hành thị uy, các cây đuốc nối tiếp nhau thành một dãy dài như hội hoa đăng. Trong số phụ nữ làng đi dự mít tinh có cả nàng Kiều.

Cuộc mít tinh tuần hành được kết quả mỹ mãn. Khi dòng người đã giải tán theo các ngã đường đã định trước, Chủy trao khẩu súng sáu cho một đồng chí cất về kho kín, còn mình thì theo con đường đồng dẫn về cuối làng. Tiếng thì thầm bàn tán khen ngợi của từng đoàn người đi trước theo chiều gió vắng lại. Có bóng anh chập chờn phía trước. Chủy rảo cẳng. Bóng đàn bà Chủy rảo cẳng hơn. Nàng Kiều ! Nàng đi sau cùng, quay lại nhận ra Chủy, khẽ gật đầu chào. Trăng thượng tuần vừa lặn, một thứ ánh sáng lân tinh như còn thảng thốt chập chờn phía cuối chân trời Tây, đứng khoảng trăng non vừa lặn. Lúc đó vào chín giờ rưỡi tối. Bóng tối mờ hồ phủ ngập xuống cánh đồng, toán đi trước cách đấy chừng mười bước trông chỉ thấy thấp thoáng Chủy quàng tay giữ nàng Kiều lại, nàng lúng túng không biết nói sao, nhưng im lặng. Toán trước hoàn toàn chìm trong bóng tối, hai người hoàn toàn cảm thấy sống chơ vơ giữa một hòn đảo xung quanh là tiếng rì rào a tòng của sóng lúa. Chủy khẹp chặt nàng Kiều trong vòng tay dìu nàng nằm xuống bờ cỏ.

Nàng đã nhắm mắt để mặc Chủy...

Khi Chủy ghì nàng một lần cuối rồi đứng dậy nàng mới bàng hoàng sực tỉnh, kéo vôi cặp quần lên rồi nằm nghiêng người lại, hai tay ôm mặt khóc rung rức. Chủy biết nàng xấu hổ và hối hận, rón rén bước theo đường

về và khi đã đủ xa, Chủy rảo cẳng như chạy trốn... Từ đây ban ngày khi thoáng thấy nàng Kiều đàng xa Chủy vội lẩn mặt. Dường như Chủy cũng thấy mình đã xúc phạm đến một mối tình thiêng liêng, dường như Chủy cũng cảm thấy một cái gì rờn rợn của cảm hờn.

Ba tháng qua đi, tới một buổi chiều chạng vạng, Chủy từ làng bên vừa về đến ngõ xóm cuối làng thì một bóng người - bóng nàng Kiều - nhô khỏi khúc quanh cùng tiếng nói :

- Anh Chủy !

- Chị Cát ! - Tên người chồng cũ của nàng Kiều.

- Tôi có mang - Giọng nói nàng thít qua kẽ răng, biết bao đau khổ và đay nghiến - tôi có mang anh biết không?

Chủy thoát lính quýnh nhưng rồi trầm tĩnh được và quyết định ngay :

- Thì chúng ta lấy nhau chứ sao.

- Giờ ơi ! - giọng nàng như vừa biến thành hai giọt âm thanh nức nở nhập vào bóng tối, bất tuyệt với tiếng thở dài của gió chiều.

Nhưng rồi còn biết làm sao khác ? Nàng Kiều xin phép mẹ chồng về nhà cha mẹ để rồi cuối tháng đó cấp tốc sửa soạn lễ thành hôn với Chử, giữa những tiếng nguyền răn kèn kẹt của ông bố, giữa những lời đay nghiến như muốn dứt da dứt thịt của bà mẹ và than ôi còn giữa biết bao miệng tiếng dè bủ chê cười của người làng. Sau cùng đứng vào hôm nàng sẽ theo Chử về, không sao chịu đựng được những hình phạt tinh thần quá nặng nề tàn khốc đó nàng vừa khóc nức nở vừa nói với cha mẹ :

- Vì thương đứa con trong bụng nên con phải gắng gượng sống, con mà tự tử bây giờ, thì nhà ta mang tội ba đời thầy u có biết cho con chăng ?... Giờ ơi !

IV

Mặt trận Việt Minh đến thời hoạt động dữ. Tại thành thị, từng khu được điều tra kỹ, xem có kẻ nào hợp tác với địch; tại làng thôn, các cảnh sát viên hay vợ con của những người đó đều bị Mặt trận phái người đến nhấn nhẹ cảnh cáo. Cô Minh đẹp đến nỗi có mỹ danh là Minh Thiên Hương bị giết ở phố Chợ Hôm chỉ vì đã làm công cho Nhật. Uy tín của Mặt trận Việt Minh đương thời vững vàng đến nỗi việc đang tay sát hại cô gái đẹp mỹ miều vô hại kia không hề gây một chút công phẫn, trái lại ai nấy yên trí rằng Việt Minh đã giết hẳn phải là có tội nặng.

Có tin đội Sam, trước đây là mật thám cho Pháp, về phố huyện Từ Sơn làm giỗ cha (mẹ đội Sam mở một cửa hàng tạp hoá nhỏ ngay trước công huyện), tiểu tổ Chủy được lệnh ngay buổi chiều hôm đó phải đón đường giết đội Sam khi y từ huyện xuôi về Hà Nội (đội Sam biết phận lắm, không dám ngủ ở nhà buổi tối, sau khi về làm giỗ cha).

Cảnh cáo Việt gian, Chủy đã cảnh cáo nhiều, nhưng lãnh việc xử tử thì lần này là lần đầu. Chủy nghiên cứu kỹ quãng đường và quyết định sẽ bố trí giết đội Sam vào khúc quanh của con đường Số Một cách cầu Đuống chừng hai cây số.

Khi chiếc xe mô-tô deux temps của đội Sam lướt gần tới khúc quanh đó, sợi dây trạo được nâng lên cao, hai đầu quấn lấy hai thân cây ở hai bên đường, quãng giữa sợi dây có buộc một miếng vải đỏ. Tiếng phanh rít lên nghe như thấy tiếng kêu thất thanh, đội Sam nhảy được sang bên trái nhưng ngã sấp xuống mặt đường trong khi chiếc xe còn lao về phía trước mười thước nữa mới đổ nghiêng xuống, dầu xăng trào ra tung tóe. Đội Sam vừa chống tay đứng dậy thì Chủ đã từ sau gốc cây xông tới. Biết mình lâm nguy đội Sam quay ngoắt người định cầm đầu chạy thẳng về phía huyện may ra có thể gặp người bộ hành, gặp xe hành khách mà thoát nạn. Nhưng đội Sam bàng hoàng loạng choạng, ba phát súng lục nổ liên tiếp đều trúng đầu, y ngã sấp xuống, xương sọ vỡ toang, máu hoà với óc phòi ra bầy nhầy. Khi cúi xuống lật ngửa y lên để gài bản án vào ngực, Chủ mới nhận thấy thêm : giây phút cuối cùng vì quá hoảng sợ đội San đã bĩnh ra quần, màu vàng thắm ướt đũng trông chẳng khác gì màu vàng phần dưới thân con cánh cam hồi nào bị cậu bé Chủ đâm cho chết nát. Trong giây phút say sưa của một công cuộc bố trí tới mức hoàn mỹ, Chủ thấy rằng giết người kể cũng không lấy gì làm ghê gớm lắm. Nhớ lại trước đây, càng những đêm mưa to gió lớn việc đi cảnh cáo Việt gian càng hào hứng. Gõ cửa. Cánh cửa hé mở. Ập vào, giơ súng lên. Trước bầy người sợ xanh mắt, Chủ lớn tiếng khuyến cáo mấy lời đã thuộc

lòng như cháo. Lũ kia gặt đầu lia lĩa. Không gặt đầu sao được ! Lời nói nhân danh tổ quốc. Kẻ nói vừa có súng lại vừa lặn lội mưa gió với bao gian nguy. Thường thường nói dứt lời, Chủy hằm hằm xông tới tạt hoặc thoi quai hằm mấy cái tùy trường hợp kẻ có lỗi kia gày yếu hay lực lưỡng. Có người vì quá thương chồng vội vàng quì xuống vừa lạy vừa khóc lóc van xin. Tháng tháng đón đọc tờ báo Cứu Quốc in li-tô, Chủy ưa đọc trang đăng tin những vụ cảnh cáo hoặc ám sát Việt gian. Sau mỗi lần đi cảnh cáo, Chủy thấy uy tín Mặt trận rõ ràng cao cả lên gấp bội, lũ tay sai của địch tan rã nhanh như bọt sà phòng gặp nước. Làm cách mạng thực cũng giản dị và con đường vinh quang của cách mạng thực cũng thênh thang ! Từ việc bắt chọt tới nhà cảnh cáo bằng cái tạt, cú đấm bắt chọt, đón đường thực hành án xử tử bằng súng lục (xử tử đội Sam) tuy có bước nhảy vọt nhưng Chủy đã vượt qua bước đó dễ dàng.

Tin đồng chí Mạnh (Chủy) giết đội Sam, thoát bí mật truyền đi trong các tiểu tổ rồi khắp làng Lại Vũ đều biết và mọi người nhìn Chủy bằng con mắt gờm gờm kính sợ. Khi vừa hay tin đó nàng Kiều mặt tái mét tưởng như sắp đến lượt chính nàng bị bắn. Nàng đã sắp tới ngày sinh nở ! Một tuần liền nàng khóc nàng la bên tai Chủy :

- Anh là tên giết người ! Trời ơi, đưa con anh về sau sẽ ra sao khi biết bố nó đã từng giết người ? !

Chủ mỗi miệng giải thích rằng đội Sam là mật thám là Việt gian, theo lệnh của đoàn thể thì phải thanh toán cho hết những hạn chó săn đó cách mạng mới thành công được mà người đàn bà yêu kiều nhưng cứng đầu cứng cổ kia nhất định không chịu nghe không chịu hiểu, nàng chỉ một mực bám vào ý nghĩ : « Đời cha đã giết người, đời con cũng đến bỏ đi. » Một tuần ròng rã khóc la, đay nghiến như vậy nàng khản đặc cổ.

Cách mạng tháng tám bùng nổ ở thủ đô !

Ê vỡ ! Cả vùng ruộng thấp Bắc Ninh ngập dưới làn nước đỏ mênh mông, nước ngập nửa làng Lại Vũ. Sóng đồng thật hỗn loạn ! Những con thuyền thúng nhỏ với những lá cờ đỏ sao vàng căng phồng phát phới từ Lại Vũ đi chéo lên huyện Từ Sơn có khi mất đến hai tiếng đồng hồ. Một xác người trương phồng không biết chết tự đâu theo con nước trôi rạt vào bờ lũy tre. Người đàn bà lữ bước kia đau bụng âm ỉ từ một ngày trước và bắt đầu trở dạ để khoảng mười hai giờ khuya. Ở chôn quê hương thời ngập lụt này việc đi lại vô cùng diệu vợi. Mẹ nàng hay tin vội mời bà mẹ ở đầu làng lại. Đau quần quai đã trên một tiếng đồng hồ, nàng bị lật tròng từ khoảng dưới. Bà mẹ dăm chiêu ngắm hình bụng nàng to phình về phía mạng mỡ bên trái, phần bên phải đối diện nhỏ xẹp. Thật là khác thường !

- Cô đau lắm hả ? - Bà mẹ hỏi.

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 103

Nàng bặm môi dang tay gạt đầu không nói. Cửa mình hơi mở nước đầu ôi chảy ứa ra màu trắng đục.

- Cô rặn thử được rồi đây - bà nói.

Nàng rặn rồi nhăn mặt.

- Không sao đâu con ạ - mẹ nàng nói giọng đầy thương mến - nó nhồi được ra là nhẹ người.

Nghe tiếng guốc bà biết là chồng đến, bà chạy ra cửa buồng nói khẽ :

- Ông ngồi chờ ở gian bên đây.

- Nó chưa đẻ ?

- Sắp !

- Cô rặn đúi ra một chút nữa - tiếng bà mụ - co chân lên, hai tay nắm lấy hai cổ chân. Thế... Nắm chắc vào. Được rồi ! Bây giờ rặn đi, rặn mạnh nào.

- Đau quá bà ạ ! Đau lắm bà ạ ! - Nàng nói giọng hỏn hển sau mỗi lần rặn.

- Sắp được rồi đây.

- Cố đi con - mẹ nàng đã đến ngồi trên đầu giường.

Lần này cùng với tiếng rặn bà mẹ thò tay vào cửa mình.

- Trời Phật ơi ! - Mẹ nàng và bà mẹ kêu cùng một lúc...

Bà mẹ vừa kéo ra một bàn tay xinh đồng thời với một dòng máu nhỏ.

- Bà hãy kiểm lấy mấy cái chổi xể cùn đốt lên làm phép cho cô ấy đỡ đau. - Bà mẹ nói với mẹ nàng và mẹ nàng vội ra khỏi buồng.

- Có làm sao không bà ?

- Không sao đâu, ông cứ ngồi đấy, tôi đi kiểm một tí chổi xể cùn.

Bà mẹ chép miệng nghĩ thầm : « Để ngược có thể chẳng việc gì, nhưng để ngang thì biết làm sao bây giờ! »

Ngọn lửa nhóm lên. Tiếng nổ lách tách nhỏ. Khói tỏa mùi khét hăng hắc của chổi xể cùn bị đốt. Đau... Mệt... Toát mồ hôi... Nàng vẫn theo lời bà mẹ đem hết hơi tàn ra rặn đẻ. Sau mỗi lần rặn, sức lực yếu hẳn, chân tay rã rời. Bà mẹ kéo cánh tay đưa trẻ ra đến khuỷu. Máu ra khá nhiều, hơi nàng thở nhanh. Ngọn lửa chổi xể đã đượm than hồng. Mồ hôi nàng vã ra như tắm, nàng hét lên một tiếng uốn cong người, da tái xanh, mắt sâu, má

hóp, môi tím bầm, cả khuôn mặt biến dạng đi trông không còn một chút nhan sắc ban chiều. Nàng chính là hiện thân của đau đớn, của tử thần. Tiếng rên thoát hải hùng, bi thiết, rồi tiếng rên yếu dần... yếu dần. Mẹ nàng theo lời bà mẹ đi kiếm người chở thuyền để kịp đưa nàng lên huyện Từ Sơn có nhà hộ sinh. Ông bố vào hẳn phòng. Cánh tay đưa nhỏ thò ra đã xám lại. Nàng thở ròn rập, thở bằng miệng. Nàng bỗng ngật đầu về phía sau và như có kèm theo tiếng nấc khẽ, mắt trợn. Bà mẹ vừa kịp trở lại vào lúc nàng hết nấc, thở khẽ và xuôi dần, chân tay duỗi thẳng, buông rời bất động. Khi nàng tắt hơi thở cuối cùng thì đôi mắt còn trợn ngược, miệng há hốc. Bà mẹ vuốt mắt, vuốt miệng cho nàng, khẽ chép miệng thở dài, rồi đắp phủ lên thân nàng tấm mền mỏng hoa đỏ, bà mẹ nàng cất tiếng khóc than kẻ lẽ, ông bố mím môi chộp mắt, thỉnh thoảng vuốt sợi râu mép nhưng chính là vuốt sự sầu khổ cho nén xuống đáy lòng. Vừa năm giờ sáng.

Cho tới lúc đó, Chủy chưa hay biết gì cả. Anh lên thuyền từ trưa sang làng bên, tổ chức ủy ban cách mạng ở đó. Mười giờ sáng hôm sau hay tin sét đánh vợ chết, con chết, Chủy mới lên thuyền về.

Kể từ sau vụ xử tử đội Sam, Chủy đã được kết nạp vào Đảng, được sinh hoạt học tập cách lãnh đạo quần chúng, được Đảng cử xuống thực hành công tác tại các thôn xã.

Khi hay tin vợ con Chủy chết, Đảng bèn cử Chủy lên huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn) học tập công tác ở ngay miền quê hương cách mạng đó. Đảng khéo sắp đặt công tác khiến Chủy bận rộn suốt ngày. Chủy được dịp chứng kiến những tên « phản cách mạng » đên tội dưới cờ (hầu hết là những người Đệ Tứ hoặc Việt Quốc). Hơn một năm trời công tác ở Bắc Sơn, Chủy hoàn toàn quen với bầu không khí sửa soạn và thực hành án xử tử. Tỉnh thoảng Đảng còn đưa Chủy cùng một số đồng chí đến những miền có thổ phỉ ai nấy đào hố cá nhân ẩn nấp rồi xả súng vào sào huyệt khiêu khích cho chúng bắn ra. Lôi huân luyện thực tiễn này giúp mọi người quen với không khí chiến trường, quen với tiếng đạn từ xa bắn lại riu không khí. Biết bao lần ra đi như vậy chưa một ai bị nạn mà ai nấy cùng thấy mình dày dạn chiến trường lên nhiều.

Và sau cùng đã ba tháng nay Chủy - bí danh Mạnh - được đoàn thể hoàn toàn tín nhiệm cử về lãnh chức chủ tịch huyện Thanh Ba thay viên chủ tịch cũ, một thanh niên ái quốc nhưng còn đầy rẫy những tật xấu « tiểu tư sản ».

CHƯƠNG BỐN

PHẨM TIÊN RƠI ĐẾN TAY HÈN

I

Trở lại với khung cảnh đồn điền Lợi Ký. Mừng bảy tháng giêng, ba ngày sau đêm lửa trại.

Đã bảy ngày đầu xuân qua đi mà tiết trời hai ngày gần đây chỉ những mưa cùng gió, ngày cũng như đêm rét buốt cắt thịt. Tuy thế ban giám đốc trại huấn luyện vẫn ngày ngày cắt luân phiên từng hai trung đội một vào một thung lũng sâu trong rừng cách đây chừng một cây số rưỡi để thực hành về trồng trọt. Lớp huấn luyện sẽ bế mạc vào ngày rằm tháng giêng tới. Lẽ dĩ nhiên, khu thung lũng đó cũng thuộc vào địa phận đồn điền Lợi Ký, nó mang một cái tên thật kỳ dị : thung lũng Đùng. Nguyên do xung quanh là rừng rậm và núi, thung lũng như hình một lòng chảo khá sâu, mùa hè mỗi khi mưa to gió lớn sấm sét lộng lộn trên trời đập vào các sườn núi, thành rừng, rồi như bị xoáy cuộn để vang hút xuống đáy thung lũng. Người tá điền đầu tiên đến khai phá thung lũng này nhận rõ sự kiện đó bèn đặt tên là thung lũng Đùng. Mỗi lần Hăng đi săn đêm, anh chẳng cần đi đâu xa chỉ việc vào khu thung lũng Đùng là đã có đủ cả hươu, nai, hổ, báo, chồn... Từ đồn điền ngoài vào thung lũng Đùng phải qua một quãng đường hẹp

một bên là sườn núi rừng thưa, một bên là dòng suối nhỏ uốn khúc lẩn dưới khe sâu. Vào những mùa tạnh ráo, tiếng suối róc rách như tiếng đập đều đặn của trái tim khu rừng núi này. Người ta có thể leo lên sườn núi rừng thưa một cách dễ dàng và theo lời ông Phán cho biết bên kia sườn núi rừng thưa có một con đường mòn đi tắt đến huyện Thanh Ba rất gần.

Vừa một tuần nữa qua đi. Đã có những ngày nắng ấm và chỉ còn hai ngày nữa là mãn khoá trại huấn luyện. Sớm hôm đó vừa thức dậy Tân hay tin đêm hôm qua hổ tới đồn điền bắt đi một con bò khá lớn. Việc phân phối công tác của trại vẫn đều hòa. Khoảng bốn giờ chiều có tin báo đã tìm thấy phần còn lại con bò mất tích tít trên cao sườn núi rừng thưa. Ông Phán và Hăng bèn nhờ ban giám đốc triệu tập cho chừng mười người để cùng đi đến nơi đó. Theo ông Phán, tiết trời giá lạnh thế này, bò lại mới bị tha đi tối hôm qua thì chỗ thịt còn lại mang về hầm sốt vang có sao đâu.

Khi mọi người đã tề tựu đông đủ, trong số có Tân và Liệt (anh chàng có giọng buồn nức nở hay ca bài Nguyễn Thái Học).

Ông Phán cười nói đùa với tất cả :

- Thôi thì chỗ thịt mất đi coi như tiền công chi phí cho ông đồ tể.

Hãng cũng cười theo và tiếp :

- Nào biết là ông đồ tể hay bà đồ tể !

Vừa lúc đó Vân, Thi tự trên nhà rào bước xuống sân.

Vân lanh lẹn chào mọi người rồi nói với ông Phán :

- Ba cho chúng con đi theo với.

Thi khép nép, đứng sau chị. Mặc dầu nàng đã khá quen thuộc với một số người trong trại huấn luyện, nàng vẫn không sao có cử chỉ thanh thoát như Vân. Ông Phán nhìn hai con gái suy nghĩ một giây rồi nói :

- Cho Vân đi thôi, con Thi ở nhà.

Ông nói với Thi :

- Yêu thì ở nhà con ạ, leo núi mệt đấy.

Thi nắm lấy cánh tay Vân có ý cầu cứu chị nói giúp thì bà Phán cũng vừa xuất hiện ở hàng hiên nói xuống với ông Phán.

- Ông cứ cho con Thi đi ! Trời, ông cứ sợ nó yếu chẳng cho nó dạn nắng dạn gió thì còn là yếu mãi.

Ông Phán khẽ nhún vai :

- Ừ thì đi.

Thi nhìn Vân cười, trong khi anh đội trưởng hướng đạo trong ban giám đốc nói đùa ông Phán :

- Đúng là lệnh ông không bằng công bà !

Hãng nói riêng với Tân :

- Ba tôi chẳng những nể mẹ tôi mà nể cả các con. Giá Thi nó cứ cất tiếng nài một lần cũng đủ ba tôi ưng thuận. Ý kiến thực của ba tôi bao giờ cũng nêu ở câu đầu thôi, sau đó ai quyết định thế nào cũng được.

Mọi người vui vẻ lên đường. Khi vừa vào đường hẻm đưa lên sườn núi rừng thưa, Thi giật mình vì một tiếng động bất ngờ. Nàng vội mỉm cười vì đó chỉ là một đàn cò trắng thấy động vỗ cánh bay đi tự một nương sán lá xanh. Thi vẫn rải bước theo chị, theo đoàn người nhưng không quên theo dõi đàn cò, màu cánh trắng lấp loáng đẹp như đương bay về chốn bồng lai nào để dự hội. Đây là lần đầu tiên từ ngày đến ở đồn điền Thi đi ra khỏi nơi ở chính. Nàng bỡ ngỡ nhìn xung quanh; con đường cát sỏi, dòng suối uốn khúc khi xa khi gần, dãy núi trước mặt cao vòi vọi... Những màu sắc đó, những hình thù đó tựa hồ thay đổi từng giây từng phút trong một bầu không khí huyền ảo nửa thần tiên nửa ghê rợn.

Đoàn người bắt đầu đi vào đường hẻm rồi rẽ bụi cây bên lề đường leo dần lên sườn núi rừng thưa. Hầu hết

những cây cao giờ cành trơ trụi, những cây leo chằng chịt cũng ra tuồng thất vọng gầy đét như những đứa con đói sữa cố bám lấy bà mẹ kiệt lực, duy có thứ cỏ đuôi chồn là mọc ngút ngàn bên dưới và dạt dào ngọn sóng mỗi lần có cơn gió nhẹ lướt tới. Thi mang máng cảm thấy sự yên tĩnh nơi đây như có ở một cái gì rộng lớn lắm và náo nhiệt một cách siêu âm. Thi nghĩ rằng mỗi loài động vật dù lớn như hổ báo dù nhỏ như giun dế, mỗi loài thực vật dù lớn như cây chàm cây lim, dù nhỏ như cây cỏ đuôi chồn đều ôm trong lòng một niềm suy nghĩ riêng tư. Cho đến nay Thi mới hiểu thế nào là cái yên lặng phi nhiêu của rừng núi hoang vu.

Có tiếng reo vui. Toán người đi trước đã tới nơi có phần còn lại của con bò. Toàn thân con vật khốn nạn chằng chịt những vết móng sắc cào, nhiều nhất ở khoảng đầu. Cả một mảng sườn và bụng bị hổ ăn, máu và lòng tung toé ra một khoảng rộng. Mặt trời chỉ còn cách đỉnh núi một con sào, không khí trên chón cao này lỏng lẻo trong sạch, nhiệt độ xuống mau lẹ cùng với bóng chiều tà, những đợt gió lạnh buốt ủa tới. Chừng nửa tiếng sau mọi người đã dùng rìu và dao rựa xả xong con bò ra từng phần nhỏ xếp thành bốn gánh. Đúng lúc mọi người sắp xuống núi theo đường về thì tự bên kia sườn núi có tiếng hát lớn một bài ca ái quốc, giọng hơi khàn vì mệt mỏi nhưng ai nấy đều đoán giọng đó lúc bình thường hẳn trong và hay lắm. Tiếng ca vừa dứt,

vẫn giọng đó hô lớn : « Việt Nam Muôn Năm ! »

Các quang gánh thịt bò đều hạ xuống rồi không ai bảo ai mọi người nối đuôi nhau leo nốt quãng đỉnh để sang bên kia sườn núi xem có những ai và tiếng hát tiếng hô vừa rồi là của ai.

Sườn núi bên này thoải hơn sườn núi phía đôn điền, thung lũng cũng nông hơn. Một con đường đất và đá xám từ đỉnh núi này ngoằn ngoèo xuống thung lũng rồi lại vuron lên vắt qua một khe đèo để rồi mất hút sau màu cỏ úa, lác đác đây đó một vài thân cây thấp gầy guộc và trụi lá : đó là con đường đi tắt về huyện Thanh Ba. Thi tiến tới đỉnh sau rớt, nàng giật mình nhói buốt ở tim : Ngay trước mặt nàng cách chừng ba mươi thước, trên khoảng nương phẳng, một thanh niên trạc hai mươi bốn hai mươi năm tuổi, khuôn mặt còn giữ được vẻ khôi ngô tuy toàn thân đã tiêu tụy lắm. Quần áo rách tả toai, chàng bị trói rứt cánh khuỷu và cột vào một thân cây khá cao nhưng dáng chừng bị sét đánh trong mùa mưa vừa qua nên phần lớn đã chết khô, chút ít cành lá còn lại thì vàng úa. Tiếng hát vừa rồi là tiếng chàng, tiếng hô vừa rồi là tiếng chàng. Xung quanh chàng chừng mười người du kích tay lăm lăm súng trường, lưỡi lê tuốt trần. Điều khiển toán du kích đó chính là Mạnh chủ tịch huyện Thanh Ba. Sự xuất hiện của toán người bên đôn điền thật là bất ngờ, nhưng viên chủ tịch không lấy

thể làm khó chịu, trái lại y càng được thể cho mọi người biết y có quyền sinh sát trong tay. Tân quay đi, lánh mặt trong khi y tiến lên chào đón ông Phán. Chàng trai tiêu tụy có đôi mắt lãnh đạm nhìn toán người mới tới rồi thản nhiên cất tiếng hát một bài ái quốc khác.

Thi nghĩ thầm :

- Đã hơn một tháng nay trời lạnh buốt như thế này mà để người ta ăn mặc tả tơi như thế kia làm gì mà da thịt chẳng tím ngắt. Thi thực không ngờ nhân loại có thể đối với nhau dã man hơn cầm thú đến thế.

Lại có tiếng xì xào làm Thi ngừng đầu lên, toàn thân nàng lạnh toát : bốn người khiêng một chiếc quan tài sơn trắng vừa xuất hiện từ khúc quanh xa.

Chàng thanh niên nín bật một giây. Chàng biết giờ chết của chàng chẳng còn bao lâu nữa. Chàng hô lớn hai lần : « Việt Nam muôn năm ! Việt Nam muôn năm ! »

Câu nói cuối cùng của viên chủ tịch cũng vừa vang đến tai Thi :

- Thực là một tên Việt gian phản quốc !

Thi rợn người vì thấy âm thanh của câu nói đó của viên chủ tịch như có ma lực lôi được quỷ sứ tự âm ty lên. Thi ngồi thụp xuống cỏ, gằn Thi khi đó có Liệt nhưng

Liệt nhìn về phía bốn gánh thịt bò bên dưới nhường như có ý tránh không nhìn chàng thanh niên bị tội kia. Vân chạy vội đến bên em. Ông Phán linh cảm thấy đúng lúc phải về, ông cố làm vẻ thản nhiên tươi cười cáo biệt viên chủ tịch. Viên chủ tịch giữ nguyên nụ cười đầy quyền thế và cúi chào ông trang nhã không kém. Thi đứng dậy không dám quay nhìn chàng trai khốn nạn một lần cuối cùng. Nàng vội vã xuống núi như chạy trốn.

Tân đi sát Thi. Ông Phán cũng như Hăng hiểu rõ bộ thần kinh yếu ớt của Thi đương bị xúc động mạnh nên cả hai cùng vội vã tiến lên cùng Tân đi bao vây lấy Thi.

Một loạt súng vang lên rừng rợn đồng thời với tiếng hét thê thảm của Thi tưởng chừng chính nàng vừa bắt ngờ bị đạn. Nàng hét « Ba ơi ! » rồi khuyu xuống. Tân không kịp đỡ. Hăng và ông Phán vội vã quỳ xuống nâng Thi.

Ông Phán nói giọng muôn vãn âu yếm :

- Việc gì mà sợ, con ơi !

Đoàn người đi sau vừa tới cũng dừng lại. Tân hỏi ông Phán :

- Thưa ông chúng tôi cử người đi nhanh về trước lấy cáng tới đây...

Ông Phán vội gạt đi :

- Xin các anh cứ về trước, chúng tôi dìu em về sau, các anh đừng lo.

Có tiếng thở dài, Tân giật mình quay lại, tiếng thở dài đó của Liệt đứng sau chàng. Liệt thương cảm cho bộ thần kinh quá yếu đuối của Thi chẳng ?

Mọi người đã tiếp tục tiến bước khuất sau khúc quanh. Trời đã bắt đầu mờ mờ tối. Đầu Thi dựa vào cánh tay Vân. Hai tay Thi nắm chặt lấy cổ tay ông Phán, giọng yếu ớt :

- Con sợ lắm ba ạ.

Ông Phán vuốt tóc nàng :

- Việc gì mà sợ, con.

Nói vậy nhưng giọng ông cũng run run, ông không nén nổi xúc động vừa xúc động vì cái chết của chàng trai bên kia sườn núi, vừa xúc động vì cái nhìn thất lạc tinh thần của Thi, y như ngày nào còn nhỏ nhân một hôm đi chùa Láng chơi gặp bão, một cành cây lớn rớt xuống đè ngang ngực, may mà thoát chết; phổi nàng yếu, sức khỏe nàng mong manh kể từ ngày đó. Hôm nay đây da nàng cũng xanh lợt như ngày đó, đôi mắt

cũng nhìn sâu vào tai nạn như ngày đó, miệng mím lại, chịu đựng.

Ông Phán một bên, Hăng một bên cùng xóc nàng đứng dậy. Tân đi sau cùng Vân.

Tiếng ông Phán hỏi khẽ :

- Như thế này con tiến lên được chứ ?

Thi gật đầu yếu đuối, rồi đôi chân nàng làm điệu nhịp nhàng bước, nàng thấy trời như tan đi, đất như tan đi, cả vũ trụ như đương tan đi, tan vào một lớp sương sáng.

Buổi tối, đã về khuya... khuya lắm... Trong khi gia đình ông Phán thay phiên nhau săn sóc Thi trên nhà thì có tiếng đàn lục huyền cầm thánh thót cùng giọng ca se se nức nở bài Nguyễn Thái Học : Đó là tiếng đàn và giọng ca của Liệt.

II

Còn một ngày nữa thì lớp huấn luyện bé mạc. Buổi sáng âm có nắng vàng le lói, Tân dẫn tiểu đội lên đồi chè sau nhà lấy củi đun và thấy Vân đã đứng dưới gốc cây trám cao vút tự bao giờ, đôi mắt nhìn về phía xa nghĩ ngợi, làn tóc mềm óng của nàng xoã xuống cổ.

Tân nghĩ thầm : « Chắc nàng đang nghĩ đến anh chàng sinh viên nghệ sĩ ! »

Tân thật không ngờ Vân đã có người yêu từ mấy năm nay. Trước ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Kha - người yêu của nàng - đã là tự vệ thành, sau khi chiến tranh bùng nổ lực lượng tự vệ biến thành trung đoàn thủ đô. Vân vừa được tin trung đoàn thủ đô rút khỏi Hà Nội theo đường bờ sông qua gầm cầu Long Biên, chẳng biết người yêu sống chết ra sao.

Tân tiến lên mỉm cười, Vân cúi chào lại tự nhiên như chỗ quen biết cũ, có lẽ vì nàng thấy vẻ Tân thẳng thắn không có gì là khuất tất.

Vân hỏi trước :

- Hôm nay đến lượt tiểu đội anh đi kiếm củi ?

Tân không trả lời mà hỏi lại :

- Trời đẹp đấy chứ chị Vân ?

Vân mỉm cười chưa kịp nói gì thì Tân đã hỏi sang câu khác :

- Chị Vân có hy vọng gì không ?

Vân nhìn trời lơ đãng đáp :

- Chiến tranh thế này thì biết hy vọng gì hử anh ?

Thấy Vân thủng thỉnh đi xuống dòi khỏi gốc trám, e nàng ra về Tân hỏi tiếp để giữ nàng lại thêm chút nữa :

- Sao cây chè nào cũng chặt gần tới gốc thế này, chị Vân ?

- Vào cuối đông - Vân đáp - tất cả những cây phải chặt như thế để sang xuân nảy búp. Sau khi chặt những lá già được tuốt ra làm chè tươi chở xuống xuôi bằng thuyền, chắc anh biết ?

Tân chú ý đến giọng nói dễ dàng của Vân hơn là nội dung những lời nói đó. Chàng còn mỉm cười băng quơ thì Vân đã cúi đầu chào từ biệt rồi thoăn thoắt đi vào hàng chè chưa chặt, cành lá loà xoà.

Tân gom nhanh những củi chè thành đống lớn và khi ngẩng lên, chàng thấy trời xanh cao và khí trời trong lành một cách lạ.

Buổi chiều là lễ bế mạc, các cán bộ được chỉ định phân công đi phụ trách chùng ngót hai chục trại di cư quanh vùng. Hôm sau mọi người lên đường, khiến đồn điền Lợi Ký bỗng vắng tanh vắng ngắt. Nơi đây chỉ còn lại chùng hơn mười cán bộ gọi là những cán bộ phụ trách trại trung ương.

Nhưng học và hành lần này là hai bộ mặt quá khác biệt chưa được một tháng qua mà đã tới mười trại kế tiếp nhau tan rã. Nguyên do không phải vì cán bộ bất lực mà vì đồng bào quen sống tự lập ở thôn quê nay không chịu được kỷ luật phân chia thành từng đội đi, về, ăn, nghỉ theo thời khóa biểu. Đồng bào bỏ trại đi tìm bà con ở các nơi khác, hoặc tự lực cánh sinh bằng cách mở cửa hàng buôn bán hoặc tăng gia riêng. Tân ở ngay trại trung ương - tức đồn điền Lợi Ký - trại này chỉ huy tất cả các trại khác. Khi quá phân nửa số trại đã giải tán, các cán bộ tăng gia sản xuất được chuyển sang những ngành khác hợp với khả năng cũ của từng người. Chính Tân cũng dự định xin thôi, về quê thăm mẹ, rồi sẽ nhận công tác khác sau.

Ban chỉ huy mới của trại trung ương tại đồn điền Lợi Ký có sự thay đổi nhỏ. Anh chàng sinh viên nghệ sĩ trong ban giám đốc cũ được điều động lên Tuyên Quang không phải để chỉ huy một trại di cư nào mà để đem cái kiến thức về kiến trúc của anh dựng lên những

nhà lớn bằng tre và nứa cho các cơ quan của bộ Tổng Tham Mưu. Thay vào anh chàng sinh viên đó là một cán bộ mới do uỷ ban trung ương tản cư di cư cử xuống. Đó là một cán bộ già dặn trạc bốn mươi. Về thành tích tranh đấu thì khỏi phải nói vì anh đã từng tham dự cuộc vận lý trường chinh dưới quyền Mao Trạch Đông.

Ngày nay Tân đã là bạn thân của gia đình ông Phán. Từ buổi chiều nghe tiếng súng xử tử trở về Thi bị ốm liệt giường ba ngày liền. Sau đó tuy nàng có trở dậy đi lại được nhưng nước da xanh lợt và cả gia đình ông Phán đều tỏ vẻ nghi ngại lắm mỗi khi thấy nàng thúng thảng ho. Trong buổi kháng chiến, giữa nơi đèo heo hút gió này rủi bệnh lao tái phát làm sao đủ thuốc men chữa chạy cho nàng ?

Một lần nói chuyện với Thi, Tân có gợi đến chuyện anh chàng sinh viên nghệ sĩ bị điều động lên Tuyên Quang. Tân đã nhấn mạnh tiếng « bị » để tỏ ra rằng chàng đồng tình với Thi giữ anh chàng ở lại trại trung ương. Nhưng nghe Thi trả lời thì việc đó cũng không có gì đáng chú ý. Hình như thảm cảnh chàng trai bị xử tử trên núi còn ngự trị ngọt ngào tâm trí nàng khiến mọi hình ảnh khác, tình cảm khác, rung động khác trở thành mờ nhạt hẳn như ánh đom đóm, ánh sao bị mờ nhạt dưới ánh lửa tàn bạo của một đám cháy rừng. Và cũng kể từ ngày có cuộc xử tử, Mạnh, viên chủ tịch huyện

Thanh Ba, năng lui tới đồn điền Lợi Ký. Mạnh đã gửi mua từ Hà Nội mấy thứ thuốc cần yếu cho Thi. Nhưng lần nào cũng vậy hễ thoáng thấy Mạnh tới là Thi vào buồng nằm, bà Phán cũng vội vào theo để lấy chăn đắp ấm cho nàng. Thường thì ngoài phòng khách chỉ còn ông Phán, Hăng và Vân ngồi tiếp viên chủ tịch.

Cũng vào dịp này Tân, Mạnh có nói chuyện với nhau đôi lời và nhắc lại kỷ niệm thời còn cùng nhau hoạt động bí mật tại làng; nhưng câu chuyện rất gượng gạo về phía Tân, thường thường Tân kiếm cớ rút lui ngay. Tân vẫn thấy không có cảm tình với Mạnh !

Có tin viên chủ tịch hỏi Vân làm vợ, kẻ đó là tin Thi bị thổ huyết. Tân nghe rằng Thi thổ huyết vì hay tin Mạnh hỏi Vân, Tân lên nhà thăm được ông Phán cho hay nhờ có thuốc của Mạnh mua cho kịp thời, Thi đã thoát mọi nguy hiểm.

Trong câu chuyện thường tình với ông Phán, có hôm Tân vờ quay sang hỏi ý kiến Vân đương ngồi đan ngay bên. Vân ngẩng nhìn rồi trả lời bỡ ngỡ, tâm hồn nàng còn để tận đâu đâu. Tân chú ý ngắm Vân nhiều hơn : toàn thể thân mình Vân đều chắc lắn, đôi cánh tay tròn khỏe, nhưng cái vẻ sức lực đó không làm giảm những nét mềm dịu luyện của đường cong thân thể và nhất là không là giảm đường nét thanh tú của khuôn mặt tròn với nước da hồng của nàng. Cứ mỗi lần Tân nghĩ thân

hình chắc lẳn và đẹp đó phải nằm gọn trong tay viên chủ tịch kia, chàng lại ao ước thầm rằng tin trên chỉ là tin đồn hão. Nhưng không, đó là tin xác thực. Mạnh đích thân nộp lễ ăn hỏi rồi đến ở liền ba hôm trước ngày cưới. Ông bà Phán sửa soạn một căn phòng riêng cho hai vợ chồng. Như vậy là sau ngày cưới, Vân còn ở lại đồn điền.

Ngày dự tiệc cưới Vân, Tân nghĩ đến câu các cụ xưa nói : « Trai thời loạn, gái thời bình ». Quả thực đàn bà không làm chủ được định mệnh của họ trong cơn phong ba của đời. Dù có nhan sắc, dù có học thức như Vân, lúc « bắt phong trần cũng phong trần như ai ». Tân cho rằng cảnh Vân chịu ép một bề lấy Mạnh, phong trần chẳng kém Kiều rơi vào tay Mã Giám Sinh. Phẩm tiên rơi đến tay hèn !

Điều đau khổ cho Vân là sau ngày cưới hai tuần lễ thì Kha người yêu của nàng, tìm được đến đồn điền.

Khi trung đoàn thủ đô rút khỏi Hà Nội, Kha theo bộ đội lên Ba Vì rồi Tam Đảo. Trung đoàn hình như ngưng hoạt động hẳn. Gặp một người làng, Kha hay tin mẹ tản cư lên Tuyên Quang. Tự thấy nhiệm vụ cấp bách của mình đã xong chàng bèn xin giải ngũ dự định lên Tuyên tìm mẹ rồi trở về tiếp tục ghi tên học y khoa. Tới Tuyên Quang chàng được người quen cho hay mẹ đã trở về Thạch Thất ở tại làng H. gần chân núi Ba Vì.

Tiền đường Kha tính chuyện về Phú Thọ trước vì chàng hay tin bác sĩ T. phụ trách trường Thuốc khi đó đã cùng một số sinh viên tới làng Đại Đồng cách tỉnh lỵ Phú Thọ chừng hai cây số. Trước khi tới địa điểm này để xin ghi tên. Kha tìm tới đồn điền Lợi Ký. Đường vào đồn điền hun hút mà hồn Kha mở rộng như đại dương. Kha muốn dành sự xuất hiện bất ngờ này cho Vân. Sự xuất hiện. Sự xuất hiện quả bất ngờ nhưng đau đớn. Ông bà Phán và Hăng chỉ mang máng biết cảm tình giữa Kha - Vân nên vẫn coi chàng như người hàng xóm thân cũ và niềm nở tiếp đón chàng theo cương vị đó. Hiểu Vân và Kha chỉ có Thi.

Trong một lúc nhà vắng vẻ, Vân ngồi trên giường Thi gục mặt lên đầu gối nức nở. Kha bình tĩnh nhưng âm thầm đứng đối diện ở góc phòng.

Bảy giờ thì chẳng còn e lệ giữ kẽ gì nữa. Vân nói qua tiếng khóc nghẹn ngào :

- Thời tao loạn em còn biết nghĩ gì ? Sao anh không về trước đây nửa tháng em vẫn còn kịp phản đối lễ cưới. Bây giờ thì...

Kha yên lặng. Có tiếng ông bà Phán ngoài sân, chàng vội ra phòng khách.

III

Buổi gặp mặt đầu tiên ở đồn điền Lợi Ký, Tân Mên Kha ngay. Cái quyền rũ mãnh liệt ở Kha có lẽ do thái độ cởi mở vừa chân thực vừa man rợ của chàng. Chỗ này cần mở thêm dấu ngoặc : Kha mới nhiễm tính cách man rợ từ sau những ngày xông pha nơi khói lửa kinh thành. Giữa cảnh tên bay đạn lạc, mạng người treo trên sợi tóc, Kha đã chứng kiến nhiều cặp tình nhân bám vào thời gian tự hiến dâng để chung hưởng hạnh phúc...

Chính Tân muốn gần Kha. Trong số ngót hai mươi trại di cư được thiết lập sau hơn hai tháng hoạt động nay tan rã còn ba trại. Việc Tân xin rút lui khỏi trại trung ương cũng dễ. Thoạt Tân có ý muốn rủ Kha cùng về quê thăm mẹ rồi sẽ đến trường Thuộc sau, nhưng Kha khuyên nên đến gặp bác sĩ T. ghi tên trước rồi hãy về quê vì nghe đâu trường Thuộc sắp chuyển lên Bắc Kạn thì phải.

Bữa cơm tối đôi bạn ăn cùng gia đình ông Phán - cũng là bữa tiệc tiễn hành - có Mạnh. (Kha nhất định ra đi ngay hôm sau.) Rượu say chệnh choáng, Mạnh đọc bài thơ tự trào. Đó là bài thất ngôn Đường luật trong đó Mạnh tự riễu bộ răng vổ của mình nhưng lại nêu ưu điểm là đêm đến giá có kẻ trộm vào nhà rờ thấy bộ răng, tưởng mình còn thức đương cười ắt phải vội rút

lui có trật tự.

Mọi người cười vui. Kể cả Kha. Riêng Tân nghĩ thầm: « TỰ RIÊU CÁI XẤU VỀ THỂ CHẤT, PHẢI CHĂNG MẠNH HOÀN TOÀN VỮNG TIN VÀO UY THỂ TINH THẦN CỦA MÌNH : UY THỂ CỦA MỘT ĐẢNG VIÊN CHỦ TỊCH HUYỆN ? »

Sau bữa tiệc tiễn hành tối Kha xin phép ông bà Phán lên giường nghỉ nói là mai phải đi sớm. Tám giờ sáng hôm sau Tân và Kha từ biệt đôn điền Lợi Ký. Cả gia đình ông Phán ra đứng ở thềm tiễn, chỉ thiếu có Vân. Trước lúc khởi hành chừng mười lăm phút, Vân làm như sực nhớ ra điều gì vội vã cầm lẵng mây rồi tất tả theo đường lên đồi nói là chè tươi nhà uống đã gần hết nàng cần phải đi hái thêm. Thi lo lắng nhìn theo bóng chị. Mãi đến lúc Vân gần khuất sau đồi Kha mới kín đáo nhìn theo, nụ cười vô cơ trên môi vẫn giữ vẻ bình thản nhưng đôi mắt thật ngao ngán.

Thi muốn Kha ở lại đôn điền lắm. Thâm tâm Thi muốn Kha vĩnh viễn ở lại đôn điền ! Từ xưa trong gia đình, nàng quen khuôn mặt hiền từ của cha mẹ, khuôn mặt quắc thước của anh, từ ngày có thêm khuôn mặt người ngoài - khuôn mặt của Mạnh - nàng thấy ghệt thờ. Nhìn khuôn mặt của Mạnh nàng còn như nghe nổ bên tai tiếng súng tử hình. Nhìn khuôn mặt Mạnh nàng thấy gớm, như thấy mình bị đầy ải. Khuôn mặt Kha xuất hiện. Nàng hiểu mối tình của chị, nàng hiểu nỗi

khổ tâm của chi, nàng muốn giữ bên nàng khuôn mặt quỵên rũ của Kha làm bóng mát cho sa mạc tâm hồn, làm thể quân bình cho bộ thần kinh của nàng khỏi thác loạn.

Đến lúc Tân cùng Kha sắp ra đi rồi Thi còn thiết tha nhắc lại riêng với Kha lời đề nghị hôm qua của nàng :

- Em còn yếu lắm giá anh ở lại vài ngày thì hay.

Kha không nhìn Thi, chàng lơ đãng nhìn đi đâu và đáp khẽ :

- Giá anh ở lại được !

Thi theo Hăng tiễn Kha và Tân ra tận bờ suối... Nàng tần ngần nhìn theo bóng Kha cho đến lúc khuất.

Nắng xuân chói chang, mây trời vừa ban sớm trắng như sữa giờ đây nhuộm màu vàng lộng.

CHƯƠNG NĂM

BÊN GIƯỜNG MẸ

I

Trên quãng đường vắng từ đồn điền Lợi Ký ra đường cái lớn, Kha thủ thử cho Tân nghe qua về mối tình hoàn

toàn tan vỡ của chàng với Vân.

Tân chẳng biết nói gì để an ủi người bạn mới.

Khoảng chín giờ rưỡi đôi bạn dừng lại bên bờ sông Hồng. Đương mùa nước cạn, Tân vô tình xuống bãi cát. Dòng sông tuy nông và hẹp nhưng khi lội xuống Tân mới thấy là nước chảy xiết. Chàng miên man trầm nghĩ: « Người con gái gặp ở ga Thanh Ba đã chắc gì hơn số phận Vân ? »

Nước chảy xiết cuốn cát dưới chân khiến Tân có cảm tưởng nếu đứng nguyên một chỗ chàng có thể chìm dần xuống vực.

Từ dưới sông lên, Tân vừa toan cùng Kha theo đường tới Đại Đồng, trụ sở tạm thời của trường Thuốc, thì có tiếng gọi hô hoảng :

- Anh Tân, có phải anh Tân đấy không ?

Tân nhận ra ngay Phiệt, chú em họ cách đây tám năm vẫn theo mình đi đánh cá, kể từ sau ngày Hoạt bỏ làng ra Hà Nội làm « ét » ô-tô. Ngày nay Phiệt đã mười bốn tuổi, đương làm liên lạc viên cho cơ quan kháng chiến hành chính huyện đóng tại một làng ven sông gần đây.

- Ô chú Phiệt, có gì lạ thế chú ? - Tân hỏi.

- Bà mệt nặng đã hơn một tháng nay, bà mong anh.

Tân thấy lòng thất lại.

- Bà mệt nặng thật đấy - cậu bé ngây thơ tiếp - có người làng nào đi lên mạn ngược bà cũng ân cần dặn là cố ý dò la giúp bà xem anh ở đâu để nhắn về ngay.

Tân nhờ Kha ghi tên hộ tại trường Thuốc, chàng theo ngay quốc lộ Số Một xuôi về Bắc Ninh, lòng dạ bồn chồn.

II

Về tới đầu làng Tân đã rảo cẳng mà bước chân của bà con còn nhanh hơn để phi báo cho mẹ chàng hay trước. Cụ ốm liệt giường, bệnh già ! Cụ đã ngồi dậy dựa vào thành giường đón Tân đôi mắt sáng diệu tình thương yêu.

Tân chỉ kịp quăng ba lô vào góc buồng rồi chạy đến nắm chặt hai bàn tay gầy guộc của mẹ, thốt ra hai tiếng :

- Mẹ, mẹ !

Nước mắt cứ ứ lên long lanh, cả khuôn mặt gầy của cụ như co lại, giần giật vì cảm động. Cụ nói :

- Mẹ tưởng chết không được gặp mặt con.

Sau câu nói là tiếng thở dài trút hết nỗi lo âu, rồi nhịp thở của cụ trở lại đều đều, giọng nói cũng đều đều.

III

Cũng may mấy năm trước ngày tác chiến cửa hàng ở tỉnh Bắc Ninh của cụ khá phát đạt, cụ tậu được vài mẫu ruộng ở quê nhà, giao cho mấy người nghèo trong họ cấy rẽ, rồi khi tác chiến cụ kịp thu gặt hết tiền vốn - chừng hai vạn bạc Đông Dương.

Thoạt chiến tranh với cụ là tiếng bom, là tiếng phi cơ nhào lộn rít lên và khạc đạn. Khi Hà Nội hoàn toàn do địch kiểm soát, trung đoàn Thủ đô rút khỏi, chiến tranh lan tới Cầu Đuống gần làng thì cụ biết thêm chiến tranh còn là tiếng móoc-chi-ê, tiếng đại bác bất ngờ gieo chết chóc xuống nhà nào đó. Cụ được chứng kiến một căn nhà ngói năm gian làng bên đổ xập và toàn gia khổ chủ chết bên trong : viên đại bác rơi trúng nhà ! Chết vì tai nạn chiến tranh đáng thương thật nhưng được chết cả nhà như vậy theo ý cụ cũng là một đặc ân trời phật ban cho. Đồn địch đóng gần đó, chiến tranh không chỉ là cảnh các làng mạc bị đốt phá hoặc bị giội bom đạn mà còn là khuôn mặt bẽ bàng của những đàn bà con gái rui sa vào tay địch.

Rồi cả một vùng lớn dọc theo tả ngạn sông Đuống thuộc vùng tề. Gọi là vùng tề thôi, sự thực tổ chức hành chính địch chưa có gì. Tại các trường tiểu học, trẻ em vẫn học những bài ca dao kháng chiến; tới làng nào, địch vẫn phải đi từng đoàn từng đội, trang bị đủ loại

súng ống. Các làng đã có cách báo hiệu cho nhau biết để khi toán tuần tiêu địch ra khỏi đồn tới làng nào là những truyền đơn, những tài liệu kháng chiến nơi đó được cất dấu hoặc thiêu hủy đi, những tấm đá in litho của cơ quan tuyên truyền kháng chiến được thả xuống ao bèo hoặc xuống ruộng rau muống, các cán bộ cùng những trai gái trong làng tạm chạy sang làng bên, chỉ còn ông già bà cả ở lại.

Đêm đêm rất có thể địch vẫn rót đại bác, móoc-chi-ê về làng nào chúng nhận thấy có những ánh đèn khả nghi.

Chiến tranh còn là - điều này làm cụ đau đớn nhất - tiếng súng lục xử tử Việt gian vang lên tự ngoài đồng, thường là vào lúc gần sáng. Việt gian, Việt gian... là nghe người ta nói thế chứ cứ theo tiếng lòng trung hậu của cụ thì nước ta làm gì có nhiều Việt gian đến thế. Cứ mỗi lần có tiếng súng lục đêm, chờ khi thật sáng rõ dân làng ra khỏi lũy tre sẽ thấy xác nạn nhân quẳng lại trên gò. Nếu nhận diện được đó là người làng kế cận nào, người ta phi báo ngay cho người nhà nạn nhân, nếu hoàn toàn chỉ là một kẻ xa lạ, dân làng đào huyệt chôn kẻ xấu số vô thừa nhận. Khói lửa chiến tranh đốt xém làng mạc cũng như cảnh người Việt xử tử người Việt đó đốt xém tâm hồn từ bi sùng đạo Phật của cụ. Cụ thật bất bình về cách họ mang nạn nhân tới xử trên bãi tha ma

rồi quẳng xác đấy mặc nhiên coi làng cụ có bốn phận sáng hôm sau phải ra nhận diện, phi báo thân nhân hoặc chôn cất.

Lần thứ năm nghe tiếng súng xử tử, lo buồn nặng chũu lòng cụ, cụ cảm thấy cô độc trong tuổi già và mong Tân về. Đúng lúc niềm mong nhớ con xót xa nhất thì có một tiểu gia đình tản cư đến xin ở nhờ nhà cụ. Tiểu gia đình này gồm hai anh em ruột, hai chị em dâu và lũ con của họ. Vợ chồng người anh tên là Trường có ba con hai trai một gái. Trường không làm gì, suốt ngày khuôn mặt đăm chiêu, nụ cười mỉm đượm vẻ mỉa mai diễu cợt. Người em tên là Lam đi vắng luôn, thường tuần lễ về một lần thăm vợ con. Đứa con gái đầu lòng của Lam lên ba, vợ Lam đương có mang chừng ba bốn tháng. Hai vợ chồng Lam cùng nhỏ nhắn, đẹp và hiền, cụ rất ưa.

Một buổi trưa cụ cảm thấy mệt lả, cụ nằm ngủ thiếp trên phản ghé ngựa rồi cụ sực thức dậy, đầu óc cụ trống rỗng, cụ mở to đôi mắt rồi nghĩ mãi không hiểu mình hiện ở đâu. Thoạt cụ tưởng đương nằm ở nhà trọ trên con đường buôn bán xuôi ngược ngày xưa, rồi cụ tưởng đương nằm ở cửa hàng tại tỉnh Bắc Ninh và Tân vừa buôn một chuyến hàng về. Có lẽ tới hai phút sau cụ mới hoàn toàn định thần nhớ rằng cụ đương nằm trên phản ghé ngựa tại quê nhà, cụ đương sống vào thời chiến

tranh... Chân tay bả hoại, toàn thân đau như dằm, ngực như bị nghẹt thở : cụ bắt đầu ốm từ đấy, bệnh già.

Hầu hạ cụ vẫn có một con bé nhà nghèo người làng, nhưng lần này cụ ốm may sao còn thêm vợ Lam bên cạnh. Người đàn bà trẻ măng và phúc hậu đó luôn luôn ở bên giường cụ, sắc thuốc, nấu cháo, nâng giấc đỡ đàn... Nhiều hôm cơn bệnh lên mê man, bóng quần áo trắng của « vợ Lam » - cụ vẫn gọi thế - thấp thoáng đầu giường như một giấc mơ dịu dàng đến an ủi cụ trong tuổi già cô độc. Cụ đã nhắc bao nhiêu người làng ra đi mà chưa thấy Tân về. Đã nhiều lần sau cơn bệnh cụ nói với vợ Lam : « Tôi có mệnh hệ nào vợ lo chôn cất dùm nhé, gói tiền tôi để đầu giường đây, vợ toàn quyền xử dụng, còn lại bao nhiêu thằng Tân nó về, vợ trao cho nó, nó sẽ nhớ ơn vợ suốt đời. » Và lần nào « vợ Lam » cũng an ủi cụ là « đau chóng đã chầy », thế nào cụ cũng khỏi và gập mặt « anh Tân cháu ». Nghe những lời dịu dàng đó cụ thấy yên tâm, bệnh tình có thuyên giảm. Cụ muốn phó thác tiền nong cho vợ Lam không phải vì cụ không còn con cháu nào thân khác, một đứa cháu trai gọi bằng vợ, một đứa cháu gái gọi bằng dì vẫn năng tới thăm hỏi bệnh tình của cụ; cũng không phải cụ không tin gì hai đứa cháu đó nhưng cụ nghĩ chúng ở xa, đứa cháu trai ở xóm chợ, đứa cháu gái ở tận xóm chùa, bệnh già như ngọn đèn trước gió có được người đáng tin cậy ngay trong nhà là may lắm rồi, nếu cụ nằm xuống đã có

con bé hầu hạ cụ đi loan báo cho anh em bà con rồi, lo gì. Cụ nghĩ đã chí lý nhưng cuộc đời trong buổi loạn ly này còn biết bao điều bất ngờ khác.

Một hôm nằm trên giường bệnh cụ thấy có nhiều bóng người lạ vào nhà, người cao lớn nhất đeo súng lục. Bước họ đi rộn ràng lúc đến cũng như lúc đi làm cụ lo sợ bội phần. Vợ Lam cho cụ hay đó là Ủy ban Huyện đến gặp Trường thảo luận mấy điều.

Chẳng hiểu thảo luận gì, chính vợ Lam cũng không rõ, chỉ biết Trường đã lựa lời từ chối khéo, khi họ đã ra đi, nụ cười Trường càng đượm vẻ mỉa mai chua chát. Hai hôm sau đúng hôm Lam về thăm vợ con và Trường ra đi đón cha mẹ (hình như mới từ đâu xa sắp tới, cụ không được rõ) khoảng mười giờ sáng cụ nghe có tiếng gọi công, vợ Lam ra mở, hai người lạ mặt ập vào, sát khí đằng đằng, tiến về phía buồng riêng của tiểu gia đình tản cư. Cụ nghe tiếng Lam kêu hét hoảng lẫn với tiếng khóc thét của đứa bé : « Thừa các ông tôi có làm gì nên tội ? » Hai tiếng súng lớn như hai tiếng ống lệnh đồng thời với tiếng thét thê thảm của vợ Lam vừa tự ngoài xô được vào phòng; « Trời ơi, các ông giết làm chồng tôi rồi ! » Những bước chân rồn rập ra khỏi công.

Tiếng vợ Lam rên la, tiếng đứa bé khóc lặng... và cụ ngất đi trên giường bệnh. Tiếng súng kinh tởm đó trước đây vang lên trong đêm khuya về sáng và tự ngoài lũy tre, nay thì nổ giữa thanh thiên bạch nhật và ngay trong nhà cụ.

Cụ ngất đi trong bao lâu chính cụ cũng không rõ vì khi tỉnh dậy - gọi là tỉnh dậy - căn bệnh già trở lại trầm trọng sau hai ngày thuyên giảm. Trong cơn sốt mê sảng cụ luôn luôn nhớ đến tiếng kêu xé ruột của người đàn bà còn trẻ mà cụ quý mến vô cùng, « Trời ơi, các ông giết làm chồng tôi rồi ! » Cụ lo sợ bất trắc có thể xảy đến cho Tân. Tân có thể bị giết nhầm như vậy - họ thi hành án xử tử đấy - hoặc, đau đớn hơn, Tân sẽ đi giết nhầm người như vậy. Tất cả những điều không bao giờ ngờ tới ở thời bình, vào thời chiến này đều có thể xảy tới một cách tự nhiên - kinh nghiệm ba tháng khói lửa đã cho cụ biết vậy.

Khi cơn bệnh ngớt, cụ nhận ra chỉ còn con bé hầu hạ bên cụ.

Theo lời con bé kể thì xác cậu Lam được chôn cất ngay hôm đó và vợ Lam bụng mang dạ chửa ôm đứa con thơ lên ba đi ngay buổi chiều, nói là đi kiện đến cùng cho ra nhẽ, hiện không còn ai ở nhờ nhà nữa. Tình trạng cô quạnh này kéo dài vừa được hai hôm thì Tân về.

IV

Bằng một giọng đều đều cụ kể cho con nghe tất cả những việc đã xảy ra và cụ kết luận :

- Giá con về trước đây một tuần biết đâu con chẳng can được vụ giết người đó. Nhà có thêm một bóng đàn ông sự việc có thể xảy ra khác. »

Tân cười buồn rầu :

- Biết đâu chúng chẳng giết nhầm con.

- Con chỉ nói đại !

Tiếng là cụ phủ chính lời con như vậy nhưng rồi cụ cũng nghĩ thầm : « Ừ biết đâu, phải, biết đâu. » Mà thôi nghĩ miên man làm gì ? Tân về đúng vào lúc này, cụ đầu có ngờ, âu cũng là hương hồn ông ấy (cha Tân) cùng hương hồn ông bà ông vải run rủi. Cụ cảm thấy bệnh tình thuyên giảm như hồi được vợ Lam trông nom.

Về phần Tân, ba ngày ở quê bên mẹ già, chàng cảm thấy lòng êm ả như mấy ngày êm ả vừa qua. Đội tuần tiễu địch ở lì trong đồn Cầu Đuống không đi khám xét các làng, phi cơ địch vẫn cất cánh nhưng oanh tạc tận đâu, xa lắm, không nghe thấy tiếng bom. Ngày êm ả đến nỗi Tân nghe thấy cả tiếng còi mười giờ từ Hà Nội vẳng đến. Tựa hồ như chôn đó cuộc sống đã thật sự trở

lại bình thường. Tân tự đặt thềm câu hỏi liệu chàng có thể ở lại làng công tác kháng chiến với Ủy ban Huyện ? Chắc chắn là không ! Chàng đã hứa với Kha và chàng cũng muốn vừa kháng chiến vừa tiếp tục học thuốc, như thế nhất cử lưỡng tiện. Hãy biết giờ đây được gần mẹ là quý, Tân quyết định ở lại quê cho đến ngày mẹ thật bình phục.

Trên giường bệnh, ý muốn giữ Tân ở quê nhà có thoáng qua trong trí cụ, nhưng rồi cụ thấy cứ để con ra đi là hơn. Quân địch còn sục sạo đâu có để cho Tân yên. Còn những đêm địch câu đại bác, móoc-chi-ê, rồi một ngày kia biết đâu lại không có một trái rơi vào làng, rơi vào nhà cụ ? Cụ già rồi, chết không sao, nhưng Tân không thể chết uổng thế được. (Cụ làm như thế lên Việt Bắc, vào an toàn khu là không còn gì nguy hiểm nữa !)

Bệnh tình cụ thuyên giảm được ba ngày, sang ngày thứ tư cụ chợt nghe trong người khác : bệnh tình như nhịp nước triều rút đi rồi lại ào tới, lần này có phần quyết định. Cụ kín đáo bảo Tân kê lại giường vào góc đối diện với giường cụ.

Buổi chiều Tân lo lắng hỏi :

- Con thấy như hôm nay mẹ mệt lắm.

Cụ lắc đầu.

- Không sao con ạ.

Một cơn gió mạnh thổi quanh nhà, tiếng lá rụng xào xạc. Mây đen tự chân trời ùa tới rồi đổ mưa, sấm sét vang rền, những tia chớp rạch màn mưa liên tiếp. Đó là trận mưa đầu mùa hạ. Con nó về kịp thế này cụ mãi nguyện lắm rồi, chẳng nên phiền nó làm gì hơn nữa. Trận mưa đến rầm rộ sao mà hợp thời. Cụ thiếp đi trong bóng tối... Tiếng mưa rơi đều đều như vuốt mắt cụ, tiếng sấm sét vang rền đánh lạc sự chú ý của đứa con để nó khỏi chứng kiến giây phút tử biệt sinh ly. Đúng lúc cụ gần mất hết tri giác đầu cụ còn tuân theo một định kiến tối hậu là ngả nhìn về phía giường con, góc đối diện.

Bên ngoài trận mưa đầu hạ vẫn rào rào...

Phần II - MÀU TÍM HOA LAU

CHƯƠNG MỘT

NÀNG TIÊN ĐI DƯỚI TRĂNG

I

Thì Miên vẫn đẹp, nhưng nàng đẹp dịu dàng quá, thùy mị quá nên khi ngắm nàng, đức tính dịu dàng thùy mị đó tỏa ra từ gương mặt, từ mắt nhìn, từ cử chỉ, từ lời nói mà choán hết mọi ý nghĩ khác muốn so sánh về vẻ đẹp quyền rũ của hình thức. Có thể nói Miên là hiện thân của hiền dịu.

Cha nàng là người Phúc Yên, mẹ nàng người Bắc Ninh. Hai người lấy nhau rồi lên huyện Lập Thạch (Vĩnh Yên) sinh sống tại làng Hạc Thủy. Cha mẹ nàng chỉ có một nghề : ngày ngày thức dậy từ sớm - mùa hè cũng như mùa đông - đi vào rừng đốn củi làm than rồi đợi đến ngày phiên chợ - ngày bốn, ngày chín - gánh than đi bán. Công việc thì nặng nhọc, nhà thì nghèo, hai người ít dám nghỉ. Khi có mang lần thứ ba, người con gái xinh tròn xừ Bắc trông đã hom hem như một bà già tứ tuần. Đứa con được đẻ ngay trong khu rừng làm than. Người mẹ đem hết sức tàn rạn đẻ, khi đứa con trai

nhoai khỏi lòng bà, cất tiếng chào đời, thì bà cũng vừa kiệt lực, hắt hơi thở cuối cùng, toàn thân dúm lại lẫn với đồng giẻ rách là váy và áo của bà. Đứa con trai đó là Mẫn. Sau này Miên tuy không hề chủ tâm mà vẫn nhớ đến ngày sinh nhật của em, vì ngày đó chính là ngày nàng thấp đèn đốt nhang và quỳ xuống lễ trước bàn thờ cha mẹ.

Kể ra ở hoàn cảnh như vậy mà ba anh em nàng cũng được ăn học khả dĩ tạm gọi là đến nơi đến chốn cũng là điều hiếm có trên đời. Nguyên do sau ngày mẹ nàng chết trong rừng, cha nàng vừa phiền muộn lo âu vừa cố công gắng sức nhiều trong công việc nên phát bệnh tê thấp. Căn bệnh hành hạ ông một năm giờ liền. Thoạt những buổi sớm mùa đông rét cắt ruột ông vẫn đi rừng làm củi. « Không đi để con chết đói sao ? » - Ông tự nhủ thầm vậy. Và theo tiếng gọi của linh tính ông ra công làm gấp, dành dụm được một số tiền nhỏ. Rồi căn bệnh hành ông liệt giường trong một tháng, số tiền để dành đủ nuôi ba con bằng cơm độn ngô rưới nước tương. Rồi ông hấp hối... Ai cũng tưởng chỉ qua đêm là ông tắt nghỉ nhưng ông đã hấp hối năm ngày liền. Hình như ông chờ... Và ông tắt thở vào đúng khoảng nửa đêm về sáng cùng với ngày mà hai năm trước đây vợ ông sinh thằng con út rồi chết ngay trong rừng làm củi. Khi đó Hiễn, người anh đầu lòng vừa lên chín, Miên lên năm và Mẫn lên ba. Ba anh em mồ côi được bà hàng xóm

góa chồng giàu và nhân đức - bà quản Mão - nhận nuôi.

Ông quản Mão đi lính khổ đờ tự bao giờ không ai rõ chỉ biết ông có sang Tây đánh trận 1914-1918. Khi vừa vào lính ông tuyên bố với các bạn đồng đội : « Tôi chỉ học ba tháng là khỏi chữ ! » Không ai hiểu phương pháp ông học ra sao nhưng quả ba tháng sau ông đã cãi nhau văng mạng với lính Tây bằng tiếng Tây, tiếng Tây bồi lẽ cô nhiên, nhưng với tất cả sự phản ứng mau lẹ, sự am hiểu đối tượng câu chuyện cùng tinh thần ngoại ngữ đó. Năm 1917 ông bị bắt làm tù binh, ông hón miệng huýt một tiếng sáo rồi nói với các bạn đồng hội đồng thuyền: « Khó đêch gì tiếng Đức, tôi chỉ học ba tháng là khỏi chữ ! » Rồi người ta thấy mỗi khi giao thiệp với tên cai tù Đức - tên này khi nói tiếng Đức khi nói tiếng Pháp - ông giở sổ ghi ghi chép chép. Cũng chỉ trong vòng ba tháng ông đối đáp tiếng Đức với tên cai tù Đức, chiêm cảm tình tên này, và được y cất nhắc lên chức phụ tá, giúp y trong việc phân phát thực phẩm, phân phát dụng cụ làm việc hàng ngày và phân phát cả thư từ nữa. Năm 1918, Đức thua trận, thành ra đương ở cương vị « thắng tù » ông lên địa vị « ông tù » để quân Đức phải thù phụng. Ông lại được thăng lon từ đội lên Phó Quản. Ông và mấy trăm bạn đồng ngũ còn ở lại ăn hại nước Đức ngót hai năm sau nữa. Trong thời gian đó ông lấy một người vợ Đức. Nhưng khi được gọi về Pháp để xuống tàu về nước ông không một chút bịn rịn với người đàn bà tóc

vàng mắt xanh, cũng hiền hậu, cũng chịu khó, không khác gì bà Quản ở quê nhà. Ông nhớ quê nhà lắm ! Ông quý quê nhà lắm ! Tuy là đi lính cho Tây, đánh Đức cho Tây, lĩnh lương của Tây mà ông vẫn một điều gọi chúng là « thằng Tây », hai điều gọi chúng là « thằng lỗ », ông yêu quý quê nhà hồn nhiên như thế nào, đi lính hồn nhiên như thế nào thì ông cũng ghét Tây hồn nhiên như thế ấy. Bà Quản đã xin được thẻ căn cước để vào tận Sài Gòn đón ông tại bến tàu. Ông Quản được đóng ngay ở Sài Gòn ! Gặp lại bà Quản, ông không hỏi hận về việc mình đã lấy vợ Đức vì ông nghĩ rằng : « Cũng may chưa có giây có rể gì với nó ! » - (Chưa có con !) - Chuyên đi đón chồng của bà Quản vô tình lại hóa ra hay; bà gặp một người chị em bạn đương buôn bán ở Sài Gòn, người đó rủ bà buôn chung, bà bèn cho đón hai cô con gái còn ở ngoài Bắc vào Nam để bà yên chí sinh cơ lập nghiệp tại đây. Thời ấy ở Sài Gòn buôn bán dễ lắm, chỉ cần chịu khó chút xíu là được, mà bà Quản lại là con gái huyện Lập Thạch, quê của những người đàn bà Bắc đằm có tiếng, đằm đến nỗi dư luận đã thốt thành ca dao :

*Nửa đêm ân ái cùng chồng,
Nửa đêm về sáng gánh gồng ra đi.*

Bà Quản buôn bán thịnh vượng, ba năm sau, ông Quản tự ý xin giải ngũ để về giúp việc bà. Ông giúp

việc bà được hơn bốn năm thì một buổi chiều kia ông kêu nhức đầu, rồi ông ho mấy tiếng, mười giờ tối tiếng ông nói hơi khàn khàn và mười giờ sáng hôm sau ông ra đi vĩnh viễn, người vẫn béo tốt. Người ta bảo là ông đứt mạch máu. Cả cuộc đời của ông thực hồn nhiên cho đến lúc chết !

Ông Quản mất đi, bà Quản còn nán lại Sài Gòn hơn một năm nữa nhưng thấy chán buồn chán bán, bà thu xếp mang ba con về Bắc (một con bà sinh ở Sài Gòn). Về tới quê, làng Hạc Thủy, bà tậu ruộng và xoay sang nghề nông. Bà trông nom cây cấy cũng đảm như bà buôn bán vậy. Ngoài căn nhà cũ ở giữa làng mà bà sửa sang làm nhà ở và cũng đồng thời là nơi thiết lập ban thờ ông Quản, bà còn lập một cái trại chăn nuôi gà, lợn, trâu, bò, ở trên đỉnh một ngọn đồi nhỏ giữa đồng làng.

Ngày về tới làng, cô gái lớn của bà vừa mười sáu tên cô là Năng - cô sinh ở Đà Nẵng - hồi đó ông Mão còn mang lon Cai. Cô gái thứ hai kém cô chị hai tuổi, mười bốn, tên là Nhon - cô sinh ở Quy Nhơn - đúng vào năm ông Mão lên lon « Cai Xếp ». Cậu út sinh ở Saigon mới lên ba. Quãng cách mười một năm đó đúng vào thời gian « Rừng Nam phun bạc, đánh đuổi Đức tặc » và ông Mão lên chức Đội, sang Tây dự chiến. Cậu út này mang tên là Tài. Lẽ ra cậu phải tên là Goòng mới đúng lẽ lối của ông bà Quản thường lấy địa danh nơi sinh đặt

tên con làm kỷ niệm. Nhưng có lẽ ông Quán thấy tên Gòong không hay và đúng vào thời thần tài mở rộng cửa, ông Quán sau một cái tặc lưỡi bèn bảo bà Quán đặt tên cho thằng bé là Tài.

Về đến làng Hạc Thủy thì một năm sau Năng đi ở riêng, chồng là người làng bên. Năm sau nữa đến lượt Nhơn lấy chồng người cùng làng. Đúng vào năm cha Miên mất ! Bà Quán vốn tính tình rộng rãi nhân đức bèn nhận nuôi cả ba anh em mồ côi đó : Hiền, Miên, Mẫn.

Hiền, Miên và sau này Mẫn nữa tuy có phải làm việc nặng nhọc nhưng ngày ngày, nửa buổi sáng vẫn được theo học trường làng. Căn nhà nhỏ, mảnh đất con của ba anh em ở ngay sát bên nhà bà Quán vẫn được rào dậu kín đáo.

Cứ như vậy ba năm qua...

Chợt một hôm có một người lạ đến tìm ba anh em mồ côi, người đó tự xưng là chú ruột. Câu chuyện thật nhiều uẩn khúc ! Ba anh em khi đó nào đã biết đâu cảnh cha mình thuở nhỏ bị hắt hủi rồi hai vợ chồng bỏ làng lên đây. Hiền vừa mười bốn tuổi, qua lời kể của ông chú, cậu bé chỉ lờ mờ hiểu rằng bà nội cậu mất đã được hai năm nay, tên ông chú này là Thuật, tên cha mình xưa là Lễ và trên ông Lễ còn người anh trưởng tên là Hoạch

hiện cũng giàu lớn vì buôn chung với ông Thuật ở Sài G. Chuyến đi này một công đôi ba việc, ông Thuật ra Bắc vừa để thực hiện một việc kinh doanh vừa để thăm nơi chôn nhau cắt rốn vừa để lên huyện Lập Thạch tìm hiểu gia đình ông Lễ. Ông đã lần mò hỏi thăm đến làng Hạc Thủy thì chỉ còn được thấy ba đứa cháu mồ côi. Ông nghĩ với Hiền là sẽ mang Mẫn vào Nam nuôi cho ăn học. Lời đó thoát nghe Hiền tưởng như một tia sét từ lưng trời bổ xuống đầu mình. Tin đó đến tai Miên nàng òa khóc ôm lấy em.

Bà Quản mời ông Thuật ở lại trại mấy ngày; vì việc kinh doanh ở Hà Nội đã sớm thu xếp xong ông nhận lời. Bốn chú cháu được dịp chung sống gần nhau để hiểu nhau. Ông Thuật đã ở lại trại đúng một tuần lễ. Trước khi đem Mẫn cùng đi, ông mang Hiền và Miên đến ủy thác cho gia đình một người bạn buôn già ở Hà Nội. Lễ ra với sự quảng giao của ông, ông có thể xin cho Hiền vào học ở Lycée Albert Sarraut, ngặt vì Hiền đã quá lớn tuổi mà sức học lại non quá. Sau cùng ông đành cho Hiền, Miên học tư ở ngoài, cùng một trường để anh em trông nom dẫn dắt lẫn nhau. Ông hứa tháng tháng sẽ gửi tiền đều đều cho. Ông đã làm như lời.

Vốn là con nhà nghèo, lại mồ côi từ sớm, nên hai anh em đều có chí học hành. Bảy năm sau Hiền đỗ tú tài phần một và xin được vào Albert Sarraut học ban Toán.

Đã chăm học lại thông minh, anh đạt được kết quả rực rỡ trong kỳ thi cuối niên khóa : bài toán anh được mười chín điểm và đỗ ưu. Năm đó Hiền hai mươi hai tuổi và Miên mười tám đương học năm thứ tư ban Thành Chung.

Suốt trong tám năm đó, ông chú thỉnh thoảng có viết thư báo cho hai anh em biết về sức khỏe và việc học của Mẫn (Mẫn học ở Lycée Chasseloup Laubat). Tuyệt nhiên không có lá thư nào của chính tay Mẫn viết. Miên được Hiền phân tích và giải thích cho hay là ông chú hẳn có ý muốn đọc chiêm Mẫn nên tìm cách cắt đứt mọi liên lạc trực tiếp giữa Mẫn với anh và chị. Sự thực Hiền đã hiểu lắm ! Đâu phải ông cốt ý như vậy, ông đã có một gái và một trai, ông hiện tới mức buôn bán quốc tế, công việc giấy má giao thiệp thật là bẽ bộn, thỉnh thoảng ông còn để được chút thì giờ viết cho hai cháu ở Bắc đã là chu đáo lắm. Mẫn còn trẻ người non dạ, phải có người bảo người giục mới biết viết, ông Thuật còn làm gì có thì giờ giục Mẫn viết thư, gà Mẫn viết thư !

Cũng trong khoảng tám năm ấy, vào các dịp lễ nghỉ nhiều ngày, cùng suốt các vụ hè ba tháng, Miên đều được Hiền đưa về Lập Thạch. Hai anh em qua lại thăm hỏi rất thân mật bà Quán và thực tình coi bà như mẹ nuôi. Bà Quán đã giúp hai anh em sửa sang lại căn nhà cũ của cha mẹ để ở. Đặc biệt chiều ba mươi Tết năm

nào hai anh em cũng về làng để vắc sêng cuộc ra đồng tảo mộ cha và mẹ chôn bên nhau trong cùng một thửa ruộng.

Tài, cậu con út bà Quản, đồng niên với Hiền, cũng lên Hà Nội học từ mấy năm nay nhưng mới đỗ xong Thành Chung. Tuy hai người học ở hai trường ít gặp nhau, nhưng vẫn nhớ nhau quý nhau và mỗi dịp hè là một dịp vui gặp mặt của họ.

Miên lớn lên, tính tình càng thùy mị nhiều khi đến rụt rè. Đồ trang điểm duy nhất của Miên chỉ là chiếc nhẫn saphir màu đỏ hoa lựu. Chiếc nhẫn này nàng mua vào dịp đầu xuân năm mười bốn tuổi. Thoạt nàng đeo nó ở ngón giữa, sang năm mười sáu tuổi, nàng chuyển nó sang ngón đeo nhẫn, rồi tới năm nàng mười tám tuổi chiếc nhẫn được chuyển một lần cuối cùng sang ngón út. Kể từ ngày Miên tới tuổi đôi tám, Tài thường có thái độ rất lúng túng mỗi khi giáp mặt Miên. Lớn lên tới tuổi mười tám, dáng người Miên nhỏ nhắn với một vẻ dịu hiền từ nụ cười đến khóe mắt. Nàng như một nàng tiên nhỏ ngỗ ngàng vui với cảnh trần mà vẫn chưa biết là mình bị đày xuống đó.

Ngay đầu làng Hạc Thủy là khu rừng đưa dần lên đỉnh một ngọn núi đất khá cao. Trong vụ hè những đêm có trăng sáng Miên rất thích ra đầu làng ngẩng nhìn bóng trăng ngọc ngà hoặc lẩn trong mây bạc, hoặc lừng lững đi sâu vào khoảng vô tận với những đợt mây khói xám trôi nhẹ nhẹ như một dòng sông xuân.

Tài nhận biết điều đó và thường theo dõi bằng mắt bóng trăng hiền lành của Miên lặng lẽ tiến ra rồi khuất sau khúc quanh của con đường lát gạch dẫn tới đầu làng. Sau nhiều lần suy nghĩ Tài đặt tên thầm cho Miên là « Nàng tiên đi dưới trăng ». Và sau nhiều lần ngập ngừng, đến một đêm trăng mười sáu kia Tài đánh bạo theo bóng Miên ra đầu làng. Khi tiến lên, Tài giả vờ như vô tình gặp Miên rồi - phải bạo dạn lắm - Tài cười nói với Miên : « Cô Miên này, cô đúng là nàng tiên đi dưới trăng. » Tài cười tiếp để che giọng bẽn lễn vừa qua, rồi đi luôn để chân tay khỏi lúng túng. Miên không kịp đáp lại câu nào.

Mà Miên quả là nàng tiên đi dưới trăng thật ! Một nàng tiên - như trên đã nói - trong trắng, lòng lâng lâng không vẩn bụi đời. Nàng đắm đuối nhìn muôn màu, nghe muôn thanh âm của thiên nhiên với một niềm rung cảm thuần túy. Chỉ có thể và chỉ để thế.

II

Sự thật không phải Miên chỉ riêng thích đêm trăng, nàng còn thích những sớm rạng đông và những buổi chiều nắng nhạt, nói chung nàng thích những cái gì nhẹ nhẹ. Có rất nhiều sớm hạ, nàng leo lên tận đỉnh núi đầu làng để kịp ngắm vạn vật xuất hiện dưới tia nắng đầu tiên của vùng đông. Mặt trời lên cao rất chóng, nhưng vẫn chưa xua đuổi hết hơi mát của rừng núi và nàng đứng lặng chú mục vào dòng sông Đáy lấp lánh như con rắn thần vẩy bạc bò lẩn dưới vòm xanh của cây cỏ.

Có những khoảng không gian - hoặc những hình ảnh trong một khoảng không gian nào - chợt nhiên được mình chú ý để rồi mãi mãi ngự trị trong tâm tư mình. Trường hợp đến với Miên vào một buổi chiều cuối hạ (đã sắp hết nghỉ hè, nàng sắp theo anh ra Hà Nội tiếp tục sang niên học mới). Buổi chiều hôm đó Miên vừa leo tới đỉnh núi thì cả vùng tràn ngập một màu nắng quái huy hoàng và huyền ảo. Rừng, núi, cánh đồng dạt dào như sóng biển. Cây rừng quanh nàng xào xạc trong gió lộng khiến nàng nghĩ đến tiếng đập dồn dập của một trái tim rộng lớn, trái tim vũ trụ. Nàng ngẩng nhìn lên cao, trời xanh mát không gợn một sợi mây như đương mỉm cười hiền hòa với cỏ cây bên dưới. Trong phút vạn vật tựa như mở hồn giao cảm đó, Miên tưởng mình

cũng xuất thần để được sống trong một thời khắc dài vô hạn, hay đúng hơn một khoảnh khắc phi thời gian, phi không gian ! Quanh nàng sức nức hương rừng. Tình cờ Miên chú ý đến một khoảng lay động màu xanh cẩm thạch ở phía núi xa. Miên tưởng hồn mình vừa vụt bay được tới đó để nhận ra đây là khu rừng mía mênh mông, lá mía dài, sắc nhọn, xanh non, thân mía trắng nõn căng nước ngọt. Mãi tới khi hoàng hôn thu nốt những tia nắng cuối cùng về chân trời, rừng núi chìm trong sương lam. Miên mới theo đường mòn đi xuống.

Chiều hôm sau Miên trở lên đỉnh núi đứng vào chỗ cũ. Thực là kỳ lạ, lần này cảnh cũ cũng ngập nắng vàng y như hôm qua, tựa hồ chiều hôm trước cách chiều hôm sau chỉ vừa một chớp mắt. Thình không nhẹ và trong đến nỗi nhìn đằng xa tí có con chim bay mà Miên có cảm tưởng thấy cả bóng chim lướt thành vệt dài xuống thảm cỏ xanh. Xa hơn nữa vẫn là con sông Đáy; dòng sông như bốc thành ánh sáng và gợn sóng khắp nơi. Nhìn thấy khoảng xanh cẩm thạch Miên lại nghĩ rằng đó là rừng mía y như mình đã đoán trước, lá dài sắc nhọn, thân mía trắng nõn... Cảnh những lùm cây và khu rừng mía (mà nàng tưởng tượng) chìm trong nắng vàng; rồi ngã nghiêng trong vắng lặng dưới gió lộng đẹp đến nỗi Miên ngây ngất băng khuâng suốt ngày hôm sau. Lần thứ ba Miên vừa leo lên tới đây đứng vào chỗ cũ thì cũng vừa gặp Hiền xuất hiện từ sườn núi bên

kia.

Miên chỉ về phía núi xa trước mặt nói với anh :

- Anh ạ, chắc khoảng xanh cắm thạch đó là rừng mía.

Hiền đáp ngay giọng thành thạo :

- Đây là núi Sáng bên Bình Di còn thuộc địa phận huyện Lập Thạch nhà; khu rừng mía của cô chỉ là khu rừng lau !

- Sao anh biết ?

- Đạo này anh thường có việc phải sang bên đó. Chính giữ khu rừng lau có một cây cao vút thân trắng xóa, cô có thấy ?

- Dạ có.

- Đó là cây trò chỉ cao tới ba mươi thước. Quanh cây đó còn nhiều vết tích hầm hố do quân cụ Hoàng Hoa Thám đào ngày xưa. Hiện giờ bên đó đương mùa hoa vàng của một giống cây leo nở rất đẹp, tiếc thay đứng ở nơi đây xa quá không trông thấy gì.

Hiền chột cười, chàng nhớ lại lời anh em thường nói để giờ đây nói lại với Miên :

- Anh đó cô đối được câu này : « Buổi sớm lên núi
Sáng thấy cụm hoa vàng, nhớ cụ Hoàng Hoa. »

Hình như Miên không hề để ý đến chuyện hoa vàng
nở đẹp, nàng bâng khuâng hỏi anh :

- Sao không là khu rừng mía mà lại là khu rừng lau
anh nhỉ ? Khu rừng lau vô tích sự !

Hiển gật đầu :

- Rừng lau thì vô tích sự thật !

Rồi Hiển dăm chiêu nhìn khoảng xanh cảm thạch đó,
dường như ý tưởng so sánh rừng mía với rừng lau cũng
làm anh suy nghĩ.

Nhưng chợt nhớ mình còn công việc, anh hỏi Miên :

- Cô có xuống núi bây giờ không ? Tuần sau anh em
mình phải đi Hà Nội rồi.

Miên lắc đầu :

- Em ngồi một lát nữa anh ạ.

Đã biết tính em, Hiển gật đầu :

- Ừ, thôi anh xuống trước.

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 153

Rồi Hiền hấp tấp theo một con đường tắt đi xuống, đường quá dốc, nhiều chỗ Hiền phải ngửa hẳn người về phía sau, hai cánh tay hơi dang ra khi nghiêng về tả khi nghiêng về hữu để giữ thăng bằng.

Quên hẳn chuyện khu rừng lau, Miên đưa mắt theo dõi bóng vạm vỡ của anh thấp thoáng qua lá cành cho đến khi khuất hẳn sau một mỏm đá lớn.

Thốt nhiên nàng thở dài.

III

Mấy năm đầu khi mới ra Hà Nội học, Hiền cũng mãnh khảnh thôi. Kể từ năm chàng đỗ xong tú tài phần một và xin được vào học ban Toán ở Albert Sarraut, phần vì học hào hứng, phần vì Hiền bắt đầu chịu tập thể thao, phần vì cơ thể có lẽ bắt đầu vừa thuận dịp nở nang, Hiền to lớn vạm vỡ trông thấy.

Cũng đôi mắt to và đen như Miên, nhưng thay vì cái nhìn xa xôi, đôi mắt Hiền thường nhìn thẳng vào người đối thoại. Trán rộng cằm vuông, khi suy nghĩ điều gì miệng Hiền thường mím chặt, hai vành môi khép lại thành một đường thẳng. Trên khuôn mặt cương nghị đó chỉ có nước da mai mái là tố cáo ở anh một đời sống bên trong dồi dào tình cảm.

Có một buổi chiều thứ bảy, Hiền đi xi-nê về, khuôn mặt khó đăm đăm. Lúc ngồi vào bàn ăn, Miên nhận thấy mấy lần anh dần bát cơm xuống mâm, cử chỉ bứt rứt. Đó là điều rất khác thường ở Hiền. Tính tình rất hiền dịu, Miên đối với anh còn rất mực tế nhị. Lúc đó nàng gượng nhẹ từng cử chỉ và tuyệt nhiên không dám hỏi anh một lời. Thường vào những lúc Hiền khó chịu như vậy, nàng lẳng lẳng đoán anh cần thứ gì thì mang lại hoặc ra phố mua, sự săn sóc âm thầm đó như dòng nước nhỏ nhưng bền bỉ làm mòn đá làm mát đất.

Hôm sau Miên ốm, nàng bị kiết lỵ. Vừa đi học về, hay tin, Hiền quẳng sách vở đó phóng xe đạp đi ngay nói là đi kiếm thuốc cho Miên. Trời đổ mưa... Mưa rơi tầm tã... Một giờ sau Hiền về, ướt như chuột lột nhưng vẻ mặt hoan hỉ lạ thường, tay cầm một nắm lá mơ tam thể.

- Bị kiết lỵ mà kiếm được thứ này ăn khỏi liền !

Nói đoạn Hiền đi thay quần áo khô rồi xuống bếp. Lá mơ tam thể trông chẳng giống lá mơ thường chút nào, bản lá rộng, thân lá dài, một màu xanh nhạt và tiết ra mùi hôi hôi, không hiểu sao các cụ xưa lại đặt cho nó cái tên là « lá mơ tam thể. » Trước đây vào một dịp về Lập Thạch, Hiền gặp bà Quản đương hái lá mơ này ở góc vườn rồi vào trưng với trứng để cho đứa bé con nhà hàng xóm ăn mà khỏi kiết lỵ. Hiền nhớ. Rồi một hôm khác, khi đã trở lại Hà Nội học, Hiền đến thăm một người bạn cùng lớp ở ngoại ô gần phía Ngã Tư Sở, có thấy ở góc vườn nhà bạn cây lá mơ tam thể. Vì vậy khi hay tin Miên bị kiết lỵ lập tức Hiền phóng xe về nhà bạn phía Ngã Tư Sở. Hiền xuống bếp thái lá mơ nhỏ như những sợi thuốc rồi trưng với trứng gà không có mỡ. Miên ăn rồi khỏi. Chắc là lá mơ tam thể có tác dụng chống kiết lỵ nhưng còn tác dụng tâm tình nữa. Bao giờ Miên ốm Hiền cũng săn sóc tận tình như vậy, săn sóc như hết người mẹ hiền không quản công lao,

không quản đêm hôm thức giãc, bất kỳ một việc gì có thể làm được là Hiền làm liền, Hiền làm thoãn thoắt, lanh chao, tự nhiên như không.

Sống dưới bóng anh, Miên luôn luôn thấy mình bé bỏng như trẻ thơ, nhất là Hiền thường kể chuyện cổ tích, chàng kể cho Miên nghe những chuyện thần thoại Hy Lạp, những chuyện của Perrault, của anh em nhà Grimm, của Andersen. Có lần nghe anh kể xong chuyện « Em bé bán diêm » Miên ôm mặt khóc : nàng trạnh nghĩ đến cảnh mồ côi của ba anh em. Hiền kể cả một vài truyện Liêu Trai và rất nhiều truyện cổ tích, lịch sử nước nhà như chuyện Chử Đồng Tử, Phù Đổng Thiên Vương, My Châu Trọng Thủy... Có thể là trong số truyện cổ tích Đông Tây có truyện Miên đã đọc qua nhưng khi lắng nghe Hiền kể, Miên vẫn thấy mới lạ. Rồi những truyện đức Trần Hưng Đạo đánh đuổi giặc Nguyên, truyện Nguyễn Thái Học cùng mười hai liệt sĩ đồng chí lên đoạn đầu đài ở rừng Yên Bái thấy đều là chuyện thật mà nương theo giọng nói đầm ấm say mê của Hiền, Miên cũng thấy được đắm hồn trong một vẻ đẹp hoang đường của truyện cổ tích.

Lần này Miên vừa khỏi kiệt lý xong, Hiền kể cho Miên nghe chuyện cụ Phan Bội Châu, giọng Hiền cũng đặc biệt nhiệt thành như khi chàng kể truyện đức Trần Hưng Đạo và mười ba vị liệt sĩ tại rừng Yên Bái. Kể

xong trời đã khuya chàng chợ ngủ, Miên vẫn chưa có dịp gọi hỏi xem chuyện gì đã làm anh bực mình vào chiều thứ bảy tuần trước khi ở rạp xi-nê về.

Về buồng nằm Miên vừa thiu thiu thì tiếng Hiền thét bên ngoài : « Quân ngu ! » Miên vùng chạy ra, đôi mắt Hiền còn ngơ ngác.

Hiền vừa nằm mơ thấy Mẫn đã tự trong Nam về đây. Mẫn lại là anh của Miên và cả hai cùng còn nhỏ lắm. Hiền cho hai em ra chợ - chợ Đồng Xuân thì phải - xem tuồng. Tiếng kèn, tiếng thanh la, tiếng hát - (chính là tiếng radio nhà bên cạnh) - inh ỏi cả chợ, Hiền cùng các bạn vào một rạp và cho Mẫn và Miên vào một rạp khác ngay bên, nhưng Hiền chẳng trí quên không cho Mẫn tiền mà Mẫn thì không dám hỏi. Nói chuyện một lúc với các bạn, khi sắp vào xem tuồng Hiền mới chợt nhớ điều đó, rút ví đưa tiền cho Mẫn nhưng không thấy Miên đâu, chàng hỏi Mẫn thì Mẫn bảo Miên ngủ trong kia. « Trong kia » là một góc chợ rác rưởi bẩn thỉu. Miên nằm ngủ cạnh đứa bé con nhà nghèo khác, cả hai trông cùng lem luốc rất đáng thương.

- Mà y nữ bỏ vật bỏ vĩa em thế à ? Trong khi mà y xem tuồng em thức dậy thì sao ? Quân ngu !

Hiền thét mắng Mẫn và sự tỉnh dậy đã thấy Miên đứng trước mặt. Hiền kể lại giấc mơ giọng còn hần học

với Mẫn. Tội nghiệp - Miên nghĩ thầm - cho người anh có dáng vóc lực sĩ và tâm hồn văn nhân của nàng ! Miên nhớ lại mấy tháng trước đây vào một đêm nàng ăn không tiêu, rồi nửa đêm về sáng nôn ọe... Mỗi lần nôn trán lạnh toát khuôn mặt xám nhợt hoặc trắng bệch, như khuôn mặt người chết trôi - lời Hiến thuật lại hôm sau. Có khi đương thiêm thiếp Miên sực dậy và chỉ kịp nghiêng đầu để nôn vào một cái xô, nước vàng ứa ra hai bên mép. Mỗi lần nôn xong lập tức Hiến lấy khăn lau miệng, lau chiếu nơi bị rây rớt, lấy nước cho Miên súc miệng rồi đi đổ xô. Miên sực dậy lúc nào Hiến biết ngay lúc đó. Thấy trán, chân và tay Miên nóng đều Hiến yên lòng. Khi trời sáng rõ, Hiến thiếp ngủ, sự lo lắng đêm qua còn bám lấy anh thể hiện thành một giấc mơ lạ : Lần đó Hiến mơ thấy lũ chuột lúc nhúc leo lên giường Miên, mặc cho Hiến ngồi canh, mặc cho anh đánh chết, cứ một con bị gạt xuống là hai ba con leo lên. Thật là ghê gớm !

- Mẫn không hề viết cho anh em mình một lá thư nào
- tiếng Hiến nói kéo Miên về thực tại - thẳng bệ tệt thật !

- Thôi anh ngủ đi - Miên nói- mấy hôm nay anh đã mệt quá vì em rồi, mai anh còn đi học sớm.

Hiến đứng dậy ra ngồi trước bàn học rồi mới đáp :

- Đã ngủ thế nào được, còn hai con toán đây.

Miên lẳng lẳng đưa mắt nhìn Hiên ngồi trước bài toán, ngọn bút chì nhọn hoắt của anh lướt theo dòng chữ. Miên hiểu chỉ vừa đọc dứt bài là anh đã linh cảm thấy con đường phải theo để tìm ra một lối giải độc đáo. Vị giáo sư của Hiên, thạc sĩ về toán, nhiều lần phải thốt lời khen ngợi, điểm này làm một số bạn cùng lớp ghen tỵ. Một lần Hiên vừa lên bảng, một anh bạn ghen tỵ dưới lớp thốt lời thô bỉ. Giờ ra chơi Hiên tới chỉ vào mặt anh bạn :

- Về lời nói vừa rồi, tao với mày thanh toán bằng võ lực !

(Hiên cho cách giải quyết đó là công bằng hơn cả.)

Anh chàng kia biết trái xử nhữn, Hiên nhún vai cười nhạt và quay đi, nhưng rồi sau đó anh cũng quên ngay câu chuyện cũ. Thường thường những việc nhỏ tương tự như vậy, khi về nhà, Hiên đều kể lại cho Miên nghe. Chẳng phải anh ưa kể lại những chuyện vặt, anh nghĩ chỉ có cách cho người em được tham dự vào những chi tiết nhỏ nhất của đời mình như thế mới khiến em vững lòng mà quên đi một phần nào sâu túi mồ côi cha mẹ từ sớm.

Hiên đã có lý, Miên kính mến anh như một người cha!

Hiển làm xong hai bài toán quay lại còn thấy Miên ngồi đó làm ra vẻ học bài, nhưng đôi mắt lơ đãng.

- Cô chưa đi ngủ ?
- Em còn học bài.
- Cô cần đi ngủ vì cô còn yếu.

Hiển thu gọn sách trên bàn. Miên ngáp ngừng một phút rồi hỏi.

- Thứ bảy tuần trước anh hẳn có việc gì bức mình khi đi xi-nê về ?

Miên thấy vành môi Hiển khép lại thành một đường thẳng, anh vơ chiếc bút chì nắm chắc lấy trong tay như đương cầm một khí giới để hộ thân, nhưng chỉ một phút sau Miên thấy anh đã trở lại trạng thái bình thường, giọng anh thuật lại câu chuyện cũng có vẻ - hay làm ra có vẻ thì đúng hơn - bình thường.

Câu chuyện làm Hiển bức mình thứ bảy tuần trước đó xảy ra trước rạp xi-nê Eden phố Tràng Tiền. Trong khi mọi người chen nhau lấy vé, một cô đầm thốt lời thóa mạ một thanh niên Việt, thanh niên này cự lại, tức thì cô đầm làm vẻ hung hăng xông lại đánh. Cô đầm không to lớn gì, nhưng chàng thanh niên Việt phải chạy vì chống lại một người đàn bà đã là một việc không đẹp

đẽ gì mà còn khiến một số thanh niên Pháp đứng quanh đó có cớ nhảy vào đánh hôi. Cô đầm đuổi theo không được bèn vênh vang chạy lại giơ tay phân trần với đám thanh niên Pháp bằng giọng kiêu hãnh :

- Các anh xem, đồ hèn, nó không dám đứng lại !

Hiển tướng có thể phát điên lên được lúc đó. Vào xi-nê, suốt hai giờ chàng không để ý gì đến chuyện phim, cảnh chàng thanh niên Việt cam chịu nhục chạy trước cô đầm như cô đống lại kết tinh thành một cảnh điển hình cho nhục vong quốc.

IV

Miên vẫn ngồi kia. Quanh nòng cây rừng xào xạc, nhưng nòng không chú ý đến, nòng chăm chú nhìn mỏm đá dưới xa, nơi anh nòng vừa khuất.

Vụ hè đó là vụ hè thứ tám hai anh em ở Hà Nội về quê. Miên thấy Hiền đỗ xong Tú tài mà không hề chú ý sửa soạn ghi tên vào Đại học. Nòng mang máng biết anh đang hoạt động việc gì bí mật lắm. Suốt vụ hè nòng thấy anh ít khi ở nhà. Và cũng chỉ nghe riêng chuyện này Hiền chưa lần nào thuật lại chi tiết cho Miên nghe, mà Miên thì không hỏi và cũng chẳng bao giờ muốn hỏi. (Phải chăng vì vậy mà khi nãy nhìn anh hấp tấp đi xuống nòng thốt nhiên thờ dài ?) Thỉnh thoảng Miên thấy có vài người lạ mặt đến thăm anh rồi lại đi ngay. Đồng thời đây đó dân chúng xì xào nói đến Mặt trận Việt Minh và khẩu hiệu « Đánh Tây đuổi Nhật » của họ.

Miên có ý định nhờ anh đưa đi Bình Di trèo lên núi Sáng để được thực mục sở thị nhìn khu rừng lau, đích thân đi vào khu rừng lau, nhưng dịp may chưa tới thì vụ hè đã hết, nòng phải xuôi Hà Nội tiếp tục học. Hiền có đi theo, nhưng không để học mà để tiếp tục hoạt động bí mật. Nòng biết.

Vào một đêm khá khuya, trung tuần tháng giêng... Lúc đó Miên còn ngồi học ở bàn học trên gác. Nòng

chợt giật mình nghe tiếng kêu từ mặt phố gần đây - phố Bạch Mai :

- Bắt lấy nó !

Rồi tiếng chân dồn dập đuổi lại gần.

- Bắt lấy nó !

Tiếng thét còn vang lên một lần nữa. Tiếng người đuổi hồn hèn dừng lại dưới hè :

- Nó chạy mất rồi, nó cướp cái bánh chung !

Tiếng một bà cụ già :

- Thôi, kẻ cũng tội nghiệp, đói mà !

Đó mới chỉ là cảnh đầu mở màn vụ đói mà đã khiến Miên ngẩn ngơ thương cảm. Nghe xong lời giải thích của bà cụ già. Miên ôn lại tiếng thét vừa rồi « Bắt lấy nó ! » mà thấy tiếng thét đó rạch xé hồn nàng. Miên tưởng tượng đến một người dân hiền lành sau nhiều ngày bị lửa đói dày vò, mắt chột loáng tia chớp, cướp giựt miếng ăn rồi phóng chân chạy miết.

Đồng hồ điểm mười hai giờ khuya... Miên vẫn cúi nhìn trang sách mà không đọc được dòng nào. Miên tưởng tượng lại cảnh cha mẹ mình ngày xưa, những đêm đông về sáng lạnh giá căm căm, vẫn phải gọi nhau

dậy co ro sửa soạn dao, rìu, quang gánh để vào rừng làm than kiếm tiền nuôi con khỏi đói.

- Bắt lấy nó ! Nó chạy mất rồi nó cướp cái bánh chung!
- Thôi, kẻ cũng tội nghiệp, đói mà !

Miên có ngờ đâu chỉ một tháng sau, khung cảnh bi thảm đó

đột nhiên rộng lớn vô cùng. Tới đâu nhìn quanh cũng chỉ thấy muôn ngàn khuôn mặt xám với những tia mắt leo lét, tất cả kết lại thành một bức tranh sống của CHẾT ! Màn tang tóc thật sự nhuộm ố cả sơn hà. Đã sang tháng ba được mấy ngày mà sao còn những hôm đổi chiều gió bắc rét kinh hồn. Hầu như cả vũ trụ u uất điều tàn chợt nghẹn ngào sụp xuống vùng đất nhỏ bé Việt Nam này.

Một buổi sớm ảm đạm kia, Miên đã theo anh ra khỏi kinh thành qua cửa ô Cầu Rền. Hai anh em phóng xe đạp về phía Văn Điển, cứ không đầy một trăm thước đã lại gặp ngồn ngang năm bảy cái xác chết khô đét, trần truồng, xạm đen chồng chất lên nhau. Đó là từng gia đình nhỏ bỏ làng đi tha phương cầu thực. Miên đau đớn tê dại, nhưng mỗi lần gặp một đám xác chết, nàng cũng dám cho xe đi từ từ để nhìn cho kỹ. Những xác chết đó chỉ có thể phân biệt được lớn bé mà không sao phân

biệt được già trẻ trai gái.

Khi đã quay trở về tới nhà, Miên nghe Hiền nghiến răng giọng lạc đi vì căm hờn :

- Lịch sử của nước ta, lịch sử nhân loại sẽ thích chàm lên mặt lũ tư bản đế quốc Nhật Pháp.

Miên hỏi anh :

- Có phải mình phải bán thóc theo tỷ lệ ruộng cày và nhỏ lúa giống đay cho Nhật mà nên nông nổi này phải không hở anh ?

- Đành rằng là thế nhưng thủ mưu là thực dân Pháp. Ném đất giấu tay, thực dân Pháp gạt cho quân phiệt Nhật chịu trách nhiệm về vụ hàng trăm vạn dân Việt oan thác này.

Miên chớp mắt, hỏi lại :

- Có thực không anh ?

Hiền dẫn giọng,

- Phải, dân tộc Pháp không thể nại rằng vì mình xa lũ con hoang thực dân mà tuyên bố là không chịu trách nhiệm về vụ ám sát khổng lồ thần sầu quỷ khốc này.

Cuối niên học đó Miên thi đậu, nhưng con số hàng trăm vạn đồng bào oan thác từ tháng giêng đến tháng tư khiến hồn nàng ngọt ngạt. Nàng cảm thấy cái vô vị mênh mông của mảnh bằng khi nước nhà còn bị tụi ngoại bang khát máu tanh lòng dày xéo, nàng quyết định thôi không theo học tiếp lên ban tú tài mà theo lớp y tá những mong với tấm áo choàng trắng nàng sẽ trực tiếp làm nhẹ vết thương đời. Hiện hoàn toàn đồng ý, chàng cũng linh cảm thấy rằng nghề nữ y tá là nghề thích hợp nhất đối với cô em dịu hiền của mình.

V

Toàn dân đại đoàn kết đánh Tây đuổi Nhật !

Khẩu hiệu đó của đoàn thể Việt Minh mấy năm trước đây, Miên nghe sao mà hoang đường ! Toàn dân đại đoàn kết ! Thì dân ta bao giờ chẳng đại đoàn kết ? Nhưng còn đánh Tây đuổi Nhật ! Làm sao với hai bàn tay trắng mà đánh Tây đuổi Nhật được bây giờ ? Miên có ngờ đâu niềm mong ước của toàn dân đạt được dễ dàng quá mức tưởng tượng của con người, vào mùa hè năm ấy nàng về thăm quê vừa dịp quê hương tung bùng trong màu cờ cách mạng. Trước khi về quê, Miên có được xem một phim thời sự, chứng minh sức nóng kinh khủng của một tấm kính trũng thu ánh mặt trời. Miên mang máng muốn ví ý chí dành độc lập của dân tộc nhà với sức mạnh của tấm kính trũng đó.

Có lẽ vì ít kiến thức chính trị nên Miên không muốn nghĩ sâu về điều ví von đó, nhưng chúng ta phải công nhận với trực giác bén nhạy Miên đã tìm được một hình ảnh cực kỳ xác đáng mà ví với sức mạnh ý chí dân tộc. Cái khôn ngoan của người lãnh đạo chính là ở chỗ họ biết cư xử ra sao để thành tấm gương trũng thu hút và tập trung được nhiệt tình của toàn dân. Than ôi, ăn gian tình cảm của nhân loại, ăn gian tình cảm của dân tộc, đó là cái đê mạt nhất của loại chính trị gian thương đầy rẫy trong thời đại chúng ta.

Tới làng Miên gặp lại Tài, anh chàng đã mệnh danh nàng là « Nàng tiên đi dưới trăng ». Hiền đã về quê hoạt động từ mấy tháng trước cùng với một cán bộ huyện. Tài đại diện cho một số thanh niên làng Hạc Thủy thường liên lạc với Hiền để nhận chỉ thị. Cũng vì vậy đã có đôi dịp anh chàng lảng vảng lại gần Miên đưa đón một vài lời thân mật nhưng xem ra còn lúng túng lắm. Có lần anh chàng nói :

- Cô Miên này nếu có dịp cùng anh Hiền đi Bình Di tôi sẽ nhắc anh Hiền mang cô đi theo để cô lên xem khu rừng lau trên núi Sáng.

Miên nghĩ thầm : « Đàn ông họ gớm thật, làm sao Tài biết nàng ao ước được xem khu rừng lau trên núi Sáng? » Nàng mỉm cười đáp :

- Cảm ơn anh, được thế còn gì bằng !

Đôi mắt Tài sáng lên vì cảm động, anh càng lúng túng không nói thêm được lời nào nữa, anh cúi chào Miên rồi vội vã bước đi.

Tiếc thay thời cách mạng bùng sáng huy hoàng chưa được bao lâu đã vẫn mây báo ngày giông tố. Quân Pháp đã hèn mạt quá lộ liễu trước quân đội Nhật, giờ đây chúng biết hèn mạt kín đáo hơn, khôn khéo hơn : chúng lần sau quân đội Anh - một cốt một đồng, thực dân bè lũ

với nhau - để tìm cách tái chiếm Nam Bộ. Hiễn và Tài cùng gia nhập đoàn quân Nam tiến. Tiếng ca hào hùng và man mác vang lên trong hồn dân tộc, tràn ngập khắp sơn hà :

*Đoàn Vệ Quốc Quân một lần ra đi,
Nào có mong chi đâu ngày trở về*

Lẽ ra trong số sĩ quan trẻ tuổi Nam tiến này còn một thanh niên tên là Kinh nữa. Kinh cũng là người làng Hạc Thủy kém Hiễn đến sáu tuổi, Hiễn coi Kinh là thế hệ đàn em, ít giao thiệp với. Kinh có người anh tên là Huynh hơn Hiễn chừng năm tuổi, Hiễn coi là thế hệ đàn anh và cũng rất ít khi giao thiệp. Sau ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8, không khí cách mạng nung chảy bức thành phân chia ngôi thứ, các thế hệ chênh lệch nhau trên dưới mười tuổi đều hòa đồng trong thân ái, Hiễn gặp Kinh trong một khóa huấn luyện quân sự cấp tốc. (Kinh mười bảy tuổi đã theo ba năm trung học; với trình độ văn hóa đó Kinh được xếp vào cấp chỉ huy như Hiễn.) Thở ban đầu cách mạng, chính những sĩ quan chịu huấn luyện cấp tốc trong ba tháng này ra đương đầu với những sĩ quan Pháp đã từng được huấn luyện trong ba năm tại trường Võ Bị Saint Cyr, ấy là không kể còn biết bao nhiêu kinh nghiệm dày dặn chiến trường của họ từ thuộc địa này qua thuộc địa nọ.

Cuộc đảng tranh Quốc Cộng từ tháng 10-1954 đến tháng 6-1946 ngấm ngấm khốc liệt bao nhiêu, nhưng Hiền, Tài, Kinh cũng như hầu hết các thanh niên cứu quốc chiến đấu trong nước từ hồi mặt trận Việt Minh còn bí mật nào có biết gì đâu. Phòng quân của tướng Lư Hán từ Vân Nam đổ xuống phần lớn theo trục giao thông Lao Kay Hà Nội, một số ít qua ải Nam Quan (Lạng Sơn). Đoàn quân đói rách này đã được đồng bào ta mệnh danh là « đoàn quân Tàu phù. » Nhạc điệu một bài ca cách mạng thời đó được hát đùa theo lời đồng dao riêu cợt :

Đoàn quân Tàu ô đi...

Sao mà ốm thế...

Theo xong lớp huấn luyện quân sự cấp tốc, Kinh được đề cử cùng Hiền và Tài sửa soạn Nam tiến. Bộ đội Kinh gặp một đội Phòng quân đã bệ rạc lại hách dịch, Kinh bèn tự động ra lệnh đánh úp, tức lấy khí giới. Không may việc làm quá hớ hênh bị lộ, viên tướng phụ trách liên lạc giữa Phòng quân với chính quyền địa phương cực lực phản đối điều đó. Không may cho Kinh hơn nữa lại đúng vào lúc chiến thuật Cộng sản chịu nhượng bộ tuyên bố giải tán Đảng. Kinh bị chính quyền tuyên án tử hình để lấy lòng bộ chỉ huy Phòng quân.

Huynh (anh Kinh) - khi đó là chủ tịch xã - hai hàng nước mắt rùng rùng, vỗ ngực thùm thụp nói lớn với

Hiển :

- Thăng Kinh nhà tôi bị tử hình, anh tính có giờ đất nào nữa ? ! Việc này tôi quyết tìm đến cụ Hồ hỏi cho ra lẽ.

Kể ra việc người Việt xử tử người Việt vào buổi sơ khởi của nền độc lập đất nước như thế đã là một việc lạ lùng huống hồ Kinh lại bị xử tử vì đã diệt « Tàu phù » để làm giàu vũ khí cho bộ đội nhà càng là một việc lạ lùng ngoài sức tưởng tượng. Kinh còn trẻ măng, hăng hái, dũng cảm. Cán bộ Đảng vào giải thích cho Kinh nghe nhiều lắm, nhưng Kinh nhất định không chịu... « thông cảm ». Kinh trừng mắt nói : « Tôi hành động như vậy mà các anh xử tử tôi để lấy lòng Phòng quân, thì trước khi chết tôi nhờ vào mặt các anh ! »

Nhưng tới khi anh em đồng đội điệu Kinh ra bãi bắn, Kinh bước đi điềm nhiên, không vùng vằng, không la hét. Điều đó càng khiến anh em đau đớn.

Năm khẩu Mousquetons giơ lên, trong số có một khẩu không nạp đạn - trong năm bạn, ai là kẻ có diễm phúc tì lên vai khẩu súng không đạn đây ? Tuân theo khẩu lệnh, năm ngón tay trở bắm cò, kẻ thấy súng không giật vui như gặp đức Phật, bốn kẻ kia thấy súng giật chũ vai cùng thấy lòng đau đớn như chính mình vừa cầm dao đâm ruột mình. Đường đạn đi chệch choạc, Kinh

không chết ngay, anh cán bộ Đảng rút súng lục ý muốn bắn phát tối hậu, Huynh chạy ra ôm lấy thi thể em gục mặt vào vai máu, khóc rống lên rồi ngẩng nhìn lên mà rằng : « Công việc của anh thi hành xong rồi, giờ anh kê xác cha chúng tôi ! Anh muốn bắn phát súng tối hậu thì cứ việc kê vào mang tai tôi mà bắn !» Một giờ sau Kinh mới tắt nghỉ hẳn.

Hiển không được chứng kiến cảnh xử bắn đó, chỉ nghĩ đến thôi mà cũng thấy lòng nhói buốt, nhưng trên đường Nam tiến Hiển định ninh rằng Kinh đã không chết uổng, Kinh chết để giành ưu thế cho cuộc chiến đấu chính nghĩa của dân tộc ! Sau cái chết của Kinh chắc chắn đoàn thể lãnh đạo sẽ khuất phục được quân đội đồng minh để tranh thủ lấy những điều kiện tiên quyết cho việc củng cố nền độc lập.

Sau này khi đã tỉnh ngộ và ôn lại cái chết của Kinh, Hiển cũng không buồn phân tích tìm hiểu đường lối của đoàn thể đạo đó, chỉ biết tự đáy lòng chàng bốc lên một cảm giác vừa khinh tởm cho chính trị và chàng thương Kinh vô cùng. Gương chiến thắng chói lọi của đức Trần Hưng Đạo, cái chết chói lọi của mười ba vị liệt sĩ Quốc Dân Đảng trên đoạn đầu đài, nhiệt tình chói lọi của cụ Phan Bội Châu với đất nước, cái chết vô nghĩa của Kinh, đó là bốn điều ám ảnh lớn trong suốt cuộc đời Hiển.

Sau khi Kinh chết, Huynh bỏ chức chủ tịch xã, xuôi Hà Nội, xin một chân thư ký tại sở tư kia. Hết giờ làm việc, trở về nhà trọ, Huynh thức thật khuya làm thơ ca ngợi tình thương nhân loại, giọng thơ chân thành, nhưng lời thơ non nớt. Cuộc toàn quốc kháng chiến bùng nổ, Huynh mất tích trong khói lửa kinh thành. Không ai tìm thấy xác anh đâu.

*Đoàn Vệ Quốc Quân một lần ra đi,
Nào có mong chi đâu ngày trở về...*

Những bước chân chàng trai ra đi tung bừng, yêu nước, yêu đời, rất hào hùng đấy mà vẫn đồng thời thương cha thương mẹ nhớ anh em, nhớ người tình. Tình thương nhớ này nuôi cho ý chí giành độc lập, phục thù rửa hận thêm thiết tha vững bền. Chẳng cái đẹp nào bằng cái đẹp của chiến sĩ vừa vượt ngục tù nô lệ, vừa chiến đấu giành lại tự do, vừa tự băng bó vết thương của mình : đó là cái đẹp của cả dân tộc nhà thơ ban đầu cách mạng !

Và những đoàn quân vô Nam. Ra đi không mong ngày trở về nhưng say chiến thắng, say tin tưởng chứ chẳng say rượu cho đã đời như trong cổ thi :

*Túy ngoạn sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi...*

Trước ngày ra đi, mấy lần Tài bàn thân đến đứng trước Miên, rồi chẳng hiểu vì dút dất hay vì quá cảm động, chẳng nói được lời nào. Mãi đến lúc Miên thay bà Quản tiến Hiền và Tài ra đến đầu làng... Có ý đề cho Hiền đi trước mấy bước, Tài cười và nói khẽ với Miên :

- Cô Miên này, bao giờ về tôi sẽ đưa cô đi thăm khu rừng lau trên núi Sáng.

Cũng như lần trước Miên gật đầu mỉm cười ngỏ lời cảm ơn và cũng như lần trước Tài cảm động ra mặt nhưng lần này anh tiếp tục đi chậm bước để gần Miên thêm vài giây nữa, như thể đó là lần cuối cùng hai người gặp nhau.

Thế là Miên vẫn chưa có dịp đi Bình Di, leo lên núi Sáng thăm khu rừng lau !

Miên nhớ lại về câu đối anh nàng đã đọc cho nghe ngày nào :

« Buổi sớm lên núi Sáng thấy cụm hoa vàng nhớ cụ Hoàng Hoa. »

Trong trí nàng thoáng hiện hình ảnh Tài với dáng điệu lúng túng... Nàng nghĩ đến « Cô Miên này... » Tài thường khởi đầu mỗi khi nắm hết can đảm trong lòng hai bàn tay để quyết định tiến tới gọi chuyện nàng.

« Cô Miên này... » Miên liên tưởng đến một câu thơ trong « Cung Oán » mà nàng đã được giáo sư Việt Văn giảng dạy trong niên học vừa qua :

Lạnh lùng thay giấc cô miên...

Nàng đắm chiêu một giây rồi mỉm cười vì nàng nghĩ rằng sau này nàng có thể ra một vé câu đối vào loại « hắc búa » cho anh nào - Tài chăng - muốn gá nghĩa cùng nàng :

Cô Miên ngủ một mình !

CHƯƠNG HAI

ĐỘC HÀNH

I

Tiếng súng lác đác vào những ngày tiền cách mạng. Tiếng súng dồn dập dần kể từ ngày quân Pháp tái chiếm Nam Bộ. Và dân chúng cũng quen với tiếng súng. Rồi chiến tranh toàn quốc... Và từ những cứ điểm cũ chiến tranh ngày một lan rộng, ngày một thảm khốc. Đạn ông bị giết bằng súng hoặc bằng lưỡi lê, đàn bà bị hãm hiếp, nhà cửa bị đốt cháy.

Ngót một năm sau, bộ đội của Tài và Hiền từ mặt trận Sông Cầu, miền Nam Trung bộ, chuyển ra Bắc. Tài và Miên được dịp tái ngộ, lần đầu ở quê hương, nhưng trong cảnh tang thương đỏ lửa ấy, hoa cỏ còn chẳng mọc được nữa là nụ cười với lời hứa đi Bình Di lên núi Sáng thăm khu rừng lau !

Sau hai ngày ở lại quê, Tài đi Tuyên Quang, chàng dự trận Sông Lô ở đây rồi hoạt động khắp miền Đông Bắc, Hiền đi lên mặt trận Tây Bắc, sau này dự chiến dịch Nà Sản. Còn Miên, nàng giúp việc cho quân y viện, thiết lập ở ấp họ Đỗ tận sâu trong rừng thẳm, tuy vẫn thuộc huyện Lập Thạch nhưng rất xa Bình Di nơi có núi Sáng và khu rừng lau !

Khu rừng lau ! Khu rừng lau !

Miên cũng không hiểu sao khu rừng lau đó ám ảnh nàng hoài. Nàng hầu như thường xuyên mang hai mối hận : thứ nhất hận làm sao khu rừng để đó không phải là rừng mía mà là rừng lau; thứ hai, hận làm sao mình không xa khu rừng đó là bao mà vẫn chưa có dịp lên tận nơi để được đi vào khoảng màu xanh cảm thạch đó.

Giữa cao trào đoàn kết cứu quốc, giữa không khí tung bừng tranh đấu nhuộm màu hy sinh quả cảm, Miên vinh dự và kiêu hãnh có một người anh ngoài tiền tuyến, tuy thâm tâm không khỏi nhiều khi thấy lo âu. Và nhất là nàng thấy nhớ vô cùng giọng kể chuyện cổ tích đầy thương mến của anh. Nàng luôn nghĩ rằng nàng còn là trẻ thơ.

Có phong trào thi đua ba tháng, rồi phong trào thi đua sáu tháng, thi đua toàn diện. Lần nào cũng vậy, thoát những khẩu hiệu thi đua nêu lên Miên thấy dửng dưng, không phải Miên lãnh đạm với công tác, trái lại nàng vẫn nổi tiếng là cần mẫn nhất cơ quan, nàng chỉ thấy những khẩu hiệu nêu ra chẳng có gì đặc sắc đáng làm to chuyện. Nhưng rồi đi đâu cũng đọc thấy, rồi những buổi học tập liên tiếp, Miên dần dần thấy những khẩu hiệu đó quả có quan trọng tuy đều là những khẩu hiệu mà hàng ngày nàng đã thực hiện. Rồi với phong trào thi đua nàng thấy như mọi phần tử của đất nước đều bị

hút vào một hấp dẫn lực duy nhất để có một nề nếp hoạt động đều đặn và nhiều hiệu quả.

Hội Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam - gọi tắt là Liên Việt - được thành lập đã từ lâu, vị Hội Trưởng đó là một nhân sĩ quen thuộc cả vùng : cụ Cử Hứa. Đó là một ông già trên năm chục tuổi phì nộn. Cụ Cử Hứa là một trong số địa chủ giàu nhất huyện Lập Thạch. Cụ đỗ cử nhân khoa cuối cùng, năm đó cụ mới hai mươi tuổi. Người trong huyện vẫn thường xì xào bàn tán về cái vô giá trị của thứ cử nhân ân khoa đó. Theo con mắt quan sát của Miên thì quả thực ở cụ Cử Hứa, không hề có phong độ một nhà nho chân truyền. Cụ có nhiều cử chỉ lố lăng nhiều khi sàm sỡ. Cụ thật đã đứng tuổi, nhưng lại cố làm ra vẻ ta đây trẻ trung bằng cách đưa đẩy những chuyện trai gái. Đôi khi cụ đọc thơ, thứ thơ Đường luật đã cạn dòng, lời sáo ý rỗng do cụ sáng tác. Cụ đi đâu cũng có một tên cấp điều và trách theo hầu. Cái điều ông cần trúc thật là dài, mỗi lần cụ ngồi vắt vẻo gờ tay vít xuống là anh người nhà vội vã cho thuốc vào nõ điều rồi châm lửa. Tiếng điều kêu ròn... Sau đó anh người nhà khúm núm mang tới bằng hai tay miếng trầu cau tươi hoặc thứ cau khô thật mềm gọi là cau đậu. Áp cụ Cử Hứa cách áp họ Đỗ - trụ sở Quân y viện - chưa đầy một cây số, vì vậy mỗi lần đi họp ban chấp hành hàng huyện - mà họp luôn - cụ thường rẽ vào Quân y viện, coi đó như trạm nghỉ chân. Miên được nhiều dịp quan

sát cụ là thế.

Con trai cụ mới hai mươi bốn tuổi mà đã năm con vì lấy vợ từ năm mười sáu; anh có theo học trại trường Bảo Hộ, đã một lần thi trượt thành chung thi tác chiến, hiện anh là chủ tịch hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác-xít huyện.

Áp họ Đỗ đã rộng, áp của cụ Cử Hứa còn rộng gấp bốn (là theo sự ước lượng của các tá điền) và có chăn nuôi đủ các thứ trâu bò, dê, lợn, gà vịt, bồ câu... Lại có ao rộng, thả cá mè, cá trôi, cá chép. Trước đây thời Pháp thuộc, cụ Cử đã có lần mời được « Quan Công Sứ » về áp dự tiệc; bộ đồ ăn tây (đồ sứ Limoges, dao, nĩa, muỗng bằng bạc) mà đạo đó cụ mua để thù tiếp « Quan Công Sứ » nay vẫn còn. Ngày nay Tây là kẻ thù của dân tộc thì khách quý ngang với « Quan Công Sứ » ngày xưa là chủ tịch Liên khu. Mâm cơm thết vị chủ tịch Liên khu thực là chọn lọc : vịt hầm, gà rán, chim quay. Khi họp các cán bộ tỉnh thì cụ Cử cho ngả một con dê, khi họp các cán bộ huyện, có thể là một con lợn; nếu là bộ đội du kích hoặc chính quy tạm đóng ở áp có thể cụ cho vật một con bò.

Trong các đợt thi đua, anh em tuyên truyền xung phong đi khắp các hang cùng ngõ hẻm, giải thích về định nghĩa hai chữ « nhân dân », anh em rất ưng đến dưng chân ở ấp cụ Cử vì chắc chắn sẽ được thù phụng tử tế.

« Nhân dân gồm có nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ và thân hào nhân sĩ do giai cấp công nhân lãnh đạo. »

Cụ Cử có đọc kỹ định nghĩa đó thấy mình vừa là địa chủ vừa là thân hào thân sĩ, tựa như là người đặt chân lên hai thứ nền móng khác nhau nhưng cùng vững chắc như nhau. Còn do giai cấp công nhân hay do ai lãnh đạo đi nữa cụ có cần gì.

II

Tám tháng sau ngày Hiền đi mặt trận Tây Bắc có hôm không hiểu sao Miên sốt ruột quá. Nàng ngờ rằng cứ như lời hẹn của anh trong một bức thư nàng mới nhận được cách đó ít lâu thì có thể Hiền đã về làng mà chưa có cách báo tin cho nàng hay. Sớm hôm sau, chủ nhật, Miên xin phép dờn cơ quan, lòng khấp khởi mừng sẽ được gặp anh : Nàng đã mừng hụt. Cũng từ đây nàng thắc mắc về tin tức của anh luôn. Thảng hoặc nàng có tiếp tục nhận được thư Hiền thì từ ngày Hiền gửi đến ngày Miên nhận khoảng cách thường là ba bốn tháng vì đường giao thông khó cũng có, vì qua bao nhiêu chặng cơ quan kiểm duyệt cũng có. Miên vui vì được đọc dòng chữ của anh chứ nội dung thư nào có gì.

Lần về Hạc Thủy không gặp anh đó, Miên theo thường lệ sang thăm bà Quán. Ngày nay bà Quán đã già đi nhiều, mới tám tháng qua, mà hình dung bà đổi khác tưởng như tám năm qua, mắt kém hẳn, không phải vì tiền của sa sút mà vì mối lo tinh thần : lo cho Tài. Bà chỉ có một Tài là giai mà Tài cũng như Hiền từ ngày ra đi, chưa một lần về thăm nhà, không những thế, Tài lại không hề viết một bức thư nào về nữa. Bà Quán chỉ còn biết cặm cụi làm việc để giải khuây. Bà dậy sớm, thái thân cây chuối băm làm rau để nấu với cám cho heo ăn, bà đích thân ra ruộng điều khiển công việc, bà đích thân

quây vựa đồ thóc... Tối đến bà lại mang theo chiếc đèn dầu ra đình theo lớp bình dân học vụ, hoặc đi họp với đoàn thể cứu quốc tới mười hai giờ mới về. Trông thấy mẹ già, già, mắt kém đi như thế chẳng ngày nào là cô Nhơn - cô lấy chồng làng - không khuyên mẹ nên nghỉ ngơi tĩnh dưỡng; cô Năng đôi khi tự quê chồng làng bên về thăm cũng khuyên mẹ như cô Nhơn, nhưng bà Quản chỉ ừ ừ ào ào cho xong rồi bà lại dậy thật sớm nấu cám cho heo, làm lụng suốt ngày và đi học, đi họp đến 11, 12 giờ khuya. Nhiều hôm đi học nhìn vào trang sách i-tờ bà thấy lóa chữ phải giơ tay trái lên nâng trán rồi nhắm nghiền mắt một phút cho tỉnh trí. Những lúc đó bà lại thấy vang lên trong trí câu bà vẫn hỏi thành lời hoặc tự hỏi thầm hằng ngày : « Không biết thằng Tài bây giờ ở đâu nhỉ ?»

Bác Hỷ, người đàn bà góa hàng xóm, trước đây vào năm đói có chịu hàm ơn bà Quản, thường ngày cũng sang thăm bà luôn. Bác không biết khuyên bà Quản như cô Nhơn, bác chỉ đưa mắt xét xem có thể thu dọn nhà cửa hoặc đỡ đàn đờc việc gì là bác làm liền. Bác lạnh chân lạnh tay dọn dẹp chỉ một loáng là gọn ghẽ đâu vào đấy. Bà Quản không ngăn - bà biết ngăn cũng chẳng đờc - bác làm xong việc, bà cám ơn.

Khi Miên đến thăm bà Quản, bà vừa sửa lại cọc chuồng lợn vừa tiếp chuyện Miên. Câu chuyện trong

có nửa tiếng đồng hồ mà tới năm sáu lần Miên thấy bà hỏi : « Không biết thằng Tài nhà tôi bây giờ nó ở đâu cô nhỉ ? » Miên chỉ cười an ủi. Nàng biết trả lời sao ? Miên ở lại ăn cơm chiều với bà Quản rồi khi trăng rằm lên, Miên trở lại cơ quan cho kịp mai làm việc sớm.

Trăng sáng vàng vạc, nền trời xanh mịn đấm ánh trăng thành một màu nhung biêng biếc huyền ảo nhiều khi sâu vời vợi như cái nhìn của mỹ nhân xưa ở chốn thâm cung. Để thích ứng với cảm giác u huyền đó, trong tâm linh Miên nhớ lại bốn câu thơ dịch của vị giáo sư Việt Văn đã dạy nàng xưa nhân khi ông giảng đến điển tích « lá thắm » giữa chàng Vu Hựu với cung nhân Hàn thị :

*Thâm cung ngày tháng thanh nhàn,
Nhìn xem nước biếc muôn vàn chảy xuôi.
Giã từ lá đỏ người ơi,
Lá đi cho khéo ra chơi côi ngoài.*

Những chuyện gì buồn buồn xa xôi như vậy thì nàng nhớ lâu. Số kiếp nàng thế chẳng ?

Qua làng Thạch Trục, đi vào một bóng thông, Miên vắng nghe có tiếng đàn lục huyền cầm Tây Ban Nha lẫn tiếng hát và tiếng xì xào nói chuyện. Ngẩng nhìn ngay sườn đồi, Miên thấy thấp thoáng bóng một số thanh niên quần áo nâu có, quần áo trắng có : đó là các sinh viên trường Luật của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ

Cộng Hòa.

Khi Miên đi qua, tiếng một sinh viên nói khẽ : « Nàng tiên đi dưới trăng ! »

- Ô hay ! - Miên mỉm cười nghĩ thầm - vô tình anh chàng sinh viên đó đã gặp Tài. Những linh hồn lớn gặp nhau !

Miên có bao giờ ngờ tới : nàng với chàng sinh viên đó sau này còn dịp gặp gỡ nhau trong duyên nợ.

Tiếp theo lời chàng sinh viên, tiếng lục huyền cầm bỗng như một chùm sương reo nặng xuống chân đồi trăng cùng với tiếng hát phổ nhạc bài « Nhị Hồ » của Xuân Diệu vừa âm thầm vừa lắng lơ :

*Tôi yêu Bao Tự mặt sầu bi,
Tôi yêu Ly Cơ hình nhịp nhàng.
Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng,
Đang đêm nhớ nàng Dương Quý Phi.*

Lòng tràn ngập hân hoan thơ mộng, Miên cúi đầu mỉm cười rảo bước đi vào bóng cây rừng, tiếng hát còn láy lại như cổ đuổi theo, cổ nài xin cho được vượt ve « nàng tiên đi dưới trăng ».

Đang đêm nhớ nàng Dương Quý Phi.

III

Miên thấy vẻ đẹp tung bừng những ngày đầu kháng chiến bắt đầu suy giảm. Nguyên do sự tàn tạ đó có lẽ vì nền kinh tế bé tắc và sự đói khổ đã hiện lên rõ rệt trong dân chúng.

Lịch sử sự tàn tạ đó đã thể hiện trên một chiếc giầy thép phơi quần áo của một gia đình tản cư nọ gần cơ quan quân y của Miền. Người cha gia đình là công chức sở Tài chính thời Pháp theo Chính phủ kháng chiến tới đây và cũng được chính phủ kháng chiến dùng trong cơ quan Tài chính Liên khu. Người mẹ là một bà nội trợ đảm đang, dưới gôi có bốn đứa con đều là trai cả, đứa lớn nhất lên mười, đứa nhỏ nhất lên hai. Lương người cha không được là bao nhưng gia đình này còn để dành được số tiền cộng thêm ít đồ vàng trang sức của người mẹ. Ba tháng đầu mâm cơm gia đình có món xào, món nấu và trên giầy thép giữa sân phơi la liệt nào áo phin nỡn của người mẹ, nào áo lót mình popeline xanh của các con... Sáu tháng nữa qua đi, tiền để dành hết dần, mà kháng chiến xem ra có vẻ trường kỳ thật, mâm cơm gia đình ngày sang nhất chỉ có trứng trắng cà chua và những chiếc áo phơi ngoài giầy thép giờ đây đều đã nhuộm nâu vào bùn. Sáu tháng nữa qua đi, người mẹ giải quyết vấn đề kinh tế bằng cách tăng gia sản xuất. Bà thuê được mấy mẫu ruộng màu, thuê người cày, thuê

người gánh phân bón, bà gieo đỗ xanh. Cả nhà đều đã mắc bệnh sốt rét, nặng nhất là thằng lớn vì nó có báng.

« Có cây có trồng, có giồng có mong !» Kết quả tuy khá nhưng không bù được những khoản hao hụt lớn trong ngân quỹ gia đình. Đồ vàng bán dần đã hết. Các bữa cơm đều đã ăn độn ngô chan với canh rau khoai nấu muối. Ngoài giây thép giờ đây phơi những chiếc áo mỏng màu kỳ quái. Nguyên do đó là những chiếc áo màu của người mẹ cắt sửa lại; có chiếc áo chần bằng vải cẩm châu hồng, bà mẹ cũng phá ra máy áo vào vụ rét vừa rồi; tất cả những hàng vải màu đó khi nhuộm nâu đều biến thành những màu kỳ quái, vải xanh biến thành màu nâu đen, vải đỏ biến thành màu cánh gián xỉn. Người cha thỉnh thoảng mới từ cơ quan cách đây hai mươi cây số về thăm gia đình, thường khi ra đi có để lại số dành dụm còn lại của tiền lương. Mỗi lần về thăm chứng kiến cảnh vợ con ôm đau, đó rét chắc là ông đau lòng lắm.

Miên thường đến thăm gia đình này và giúp đỡ thuốc men. Miên biết những người mới sa sút như vậy, họ khổ lắm và Miên vẫn thích có mặt ở những cảnh khổ đó để được tận tình giúp đỡ mà vui với mình.

Một ngày kia người cha về thăm gia đình, mấy ngày sau Miên còn thấy ông ở nhà, rồi một buổi sớm kia, ông sách dao dựa cùng đứa con lớn lên đòi chặt củi xim

và những cây chổi sè về đụn. Chính phủ kháng chiến vì muốn tiết kiệm công quỹ nên phải giảm chính một số công chức, ông ở số phải giảm chính đó. Sự thực lý do việc giảm chính nặng về chính trị hơn là vì kinh tế. Chính phủ muốn sa thải một số công chức cũ, thay vào đã có số đảng viên tín nhiệm ! Nhưng Miên hiểu sao được những khúc mắc chính trị đó.

Một buổi chiều, người mẹ hót hải đến tìm Miên tại cơ quan nhờ nàng tới thăm ngay cho thằng bé lớn bị ngất.

Vừa ban chiều nó đi kiếm củi sim với bố, nó tham gánh nặng quá sức, đến khoảng đồi dốc kia bị trượt chân quăng đòn gánh và ngã lăn mấy vòng. Người cha vực con về nhà thằng bé vừa đi khom lưng vừa ôm bụng tới một lúc không chịu được đau nữa, nó hét lên một tiếng rồi ngất.

Miên ngờ nó bị rập lá lách. Nàng cho cáng nó ngay vào quân y viện, nhưng không kịp, nó tắt thở giữa đường.

Một tháng sau gia đình này, quẩy gánh lên đường, nói là xuống chợ Me để xoay nghề buôn bán, sự thực là về thẳng tỉnh lỵ Vĩnh Yên rồi tìm đường vào Hà Nội.

Còn lại nấm mồ của thằng bé giữa khoảng ruộng màu mà trước đây nó đã tra phân và gieo đỗ xanh cùng mẹ với em.

Miên chỉ biết vẫn gọi gia đình đó là gia đình ông bà Tư và thằng bé can đảm sớm biết thương cha thương mẹ nằm dưới nấm mồ kia tên là Lân. Thỉnh thoảng Miên vẫn đến thăm mộ thằng bé. Trong thâm tâm nàng thương nó và coi nó như em ruột mình.

IV

Đầu năm 1951, sau chiến thắng Cao-Bắc-Lạng thấy tình hình đã vững chắc hơn xưa, Đảng Cộng sản quyết định công khai ra mắt quốc dân lấy tên là Đảng Lao Động Việt Nam. Một đại hội vô cùng rầm rộ và trọng thể được tổ chức trên sườn một ngọn núi cao ở Tuyên Quang. Bò, dê, lợn, gạo tẻ, gạo nếp được sửa soạn mang lên địa điểm này từ hơn một tháng trước. Còn công việc của hàng ngàn dân công đến đó để lấp đất cuộc cở dựng nhà tất nhiên phải kể từ mấy tháng trước ngày đại hội khai mạc. Họ dựng một số nhà lớn nào là hội trường, nào là nơi lưu trú của các đảng viên đại biểu, nào là nhà ăn nhà bếp... Tất cả những nhà lớn đó đều kiến trúc bằng tre và nứa rất công phu. Một cơ quan ngôn luận dịch vận bằng Pháp ngữ của Đảng lúc bấy giờ đã ca ngợi công trình kiến trúc đó bằng câu : «C'est là, toute une symphonie de bambou !» (Đó là cả một bản hòa tấu của tre nứa !) Dự Đại hội có đủ các đảng phái quốc gia, ngoài ra còn có đại biểu của phe Issarack Cao Miên và phe Issala Lào tới để thành lập mặt trận Việt-Miên-Lào.

Bài diễn văn khai mạc vẫn là những lời ca ngợi đoàn kết, đoàn kết để thực hiện việc giải phóng đất nước.

Cùng một lúc với tiếng súng nổ ngoài tiền tuyến, các chiến sĩ ngã gục, cùng một lúc với bao người dân vật lộn với cuộc sống với bệnh tật và biết bao người ngã xuống câm lặng như em bé Lân xấu số của gia đình ông bà Tư, thì trên sườn núi thuộc địa phận Tuyên Quang này, các cán bộ nghe lời tuyên truyền đậm đà của đoàn kết và thưởng thức những bữa ăn đậm đà không kém với bò non, dê béo. « Vì có sự chết nơi kia mới có sự sống nơi này và vì có sự sống « sáng suốt » nơi này mà sự chết nơi kia sẽ có ngày được tái sinh trong vinh quang. » Phải chăng đó là thứ lý luận biện chứng chói lọi vàng son của những con người cố giữ cho lương tâm yên ổn ?

Từ giữa năm 1950 những trọng trách Miên đảm nhiệm trong quân y viện được tước bớt dần cho đến cuối năm đó nàng chỉ còn là một y tá thường. Nàng biết các nữ đảng viên trong cơ quan đương qua một lớp cải tạo vất vả cực nhọc lắm. Đó là phong trào học tập chung của Đảng. Miên mang máng cảm thấy bên cuộc kháng chiến ngày một gay go còn một cái gì gay go hơn nữa trong nội bộ Đảng. Mỗi lần các đảng viên ở phòng họp tan ra gương mặt họ phờ phạc, đôi mắt dại đi, nụ cười như một con vật đáng thương bị săn đuổi ráo riết cho trốn biệt tích khỏi đôi môi.

Miên chẳng hề oán trách cấp trên sao lại tước hết trọng trách của mình. Nàng nghĩ thầm : Đảng giữ trách nhiệm to tát lãnh đạo cuộc kháng chiến, nay cuộc kháng chiến càng ngày càng gay go thì những địa vị tương đối quan trọng lẽ cố nhiên phải dành cho các đảng viên. Tuy không phải là người của Đảng, dù ở một địa vị tầm thường nhưng đem hết khả năng ra để phục vụ, Miên cho rằng như vậy nàng cũng đã góp phần đích đáng vào công cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Nữ đảng viên phụ trách nàng đã nhiều lần ngỏ ý khuyên khích nàng nên tỏ thái độ thuận tiện để được dung nạp vào Đảng. Nhưng nàng nhu mì từ chối. Nàng từ chối vì nhiều lý do : thứ nhất vì theo ý nàng nhất định không phải cứ là đảng viên mới phục vụ đắc lực được tổ quốc; thứ hai, xem lẽ lối làm việc của các nam nữ đảng viên thì kỷ luật của Đảng quả là kỷ luật thép, nàng tự lượng còn quá giàu, quá thiện, quá đề cao tình cảm nên khó thể kham được.

Từ đầu năm 1950 Miên có nhận được thư Hiễn báo sẽ về thăm nàng. Miên mừng và thấy mình trẻ lại. Phải công nhận trong khoảng ba năm xa anh, Miên già đi trước tuổi rất nhiều, phần vì e ngại cho tính mạng anh, phần vì nàng luôn luôn lo lắng sao cho tròn trách nhiệm tại quân y viện liên khu này, quân viện đã từng chiếm giải nhất trong kỳ thi đua toàn diện vừa qua.

Niềm hy vọng được gặp anh mồn mõi với tháng ngày, chẳng bao lâu đã tới ngày cuối cùng của năm 1950, dân y viện và quân y viện liên khu hợp làm một, công việc của Miên vì thế càng thêm bận.

Trong cơ quan đã bắt đầu có sự hiện diện của các cố vấn Tàu. Họ ở riêng một căn nhà dựng trong rừng với một ban cấp dưỡng đặc biệt. Mỗi lần Miên tới liên lạc với ban cố vấn, nàng phải qua căn bếp, mùi bánh nhân thịt từ lò nướng tỏa ra ngào ngạt cùng hơi than ấm. Đó là thứ bánh bày ở bàn làm việc để các cố vấn xơi, còn đối với các cán bộ người Việt chỉ những ngày quốc lễ họa may mới có. Thứ gạo cố vấn dùng là gạo dự trắng, thơm, mềm. Ngoài cửa bếp thường xuyên có mấy lồng gà chồng lên nhau, khi một luồng gió mạnh lùa tới, những lông tơ chĩa ra, cùng với tiếng kêu keng kéc khẽ, Miên nhận thấy lớp da ánh mỡ vàng. Có lần nhận chỉ thị xong quay về, Miên gặp đồng chí cấp dưỡng bung lên một khay lớn bày ba con gà giò quay tròn xinh để nguyên cả con của ba cố vấn.

V

Hình như việc tước hết trọng trách của Miên là một thủ đoạn chính trị, một đòn tâm lý của chi bộ quân y này. Hình như ban chấp hành chi bộ muốn rằng vì thế Miên sẽ thấy chạm tự ái và tìm cách cư xử thuận tiện để được vào Đảng. Chi bộ đã tính nhầm nước cờ ! Người con gái trong sạch đó chỉ biết vui với sự tận tâm làm việc chứ không hề chú ý đến những danh từ chỉ chức tước. Nữ đảng viên phụ trách Miên đành bày một thế cờ khác, coi Miên như đã ở giai đoạn chuẩn bị vào Đảng và cắt cho Miên một công tác theo dõi một « nữ y tá quần chúng » khác tên là Linh.

Thoạt Miên cũng không hiểu « nữ y tá quần chúng » là gì, nữ đảng viên phải giải thích « quần chúng » là danh từ dùng chỉ chung những người chưa phải là đảng viên.

Miên nói lại :

- Chị xem, em đã là đảng viên đâu ?

- Nhưng thái độ tích cực công tác - lời nữ đảng viên của đồng chí, đủ để chúng tôi tin nhiệm coi đồng chí như một đảng viên thực thụ. Công tác điều tra quần chúng tôi giao cho đồng chí, lần này gián dị thôi, đồng chí chỉ việc tỏ tình thân mật với đồng chí Linh và trong

khi gần gũi như vậy đồng chí hãy gọi chuyện đồng chí Linh để hiểu tình trạng gia đình, cùng nguyện vọng, tư tưởng đồng chí đó.

Miên không hiểu rằng, những chi tiết trên về lý lịch Linh, chi bộ đã biết rõ từ lâu. Nữ đảng viên bảo nàng điều tra lại chỉ là cách vục nàng trên con đường công tác do thám cho Đảng. Miên đã nhận lời để làm vui lòng nữ đảng viên (Miên không muốn mất lòng bất cứ một người bạn nào trong cơ quan).

Nhưng đến khi tiến tới gần Linh, Miên mới cảm thấy hết cái bỉ ổi của công tác.

- Thế này mình là một tên do thám bạn rồi còn gì ! Nàng nghĩ thâm thế và xấu hổ với chính mình. Cả buổi sáng hôm đó Miên giúp Linh thật sự như để chuộc lỗi. Nàng cũng có hỏi qua bạn về quê quán về tình trạng gia đình cha mẹ còn sống hay chết, có mấy anh chị em, hiện tản cư nơi đâu... Nghĩa là những câu hỏi thường thức trong bất cứ cuộc giao thiệp thân hay sơ nào.

Với con mắt sành sỏi giàu kinh nghiệm, nữ đảng viên kia hiểu Miên...

CHƯƠNG BA

VIÊN CỐ VẤN THỦ THUẬT

I

Đã sang đầu năm 1951 được nửa tháng và cũng còn hơn nửa tháng nữa thì Tết âm lịch. Miên hy vọng ngày ba mươi Tết có thể xin phép về tảo mộ rồi ăn Tết với bà Quán. Đã bốn năm qua tuy vắng anh, nhưng thói quen sửa sang hai nấm mộ của cha mẹ vào ngày cuối năm vẫn được Miên thực hiện một mình. Khi cuộc đất đắp mồ như vậy nghĩ đến anh ở nơi xa - chẳng biết ở đâu - Miên đã khóc âm thầm phóng khoáng. Nói là âm thầm và phóng khoáng vì chỉ có mình nàng khóc giữa cảnh rừng núi vào khoảnh khắc tàn lụi của một ngày cuối năm. Nhưng lần này suốt ngày hai mươi tiếng súng vang rền từ mặt trận Vĩnh Phúc (Vĩnh Yên-Phúc Yên) vọng lại. Viên Đại tá quân y về thủ thuật - một trong ba vị cố vấn của Quân y liên khu - sửa soạn lên đường tới đơn vị hậu cần của chiến dịch. Trong số mười nhân viên được cử đi theo viên cố vấn quân y về thủ thuật có Miên. Đoàn người khởi hành ngay từ hôm ấy. Từ áp họ Đỗ xuôi xuống, Miên thấy hướng đi của mình lặng dần về phía tả.

Thốt nhiên nàng nghĩ đến ngọn núi Sáng ở Bình Di và khu rừng lau. Nàng hy vọng đơn vị hậu cần của chiến dịch sẽ đặt ở nơi đó và nàng sẽ có dịp gặp gỡ khu rừng lau. Ý nghĩ đó làm nàng vui quên nỗi đau lòng không được ở lại tảo mộ cha mẹ như thường lệ vào hôm ba mươi Tết sắp tới.

Đã mười giờ khuya, đoàn người vẫn tiếp tục qua hết rừng này sang rừng khác và giữ vững hướng về phía tả theo chiều xuôi xuống. Theo lộ trình thì khoảng nửa đêm mới có thể tới trạm nghỉ.

Càng về khuya trời càng lạnh, thỉnh thoảng qua suối, tiếng lội nước bì bõm và ở khoảng trống này đôi khi Miên bắt gặp ánh nước hồi hộp phản chiếu mấy vì sao mờ lạnh trên cao, hồi hộp như ánh hy vọng của nàng được đi vào khu rừng lau.

Đoàn người tiếp tục đi. Mãi tới một giờ rưỡi khuya mới tới trạm nghỉ, năm giờ sớm hôm sau đã lên đường. Với ánh sáng ban mai, Miên thấy mình đang đi vào một miền có những đồi nhỏ liên tiếp cây cối cằn cỗi và rất thưa, cỏ ngắn vàng úa thân cứng như cuống chổi, thỉnh thoảng gặp một hay hai cây thông cao vút như một tư tưởng đột ngột và kiêu hãnh. Theo nguyên tắc tuyệt đối bí mật quân sự, mọi người vẫn cầm cúi đi theo đồng chí dẫn đường, không ai biết là đi về đâu và còn bao lâu nữa tới nơi.

Các đồi trọc liên tiếp bất tận cùng với màu cỏ úa xác, ngọn núi Tam Đảo phía xa khi ẩn khi hiện. Những lúc Miên đi sâu xuống thung lũng ngẩng nhìn ngọn đồi che lấp ngọn Tam đảo, không hiểu sao nàng nghĩ đến hiện tượng nhật thực, vầng trăng nhỏ mọn che lấp mặt trời... Rồi nàng miên man nghĩ đến những kẻ tiểu nhân đắc chí lấn át những tâm hồn quân tử. Miên không ngờ rằng sự liên tưởng thoát có bề ngoài vô căn cứ đó bắt nguồn ở một thái độ bất mãn đã được tích lũy nhiều trong tiềm thức mà chính nàng không hề ngờ tới.

Mọi người rẽ vào một vùng ruộng khô phân chia thành nhiều thửa nhỏ. Một người bạn lướt lên nói khẽ với Miên :

- Tôi nhận ra rồi, đây là một địa điểm thuộc huyện Tam Lộng, tỉnh Vĩnh Yên.

Đi một quãng nữa Miên nhìn xuống chân đồi thấy có ngôi nước nhỏ. Bên kia ngôi nước là một xóm dân cư chùng chục nóc nhà. Bên này, ngôi nước là một khu rừng khá rậm rạp. Tiến vào khu rừng đó, một ngôi đình lớn vẻ muôn phần cổ kính xuất hiện, cổ kính vì những hàng cột lớn uy nghi, tường và mái rêu xanh đen, cổ kính vì những cây cổ thụ cao vút và rườm rà mọc không theo hàng lối nào nhưng cành lá hầu như bảo nhau từ bốn phía ùa lại rủ xuống phủ kín mái đình. Một góc đình chừa ra làm nơi chứa thuốc và các dụng cụ quân

y còn khắp sàn đình la liệt thương binh với tất cả vẻ phồn tạp đau thương của cái thế giới gồm những nạn nhân của bom đạn. Người thì băng phủ kín mặt người thì băng phủ kín chân, có người băng quấn kín khuỷu tay, tay dưới đã bị cưa đi... Tiếng rên rỉ của người còn thuốc mê, tiếng la như xé ruột của người vừa tỉnh. Tất cả những băng quấn đều một màu vàng bẩn vì đã giặt đi giặt lại nhiều lần, máu tịn các vết thương thấm ra, tím đen loang lổ. Nhìn cảnh đó Miên hiểu tại sao nàng và các bạn đã phải cấp tốc đi miết ngày đêm để tới địa điểm này.

Bác sĩ T. tự phòng mổ đằng sau đình tới chào xã giao viên cô vấn rồi trở lại phòng mổ ngay; viên y tá trưởng thay mặt bác sĩ đưa mọi người tới căn lều mới dựng trong rừng, nơi nghỉ ngơi. Tới đây Miên nhận thêm thấy quanh đình còn một số lều khác cũng là nơi để chứa thương binh. Và tít phía trên gần đỉnh đồi, bên một chiếc miếu nhỏ, một chiếc lều lụp xụp hơn, xung quanh quây sơ sài bằng lá gồi thay tường : đó là nhà xác.

II

Kể từ ngày tướng De L.. sang Việt Nam điều khiển cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa, chiến thuật hung hăng của hắn đã làm đổ máu biết bao người vô tội.

Để lòng bắt những người khả nghi hắn đã cày cánh đồng quê bằng chiến xa, vây giữ làng Việt Nam bằng lửa đạn. Những toán quân lê dương với đủ các quốc tịch : Bỉ, Đức, Hung... mặt đỏ dừ vừa say rượu vừa say nắng, vừa say máu tung bừa gieo tang thương bằng giết chóc, hãm hiếp khắp làng thôn có gót giày đinh của chúng xéo qua.

Để giữ miền trung du De L... lại có sáng kiến thiết lập một trận tuyến bê tông khởi từ Bắc giang qua Bắc Ninh, Phúc Yên, Vĩnh Yên, Việt Trì, Sơn Tây quanh sang Hà Đông và kết thúc vòng đai ở Phủ Lý. Mỗi cứ điểm có một bê tông mẹ với mấy bê tông con gìn giữ lẫn nhau. Các cứ điểm bê tông trong vùng lại có thể dùng hỏa lực trợ chiến lẫn cho nhau mỗi khi một cứ điểm nào đó bị tấn công. Chiến thuật phòng ngự vững chắc này đã làm ngã gục biết bao chàng trai anh dũng Việt trong các cuộc tấn công liên tiếp.

Quân Pháp hiện đã bị đánh bật khỏi Nghĩa Lộ, chúng rút về Sơn La ở vào tình thế rất lúng liếng. Sau đây chúng còn rút khỏi Sơn La về tập trung tại Nà sản, có

thủ cứ điểm này, mở rộng sân bay, chuẩn bị rút lui bằng đường không vận. Chiến dịch Vĩnh Phúc của bên ta được mở ra chính là để cầm chân quân Pháp không cho chúng tính đường gọi quân cứu viện lên mặt trận Tây Bắc. Mặc dầu các chiến sĩ Việt Nam đã khá nhiều kinh nghiệm về chiến thuật đánh bê tông mà thương binh vẫn căng về ùn ùn. De L... hẳn phải tin tưởng lắm vào cuộc chiến thắng tương lai đầy máu lửa của y. Rồi đây sang đầu 1952 y chết và được truy thăng Thống chế Pháp quốc tên ghi trong tự điển danh nhân Larousse. Y là anh hùng của nước Pháp nhưng trên đất nước Việt Nam, người Việt vạch mặt chỉ tên y là tên giặc khát máu một thời. Lẽ tương đối của thứ danh vọng xây dựng trên bạo lực và nô lệ cho lòng tham vọng vị kỷ là thế !

Kể từ trưa ngày hai mươi hai tháng chạp âm lịch cho đến hết ngày hai mươi tám Tết, Miên và các bạn làm việc không ngừng. Miên còn bận hơn các bạn nhiều vì nàng phụ tá bác sĩ T. trong việc mổ. Nhiều khi mãi tới mười hai giờ khuya nàng mới được nghỉ, đôi lần vào giờ đó nàng vừa đặt mình nằm đã bị gọi dậy vì có thương binh mới và trong số có người phải lên bàn mổ cấp tốc. Ban ngày nàng thường xuyên túc trực bên bác sĩ, kể cả những lúc không có việc. Vào những giây phút nhàn rỗi hiếm có này, nàng mở xem những tập báo chữ Pháp trên bàn giấy bác sĩ T. Đó là những tập VUE, PARIS MATCH bên trong có những bài nói về sự tiến

triển của Y học hiện đại.

Viên y tá trưởng hầu như không làm gì về công việc chuyên môn trong phòng mổ mà chỉ chú trọng về tổ chức cắt đặt các nhân viên và luôn luôn liên lạc với chính trị viên chi uỷ quân y để nhận chỉ thị. Cứ trông dáng hẩn xuôi ngược tất tả, mặt hẩn luôn luôn làm ra nghiêm trọng, Miên cũng thừa hiểu hẩn là một « đồng chí » mới được kết nạp.

Viên cố vấn đại tá quân y về thủ thuật cũng vậy ! Cứ như danh từ chỉ về chức tước thì hẩn viên cố vấn này chuyên về giải phẫu; vậy mà từ ngày đến đây tới giờ, Miên chưa hề thấy cố vấn giải phẫu một ai. Cố vấn cũng nặng về phương diện kiểm soát tổ chức nội bộ và đã đòi thay đổi một vài nhân viên khiến guồng máy hậu cần chệch choạc hẩn đi mấy ngày. Mỗi khi thấy một thương binh sắp lên bàn mổ viên cố vấn lại hỏi bác sĩ T. một câu duy nhất :

- Ông xem có cần mổ không ?

Câu hỏi ngờ ngẩn đó đã làm bác sĩ T. bực mình không ít, tuy nhiên bác sĩ vẫn nhã nhặn trả lời bằng một câu cũng gần như duy nhất :

- Thừa cố vấn, cần lắm chứ ! Vết thương này để chậm chắc chắn nguy đến tính mạng.

Thực sự giúp bác sĩ bên bàn mổ chỉ có Miên và một sinh viên y khoa năm thứ tư giữ chức quân y phó. Thường thì biết mình là gái, mỗi khi giao thiệp với chàng trai nào, Miên hết sức giữ ý, nhưng với chàng sinh viên trẻ sớm đượm vẻ phong trần phóng khoáng này Miên gần và thấy tin cậy gần như với anh ruột mình. Chàng sinh viên đó là Tân, thừa các bạn.

Phòng mổ căng bằng vải dù, xa đình chùng một trăm thước và ở ngay bên cạnh dòng nước nhỏ. Cửa ra vào có che tấm vải gaze phát phơ theo gió.

Buổi đầu giúp việc, bác sĩ T. giới thiệu vắn tắt :

- Đây là cô Miên sẽ giúp chúng ta bên bàn mổ. Đây là anh Tân sinh viên năm thứ tư, quân y phó.

Buổi chiều, lợi dụng lúc ngơi việc Miên hỏi Tân trước:

- Quê anh Tân ở đâu ?

- Tôi quê ở Bắc Ninh - Tân đáp- Bây giờ gia đình anh tản cư ở đâu ?

Tân thoáng vẻ buồn :

- Tôi không còn gia đình nữa. Mẹ tôi mất ở Bắc Ninh cuối thu năm 1947 đúng vào năm đầu tôi theo học trường Thuốc. Mẹ tôi ra đi yên lòng vì gặp được mặt

tôi trước khi nhắm mắt.

- Còn ông cụ ?

- Thầy tôi mất từ sớm.

Miên thở dài không hỏi gì nữa, nàng nghĩ đến mình cũng mồ côi mẹ từ thuở nhỏ.

Hôm sau cũng vào lúc rảnh việc một chút, Miên hỏi giọng vui :

- Anh Tân giữ chức quân y phó oai đấy chứ.

Tân đáp lại thân mật :

- Oai khỉ gì hở cô ? Quân y trưởng là bác sĩ T., quân y phó là tôi dưới mặt họ cũng chỉ là những thằng « thợ cưa. »

Miên hiểu ngay chữ « họ » Tân nói ám chỉ các đảng viên. Tự nhiên Miên hỏi ngay lại một câu để tỏ rằng mình cũng biểu đồng tình.

- Chẳng bao giờ họ hỏi ý kiến anh và bác sĩ T. ?

Tân lắc đầu, môi hơi bĩu rồi mới đáp :

- Chủ nhân về tinh thần là chính trị viên chi ủy quân y, chủ nhân về vật chất là viên quản trị trưởng tiếp tế về thực phẩm và thuốc men, vào sổ các thương binh đến,

gạch tên các thương binh đi hoặc chết. Trên cõi đời này nơi nào còn để cho lũ a dua chính trị lên mặt vọc mồm vào chuyên môn nơi đó nhất định thành ung thư.

Miên theo dõi nét mặt bất mãn của Tân và thấy hay hay nàng hỏi tiếp :

- Hình như họ chỉ có mặt ở đây vào giờ hành chính anh nhỉ ?

Tân gật đầu :

- Họ ở một cánh rừng bên kia đồi, cách chúng ta chừng một cây số. Đã có một lần tôi qua đó bắt gặp mâm cơm của họ có salade, có cà chua phá-xí, có trứng đúc thịt... trong khi thương binh ở đây kham khổ là vậy. Họ ăn bót! Họ ăn cấp !

Biết bao chương tai gai mắt trước đây đã làm Miên bất mãn ngằm mà chính nàng không hay, ngày nay gặp Tân, nghe lời nói thẳng thắn của chàng, Miên thấy những bất mãn ngằm đó như cô đặc lại thành hình thể. Vô tình nàng tiếp theo lời Tân :

- Bần tiện nhỉ ?

Rồi Miên kể thủ thi cho Tân nghe chuyện nàng từ thời thơ ấu. Cảnh nghèo và mồ côi cha mẹ của Miên thuở nhỏ làm Tân chạnh lòng nhớ đến cảnh nghèo của mình ngày nào bỏ học đi buôn. Khi biết Miên còn một người anh tên là Hiền trong bộ đội chiến đấu cùng chạc tuổi mình, Tân tự nhiên có khuynh hướng coi Miên như người em gái nhỏ bơ vơ và tự thấy có trách nhiệm che chở, an ủi nàng thay Hiền. Chính thứ tình cảm xuất hiện ban đầu đó quyết định mãi mãi thái độ về sau của Tân với Miên. Nếu câu chuyện Miên kể sắc sảo một chút, tình tứ một chút, biết đâu Tân lại chẳng yêu Miên như một chàng trai có cuộc đời trống trải khao khát tình yêu ? Nhưng giọng Miên kể thùy mị quá, hiền lành quá nên chỉ gọi trong lòng Tân tình thương mà không phải tình yêu. Một lần trong buổi chiều hôm ấy Tân gọi đùa Miên : « cô em gái nuôi của tôi. » Miên hiểu tình cảm thẳng thắn của Tân và nàng cảm động. Nàng cũng chẳng đòi hỏi gì hơn.

Điều nàng quý nhất ở Tân là thái độ làm việc say mê và tận tâm của chàng trong việc mổ hoặc phụ tá cho bác sĩ T. mổ. Càng những hôm nhiều việc tinh thần Tân càng quắc thước và đôi bàn tay chàng khâu những vết mổ hoặc băng bó những vết thương thoăn thoắt, thông minh, thành thực tưởng như đôi tay đó có đôi mắt riêng của chúng.

III

Chiều hai mươi chín Tết !

Lẽ ra Miên phải buồn lắm, vì vẫn chưa được gặp anh, lại không được ở nhà tảo mộ cha mẹ vào ngày ba mươi Tết như thường lệ; nhưng lần này gặp Tân mà nàng quý mến như Hiền nên Miên cảm thấy bớt cô đơn hẳn.

Chiều hai mươi chín Tết !

Bước đường tản cư đầu tiên của Tân là ngày nào tới đồn điền Lợi Ký theo lớp huấn luyện cán bộ tăng gia sản xuất chịu đựng một mùa xuân đầu tiên xa quê hương, xa mẹ. Đau khổ làm phì nhiêu tâm hồn và khắc sâu những cảm giác, cho nên mỗi độ chờ đón xuân về vào những buổi chiều nghỉ ngơi, Tân thích lắng nghe tiếng gió bên ngoài để nhớ lại tiếng gió rít từng hồi tự trên đỉnh đồi cao khu đồn điền Lợi Ký lùa xuống các thung lũng nhỏ. Tân còn nhớ rõ như in cảnh những chiếc lá vàng đua nhau rụng và những chiếc lá khô dưới đất tựa hồ những hồn ma bị dựng dậy đuổi nhau tíu tít quanh gốc cây. Nếu trời mưa, Tân nhớ lại âm thanh rả rích của mưa rơi ngày đó. Nếu đêm khuya bên ngoài có gió lớn, Tân nhớ lại tiếng cành cao lung lay, tiếng quả ửng rụng nhẹ. Nếu mưa đêm tạnh hẳn, về sáng có gió lớn, Tân nghĩ ngay là gió đương ra công quét sạch mây xám trên trời

để đón một năm mới, năm mà ai nấy hy vọng sẽ phong quang hơn. Tân có nhớ đến Vân « phẩm tiên rơi đến tay hèn, » Tân có nhớ đến mối tình của chàng với người đẹp ga Thanh Ba, nhưng những hình ảnh đó chỉ còn là những điểm nhạt trên khung cảnh rộng lớn những núi, rừng, mây, gió... Năm năm kháng chiến, Tân đã được gặp biết bao cánh hoa mong manh bạt gió như Vân nên thương những người đẹp thì có thương, nhưng lạ thì không còn lấy làm lạ (lạ vì người đẹp mà khổ).

Chiều hai mươi chín Tết !

Phòng mổ hôm nay tương đối vắng khách, bác sĩ T. hẳn đã leo lên đỉnh đồi tìm chỗ thoáng ngòi cho trí lực được giải thoát chút ít, còn lại Tân và Miên.

Thấy Tân ngòi ghéch chân lên bàn đăm chiêu nhìn qua cửa sổ, Miên tiến tới ngòi đối diện với chàng trên chiếc ghé dài ghép bằng ba ống bương lớn.

- Chà, hôm nay lạnh ghê, anh thấy không ? - Miên nói.

Tân cười rất hiền, khẽ gật đầu :

- Mấy hôm trước đây vì nhiều công việc nên quên cả lạnh.

Hai người im lặng giây lâu. Có lẽ vì quý Tân nên Miên thích hỏi rõ về đời Tân, nằng tìm cách gợi chuyện:

- Anh vào học năm thứ nhứt trường Thuộc từ 1947 ?

Tân gật đầu :

- Thì trường Thuộc cũng chỉ có năm thứ nhất kể từ 1947. Như lời anh em cho tôi hay thì trong số hơn hai ngàn chiến sĩ giữ thủ đô tháng chạp âm lịch năm đó... Suy nghĩ một chút Tân tiếp :

- ... Phải tháng chạp năm Bính Tuất sang đầu xuân năm Đinh Hợi, khi trung đoàn Thủ đô rút lui, có một số sinh viên cũ theo bác sĩ T. lên mạn Chèm Vẽ, rồi tản cư một lần nữa tới Đại Đồng, một làng nhỏ trên con đường từ Phú Thọ đi Tuyên Quang, trường Thuộc được chính thức thành lập ở đây.

- Anh tới đó ghi tên ?

- Tôi cùng một anh bạn thân sắp tới đó ghi tên thì hay tin mẹ ốm, tôi trở về Bắc ninh ngay. Mẹ tôi mất mấy ngày sau.

Ngày đó Tân đã bán ba mẫu ruộng tốt của mẹ để lại cho một người thím. Những danh từ « cây chia cây rẽ » rất xa lạ với Tân. Nào biết chia ra sao, chia lúa ở ruộng hay chia thóc ở nhà, hay cho thuê khoán lấy một số tiền

nhất định ? Giản tiện nhất là bán đi, bán rẻ cho một người thím, lột sàng xuống nia; Tân chỉ giữ lại chiếc nhà gạch cho người chị họ nghèo ở nhờ. Chiếc bể bị dò, Tân xuất ra một số tiền cho chị mua xi măng sửa chữa để có thể chứa đủ nước mưa dùng quanh năm. Người chị nghèo, mẹ con ăn mặc rách rưới từ nay được ở nhà rộng có ao thả cá, có vườn giồng rau, nuôi gà, về mặt mẹ con hơn hở, Tân trông mà vui lây.

Nhưng niềm vui đó chỉ bùng lên một lát rồi tàn ngay như ngọn lửa rom, một cảm giác chua chát xâm chiếm lòng Tân, chàng nghĩ đến cái nghèo của cả dân tộc. Hành động của chàng cho chị ở nhờ cũng chỉ là một hình thức của bố thí, mà bố thí đâu có giải quyết được nạn nghèo đói ? Xứ sở còn chìm trong khói lửa kia, một tia hy vọng hòa bình cũng chưa hề có, đã nghèo khổ còn tang tóc nữa.

Thấy khuôn mặt Tân chìm hẳn trong niềm suy nghĩ, Miên hỏi như để đánh thức chàng :

- Chắc rồi anh gặp lại anh bạn ở trường Thuốc ?

Tân lắc đầu :

- Ngày đó mẹ tôi vừa mất, nhìn quanh mình toàn cảnh buồn, nhưng nghĩ rằng trở lại trường Thuốc gặp lại bạn thân thì cũng thấy vui vui phần nào. Hay tin quân Pháp

nhảy dù Bắc Kạn, tôi vội lên Đại Đồng thì trường Thuốc đã dọn đi nơi khác. Mãi tới tháng mười - nghĩa là ngót một tháng sau - trong khi quân ta đương mở chiến dịch sông Lô truy kích binh đoàn Pháp từ Tuyên Quang về Đoan Hùng, tôi mới tìm ra trường Thuốc ở Chiêm Hóa. Không thấy bạn !

- Hay là bạn anh bị chết trong vụ quân Pháp nhảy dù Bắc Kạn ? - Giọng Miên như tham dự vào lo âu của Tân.

Tân lắc đầu :

- Tôi cũng không rõ, nhưng tôi không nghĩ rằng Kha chết !

- Tên anh bạn đó là Kha ?

- Vâng, tên Kha. Thoạt tôi tưởng vì có vụ nhảy dù Bắc Kạn mà Kha còn thất lạc, nhưng vào một đêm trăng kia hỏi kỹ các anh bạn năm thứ nhất tôi mới hay là Kha không hề đến ghi tên trường Thuốc.

Bóng chiều tràn vào, vẻ mặt Tân càng chìm trong suy nghĩ, Miên không muốn hỏi thêm gì nữa, nàng lẳng lặng đứng dậy ra suối rửa mặt mũi chân tay để còn chuẩn bị ăn cơm.

Rõ thực hóa nhi đa hí lộng ! Ngày đó khi đôi bạn tạm chia tay, Tân về Bắc Ninh, Kha tìm đến trụ sở tạm thời

trường Thuốc, nhưng nửa đường gặp mấy người bạn cũ, họ rủ Kha đi Vĩnh Yên học Luật. Kha ưng ngay vì nếu học Luật càng sẽ gần mẹ ở Thạch Thất. Chàng đã ghi tên học Luật rồi tìm đến Thạch Thất gặp mẹ. Bà giáo yếu lắm cần về làng (trong vùng tè) để thuốc men. Tiễn mẹ về làng mà rồi thành vĩnh biệt... Chuyện này chúng ta rồi sẽ có dịp rõ chi tiết. Điều cần ghi nhận ngay ở đây là vào đúng đêm trăng Tân hỏi các bạn năm thứ nhất để hay rằng Kha không hề đến ghi tên trường Thuốc thì - thực là kỳ thú - cũng chính đêm trăng đó Kha cùng những người bạn năm thứ nhất trường Luật leo lên đồi trăng làng Thạch trúc vừa ngẩng nhìn vòm trời hung biêng biếc vừa ca hát thơ mộng. Miên từ làng Hạc Thủy trở về cơ quan quân y qua đó, nàng đương cúi đầu rảo bước dưới chân đồi thì tiếng một sinh viên nói khẽ - chính là tiếng Kha : « Nàng tiên đi dưới trăng !» Và anh bạn ôm lục huyền cầm bên Kha đã kịp thời gieo xuống chân đồi trăng hợp âm la đoản cùng với tiếng hát âm thầm và lắng lơ để cợt Miên :

*Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng
Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phiii...*

IV

Trở lại chuyện Tân. Tháng mười năm 1947, ghi tên vào năm thứ nhất trường Thuốc xong, rồi lý thuyết, rồi thực tập liên miên. Tháng năm năm 1950 chàng ghi tên vào bộ đội phục vụ cho quân y trung đoàn 36. Tháng tám Tân theo bộ đội lên Cao-Bắc -Lạng để tháng chín, tháng mười tham dự các trận Đông Khê, Thất Khê và chở thương binh qua biên giới Trung Hoa, điều trị tại Quảng Uyên đối diện với Cao Bằng. Cho tới đây tình cảm của Tân đối với những người Cộng sản lãnh đạo kháng chiến chưa có gì thay đổi. Thực ra chính sách tương đối dân chủ của họ đã bắt đầu chuyển hướng từ đầu 1950. Tháng năm năm 1950 họ khai hội Trung ương đảng bộ quyết định áp dụng chính sách điền thổ của Trung cộng ở Việt Nam. Từ sau chiến thắng CaoBắc-Lạng đã có những cuộc học tập riêng của cán bộ Đảng và những cái nhìn nếu không nghi kỵ thì cũng lạnh lùng của đảng viên đối với « quần chúng tiểu tư sản » đã nhiều khi làm Tân lộn ruột (trong khi Miên lẳng lặng chịu đựng). Tháng giêng 1951, Tân theo bộ đội từ Cao Bắc Lạng xuống mặt trận trung du, ở đây chàng gặp lại Liệt, anh chàng vẫn hay hát bài « Nguyễn Thái Học » hồi còn ở đồn điền Lợi Ký. Bộ phận quân y trung đoàn của Tân đóng ngay ở làng có Liệt. Tân nhận ra Liệt ngay, chính Tân đã gọi Liệt trong khi Liệt còn ngơ ngác đến một phút sau mới nhận ra Tân.

Ngày đó, sau khi được huấn luyện ở đồn điền Lợi Ký thành cán bộ tăng gia sản xuất, đến khi ra phụ trách thì trại của Liệt là một trong những trại tan vỡ đầu tiên, Liệt bèn dời Phú Thọ đi Vĩnh Yên, không là cán bộ nữa mà như một đồng bào tản cư thường. Giọng ca sâu thẳm của anh xúc động trái tim một cô gái địa phương, hai người thành vợ thành chồng, anh đi cấy nàng đi cấy, năm sau - năm 1948 - anh có đứa con trai đầu lòng, hai năm sau nữa - năm 1950 - anh có thêm một gái. Anh mang nặng niềm u uất gì, từ ngày lấy vợ, anh bắt đầu uống rượu. Rượu say, anh ra sân hoặc lên đồi nhìn trăng, nhìn sao, hóng gió, dáng thơ thẩn, nếu gặp ngày mưa thì anh cũng ra ngồi bực cửa. Thường vào những lúc say đó, anh dùng giọng bông lơn riều chính phủ kháng chiến. Khẩu hiệu « Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Muôn Năm » anh đọc chệch là « Việt Nam Dân Chủ Cộng Trừ Nhân Chia ». Khi có phong trào thi đua sản xuất thì một buổi chiều kia vừa rượu xong anh nắm tay chị cố kéo vào buồng và nói lớn : « Tao với bu mày vào đây tăng gia sinh sản. » Chị luột khỏi, chạy ra sân lờm anh: «Rõ khéo khi, nói vừa vừa chứ kéo lại tù một gông !» Khi có phong trào rèn cán chỉnh cơ (rèn cán bộ chỉnh cơ quan), anh nói : « Cán gì cán thuổng, cơ gì cơ cục !» Hết nói diều, anh hát, giọng hát trầm buồn tuyệt hay trước đây đã làm rung động lòng chị ra sao giờ đây còn làm rung động lòng chị như vậy. Anh hát nhiều bài

lắm nhưng bài hát chính vẫn là bài « Nguyễn Thái Học » và hầu như kể cả những bài vui, qua giọng anh hát cũng thành buồn buồn.

Ngày gặp lại Liệt, Tân thấy anh vẫn để đầu trọc như xưa, khuôn mặt anh vẫn vàng vọt như xưa, nhưng thêm nhiều nếp nhăn ở trán và ở hai bên đuôi mắt. Tân có được chứng kiến Liệt vào những buổi chiều sau khi anh đã uống nhiều rượu, rượu mở nắp tiềm thức cho những u uẩn bốc lên. Khuôn mặt vàng vọt của anh khi đó bỗng sáng rực, anh tiết lộ nhiều chuyện anh biết lắm.

Nào chuyện Nguyễn Ái Quốc bị bắt bên Tàu rồi nhờ các nhà lãnh tụ quốc đứng ra xin với nhà cầm quyền Trung quốc mới được tha để về tham gia công tác biên giới như một cán bộ quốc gia trong Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội.

Nào là khi cuộc cách mạng tháng tám đã thành công, chỉ trong vòng bốn tháng sau chín phần mười cán bộ quân sự quốc gia xuất thân ở hai trường Hoàng Phố và Liễu Châu đã đi đời nhà ma.

Nào chuyện tự vệ Khu 7, đệ nhất hào kiệt miền duyên hải đã đốt cháy bốn chiến xa Pháp trong trận mở màn, mặc dầu đại biểu chính phủ ngày đó cứ muốn họ hàng Pháp để đổi lấy chút ít thời gian hòa bình nữa.

« Thôi ông ơi, tôi van ông, tôi van ông, nói vừa vừa chứ kéo lại tù một gông !» - Đó là lời chị thương can anh, khuôn mặt lo lắng nhiều khi đến hốt hoảng.

Nếu còn dở câu chuyện, anh tiếp tục nói; nếu câu chuyện đã dứt và anh thấy nói đã hủ, anh cất tiếng hát, khuôn mặt anh trở lại vàng vọt u sầu. Và chị lắng nghe, gương mặt cũng êm ả dịu xuống bớt ưu tư.

Căn cứ vào những điều Liệt biết trên đây; căn cứ vào bài ca « Nguyễn Thái Học » mà Liệt thích; căn cứ những điều Tân còn nhớ thời ở đồn điền Lợi Ký nhất là căn cứ vào buổi chiều vô tình mọi người được chứng kiến cuộc xử tử người thanh niên và khi nghe loạt súng nổ vang, Thi khuyu xuống vì thương cảm, Tân nghe có tiếng thở dài phía sau, giật mình quay lại thì đó là tiếng thở dài của Liệt... (Ngày đó Tân đoán thầm Liệt thương cho bộ thần kinh yếu đuối của Thi.) Rồi ngay tối hôm đó, về khuya lắm, có tiếng lục huyền cầm thánh thót và giọng ca nức nở âm thầm bài « Nguyễn Thái Học » của Liệt.

Căn cứ vào tất cả những điều trên đây, tổng hợp lại, Tân có thể tin chắc chín phần mười rằng trước đây Liệt hẳn phải là một chiến sĩ Việt Quốc, rồi vì bị hoàn cảnh bao vây chịu ép một bề đàn quy thuận đoàn thể Việt Minh (thời gian theo học lớp cán bộ tăng gia sản xuất tại đồn điền Lợi ký); người thanh niên bị xử tử trên đồi hẳn

là một trong số đồng chí mà Liệt quen biết hoặc nhiều hoặc ít. Khi hoàn cảnh cho phép tuột khỏi cuộc hợp tác với đoàn thể Việt Minh (trại tản cư do Liệt phụ trách tan vỡ) thì Liệt vội vã trở lại cuộc đời thường dân và khi có vợ có gia đình rồi thì Liệt vùi đầu vào nông tác để quên mọi sầu đoàn thể mình sẩy đàn tan ghé. Nhưng khi rệu vào thì lờ ra, anh riều chính phủ kháng chiến; để ve vuốt u sầu anh ca những bài buồn, đặc biệt bài « Nguyễn Thái Học ». Mặc dầu chính sách tương đối dân chủ của chính phủ kháng chiến đã chuyển hướng từ đầu 1950, nhưng chưa rõ rệt và cuối 1950 còn những chiến thắng Cao-Bắc-Lạng làm cho con người thích cởi mở cõi lòng. Sang năm 1951 cuộc học tập chuẩn bị phong trào quần chúng đấu tranh tô tức, đấu tranh chính trị đã tới thời kỳ gay gắt, rồi những thất bại của quân ta trong chiến dịch duyên hải, thêm nữa không quân địch tung hoành bắn phá khắp nơi, không một ngôi đình, không một nếp nhà gạch còn nguyên... Cơ quan Thông tin tuyên truyền Liên khu đến đóng đầu làng Liệt (trước cơ quan quân y trung đoàn của Tân chừng một tháng). Trước đây, nghe những lời sàm báng của Liệt, người dân hiền lành địa phương chỉ cho đó là lời bông phèng của một kẻ say vô hại, còn những chi tiết về Hoàng Phó, về Liễu Châu, về tự vệ Khu 7 Hải Phòng thời tiền kháng chiến thì đối với họ cũng xa lạ như những tên ngoại quốc. Nhưng tình thế đã gay go, cơ quan Thông

tin tuyên truyền Liên khu lại đóng ngay gần làng, lời nói riều cọt của Liệt đến tai viên cán bộ chỉ huy cơ quan Thông tin Liên khu. Y giật mình không ngờ trong nội địa xóm làng kháng chiến còn một tên phản động lớn gan đến như thế. Y tức khắc liên lạc với cơ quan kháng chiến hành chính Liên khu... Cơ quan này ra lệnh cho cấp kháng chiến hành chính địa phương bí mật điều tra Liệt. Tình hình quân sự cấp bách hơn : quân Pháp biểu lộ rõ ý chí muốn tiến sâu vào miền trung du hơn nữa. Thế là một buổi chiều kia, Liệt đã uống say đương nói ba hoa giữa sân, thì hai người du kích ập tới với hai khẩu mousquetons. Họ lên đạn ngắm bắn trong khi chị Liệt mặt cắt không còn hột máu, một tay bế đứa bé gái được ngót một năm, tay kia giắt đứa trai nhỏ lên bốn, ba mẹ con đứng dạt bên bờ dậu không ai dám kêu, không ai dám khóc.

Anh Liệt hoa tay :

- A, a ! Bác Hồ bảo các chú đến đây bắn ta hả (anh nhú lông mày, gườm gườm gương mặt), các chú có phải là người bôn-sêvích ?

Hai tay cò cùng bấm. Một sự hy hữu trong lịch sử xử bắn, cả hai viên đạn cùng thối, súng không nổ, anh Liệt cười ngất :

- Bảo mà, ta biết súng của các chú là súng bó láo, súng gỗ sơn hắc ín, đạn là pháo tịt ngòi, ha... ha...

Hai tiếng nổ liên tiếp, Liệt ngã bật ngựa, âm thanh tiếng cười ha ha còn như muốn kéo dài ở cửa miệng, nhưng có lẽ cả hai viên đạn vì bắn gần nên đều trúng chỗ phạm, anh chết tức khắc.

Cuộc xử bắn thật bất ngờ và nhanh chóng. Khi hai tiếng súng nổ vang, Tân còn trên đỉnh đồi. Khi Tân chạy xuống tới nơi thấy Liệt nằm chân co chân ruỗi ở giữa sân kia, vợ anh, hai con anh tới lúc bấy giờ mới dám khóc; chị khóc nỉ non, đứa gái nhỏ trên tay chị khóc ê a, thằng bé lên bốn ngồi xôm bên thi thể bố vừa mếu vừa khóc : « Bố ơi, dậy đi bố... » Trong khi nó khóc kêu bố dậy như vậy, nước mũi của nó đôi khi phồng lên thành chiếc bong bóng nhỏ rồi lại vỡ ngay dưới sức thổi mạnh, y hệt hình ảnh những bong bóng nước xuất hiện trên mặt ao khi trời vừa bắt đầu đổ cơn mưa lớn. Hai tiếng súng xử tử Liệt còn đánh thức trong lòng Tân tiếng súng xử tử nhằm ngày nào trong nhà Tân do mẹ kể, còn đánh thức trong lòng Tân tiếng xử tử chàng trai trên đỉnh đồi khu đồn điền Lợi Ký và hai lần tiếng hô « Việt Nam muôn năm » của chàng trai trước khi chết.

Một Việt gian trước khi chết có thể đồng dục và thành khẩn hô vang lên giữa miền núi đồi hoang vu : « Việt Nam muôn năm ! » như vậy chăng ? - Câu hỏi đó chắc đã được nêu lên trong tiềm thức Tân từ thuở đó, nhưng giấc Pháp còn kia, hoàn cảnh lịch sử muôn người như một còn kia, câu hỏi hợp lý không có kẽ hở để nhô lên khỏi tiềm thức. Nhưng ngày nay người Cộng sản Việt Nam đã bắt đầu nhắc chân khỏi miếng đất quốc gia như một thầy phù thủy ngỡ mình đã đủ cao tay để vút bỏ lá bùa hộ mệnh, thì lập tức ngàn vạn câu hỏi cùng xuất hiện long lanh như ngàn vạn vì sao chợt long lanh xuất hiện trên vòm trời một ngày nhật thực. Cũng may mà Tân có một thể giới riêng để say mê, khi đã vào việc chàng quên hết những bực dọc ngoài đời; với chàng vào nghề thuốc là vào một thế giới cao quý trong đó chỉ có hai giai cấp rõ rệt : giai cấp những bệnh nhân đau khổ và giai cấp những người sử dụng con dao cái kéo tận tâm mổ xẻ, băng bó vết thương nhân loại. Và chẳng khi đã vào bệnh xá thì còn nhớ đến uy quyền huyện ủy, tỉnh ủy, khu ủy... mà làm gì ? Nhưng ngoài giờ làm việc, quan sát sự đời, Tân cũng chỉ là một người thường, tránh sao khỏi bất mãn ? Có điều lạ là mỗi lần buồn bực Tân lại nghĩ đến Kha, người bạn thiết một ngày, nghĩ đến Kha như một liều thuốc mạnh an thần. Chỉ gặp Kha có một ngày làm sao Tân mến Kha đến thế !

Nhưng đôi bạn Tân, Kha còn lâu mới gặp nhau !

V

Kể từ nửa đêm hai mươi chín rạng ngày ba mươi Tết, tiếng súng thưa hẳn. Trước đây hơn một tháng vào đêm Réveillon quân đội Việt cũng ngừng hẳn tấn công. Thái độ xã giao đó của cả hai bên tuy rất ngăn ngủi nhưng vô cùng chân thành, tưởng chừng anh lính Pháp có thể thò tay ra khỏi hàng rào giây thép gai biểu anh lính Việt Nam chiếc đùi gà hoặc ngỗng quay và anh lính Việt Nam có thể chuyển qua lỗ châu mai biểu anh lính Pháp chiếc bánh chưng xanh. Trong một phút giao hòa, cả đôi bên cùng cảm thấy cái thậm vô lý của chiến tranh, phút giao hòa đó đã là một giọt nước mát lạnh giữa lò lửa. Chỉ tiếc rằng giọt nước thì nhỏ quá mà lò lửa thì lớn quá, cho nên khi giọt nước rơi xuống, một chút khói bốc lên và lò lửa tiếp tục ngùn ngụt khí thế tàn bạo.

Tình thế yên tĩnh đó kéo dài suốt ngày ba mươi. Buổi chiều Miên đã đi kiếm được chút ít củi mang về lều để sau bữa ăn có thể đốt sưởi và nướng hạt dẻ ăn chờ giao thừa.

Khoảng sáu giờ chiều trời đã chập choạng tối, hơi rừng tỏa ra lạnh buốt, một chiếc Junker xuất hiện từ xa, bay lại lừ đừ tiếng động cơ vang lên đều đều hiền lành và cô độc. Tiếng vang lớn dần. Những tia sáng ! Vụt lóe! Vụt biến ! Ý nghĩ chợt thấy bất thường ! Một loạt

nổ rừng rợn đuổi theo tia sáng, xé không khí làm nứt rạn thớ thịt. Mọi người vội vã nằm rạp xuống ! Tiếng động cơ xa dần... Nham hiểm ! Im lặng !

Tiếng người xôn xao :

- Bon giây !

Một người từ trên đỉnh cao chạy xuống :

- Nó định bỏ vào làng, nhưng trệch, mắt tôi trông thấy chuỗi bom giây nổ liên tiếp trên cánh đồng rìa làng.

- Hú vía ! Chắc không ai việc gì.

- Chắc thế !

Đình quân y cách làng chỉ có năm trăm thước nên thoát tiên ai nấy tưởng quân y lộ mục tiêu.

Đứng ở cửa phòng mổ nhìn sang bên kia dòng nước, trên một khoảng hơi cao, Miên nhận biết một con đường nhỏ heo hút đưa tắt xuống làng, con đường nhỏ đó chỉ xuất hiện có một quãng ngắn rồi toàn thể bị cây cối che lấp. Miên muốn xuống làng để hỏi xem tình hình ra sao nhưng trời lạnh ngọt, lại có cố vấn tới thăm bác sĩ T. tại phòng mổ nên nàng ở lại túc trực.

Câu chuyện cuối năm với tính cách xã giao giữa cố vấn và bác sĩ T. đương dở dang thì có bóng đuốc chập chờn trên con đường mòn bên kia dòng nước.

Bác sĩ T. dừng câu chuyện, chăm chú nhìn ánh đuốc ngạc nhiên. Thường thường nếu thương binh về bao giờ cũng có liên lạc viên tới báo trước.

Ánh đuốc tiến tới khoảng cao và mọi người trong phòng mở mắt nhìn qua màn gaze thấy rõ bóng hai người, tay chống gậy có chạc cẳng một người bị thương trên võng (công dụng chiếc gậy có chạc trong tay mỗi người là để khi họ dừng lại nghỉ thì họ đặt đòn cẳng lên đó). Theo sau cẳng là một người đàn bà bế con. Miên đoán người bị thương là chồng bà ta. Nàng đã không lầm : Người chồng ra thăm đồng tất niên về đến đầu làng thì gặp chiếc Junker thả bom khủng bố.

VI

Người vợ ôm con ngồi đợi bên ngoài cùng hai người làng khiêng cáng. Bác sĩ T. xem xét vết thương xong khẽ lắc đầu :

- Hồng ! Đứt artère fémorale. Xương gãy không quan hệ.

Bác sĩ vẫn còn quen dùng tiếng Pháp ! Miên hiểu đứt mạch máu chính ở đùi như vậy, kẻ bị nạn đã mất quá nhiều máu nên tâm thần mê man, mặt tái, toát mồ hôi lạnh, nàng phải đặt đốc đầu bệnh nhân xuống để máu xô đủ lên óc.

Không hiểu vì một hào hứng gì viên cố vấn bảo đề cho y mổ, bác sĩ T. phụ tá.

Đã thành thạo trong nghề, Miên biết trước đường lối tuần tự phải theo để điều trị vết thương này. Phải buộc mạch máu lại; phải ghép hai đầu xương cho đúng hai vị trí cũ; phải tiêm thuốc hồi sinh để chống trạng thái mê man của người bị nạn.

Thực ra tình trạng cũng đã bi đát lắm nhưng bác sĩ T. nói : « Còn nước còn tát ! »

Nguy khôn làm sao, viên cố vấn đại tá quân y về thủ thuật đã bắt tay vào việc mổ vết thương khá lâu mà vẫn kiểm không ra mạch máu để buộc lại. Bác sĩ T. và Tân đứng đối diện lo lắng nhìn bàn tay hộ pháp với những ngón tay chuối mẩn của y luồn sâu vào vết thương như người mổ cá đương cố moi lấy cái bong bóng ở mang cá để vớt đi. Người lính cần vụ (cũng là viên thông ngôn) lấy bình thủy đổ nước nóng ra chiếc chậu con rồi thấm chiếc khăn bông Hồng Kông có in hình con chim ở một đầu, hàng chữ Good Morning ở đầu khác, mang lại đứng bên trái để lau trán lấm tẩm mồ hôi của y, mặc dầu trời lạnh. Miên đứng bên phải y, tay cầm bông thấm máu chỗ mổ.

Bác sĩ T. nói với nàng :

- Cô thay bông luôn và thấm kỹ vào kẻo máu chan hòa kín cả champ opératoire.

Nhưng Miên đã chịu khó thay bông, luôn tay thấm mà những ngón tay chuối mẩn vụng về của tên cố vấn càng tỏ ra bất lực trong công việc khẩn cấp tìm buộc mạch máu. Miên thấy xót xa. Bóng người vợ ôm con ngấp nghé ở bên ngoài màn gaze.

Bác sĩ T. đã sang thay cố vấn. Bác sĩ vừa buộc xong mạch máu, định ghép hai đầu khớp xương thì người bị nạn tắt thở.

Đêm lạnh ! Thực là lạnh ! Đêm ba mươi Tết ! Người vợ ôm con vẫn ngáp ghé ở bên ngoài màn gaze. Bác sĩ T. thở dài... Có lẽ với những chiến sĩ có nhiệm vụ chiến đấu và đã tận tình chiến đấu thì bị tử thương chỉ là sự thường nên bác sĩ ít thắc mắc, trái lại lần này bác sĩ mở cho người dân với vợ đại con thơ châu chực bên ngoài...

Hình như mọi người - trừ tên cô vẫn, y không chú ý gì hết - đều thấy ngại việc ra báo tin dữ cho người vợ.

Miên vừa đứng dậy quyết định tự đảm nhiệm công việc nặng nhọc về tinh thần đó thì Tân đã dơ tay ra hiệu cho nàng đứng im rồi chàng bước ra phía cửa, tay khẽ vén màn gaze.

Bác sĩ T. ra hiệu lặng lẽ cho hai y tá khác chuẩn bị cáng thi thể nạn nhân lên nhà xác.

Không hiểu Tân nói những gì với người vợ, chỉ biết tiếng nàng khóc thét rất lớn rồi thôi hẳn không bù lu bù loa như thường thấy. Sự im lặng vì thế càng lạnh lẽo, càng bi đát sự im lặng của tuyệt vọng, của cam chịu.

Hai người làng cáng nạn nhân khi nãy bắt đầu châm đuốc. Tiếng bước chân chuyển động nhẹ. Tiếng lội nước lồm bồm sau cùng cho Miên hay người vợ đã qua lạch nước. Nàng ngẩng lên nhìn qua màn gaze phát phối,

ánh đuốc tỏa rộng và kết thành hai vùng hào quang bao bọc lấy hai đầu người, một của người mẹ và một của đứa bé.

Trí óc Miên lộn xộn ở phòng mổ. Trí óc Miên tiếp tục lộn xộn khi trở về lều nằm. Hình ảnh của người đàn bà và đứa bé ... Tiếng khóc thét tuyệt vọng rồi im bật ... Ý nghĩ về đời người ... Ý nghĩ về chiến tranh... Tất cả quay cuồng lộn xộn trong trí, Miên thấy hận đời, thấy kiếp người phù vân quá, thấy trí thông minh của con người cũng bất lực (bác sĩ T. thất bại), thấy tình vợ thương chồng, tình con thương cha mẹ sao mà mệnh mông. Người ta bắn giết nhau làm gì ? Xét riêng đời sống từng cá nhân, đem tình ra mà đối xử với nhau thì tính mạng con người vô vàn cao quý, xô từng loạt người vô danh vào guồng máy chiến tranh thì mạng người chẳng hơn gì con ong cái kiến.

Những người vừa làm việc tại phòng mổ được miễn tới dự buổi khai hội giao thừa. Miên thiếp đi giữa tiếng reo hò ... Miên nằm mơ thấy Hiền về, nàng cúi xuống cởi giày cho người anh mà nàng coi như người cha, nàng ngồi cạnh đôi giày trường chinh và thấy mình bé đi như cô bé tí hon ngồi dưới bóng đôi hia bảy dặm. Hình như chinh chiến không còn. Hiền tiếp tục kể cho nàng nghe truyện cổ Đông-Tây, nhưng những truyện cổ đó sao vẫn đượm vẻ đau buồn của chết chóc ? Trí Miên

bỗng lã đi, quên khuấy mất người anh cương trực của mình và một vùng trăng khuyết như bốc lên tụt hồn nàng ... Hồn mộng của nàng tiếp tục đi vào vùng ánh sáng buồn bã đó. Ổn lạnh !

CHƯƠNG BỐN

TRĂNG SOI ĐƯỜNG MÒN

I

Chúng ta đã biết cuối thu 1947 Hiền và Tài ở mặt trận sông Cầu miền Nam Trung bộ về làng - (Hạc Thủy) - nghỉ mấy ngày, sau đó mỗi người một ngả : Tài lên dự mặt trận sông Lô rồi hoạt động vùng Đông Bắc, Hiền lên mặt trận Tây- Bắc rồi sau cùng dự chiến dịch bao vây Nà Sản.

Mặt trận Tây Bắc thoát đầu nhẹ mà về sau hóa ra nặng. Ngày Nhật đảo chính (mùng chín tháng ba 1945) bộ đội Pháp ở Hà Giang-Lai Châu lui sang Tàu. Khi hay tin Nhật đầu hàng - (mùng hai tháng tám 1945) - quân Pháp lại từ Tàu nhảy về Hà Giang-Lai Châu với tư thế một kẻ háu ăn nhảy đại vào mâm, gắp đại vài miếng trước, « của ăn là của được !»

Dời làng Hạc Thủy, từ biệt cô em gái - (Miên) - Hiền theo bộ đội lên Hà Giang quấy rối, đánh tĩa quân Pháp trong những trận đột kích, phục kích nhỏ. Mùa thu 1948 Hiền xung phong xin chỉ huy một đại đội - chừng một trăm người - đương sắp từ mặt trận Đông Tây Côn Lĩnh sang đột kích đồn Pháp bên mặt Tây núi này. Ban chỉ huy không chọn Hiền mà chọn một anh bạn khác hơn

Hiện chừng ba bốn tuổi và tương đối thông thạo đường Tây Côn Lĩnh hơn.

Bộ đội xuất phát bên này rặng núi từ ba giờ sáng, ba giờ chiều hôm sau sang tới bên kia gặp đồn Tây ngay dưới chân núi. Quân ta bò qua ruộng mía. Chó sủa. Người Mán Cao Lan tự trong bản ra trông thấy, tru tréo lên. Địch bắn tới tấp.

Biết cơ sự bại lộ, quân ta rút lui tức khắc, mang theo mấy người bị thương. Móc-chi-ê địch bắn chặn đầu, quân chúng tự trong đồn kéo ra truy kích. Đồng đội đã có những người tử thương, đành bỏ xác lại. Mười hai giờ khuya mới rút lên tới đỉnh núi. Rét ! Rét lắm. Áo vải trong, áo trấn thủ ngoài, tấm mền tung ra để quàng phủ kín đầu, tất cả đều như đan bằng sợi giá băng. Lạnh cắn ngập da, tràn vào thớ thịt, lan vào mạch máu, thấm sâu vào cơ thể.

Tây Côn Lĩnh cao 2.431 thước sừng sững trên địa phận cao nguyên Pắc-Kha, ở đúng vào miền ranh giới Lào Kay Hà Giang, ngay sát chí tuyến Cancer (sát ranh giới miền lạnh), ở sâu trong lục địa, rất xa biển. Trong miền đóng kín này các thung lũng thấp bên dưới (thung lũng sông Nhị Hà, thung lũng sông Cháy, thung lũng sông Lô) chỉ nhận được luồng gió lạnh duy nhất tự nội địa Vân Nam đổ về.

- Đi đi các anh, còn đi được thì sống ! - Anh chỉ huy nói lớn vừa để thúc giục, vừa để khuyến khích, đồng thời cũng là lời cảnh cáo.

Những người bị thương đã chết lạnh ở dọc đường hết cả.

- Đi đi các anh, còn đi được thì sống ! - Lời anh chỉ huy luôn luôn vang lên nhắc nhở... Nhắc nhở từ chính anh rồi đến mọi người.

Số người đi chậm lại, tụt về phía sau, gục chết đâu đó đã khá nhiều.

- Đi đi các anh, còn đi được thì sống ! Chết rét là cái chết buồn ngủ, ngòì xuống ngủ gục là chết ! - Anh chỉ huy thêm vào lời căn dặn lời giải thích.

Cái lạnh là con quái vật khổng lồ gồm cả rừng núi Tây Côn Lĩnh, hình như gồm cả vòm trời bên trên nữa, tiếng gió gào ngàn là hơi thở của nó, bóng tối là miệng nó há ra nuốt chửng... nuốt chửng từng nạn nhân.

- Đi đi các anh, còn đi được thì sống ! - Tiếng anh chỉ huy xem ra cũng yếu lắm rồi.

Bước đi đều đều, bóng người loi thôi, hơi thở nhẹ dần không thấm được vào hơi lạnh ở ngay cửa miệng, rồi hơi thở nhẹ bỗng cùng với tâm trí... Hơi thở ngừng,

tâm trí tan biến ! Ngủ !

Lâu rồi không nghe thấy tiếng anh chỉ huy cất tiếng nói « Đi đi các anh... » Không biết giấc ngủ đã tràn vào mênh mang và cưỡng đoạt mất lời thúc giục đó của anh tự lúc nào.

Khoảng hai, ba giờ sáng mấy người sống sót đã đến lưng chừng núi bên này địa phận của ta mà cũng không chống nổi buồn ngủ. Thế là cả đại đội - trừ mấy người tử thương ngay dưới chân núi bên kia - đều đã tuần tự ngủ gục rải rác suốt dọc đường từ lưng chừng núi bên kia tới lưng chừng núi bên này. Duy còn một người sống sót; người đó không phải là bộ đội mà là một đồng bào thiếu số địa phương được cử đi theo để chỉ đường giúp.

Ta bị thảm bại vì quân báo kém, cán bộ báo cáo sai. Quân báo không nắm vững tình hình địch, không báo rõ vị trí địch cách chân núi bao xa, nên khi bộ đội vừa tới chân núi không ngờ là đã tới sát đồn địch. Cán bộ báo cáo dân tình hoàn toàn theo ta; sự thực người Mèo ở trên cao, người Mán Cao Lan ở dưới thấp đều ở rất rải rác, cán bộ đi thăm ba gia đình ở ba bản khác nhau là vừa hết một ngày rồi, ấy là nói lúc cán bộ đã hoàn toàn thuộc đường, biết trước chặng đi chặng nghỉ. Như vậy làm sao mà nắm vững được dân tình ?

Cần ghi thêm điều này nữa : bộ đội ta ăn đói nên sức chịu rét bị giảm nhiều.

Chừng ba tháng sau bộ đội Hiền vượt Tây Côn Lĩnh, lần này rút kinh nghiệm lần trước, chuẩn bị kỹ càng hơn, chính xác hơn, quân ta thành công tương đối dễ dàng. Lúc đi cũng như lúc về gặp xác đồng đội cũ bèn chôn cất ngay, xác chưa hề thối.

II

Khoảng 1949-1950 địch gây sóng gió tại mặt trận đồng bằng (Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên...) Hiền có dùi Tây Bắc một lần xuống tiếp tay cho bộ đội chủ lực nơi đây. Hiền dự mấy trận công đồn tại Hưng Yên, nhưng rồi anh phải trở về ngay địa bàn hoạt động cũ của mình để chuẩn bị cho những chiến dịch lớn buộc địch phải phân tán lực lượng. Hiền cùng một số chỉ huy cao cấp phân công nhau làm những việc sau này :

- Nghiên cứu kỹ địa hình địa vật.

- Tăng cường quân báo để có đều đều những báo cáo chính xác về quân số, vũ khí, nhịp di chuyển địch.

- Tăng cường công tác dân vận.

- Định trước từng chặng di chuyển của quân ta : đơn vị số mấy tới nghỉ ở bản nào, chuẩn bị gạo ăn bao nhiêu bữa...

Công tác đã đòi hỏi nhiều trí thông minh, óc tổng hợp, lộ trình lại quá ư vất vả. Núi Tây Bắc ít nước, gặp được dòng suối nhỏ quý như gặp bạn hiền, ngày này qua ngày khác chỉ thấy một màu đá trắng đốm đen, nắng cháy cảnh vật và cháy cả cổ họng nữa. Một thời gian ngắn, Hiền phải lần vào điều tra vùng hậu địch theo « đường dây », nghĩa là du kích từng địa phương tuần tự

đưa chàng chuyển từ địa điểm này sang địa điểm khác.

Công tác chuẩn bị chiến trường hoàn tất, mọi người trở ra, tới Đan Hà (Yên Bái), ôi chao, nhìn con sông Thao mừng như đi xa về gặp lại mẹ hiền, chị thảo : dòng sông đỏ hồng, hiền rộng, nước cuộn dạt dào, đôi bờ bát ngát màu xanh. Mọi người còn theo triền sông mà đi chừng nửa ngày nữa. Đồng bào Thổ ở vùng núi thấp này văn minh hơn ở vùng núi cao nhiều, nơi ăn chốn ở cũng như quần áo đều sạch sẽ, đồng hồ đeo tay, bút máy gài túi áo chàm... Lý do : vùng này tiện đường thủy, trước đây, thời Pháp thuộc chính là vùng đi lại của loại khách thương chuyên buôn thuốc phiện lậu tự Nghĩa Lộ ra, tự Bắc Hà xuống. « Con voi » (đoàn người) của họ - nói đùa theo tiếng Pháp con voi - có khi gồm trên dưới trăm gánh. Kẻ gồng gánh thì được tiền công, kẻ chứa trọ thì được tiền lời, tiền thù lao họ nhận được rất là hậu hỹ (để hết lòng giúp đỡ khách thương và không báo đơan).

Cuộc chuẩn bị chiến trường này hoàn hảo đến nỗi sau đó bộ đội di chuyển chỉ mang súng thôi, khỏi phải đèo thêm bao gạo; ngày đầu đường ít dốc, có đơn vị hành quân năm mươi bước đi, năm mươi bước chạy đã đạt tới mức kỷ lục : mười một cây số một giờ.

Sau này - vào năm 1953 - tởm bộ mặt Cộng sản, một cán bộ cấp chỉ huy đơn vị này bỏ kháng chiến vào thành. Một tướng cao cấp Pháp gọi điện thoại cho Sở Mật thám Liên bang yêu cầu đưa anh tới cho y đích thân hỏi cung vài điều. Khi nghe anh nhắc lại kỷ lục di chuyển mà bộ đội anh đã đạt được, y đập bàn nói lớn :

- Anh nói láo, người thường đi rảo cẳng chỉ có năm cây số một giờ, bộ đội còn vác nặng làm sao hành quân với tốc độ mười một cây số giờ ?

Anh cán bộ quy thuận điềm tĩnh đáp :

- Sự chuẩn bị chiến trường của chúng tôi chu đáo, bộ đội không phải lo về vấn đề tiếp tế lương thực. Chúng tôi đi năm mươi bước, chạy năm mươi bước.

Tên tướng trợn mắt, nghiến răng nói khẽ nhưng giọng căm hờn hơn :

- Anh chính là một cán bộ địch vận vào đây với nhiệm vụ đề cao thành tích của các anh dưới mắt chúng tôi.

Trở lại chuyện sau khi đã chuẩn bị chiến trường Tây Bắc xong, tháng mười năm đó vừa hết mùa mưa, ta đánh Nghĩa Lộ : địch bỏ Nghĩa Lộ chạy về Sơn La; ta đánh Sơn La địch bỏ Sơn La rút về cố thủ tại Nà Sản, mở rộng trường bay, chuẩn bị rút về Hà Nội bằng không vận. Quân ta vây quanh, chặn đường ra vào, chưa tấn

công vội vì địch tập trung tới sáu, bảy tiểu đoàn bên trong, đóng ở các cứ điểm phòng thủ, khó đánh lắm. Địch thừa hiểu chiến thuật của ta là đợi chúng rút vội đi quá nửa, ta sẽ huy động một hai sư đoàn tấn công vào. Hiện có mặt trong suốt mấy tháng bao vây Nà Sản. Phi cơ địch vận chuyển như thường lệ, quân số địch lên rút theo gần hết, tới khi trong Nà Sản chỉ còn chừng hơn một tiểu đoàn ta mới hay, không sao tập trung lực lượng kịp để đánh úp. Hai ngày sau địch rút hết ! Xung quanh Nà Sản chúng chôn hàng hà sa số mìn, đến nỗi hai năm sau ta vẫn chưa dò và đào được hết. Bao nhiêu đường dộc treo (đường dộc một bên có vực) chúng cho nổ mìn, đá đường chuội hết, xe không đi được đã đành, người cũng chịu nốt. Để địch cứu thoát toàn thể quân lực tại Nà Sản, ta hoàn toàn thất bại trong chiến dịch bao vây này cũng chỉ vì quân báo kém.

Hiện được cử sang Tàu theo học lục quân khóa tám. Trước ngày đi anh xin phép về Hạc Thủy thăm em. Miên gặp anh chuyến này hẳn mừng lắm. Trên đường về chính anh cũng thấy bồn chồn và đôi khi muốn chảy nước mắt khi nghĩ đến đứa em gái mồ côi của mình.

Nhưng trước khi gặp Hiện, Miên đã gặp Tài. Chúng ta cần đi ngược thời gian chút ít nhắc lại cuộc gặp gỡ này.

III

Ba tiếng keng vang từ nhà bếp báo cho toàn thể cơ quan biết đã đến giờ ăn. Miên cùng các bạn về giường mình lấy ca sắt và đôi đĩa. Chiếc ca thoát dùng làm bát, ăn xong ra suối rửa, ca lại dùng để uống nước. Phòng ăn gồm bốn chiếc bàn tre xếp thành hai hàng, chân bàn là cọc nứa chôn liền xuống đất. Không có ghế, mọi người ăn đứng.

Những người tới phòng ăn trước có giọng nói hoan hỉ :

- A, hoan hô đồng chí cấp dưỡng hôm nay có thêm món « trường kỳ. »

Mọi hôm, mỗi bàn ăn chỉ có giá cơm với tảng cháy lớn úp lên trên và chiếc chậu sành canh cải, hoặc canh rau muống nấu với muối. Những người còn dư tiền sinh hoạt phí thì mua sẵn ít cá mắm, mỗi bữa nướng một con gọi là « tằm bở lẻ. » Hôm nay bên chậu sành canh cải còn một bát sành muối vừng giã với lạc. Không hiểu danh từ « món trường kỳ » do ai đặt ra để chỉ muối vừng, chỉ biết tiếng này đã phổ biến khắp cơ quan kháng chiến Việt Bắc. Lý do : Có muối vừng, người ăn chậm nhất cũng được đậm miệng đến miếng cuối cùng.

Miên nghĩ đến những đĩa bánh nhân thịt, những lồng chạt ních gà, những con gà quay mỡ béo vàng... bên « dinh » cố vấn. Trước đây Miên không hề thắc mắc về sự sai biệt giữa hai lẽ lối cấp dưỡng một trời một vực đó; nhưng từ sau lần chứng kiến viên cố vấn đại tá quân y về thủ thuật mổ vết thương đùi thì nàng thắc mắc, thắc mắc nhiều.

Miên từ quân y chiến dịch trở về cơ quan ở ấp họ Đỗ đã được mười ngày cho đến nay điều làm Miên ngạc nhiên không hẳn là ở điểm tên cố vấn thất bại trong công việc tầm thường nhất : tìm buộc mạch máu lại, nàng thật sự ngạc nhiên chính ở chỗ tên cố vấn không hề lấy điều đó làm xấu hổ và đặc biệt cứ mỗi lần chứng kiến một thương binh lên bàn mổ y lại « tái bản » câu hỏi ngớ ngẩn với bác sĩ T. :

- Ông xem có cần phải mổ không ?

Miên thấy danh từ « cố vấn » thật là mỉa mai khôi hài và bữa ăn của họ sao mà thô bỉ. Miên thẳng thắn nghĩ : ở họ chẳng có gì là hy sinh cho chủ nghĩa, họ chỉ hy sinh cho miếng ăn của họ cho địa vị được ưu đãi của họ.

Chiến dịch cầm chân ở Vĩnh Phúc đạt được kết quả mỹ mãn : quân đội Pháp trước đây đã phải bỏ Nghĩa Lộ, giờ đây hoàn toàn tan vỡ ở Sơn La. Nhân đà chiến thắng này, trung ương đảng bộ quyết định rập theo khuôn mẫu

của đảng Cộng sản Trung quốc áp dụng chính sách « phóng tay phát động quần chúng nông dân đấu tranh chống địa chủ ». Tuy đó mới chỉ là học tập trên lý thuyết mà khuôn mặt các đảng viên đã có sự dung hợp khăng khít giữa thái độ nghiêm lạnh với tình trạng mê muội. Từ ngày gặp Tân, Miên có ý thức về thái độ mình và thường tìm cách phân tích một cách hài hước những cử chỉ những lời nói của các đảng viên nhưng có một lần nàng đã không hài hước nổi đó là lần nghe lời đối thoại của hai cha con ông tá điền tại ấp họ Đỗ.

Nguyên ông chủ gia đình họ Đỗ hoạt động cho một đảng phái quốc gia hoàn toàn đối lập với Việt Minh. Khi Việt Minh thắng thế nắm chính quyền ông đưa cả gia đình vào Sài Gòn, các tá điền cũ bỗng nhiên thành các chủ nhân ông thật sự, phần ruộng cấy chia trước. Gần kho thuốc quân y nơi Miên làm việc là căn nhà lá của một gia đình tá điền. Nói là gia đình, kỳ thực thường ngày chỉ có một người cha trạc năm mươi tuổi. Ông góa vợ từ năm đầu kháng chiến, đứa con trai độc nhất của ông đã trên hai mươi, thoát là du kích hàng ấp, sau là du kích hàng huyện, nay đã gia nhập quân đội chính quy và ở cấp cán bộ trung đội. Miên từ chiến dịch Vĩnh Phúc về được ba hôm thì người con trai kia từ cơ quan quân báo về thăm cha; trên khuôn mặt y, Miên có nhận thấy sự dung hợp khăng khít giữa thái độ nghiêm lạnh với tình trạng mê muội; y lại đương ở tuổi thanh

niên cường tráng nên thái độ đó, tình trạng đó cũng lộ lộ về... »cường tráng » bất khuất.

- Thăng Toán - người cha hỏi - vẫn ở cùng cơ quan này ? (Toán là người bạn đồng niên cùng hàng ấp với con ông.)

- Thăng ấy luôn luôn có thái độ bất mãn ! - Người con đáp - Bất mãn cái gì mới được chứ ! Đảng là tất cả, đường lối của Đảng do tất cả quyết định, có điều gì không đồng ý thì cơ quan ngôn

luận của Đảng là báo Cứu Quốc đó, cứ việc bộc lộ... Người cha ngắt lời :

- Tao biết Toán nó lo nhiều về gia đình, mẹ thì già, vợ thì ốm đau luôn, con cái lại chẳng có.

Người con tặc lưỡi :

- Lấy vợ là để giải quyết vấn đề sinh lý, nếu không thể có con thì bỏ ! Lấy người khác ! Có gì mà phải quan trọng hóa vấn đề ? !

Người cha công phẫn :

- Nói như này, chớ nó cũng không nghĩ được.

Người con cười khẩy một tiếng rồi dư biết cha không thể có tư tưởng « cấp tiến » để hiểu nổi mình y bèn đứng

dậy đi ra sân. Ngay chiều hôm đó y trở lại cơ quan quân báo liên khu, hai cha con chia tay thản nhiên. Và cũng kể từ đây Miên thấy người cha có vẻ ung kiếp sống cô độc của mình.

Buổi tối hôm ấy kiểm thảo toàn thể cơ quan, Tang cô bạn trong tổ tâm giao với Miên, giơ tay xin phát biểu ý kiến.

- Tôi có ý kiến - Tang nói - phê bình đồng chí Miên. Chiều hôm qua khi đồng chí Miên cùng tôi đi qua cơ quan thông tin thoảng nghe tiếng bài « Thiên Thai » của đài Hà nội, đồng chí Miên có nói : « Ở trong rừng lâu ngày, nghe radio bài đó như thấy ánh sáng của Hà Nội. » Tư tưởng của đồng chí Miên như vậy e có hại tới lời dạy của Hồ chủ tịch : « Phải trường kỳ gian khổ để kháng chiến đến cùng !»

Miên thành thật nhận lỗi. Phản ứng đầu tiên của Miên trước bất cứ lời chỉ trích nào vẫn là kiểm chế hấn lòng tự ái, xóa nhòa hẳn cá nhân mình.

Khi bế mạc, Tang chạy lại gặp Miên giải thích :

- Tôi đem lời tâm sự của đồng chí ra phê bình chính là để giúp đồng chí tiến.

Miên cười đáp lại :

- Tôi biết chứ !

Nhưng cũng kể từ đó Miên thực sự cảm thấy chua chát tận đáy lòng. Tuy là nữ giới ở cơ quan quân y nhưng Miên cũng hiểu là quan niệm về danh dự đã đổi thay, chia rẽ đã len đến từng gia đình; cha con anh em ruột thịt còn chống nhau vì chính kiến thì lòng phản trắc giữa bạn có gì là lạ, chỉ có điều mỉa mai - (hay khôi hài ?) - là những đổi thay, phản trắc đó được phủ hoa bằng lý do : « Muốn cho nhau tiến ! »

Bản tính dịu hiền, Miên còn thâm trầm nữa, nàng tự nguyện từ nay đối phó với tổ tâm giao bằng nụ cười, một nụ cười bất biến, tự động như máy, nhưng đằng sau nụ cười đó là những kẻ phải trắc mê muội kia đừng hòng tiến thêm một bước nào nữa vào thế giới tâm tư cao quý của nàng.

Vừa hay Miên được bác Hỷ tới cho hay tin Tài về.

Bác Hỷ như trên đã nói là người đàn bà góa hàng xóm trước

đây có chịu hàm ơn bà Quản. Bác góa chồng được mười năm nay chỉ có một đứa con gái đầu lòng : cái Hỷ. Vụ đói năm 1945 mẹ con bác thoát chết nhờ có sự cứu mang của bà Quản. Từ ngày đó bác vẫn trông nom ruộng nương cho bà Quản như một gia nhân thân tín, kể

từ ngày có cuộc cách mạng tháng tám, bà được bà Quản cấp vốn ngày ngày đi chợ quanh huyện Lập Thạch buôn đi bán lại mùa nào thức nấy. Mỗi khi cần báo tin cho Miên điều gì bà Quản vẫn nhớ đến bác Hỷ. Lần này bà Quản nhờ bác đến báo tin cho Miên hay Tài về.

Miên xin phép ban chỉ huy cơ quan về thăm nhà ngay chiều hôm đó. Nàng muốn gặp Tài để chia vui với bà Quản, nàng còn muốn gặp Tài để... gặp Tài nữa. Theo tiếng gọi của trí tò mò ? Hay của tấm lòng cô đơn chờ đợi ?

Vừa về tới nơi, không biết có phải vì ảo vọng, Miên tưởng có thoáng nhận thấy ở tia mắt Tài một ánh vui gặp gỡ nhưng ánh vui đó vụt tắt ngay để khuôn mặt Tài giữ được vẻ điềm đạm lạnh lùng như các khuôn mặt đảng viên khác mà nàng thường gặp hàng ngày.

Thì ra bất cứ ở đâu - Miên nghĩ thầm - các đảng viên cũng đều được huấn luyện cho đúng khuôn khổ như những viên gạch cùng một lò.

Tài già hơn trước nhiều, nước da xạm nắng, đuôi mắt có những vết nhăn sâu, tóc hớt ngắn. Tài thoạt trao đổi cùng Miên vài câu chuyện xã giao thường. Giọng Tài cũng già giặn như người.

Bà Quản vui lắm, bà hấp tấp xuống bếp, bà hấp tấp lên nhà, bà xum xoe đến bên Tài hỏi điều này điều nọ, bà hỏi như để nghe tiếng mình hỏi và để chắc chắn là niềm mong ước được chăm nom Tài nay thành sự thật, có thể thôi, bà không để ý, không quan tâm đến vẻ đằm đạm - có thể nói là lãnh đạm - của Tài.

Tài không biết gì về tin tức của Hiền. Thấy Miên thắc mắc quá nhiều về Hiền, Tài nói :

- Cô nên gắng học tập nhân dân. Việc học tập này cực kỳ công phu bởi mình phải thường xuyên cảnh giác để chiến đấu

với tinh thần cá nhân vị kỷ của chính mình... Thấy Miên không nói gì Tài tiếp :

- Đảng chú ý xây đắp hạnh phúc cho nhân loại, trong nhân loại có cha mẹ mình, anh em mình... Để bảo tồn quyền lợi của nhân loại, người sáng suốt phải biết nhìn xa mà hy sinh mọi tình cảm nhỏ hẹp...

Tuyệt nhiên trong câu chuyện, Tài không nhắc đến chuyện khu rừng lau trên núi Sáng, dù - Miên biết lắm - chỉ là nhắc đùa thôi.

Miên trở về cơ quan. Nàng ân cần chào bà Quản nhưng cũng chẳng buồn nhìn về phía Tài. Với Miên cuộc chia tay này cũng lạnh nhạt như cuộc chia tay của

hai cha con ông tá điền ngày nào, lạnh nhạt vì hai bên tự biết đã ly biệt trên hai ngã tâm hồn với những niềm ấp ủ khác nhau. Miên chưa hề có ý yêu Tài, nhưng cũng thấy mình vừa bị thất vọng cay đắng. Cũng từ đây nàng không còn kỳ vọng ở một chàng trai đảng viên nào một tình yêu êm dịu, một tình yêu kỳ thú như nước với non trong mấy câu thơ của một thi sĩ thừa tiền cách mạng :

*Giác thăm tình duyên non gói nước
Màn sương để lọt ánh sao băng.
Hồn hoa chợ mộng thơm hồn gió
Tóc liễu rừng thơ đón tóc trăng.*

Tự nhiên nàng thấy ngao ngán, cõi lòng bỗng thênh thang vắng lạnh như căn nhà vừa bị mất trộm một phần lớn gia bảo.

Trong những cuộc sinh hoạt kiểm thảo về buổi tối Miên thường vừa được đề cao vừa được phê bình :

- « Đồng chí Miên có ưu điểm thường xuyên tích cực trong công tác, nhưng đồng chí Miên còn thái độ xa nhân dân, ít chịu nói chuyện, ai hỏi câu nào đáp câu ấy.»

Sự thực Miên có nói chuyện thân mật với mấy chị em cùng cơ quan, nhưng họ đều là những « quần chúng » (không phải đảng viên) như nàng. Như vậy thì phải nói

rằng nàng có thiện cảm với nhân dân mới đúng; còn với nữ đảng viên thì đúng là hỏi câu nào nàng đáp câu ấy. Họ còn quên mất điểm này : đáp với nụ cười rất hiền lành, rất nhẫn nại, nụ cười tuyệt đối không tấn công ai nhưng cũng là lợi khí nhiệm mầu khiến không ai tấn công nổi nàng. Tấn công một nụ cười đó có khác gì đánh ào không khí hoặc giạt một chiếc thuyền không người ?

Sau ngày gặp Tài qua đi chưa đầy một tháng thì một buổi chiều bác Hỷ đến báo tin cho Miên hay Hiền đã về. Tin vui đến đúng vào lúc nàng chìm ngimm trong tuyệt vọng. Nàng thoát không dám ngờ đó là tin thực. Hiền đã về ! Người anh mà nàng quý mến như cha, nhớ mong như mẹ đã về sau bốn năm vắng mặt ! Suốt buổi chiều đó nàng bận lắmm, nàng cố làm cho xong công việc rồi sau khi đã xin được phép nghỉ mấy ngày nàng đi như bay về làng. Nàng đi dưới đêm trăng, nàng bay dưới đêm trăng...

Hiền cũng như Tài già trước tuổi rất nhiều nhưng còn nguyên đôi mắt với tinh thần sáng suốt, miệng cười tươi thành thật, đó là những điểm làm Miên yên lòng. Nàng tíu tíu hỏi anh. Ít khi nàng hỏi nhiều, nói nhiều để được nghe trả lời nhiều như thế.

Gương mặt bộc lộ nhiều cảm tình của Hiền bỗng rắmm lại khi anh kể những trận công phá đồn địch vào sinh

ra tử.

Miên hỏi :

- Trong lúc đó có khi nào anh nghĩ đến đưa em gái mồ côi của anh không ?

Hiển lắc đầu :

- Trong những giây phút quyết liệt đó ai cũng chỉ nghĩ nếu mình ngã xuống còn những kẻ khác tiến lên, phần thắng nhất quyết phải về mình.

Sự thực lời Hiển nói chỉ đúng có một nửa. Đúng là trong những phút quyết liệt công đồn, Hiển chỉ nghĩ sao chiếm cho bằng được đồn và nếu mình ngã xuống còn những kẻ khác tiến lên. Nhưng sau phút chiến thắng hoặc có lần phải rút lui, Hiển có nghĩ đến đưa em gái mồ côi nhỏ dại của mình. Không hiểu sao Hiển tin là Miên nhỏ dại như thế còn lâu lắm nữa. Và đặc biệt sau bốn năm xa em gái, bốn lần ngày giỗ cha mẹ đều đúng dịp công đồn quyết liệt, Hiển có kín đáo bày lễ và thắp hương giữa trời khấn cha mẹ. Hiển không hề tự kiểm soát mình có tin rằng có linh hồn cha mẹ về hưởng. Hiển chỉ biết lòng tưởng nhớ cha mẹ là hợp đạo làm người và sau khi đã thắp hương khấn khứa như vậy Hiển ra đi công đồn vững dạ không bị ám ảnh bởi cái chết.

Được về thăm Miên lần này, Hiễn cho em biết ngay là anh chỉ ở lại nhà có hai ngày, sau đó lên đường sang Tàu theo học lục quân khóa tám.

Miên lo lắng hỏi :

- Anh đã được kết nạp vào Đảng chưa ?

- Phải có tín nhiệm lắm anh mới được cử đi chuyến này - Hiễn đáp - việc kết nạp chắc chỉ nay mai thôi. Chiến dịch Tây Bắc vừa rồi, trong khi chiến đấu anh đứng bên các đồng chí, anh đã tích cực học tập đề hoàn toàn gạt bỏ đầu óc anh hùng cá nhân.

Miên quay nhìn đi nơi khác dấu niềm lo âu. Nàng sợ lắm ! Chưa được kết nạp, tình cảm của anh còn được tung bưng thế kia, mai đây sang đến đất Tàu, được kết nạp rồi sau một thời gian huấn luyện vào khuôn vào phép chắc chắn anh lại có vẻ mặt lạnh lùng của bất cứ đảng viên thực thụ nào. Tất cả những người thân trong gia đình, Miên chỉ còn có anh. Mẫn ở miền Nam với ông chú biết rằng bây giờ ra sao, còn sống hay chết trong những ngày kháng chiến đầu tiên tại Nam Bộ ? Hy vọng vì có ngày gặp mặt !

Tiếng Hiễn cười an ủi :

- Kìa làm sao cô khóc ? Được sang Tàu theo học anh thích lắm và cô đừng lo, chỉ hai năm sau là cùng, anh

về mà. Kháng chiến khi đó chắc cũng đến ngày thành công rồi.

Suốt hai ngày đó Miên ôn mãi trong trí lời nói của Tài :

« Đảng chú ý xây đắp hạnh phúc cho nhân loại, trong nhân loại có cha mẹ mình, anh em mình... Để bảo tồn quyền lợi của nhân loại, người sáng suốt phải biết nhìn xa mà hy sinh mọi tình cảm nhỏ hẹp. »

Miên biết « tình cảm nhỏ hẹp » đây ý Tài muốn ám chỉ tình cha con, vợ chồng, anh em - dù là anh em mồ côi - như nàng và Hiền.

Buổi chiều hôm sau, Miên cương quyết trở lại cơ quan. Hiền hỏi sao không ở lại chờ tiễn anh thì Miên im lặng không biết đáp sao.

- Cô không tiễn anh - Hiền vừa cười vừa nói - thì anh tiễn cô vậy.

T tiễn Miên gần tới cơ quan, Hiền chú ý thấy bước chân Miên ngần ngại dần, bỗng nàng quay ngoắt lại, rào bước đi trước anh trên đường trở về, nàng bước nhanh như chạy trốn. Mà quả thực nàng đang chạy trốn những hình ảnh, những khuôn mặt cơ quan. Hiền không hiểu gì, anh bỡ ngỡ nhìn theo Miên rồi cũng rào cẳng bước theo sau.

Ngày Hiên lên đường, Miên tiễn anh ra tận bờ sông Đáy. Hiên sẽ vượt qua ngọn Tam đảo sang bên kia Thái nguyên. Mỗi sào nặng chũu, Miên tiễn thêm mấy bước, lội hẳn xuống nước nhìn con đò ngang đưa anh sang bờ bên kia.

Từ đò ngang nhảy lên bờ rồi leo lên đê và trước khi xuống đê, Hiên quay lại vẫy em một lần cuối.

Miên chua xót nghĩ thầm : Bây giờ anh còn là anh của em, hai năm nữa anh là cán bộ của Đảng, anh đâu còn thế này nữa. Nghĩ đến cảnh cha mẹ mất sớm, nghĩ rằng đã mấy năm qua, rồi còn bao nhiêu năm qua nữa, mỗi năm tới ngày giỗ cha mẹ hai anh em mồ côi vẫn mỗi người một phương trời, Miên không sao cầm được nước mắt. Tiến thêm mấy bước nữa gặp khoảng trũng của lòng sông nước sâu ngập đầu gối, Miên muốn rằng thà mình cứ từ từ chìm xuống một cái giếng sâu không đáy...

Có tiếng người lao xao xuống bên đợi đò, Miên vội cúi xuống sông vờ vục nước rửa mặt. Nàng cứ phải vục nước lên rửa mặt rửa mặt hoài; thương cha mẹ, thương thân, lo cho anh... ruột nàng thắt lại, cổ nghẹn ngào và nước mắt trào ra... trào ra... như hai dòng suối nhỏ muốn góp phần nước mặn vào dòng sông Đáy.

Buổi chiều hôm đó Miên chưa về cơ quan, nàng leo lên đỉnh núi đầu làng nhìn sang khu rừng lau. Khoảng xanh cảm thạch đó vẫn lay chuyển trong nắng chiều như cười riêu ý nghĩ của Miên : « Sao không là rừng mía lại là rừng lau ? »

Hoàng hôn tắt dần...

Miên gục mặt trên đầu gối. Nàng chợt thấy mình như kẻ bộ hành bơ vơ đói khát, trước mặt là con đường dài phải vượt, hai bên đường là những khu rừng lau... những khu rừng lau... Nàng thèm khát một cây mía, một đũa mía với hương vị ngọt ngào để lấy lại sinh lực mà tiếp tục nốt quãng đường đời.

Khi Miên rùng mình ra khỏi giấc mơ, ánh trăng thượng tuần non yếu - non yếu như tâm hồn nàng - tỏa xuống ngõ ngàng cùng cảnh vật. Muôn đời - phải chăng đến muôn đời - nàng chỉ là nàng tiên đi dưới trăng, cô độc ? Ánh trăng hiu quạnh soi con đường mòn bơ vơ !

Miên đã đứng dậy. Nàng uể oải lần theo đường mòn xuống núi, chưa quyết định sẽ về nhà bà Quảng hay đi thẳng về cơ quan cách một giờ đường nữa. Cỏ cây đâm sương nên cảnh vật càng lạnh lẽo và đượm vẻ hoang tàn. Miên có cảm tưởng cõi đời chỉ còn một mình nàng biết yêu cảnh. Cảnh rộng lớn quá, tình cảm của một nàng làm sao sưởi ấm cho tất cả ?

CHƯƠNG NĂM

MÀM SEN TRONG HỎA NGỤC

I

Cuối năm 1952.

Chính sách dùng nụ cười làm bình phong che những nỗi niềm thâm kín thiêng liêng của Miên đến đây đã hết hiệu nghiệm. Chính Miên cũng không sao giữ nổi nụ cười nữa. Miên thấy mình sống giữa hai lò lửa, một lò lửa bên trong là nỗi lo âu của nàng về Hiền sang Tàu, lò lửa bên ngoài là chính sách « Phóng tay phát động quần chúng nông dân đấu tranh chống địa chủ » đã từ giai đoạn học tập trên lý thuyết rục rịch chuyển sang thực hành.

Đầu năm 1953 Việt Bắc chính thức phát động phong trào đấu tố, khởi đầu là bà Cát Hạnh Long.

Kinh nghiệm cuối năm 1952 tại những thí điểm đấu tố Liên khu Ba - (Hà Đông, Ninh Bình, Phủ Lý và cả Thanh Hóa của Liên khu Tư nữa) - đã cho Đảng hay có dấu như vậy mới « moi ra » được hết lũ « Việt gian » tay sai cho « tư bản đế quốc » gồm tụi địa chủ, cường hào và phần lớn trí thức tiểu tư sản. Vậy - vẫn theo lý luận giải thích của Đảng - muốn tiếp tục cuộc chiến tranh

này bắt buộc phải loại trừ « lũ chien ghẻ » trên ra khỏi hàng ngũ kháng chiến.

Thoạt tiên tại cơ quan Miên, mọi người học tập bài của viên tổng bí thư Đảng đăng trên báo Nhân dân :

« Cuộc kháng chiến chống Pháp ngày nay là do sức của nông dân bởi vì giai cấp nông dân cung cấp người, của cho kháng chiến nên Đảng phải thực tế đền bù lại cho giai cấp đó nhiều quyền lợi. Do đó nhiệm vụ phần đế phải đi liền với nhiệm vụ bài phong. Diệt trừ giai cấp địa chủ để phát động giai cấp nông dân là nhiệm vụ bài phong, là một quốc kế dân sinh vĩ đại. »

Bà Cát Hanh Long, địa chủ ở Thái Nguyên đã giúp cách mạng từ thời bí mật; cho tới ngày đó bà vẫn được đoàn thể đề cao như một bà mẹ điển hình của chiến sĩ, một ân nhân điển hình của kháng chiến. Giờ đây Đảng cố ý đem bà ra đấu trường làm vật hy sinh đầu tiên để chứng tỏ với giai cấp nông dân dù là địa chủ có công với kháng chiến đến mấy cũng vẫn bị Đảng nhân danh quyền lợi của nông dân mà trừng trị. Hai lần cuộc đấu phát động, hai lần thất bại vì cán bộ mũi lòng không gây được hào hứng. Nông dân đấu tranh đã không căm thù, khi ra về còn tỏ vẻ ngao ngán thậm trách chính phủ sao quá tận tình.

Đảng Lao Động cam nhận hai lần vô chính trị nhỏ nhưng khôn ngoan tránh được lỗi vô chính trị lớn là hành quyết bà Cát Hanh Long ngay lúc đó.

Một lần nữa, tại khắp các cơ quan cùng tổ chức một phong trào tổng kiểm thảo cho sáng và vững lập trường:

« Phải biết trau dồi và học tập tính quả cảm của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân bao giờ cũng biết đặt lòng thương đúng chỗ, lòng thương đặt đúng chỗ là lòng thương nhân dân. Biết thương nhân dân tức là phải biết căm hờn kẻ thù của nhân dân trong đó giai cấp địa chủ là một kẻ thù chính. »

Cuộc đấu tố lần thứ ba đã thành công. Trong ba tiếng đồng hồ liền, các vợ con tá điền thay nhau tới nhảy chồm chồm xĩa xói vào mặt bà Cát Hanh Long mà la hét chửi rủa. Thỉnh thoảng toàn thể đấu trường lại vang động tiếng hô lớn :

« Đả đảo địa chủ đại gian ác ! »

« Đả đảo địa chủ ngoan cố, chó săn cho giặc ! »

Bà Cát Hanh Long lần lượt bị tố cáo là đã làm gián điệp cho phát xít Nhật, rồi gián điệp cho thực dân Pháp, đã giết ba tá điền, đã tư thông với một công sứ Pháp ở Thái Nguyên.

« Nhân dân » đòi tuyên án tử hình. Và « nhân dân » đã được toại nguyện !

II

Sau vụ bà Cát Hanh Long, tại cơ quan dân y luôn luôn có cuộc học tập để biết... đặt lòng thương đúng chỗ. « Lòng thương đặt đúng chỗ là lòng thương nhân dân. Biết thương nhân dân là phải biết cảm hờn kẻ thù của nhân dân. » Đồng thời cơ quan cũng luôn luôn thông báo đầy đủ tin tức về những cuộc đấu tranh thắng lợi của giai cấp nông dân chống địa chủ tại đấu trường khắp nơi.

Tuy chưa được trực tiếp dự những cuộc đấu tố đó, nhưng qua những bài tường thuật trên báo Cứu Quốc, báo Nhân Dân và qua lời thuật của vài người được dự, trí tưởng tượng bóng rầy của Miên cũng đủ thấy như thực những gì đã xảy ra.

Miên như muốn ôm, chân tay rời rã. Trước đây mỗi lần có tiếng kèn tan giờ hành chính để ai nấy sửa soạn mang bát đĩa tới gian phòng ăn, Miên cũng riu rít cười đùa cùng các chị em khác, đó là những giây phút nghỉ ngơi giải trí trong treo nhất trong cuộc kháng chiến hàng ngày (buổi tối đã phải khai hội kiểm thảo và học tập cảm hờn rồi). Giờ đây mỗi lần nghe tiếng kèn, Miên chỉ thở dài. Thế giới nàng sống mất tình thương chỉ còn là bãi sa mạc, tâm hồn nàng chẳng còn bóng thân yêu nào để ấp ủ cũng biến thành một bãi sa mạc.

Không biết - Miên tự hỏi - đào sâu xuống... thật sâu xuống lần cát, có gặp mạch nước ngầm không nhỉ ? Miên muốn tin rằng đáy sa mạc vẫn có mạch nước ngầm sạch trong và mát rượi. Không hiểu vì một liên tưởng gì Miên nhớ tới một bài học địa lý cũ nói về núi lửa trước khi phun có điếm là các dòng suối chung quanh đều khô cạn hết. Phải, sự căm hờn làm cạn hết những dòng suối trong mát của tình cảm là phải.

Đêm nào trước khi nhắm mắt ngủ Miên cũng nghĩ đến Hiền, nhớ lại những ngày nằng tiển anh tới bờ sông Đáy, nhớ tới vóc người cao lớn, đáng đi hùng dũng mà hiền hòa của anh ở bên kia bờ đê và nhất là nhớ tới hình ảnh anh quay lại một lần cuối cùng, thân yêu vẫy nằng.

Khu rừng lau. Trong trí tưởng tượng của Miên, Hiền đã đi vào khu rừng lau ngút ngàn đó và không bao giờ trở lại nữa, Miên tin là thế. Trời ơi, sao không là rừng mía mà lại là rừng lau ?

Nhiều đêm Miên đã ứa nước mắt mà nghĩ rằng : Thà đừng bao giờ anh trở lại nữa còn hơn anh trở lại mà để nằng chứng kiến sự thay đổi từ nét mặt, cử chỉ đến lời ăn tiếng nói như Tài, hay như bất cứ một tên cán bộ cuồng tín nào. Chúng giống nhau như những hòn gạch, như những đồng xu.

Đã có lần Miên nắc lên khi trí tưởng tượng quá mạnh khiến nàng như có nghe thấy Hiền lên tiếng theo luận điệu của Tài khuyên nàng :

« Đảng chú ý xây đắp hạnh phúc cho nhân loại. Trong nhân loại có cha mẹ mình, anh em mình. Để bảo tồn quyền lợi của nhân loại người sáng suốt phải biết nhìn xa mà hy sinh mọi tình cảm nhỏ hẹp... »

Lại có đêm Miên nghĩ đến thoát ly khỏi thế giới này. Nghĩ để mà nghĩ thôi, Miên biết thế ! Nhưng có lẽ càng biết thế Miên càng phóng trí tưởng tượng đi thật xa để thỏa niềm ước ao. Nàng mơ trốn được sang phía trời Âu : nơi đây sau trận đại chiến thứ hai con người đã tỉnh ngộ, đã biết ghê tởm cho bàn tay vấy máu của mình. Rồi sẵn kỹ thuật cao, họ xây dựng lại sự đồ nát bên ngoài cho xứng đáng với sự giác ngộ bên trong. Miên nhớ tới một tờ báo Âu (tờ Paris Match thì phải) mà nàng đã đọc lướt tại phòng mổ của bác sĩ T. bên trong có trang ảnh chụp một vườn hoa tại Luân Đôn; nằm dài trên bãi cỏ là những cặp tình nhân ôm sát nhau trong khi đó về mặt những người qua lại ngay bên vẫn nghiêm trang nhìn thẳng; đó không phải là thái độ lạnh lùng mà là thái độ kẻ biết kính trọng tình yêu.

Ở tuổi Miên hiện giờ, việc nàng lưu luyến những hình ảnh của tình yêu nào có gì là lạ ? Những hình ảnh trai gái ôm ấp nhau trong yêu đương đó xuất hiện trong trí

tưởng tượng của Miên cao đẹp làm sao, những kẻ đạo đức nửa mùa chẳng thể hiểu nổi. Trong thâm tâm, Miên khao khát tình yêu mà đối tượng có thể là Tài. Miên có ao ước được Tài đưa đến xem khu rừng lau bên Bình Di trên núi Sáng. Miên không quên nàng đã nói với Hiền : Sao không là rừng mía mà lại là rừng lau ? ! Với những kẻ bộ hành suốt ngày đi dưới nắng hè, câu hỏi trên thật là khẩn cấp, nhưng với cặp tình nhân đương thờ hút bầu không khí dịu ngọt của yêu đương thì đi vào màu xanh uể chuyển đó là đi vào một mùa xuân bất tận, tóc Miên sẽ lẫn với tơ trời, hơi thở Miên sẽ lẫn với nắng và gió.

Mộng đẹp yêu đương của Miên còn đáng thương và chua xót hơn giấc mộng chinh phụ gặp chồng ở bến Lũng thành Quan bởi ít nhất người chinh phụ đã có một thời kỳ được sống thực sự với mỗi tình lý tưởng, còn với Miên, bạn cũ của nàng là Tài đã chuyển hướng. Viên chính ủy trẻ tuổi trong cơ quan đôi khi có ý đưa đẩy câu chuyện với nàng, nhưng làm sao Miên có cảm tình được với y ? Khuôn mặt y sát tận xương, quầng mắt thâm, môi thâm, lợi thâm, miệng luôn luôn ngậm điếu thuốc lá của hãng Bắc Sơn, Miên có cảm tưởng con người y bốc ra mùi hôi ẩm của khói thuốc và nàng rừng mình. Miên có nghĩ tới Tân mà nàng được gặp trong chuyến đi chiến dịch vừa rồi. Nàng quý mến Tân như quý mến Hiền và cách Tân đối với nàng cũng như

hệt người anh đối với em gái nhỏ. Tân há chẳng đã gọi nàng là « cô em gái nuôi » đó ư ? Tân chẳng hề hỏi tuổi Miên để được biết rằng mặc dầu dáng nàng thon nhỏ nhưng nàng đã trên hai mươi tuổi rồi, tuổi ung làm vợ mà chẳng ưng làm em gái.

Miên thấy thôi thế là tuổi hoa niên của nàng đành chịu thui chột vì thiếu tình yêu, điều thâm đối với nàng là sự thui chột đó vô phương cứu chữa, nó kéo dài một cách tuyệt vọng như con tàu va phải băng sơn, mất liên lạc với mặt biển, đương chìm dần... chìm dần... cho đến ngày mất tích hẳn dưới khối nước băng giá.

III

Việc cán bộ tam cùng về bắt rết tại một làng thôn nào thường được các cán bộ khác giải thích bằng những lời mập mờ cho dân chúng khỏi sao xuyên :

- Đó là đồng chí - lời giải thích - về đây để phát động quần chúng.

Các cán bộ tam cùng đi bắt rết đều theo nguyên tắc này : không bao giờ bắt rết với người nghèo vì nhất thời bị rủi ro. Bần cố nông đó phải là hiện thân của một thứ ngu độn có huyết thống và ba đời không liên lạc gì với cơ quan hành chính của Pháp. Sau khi đã bắt rết, thời gian nghiên cứu thường lâu chừng một tháng, rồi cán bộ chọn một xã làm thí điểm. Tại xã thí điểm đó, cán bộ tam cùng phát động quần chúng bằng cách triệu tập một cuộc họp toàn xã để định thành phần. Giai cấp địa chủ lập tức bị cô lập nghĩa là phải cung khai tài sản, đi đâu phải xin phép, con cháu ra vào thăm hỏi đều bị khám vì sợ chuyền của đi. Thường thì một địa chủ khi đã bị cô lập, bè bạn, họ hàng lánh xa họ như lánh xa hủi. Chào hỏi, không ai đáp; muốn bán thứ thừa không ai mua, muốn mua thứ thiếu không ai bán. Nói một cách khác họ đã là tên tội phạm, có điều tên tội phạm của thế giới tự do thì bị giam vào khám xây bằng gạch hoặc bằng đá để cắt đứt mọi liên lạc của hắn với thế giới bên ngoài, ở đây tội phạm bị giam vào một nhà ngục tân kỳ hơn, nhà

ngục xây bằng những người đồng loại, đồng hương đã biến thành gỗ đá hoặc cô làm như gỗ đá. Không có một sự cô độc nào bi thảm và rùng rợn hơn sự cô độc này !

Vẫn tại nhà bản cố nông đó nay được dùng làm trụ sở để mọi giới trong làng trong xã hàng ngày đến học tập kẻ khổ. Nơi đây cán bộ tam cùng đặc biệt kích thích giai cấp bản cố nông căm thù địa chủ để chuẩn bị ngày ra đấu trường. Thành phần phú nông không được tới học tập vì không phải bạn của bản cố nông. Chiến thuật của Đảng là : « Dựa vào bản cố nông, liên minh với trung nông, trung lập hóa phú nông để đàn áp địa chủ. »

Miên và một số chị em trong cơ quan có được cử đi dự mấy buổi kiểm thảo địa chủ ở mấy xã gần đây, nói là để rút kinh nghiệm. Qua mấy lần dự như vậy, Miên quan sát thấy có những người nông dân thuần túy vẫn giữ nguyên được tâm hồn chất phác trung hậu của họ. Có lẽ chính họ đã từng bị áp bức thực, nhưng khi phải kể khổ họ nói là không biết gì cả mặc cho cán bộ mớm lời hoặc xui lên xui xuống. Quyết liệt nhất là lũ lưu manh, chúng tích cực kể xấu người trước đây đã không cho chúng vay mượn hay đã quá tinh khôn không sa vào bẫy lừa lọc của chúng. Thứ tới những chuyện thù oán giữa mẹ chồng con dâu, giữa thím chồng cháu dâu, giữa chị dâu em chồng. Họ đứng ra kể khổ ngỡ là lợi dụng được dịp may này để cướp không tài sản của nạn nhân.

Sau cùng hạng thanh niên học dở dang kẻ chỉ có bằng cơ thủy (Certificat d'étude primaire franco-indigène), kẻ học thêm được một hoặc hai năm trung học. Những thanh niên này có cử chỉ cùng lời ăn tiếng nói bợ đỡ xu thời ra mặt. Họ ngỡ như vậy sẽ được đoàn thể nâng lên hàng cán bộ liên xã, hoặc cán bộ huyện.

Lần thứ ba Miên đi dự kẻ khô, nạn nhân là bà Luân, một góa phụ có hai con ra học tận Hà Nội. Bà có nuôi hai anh em mồ côi người làng bên. Người anh đã được bà lấy vợ cho khi kháng chiến anh ta vào bộ đội và bị tử thương tại mặt trận Vĩnh Yên. Thằng em tới ngày kẻ khô đó mới mười ba tuổi. Nó được cán bộ cho việc canh giữ bà mẹ nuôi. Lúc kiểm thảo nó bắt mẹ nuôi phải gọi nó bằng « ông ».

Nó chỉ vào mặt bà Luân hỏi liên tiếp :

- Tại sao mày không cho tao đi học, lại bắt tao đi chăn trâu ?

- Mày có nhớ đã từng bắt tao đứng vào đồng kiến lửa?

- Mày có nhớ một lần nghi tao ăn cắp tiền, mày đã đổ nước mắm vào mũi tao ?

Cắm uất hiện lên vẻ mặt già nua và đau khổ, bà Luân chối, giọng bi phẫn nhưng gọn và cương quyết.

Miên nghĩ có câu hỏi giản dị nhất lẽ ra thằng con nuôi bất nhân kia phải nêu lên trước là : Tại sao bà Luân lại đem anh em nó về nuôi mà không để mặc kệ cho chúng chết đói hoặc tha phương cầu thực nơi đâu ?

Cán bộ đã cúi xuống giải thích rất lâu cho bà Luân nghe những gì Miên ngồi xa không nghe rõ, chỉ biết khi lần thứ hai thằng con nuôi lên chỉ vào mặt bà kể mấy tội trên, bà nghẹn ngào đáp gọn :

- Bẩm ông vâng !

Chỉ có ba tiếng « Bẩm ông vâng » mà chứa chất biết bao tủi nhục đau đớn của người chột thấy mình đã nuôi ong tay áo, nuôi rắn trong nhà.

IV

Sự buồn nản ở hiện tại và tuyệt vọng ở tương lai đã hun đúc cho Miên một trạng thái tâm lý khá kỳ dị : bình thản ! Nàng bình thản đi dự kể khổ, bình thản đi dự các buổi khai hội, kiểm thảo, bình thản hay tin cụ Cử Hứa đã bị cô lập. Nhưng rồi sự bình thản cũng chỉ được đến thế; một ngày kia Miên gặp cụ Cử Hứa chỉ còn xương bọc da, dáng người thì mệt mỏi, đôi mắt thì nhón nhác lo âu. Miên thấy lòng xúc động, mặc dầu trước đây Miên không chút cảm tình với cụ. Miên hay tin thêm cụ Cử bà phải đi mò cua bắt ốc lần hồi kiếm miếng ăn hàng ngày, rồi đến ngày kể khổ khi thấy anh con trai trưởng của cụ, chủ tịch hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Xít huyện, tung nắm tay lên trước và hô cương quyết : « Đả đảo địa chủ ! » thì tình cảm phẫn nộ lại trào lên chẹn lấy cổ Miên.

Một buổi sớm bác Hỷ tới, bác đặt gánh hàng xuống chào Miên và cất lời hỏi thăm như thường lệ rồi bác nói khẽ rất nhanh :

- Bà Quản bị cô lập rồi cô biết chưa ?

Miên hốt hoảng :

- Thế à, tôi chưa biết.

Bác Hỷ tiếp :

- Tôi hôm kia cán bộ tam cùng đã triệu tập cuộc họp toàn thể xã để định thành phần, bà Quản bị gán là địa chủ. Tôi nói bà chỉ mang tiền của ở Sài Gòn về làm lợi cho làng chứ chẳng có làm gì hại. Tôi tự đem mình ra làm bằng chứng, nếu không được bà Quản cứu thì mẹ con tôi đã chết tự năm đói rồi.

- Thế họ trả lời ra sao ? - Miên hỏi.

- Họ phê bình tôi là còn tinh thần ôm chân địa chủ. Tôi không được tham dự học tập kể khổ nữa. Tội nghiệp mất bà Quản kém đến gần như là mất rồi cô ạ.

Có người trong cơ quan ra. Bác Hỷ điềm nhiên nói lớn về việc buôn bán hồng the và hồng ngâm hạc trĩ, rồi gánh hàng theo đường lên chợ, tự nhiên như mọi lần trước bác đến báo tin nhà cho Miên.

Buổi chiều, chị cán bộ nói ý cho Miên hay bà Quản bị cô lập nhưng rồi chỉ bị đem ra kiểm thảo gay gắt để uy hiếp tinh thần tên địa chủ ngoan cố Hứa còn chôn dấu của cải. Chị biết Miên có nhiều liên lạc từ thuở nhỏ với bà Quản, khuyên Miên nên đứng ra kể khổ, trong trường hợp này lời Miên có giá trị hơn cả.

Miên thùy mị đáp lại và trong thâm tâm nàng cảm thấy lời đáp của mình nhiễm tính chất bi hài :

- Chị bảo tôi kể gì bây giờ ? Tôi chỉ biết kể riêng với chị là sau khi cha mẹ chết cả anh em tôi được bà Quản mang về nuôi, nhà cửa được bà Quản rào đậu cho, không một chút tư hào.

Chị cán bộ biết không thể chuyển được lòng Miên, cười chính trị :

- Cái đó tùy đồng chí tôi không ép.

Chiều hôm sau, sau giờ hành chính Miên cùng các bạn trong tiểu đội vào rừng kiếm củi. Lúc vác bó củi lớn ra khỏi rừng, Miên ngồi nghỉ dưới gốc một cây đa cổ thụ bên lề con đường đất đỏ. Các tá điền vẫn kể đêm đêm hồ thường tới gốc đa này và cách đây năm năm đã có một người đàn bà đi chợ sớm qua đây bị hồ vồ thiệt mạng.

Miên không chú ý đến chuyện hồ vồ mà chỉ lẳng lặng ngắm cây đa uy nghi mà hiền từ rồi suy nghĩ.

Buổi tối sau giờ kiểm thảo thường lệ đã gần nửa đêm, lúc Miên lên giường nằm thì trời đổ mưa lớn. Gió táp và chuyển động các kèo cột, tiếng kêu rảng rặc kũ kịt. Từng làn chớp lóe sáng, từng tiếng sét thoát xé trời rồi rền rĩ đuổi nhau theo từng đợt ra tận biên giới vũ trụ. Hình ảnh những dòng suối nhỏ tràn bờ những bụi cây được rửa sạch... Hình ảnh cây đa cổ thụ chũu ngọn

nhưng bất khuất dưới sức mạnh của gió bão. Hình ảnh dịu dàng của mấy chị bạn « quần chúng » trong cơ quan chiều chiều ra suối gánh nước về cho ban cấp dưỡng, chị thì cắt tóc ngắn đủ che kín gáy, chị thì bím tóc trông xa như tóc frisé, chị thì để tóc dài xõa ngang vai, có chị nước da bánh mật khỏe mạnh, có chị da như trứng gà bóc nhưng chị nào cũng cùng vẻ mặt hiền lành chất phác, thụ động, đôi khi ngơ ngác, Miên thấy mến những hình ảnh này, phải chăng vì nàng cũng chỉ là một thứ « nai vàng ngơ ngác », những gì uất hận đều bị đè nén cho úa héo đi rồi rụng rơi tả trong tâm hồn như những lá mùa thu.

Tiếng sấm sét đã tạm ngớt, nhưng gió càng mạnh và mưa càng nặng hạt hơn, tiếng rào rào như một đoàn quân hàng ngàn vạn người đương hăm hở nạo đất, bào cây, cuốc núi !

Miên gỡ mình khẽ mỉm cười ôn lại lời mình đáp nữ cán bộ chiều hôm trước : « Chị bảo tôi kể gì bây giờ ? Tôi chỉ biết kể riêng với chị là sau khi cha mẹ chết cả ba anh em tôi được bà Quán mang về nuôi, nhà cửa được bà Quán rào dậu cho... »

Sống vì người khác, sống cho người khác, đó là khuynh hướng không cưỡng lại được của Miên, tựa như nước lũ tự ngàn lao mình đổ về trung châu. Bởi vậy càng học tập càng hờn, càng chứng kiến những buổi kể

khô, tình thương yêu càng sâu xa, và tâm hồn thù mị của Miên như cây đa cổ thụ kia tung những rễ phụ ra bám chặt lấy mặt đất rồi tiến sâu vào lòng đất, hút lấy mầu đất, tự nuôi cho lớn mạnh để rồi trở thành những thân cây thật sự và sau cùng - chao ôi là vững chãi - biến thành cả một rừng đa kiên cố đến nỗi uy trời là bão tố và sấm sét cũng đành cam chịu bất lực.

Chắc chắn những buổi học tập kể khô bà Quản tôi tôi vẫn tiến hành nhưng Miên và bác Hỷ thuộc thành phần không được tới dự.

Ngày giỗ cha mẹ lần này Miên không về Hạc Thủy như mọi năm. Về gặp bà Quản chỉ khiến cả bà, cả Miên thêm đau lòng. Tuy biết vậy là hợp lý mà Miên vẫn áy náy cảm thấy mình hèn, đã tránh mặt ân nhân trong cơn nguy khốn.

Miên mua hương nến hoa quả bày bàn thờ làm giỗ cha mẹ ở một góc sân khuất tại ngay cơ quan. Khi lễ nài nỉ tưởng nhớ cha mẹ đã khuất và cả Hiền, người anh còn sống hiện ở bên Trung Quốc.

Nữ đảng viên phụ trách nài nỉ không bỏ sót việc ấy, có tiền lại hỏi :

- Đồng chí có chắc hương hồn các cụ về hưởng hương hoa ở đây ?

Tuy vẫn giữ được khuôn mặt thùy mị, nhưng đôi mắt Miên thoáng giận dữ và giọng nói hơi sẵng :

- Làm sao tôi trả lời chị câu ấy được ? Nhưng thiết nghĩ nếu ở một tổ chức rộng lớn, toàn dân chúng ta làm lễ kỷ niệm cách mạng tháng tám, cách mạng tháng mười thì cá nhân tôi nhỏ hẹp hơn có thể làm lễ tưởng nhớ ngày cha mẹ tôi qua đời lắm chứ.

Một lần nữa nữ đảng viên tạm lui :

- Không, không ! Điều đó có sao đâu ! Là tôi chỉ hỏi ý kiến đồng chí.

Miên thừa biết nữ cán bộ chỉ tạm rút lui. Miên thừa biết chi bộ sẽ họp bàn nhau tìm cách khuất phục thái độ nàng bằng được. Nhưng có điều Miên không biết, Miên không thể ngờ là đúng ngày hôm đó tại Phụng Minh Thôn thuộc huyện Côn Minh bên Tàu cũng xảy ra một cuộc đấu khẩu tương tự nhưng gay go hơn nhiều giữa Hiền và một cán bộ bản cố nông. Miên chỉ thấy mình ở vào một hoàn cảnh vô cùng tuyệt vọng và cô độc. Nàng vui đầu vào công tác... Vui đầu vào công tác... để quên thời gian và với ý định hủy hoại thân thể mình nhưng vẫn giữ nguyên được căn bản thiện sang bên kia thế giới. Ngược lại các đảng viên thấy thái độ làm việc quá gương mẫu của nàng thì coi đó như một thái độ lập công, bởi vậy vấn đề kiểm thảo để giáo dục lại Miên,

họ chưa vội đặt lên.

Bên ngoài, thiên nhiên vẫn bình thản.

Mây trôi theo gió thư thái nhàn hạ, cây rừng rụng lá, nhưng lộc non luôn luôn thao thức chờ sức nhựa từ lòng đất dâng lên để trở ra kịp thời.

Phần III - GIÃ TỪ

CHƯƠNG MỘT

NGƯỜI ANH TRỞ VỀ

I

Giác thắm tình duyên non gôi nước Một buổi trưa
Goi nòng ăn xong ai nấy mồ hôi mồ kê ướt đầm
trở về giường nằm mong cổ chộp mắt chút ít

cho lại sức. Miên lẳng lẳng trở xuống bếp lấy hai cặp
ống bương đi gánh nước.

Ông Lợi, trưởng ban cấp dưỡng, một người đàn ông
nhà quê đã trên bốn mươi tuổi, mắt kém, tính tình chất
phác, thấy vậy bèn lên tiếng ngăn :

- Thôi cô Miên ạ, hãy nghỉ trưa một tí, nước thổi nấu
bữa chiều cũng đã tạm đủ.

Miên đáp giọng vui :

- Nước ăn thì đủ, nhưng nước uống thì chưa có, ông
Lợi có thấy đúng không ?

- Đã đành rằng thế nhưng...

- Nhưng tôi đi gánh cho ông yên chí, nóng thế này cũng chẳng ngủ được.

Khi nàng vừa gánh ống bương ra tới ngõ, nàng bỗng đứng sững, tựa như có lùì lại chút xíu. Có thật vậy không ? Chỉ thoáng thấy bóng người ấy, cảm giác nóng bức bỗng nhường cho cảm giác dịu mát, thứ dịu mát mênh mông khiến Miên thấy như chính nàng được hòa biến vào trong đó. Người đứng trước cửa là Hiền ! Là Hiền ! Quả thực là một giấc mơ, nàng không sao thốt lên được một tiếng kêu vui.

Hiền cười thoát buồn rầu chắc vì thấy nàng gầy và xanh rớt, nhưng rồi nụ cười tươi ngay lên. Miên sung sướng quá, anh nàng vẫn còn ở bên này của cuộc sống tình cảm, vẫn còn là... người.

Hiền nói, vẫn giọng nói ấm cúng và âu yếm của anh nàng khi xưa :

- Anh đến xin phép cho cô về nghỉ ba ngày.

Miên hỏi :

- Anh còn nghỉ nhà ba ngày ?

Hiền mỉm cười :

- Ừ, ba ngày.

Miên theo anh tiến vào nói tiếp :

- Bà Quản bị cô lập anh biết chưa ?

Hiển đáp nhanh :

- Anh chưa biết vì anh đã về làng đâu.

- Thế còn « ba lô » của anh ?

- « Ba lô » của anh đã có một anh bạn ngồi ở đầu đường kia giữ hộ.

- Còn một anh bạn nữa hờ anh ?

Hiển không trả lời câu hỏi ríu rít đó vì đã đến bàn giấy cơ quan quân y ? Anh cán bộ phụ trách còn nhớ Hiển là anh Miên.

Việc xin phép cho Miên nghỉ ba ngày không có gì trở ngại, ai cũng biết Miên đã tận lực làm việc.

Khi ra ngoài sân Hiển bảo Miên :

- Cô gói hết quần áo về vì còn ở nhà ba ngày.

Miên ngoan ngoãn vâng lời. Năm phút sau nàng đã theo anh ra cổng, mắt sáng và đen láy, khuôn mặt vẫn gầy nhưng màu da tựa như có hồng hào lên nhiều.

- Ấy chết ! - Miên kêu khẽ.

Hiển dừng vội lại :

- Gì thế, cô ?

Miên cười chỉ hai cặp ống bương lăn lóc bên tường :

- Em vừa định ra suối gánh nước thì gặp anh, để em mang vào trả ông Lợi.

- Thôi, đi cho nhanh cô ạ.

- Không được, thế không tiện.

Miên cúi nhặt hai cặp ống bương vội vã tiến về phía nhà bếp. Khi nàng trở lại Hiển vừa rảo bước vừa nói khẽ :

- Phải tạt về thăm bà Quán cái đã.

Miên hỏi lại :

- Ô hay, chẳng về đây thì đi đâu hở anh ?

Hiển đã tới quãng quẹo đầu đường. Một người ngồi đấy đợi. Miên không chú ý tới người đó vì còn mãi nghĩ đến câu nói vừa rồi của anh.

Từ cơ quan quân y về làng Hạc Thủy đi thông thả mất một giờ đường, nhưng theo nhịp bước của Hiền như thế này chỉ mất nửa giờ hay hơn một chút. Miên bám sát lấy anh, « người kia » đi sau cùng. Dọc đường Hiền có hỏi Miên vài câu về bà Quán rồi lại suy nghĩ.

Khi qua làng Thạch Trục « người kia » cất giọng nói với Hiền :

- Hiền này, ngày xưa tôi học Luật ở đây.

- Trường Luật đóng ở đây à ? - Hiền hỏi trong khi Miên đưa mắt quan sát « anh chàng. »

- Phải trường Luật trước đóng ở đây - « anh chàng » đáp.

Miên muốn quan sát « anh chàng » thế vì chợt nhớ đêm nào khi trở về cơ quan, nàng đi vào bóng thông dưới trăng và tiếng một sinh viên phê bình khẽ : « Nàng tiên đi dưới trăng. » Thoáng một chút suy nghĩ, Miên tung lời tìm hiểu với « anh chàng » :

- Ngày xưa tôi có chị bạn quen đi qua đây và có một anh gọi đùa là « nàng tiên đi dưới trăng ».

- Ấy chính tôi ! - « anh chàng » nói như cướp lời. Miên dẫu nụ cười đắc ý. Cả ba lại im lặng miết mãi bước. Hiền luôn luôn dẫn đầu.

II

Tới Hạc Thủy, rồi tới cổng nhà bà Quản có hai người du kích đứng canh. Hiền và Miên tiến lại.

Theo nguyên tắc ai tới thăm địa chủ thì lúc vào cũng như lúc ra đều bị khám. Sự thực cũng rất ít người dám đến thăm. Anh du kích xã biết Hiền thuộc cấp chỉ huy quân đội, lại thấy anh có anh chàng ngồi coi « ba lô » đằng xa, anh vội mở cửa ngay cho Hiền và Miên vào.

Bà Quản đã gần lòa hẳn. Bà gầy như chiếc que, lưng còng nữa. Bà ngồi thu hình vào một góc nhà nghe ngóng vì bà biết có bước chân người lại tiến vào.

- Lạy bà ạ !

- Ấy chết tôi không dám, ai đấy ?

- Con đây, con là Hiền.

- Và con là Miên nữa.

Bà Quản thoáng vẻ vui nhưng bà kiềm chế được ngay. Bà cất tiếng nói khẽ :

- Hiền, Miên các con đấy ư ?

Hai tiếng « các con » thốt ra ở miệng bà khi ấy làm Miên se lòng, rõ ra là lời nói của người thèm được ban

phát tình cảm và ao ước được nhận tình cảm.

Hiển nói rất ngắn và gọn :

- Chúng con biết là bà bị đem ra kiểm thảo trước để uy hiếp tinh thần cụ Cử Hứa còn chôn dấu của cải. Trong một địa phương người ta chỉ cần trừng trị nặng một người thôi !

Bà Quản biết ý Hiển muốn nói người ra đầu trường sau này để lãnh án tử hình là cụ Cử Hứa.

Hiển tiếp :

- Chúng con đến thăm bà, biểu bà lọ thuốc sốt rét có chừng hai chục viên ký ninh vàng và một số tiền nhỏ.

Hiển khẽ cúi xuống lạnh lẽo ẩn những thứ đó xuống dưới chiếu chỗ bà Quản ngồi, trong khi Miên hỏi nhỏ :

- Thừa bà anh Tài con không về ?

Bà Quản thở dài :

- Trông mong gì ở nó hở cô ?

- Chị Năng, chị Nhon ra sao ? - Vẫn lời Miên hỏi.

- Chúng nó cũng đứt từng khúc ruột nhưng chẳng dám làm gì...

Hiển nói :

- Thôi chuyện này chúng con đi công tác hơi xa, chúng con đến chào bà. Bà yên lòng, rồi mọi việc ổn thỏa. Ngô Tết chúng con không về kịp, bà trông nom hai phần mộ giúp chúng con.

Miên không sao cất lời chào bà Quản được nữa vì nàng thấy bà Quản chọt gục đầu lên gối, hai vai gầy rung động.

Bà Quản khóc, trong thâm tâm bà vừa đau khổ vừa sung sướng, đau khổ vì hoàn cảnh của bà, sung sướng vì bà cảm thấy rõ trên đời không bao giờ thiếu những người tốt. Tấm lòng vàng như mạch nước mát rợi không biết tự đâu chảy đến thấm qua khe đá chảy mãi, chảy mãi không bao giờ ngừng không bao giờ hết.

Cuộc đến thăm chỉ lâu chừng ba phút. Dáng đi hiên ngang của Hiển làm hai người du kích xã không chút nghi ngờ gì cả và Miên đã hiểu anh sắp đưa mình đi đâu. Lần này đến chỗ để ba lô, Miên có dịp chú ý nhiều hơn đến « anh chàng. » Đó là một chàng thanh niên trạc tuổi Hiển, khuôn mặt đăm chiêu kín đáo như cố giữ không cho thoát lộ tình cảm, như luôn luôn đượm chút nghi kỵ. Nhưng khi anh chàng ngẩng lên nhìn thẳng về phía Miên... chạm phải đôi mắt ấy Miên có cảm giác rờn rờn, vừa lạ lùng vừa êm ái. Miên lại đi sát bên Hiển,

để mặc anh chàng đi sau cùng.

- Cô hiểu rồi chứ ? - Hiền hỏi.

- Em hiểu - Miên đáp - Thực em không ngờ, em sung sướng quá !

Ra tới đầu làng Hạc Thủy, cùng trên đường đi, Hiền dẫn đầu rẽ sang bên phải theo đường bạc ruộng khu thung lũng đi lên dần tới mộ cha mẹ.

Không khí xung quanh vắng lặng, hoang vu, Hiền cúi xuống dùng hai tay lực lưỡng nhổ cây mua hao tím trên mộ mẹ. Miên chạy tới thửa ruộng mới cấy gần đấy, lễ mễ khiêng lại tảng đất lớn đắp lên khoảng hoắm của cây mua vừa bị nhổ bật rễ.

Hiền nói :

- Cũng may anh em mình đã cho xây gạch quanh mộ từ mấy năm trước.

Rồi Hiền rút trong ba lô ra thẻ hương và bao diêm. Rõ ràng chàng đã có ý sửa soạn từ trước.

Khói hương bốc lên mỏng mảnh và âm thầm.

Ba người tiếp tục theo đường lên núi, Miên còn ngoái cổ ngắm lại làn khói hương trên mộ cha mẹ một lần nữa như để vĩnh viễn chụp lấy vào tâm tưởng mình. Lát sau

cả ba đã tới đỉnh, đứng khoảng trước đây Miên thường leo lên để ngắm vạn vật xuất hiện dưới tia nắng đầu tiên của vừng đông hay dưới ánh nắng hấp hối của chiều tà.

Thốt nhiên Miên quay phắt lại :

- Hãy dừng lại anh, cho em nghỉ một chút thôi, đi một mạch lên đỉnh núi em mệt !

Sự thực Miên không mệt. Nàng nhìn thẳng về phía núi xa, nơi trước đây có khoảng lay động màu xanh cẩm thạch. Màu xanh cẩm thạch không còn, nhưng vẻ dạt dào uyển chuyển vẫn như xưa.

Miên hỏi Hiền :

- Sao màu xanh cẩm thạch của khu rừng lau trên núi Sáng nay lại thấp thoáng chuyển sang màu tím hoa cà hờ anh ?

Tuy còn giữ nguyên vẻ vội vã, Hiền cũng dừng lại để thở, nhìn về phía khu rừng lau và suy nghĩ về câu hỏi của Miên.

- Bây giờ đương mùa hoa lau cô ạ - « anh chàng » vừa ngồi xuống vừa nhìn thẳng về khu rừng lau vừa trả lời - hoa lau màu tím phớt, đúng như thế kia đó.

Rồi anh chàng quay lại, không nhìn Miên. (Miên cũng không muốn anh ta nhìn mình, nàng sợ !) Nhưng nhìn

ngón tay út của nàng, ngón tay có đeo chiếc nhẫn saphir màu đỏ. Anh chàng hơi nghiêng đầu chú ý ngắm, thành thử trông anh bỗng ngộ nghĩnh như con chim khuyên sắp mổ hạt thóc. Khi anh nhìn về phía cũ - phía khu rừng lau xa - đôi mắt anh chăm chú, đôi lông mày hơi nhíu, răng bậm lầy môi dưới suy nghĩ, vẻ mặt dịu hẳn xuống. Miên yên lòng kín đáo theo dõi. Sự khám phá ra « thủ phạm » lời nói đùa « nàng tiên đi dưới trăng » cộng thêm sự hiểu biết về hoa lau của chính kẻ đó càng khiến Miên muốn tò mò quan sát anh chàng kỹ hơn. Kỳ dị thay Miên nhận thấy đặc biệt khuôn mặt trái soan của anh chàng có ánh vẻ lãng mạn của màu tím hoa lau. Anh chàng bỗng cất tiếng ngâm hai câu lục bát, lúc đó anh như chẳng thềm biết có ai quanh mình, nội dung hai câu thơ ngẫu hứng đó có nhắc đến màu tím hoa lau :

Tình ta thức trắng tinh cầu

Hồn ta tím ngát một màu hoa lau.

Giọng ngâm đắm đuối của anh tỏa ra man mác cùng gió và nắng, giọng ngâm như biến thành mũi tên êm ái, tim Miên bị thương trong vắng lặng. Tiếng ngâm dứt, âm thanh còn vang vang, anh chàng bỗng quay sang trao đổi một vài ý kiến với Hiền. Miên biết thêm tên anh chàng là Kha. Khi trao đổi ý kiến, đôi mắt anh chàng hoặc chiếu thẳng vào người đối thoại hoặc chiếu thẳng vào khoảng không nhưng bao giờ cũng man mác

sinh lực, đượm tính chất siêu hình, khoáy sâu vào bản thể sự vật vào hồn người. Khi phát biểu xong ý kiến đôi môi anh thường mím lại nhưng hơi rung động như cánh bướm còn đập nhẹ khi vừa đậu vững trên hoa, vì vậy lời nói của anh tuy có vẻ cương quyết nhưng vẫn đượm chút duyên tình nghịch. Miên nhắm mắt ôn lại trong trí lời ngâm của anh chàng đồng thời nàng cũng thấy xuất hiện khuôn mặt trái soan ấy, lời nói đôi môi hơi rung động ấy, cái nhìn man mác sinh lực siêu hình ấy... Tất cả tổng hợp lại toát ra một sức mạnh man rợ. Sức mạnh man rợ đó thuộc tinh thần thuần túy nên có làm điên đảo đôi phương - Miên quên rằng đôi phương đây chính là nàng - nhưng là thứ điên đảo gây kỳ thú, chứ chẳng hề gây lo âu, dằn vặt.

- Xuống núi thôi ! - Hiền nói qua tiếng thở phào làm Miên giật mình, mở choàng mắt ngẩng lên bắt chợt anh chàng đang chăm chú nhìn chiếc nhẫn saphir ở ngón út của nàng, dường như chiếc nhẫn saphir có gọi lên trong tâm tưởng anh một kỷ niệm, một thắc mắc nào. Miên không hiểu anh chàng ngắm nhẫn saphir (và cũng là ngắm nàng vào lúc nhắm mắt) như thế đã bao lâu.

Miên sực nhớ ra điều gì, nàng hỏi :

- Anh Kha có quen anh bạn nào tên là Tân không nhỉ?

Đôi mắt Kha chiếu thẳng vào đôi mắt nàng suy nghĩ một giây rồi gật đầu lia lịa :

- Có, có, tôi gặp Tân ở đồn điền Lợi Ký và chia tay ở bờ sông

Hồng !

- Thôi đúng là anh Tân ấy rồi - Miên thốt, không dấu được vẻ vui mừng - tôi gặp anh Tân ở một đơn vị hậu cần quân y cách đây ngót hai năm...

- Phải, Tân học quân y - Kha nói - dạo đó Tân rủ tôi học Thuốc mà.

Miên mỉm cười, nàng còn nhớ lời Tân kể chính Kha rủ Tân

học Thuốc rồi bỏ rơi câu chuyện đi biệt tích phương nào. Nàng hỏi giọng tinh nghịch :

- Anh Tân rủ anh hay chính anh rủ anh Tân ?

Đáp câu hỏi nhảm về riều cột của Miên, Kha đáp lại thực thà :

- Tôi không nhớ rõ tôi rủ Tân hay Tân rủ tôi nữa.

Nhưng Miên không chú ý đến lời Kha đáp, nàng cúi nhìn chính bàn tay của nàng đang vôn vê một lá cỏ, nàng nhớ lại câu người xưa thường nói « hữu duyên thiên lý năng tương ngộ ». Nàng bỗng thấy cuộc đời đáng sống và rất dễ thở, hầu như càng chịu nhiều đau khổ hạnh phúc càng trong sáng, trong sáng đến thành muốn yêu... đau khổ !

- Đi ngay thôi chứ cô Miên ? - Chính Kha nhắc nàng.

- Vâng đi ! Miên vừa đứng dậy vừa đáp.

Kha né mình nhường lối cho nàng đi và chàng vẫn đi sau cùng.

CHƯƠNG HAI

Ý THỨC VỀ NỐT NHẠC

I

Từ sau ngày Miên tiễn anh sang bên kia bờ sông Đáy đã có những chuyện gì xảy ra cho Hiền ?

Có khá nhiều chuyện ! Thời gian thì ít mà không gian di chuyển thì nhiều, tình tiết cũng lắm khiến sau này khi kể lại cho Miên nghe, một đầu óc toán học minh mẫn như Hiền đôi khi cũng cảm thấy lúng túng.

Để câu chuyện có được thứ tự thời gian và nhất là để so sánh sự quyết định giữa từ kháng chiến của ba người - Hiền, Kha, Miên - chúng ta cần biết ngay những gì đã xảy ra cho Hiền từ ngày chàng qua bờ sông Đáy. Khởi đầu là sự ý thức của chàng về một nốt nhạc.

Qua sông Đáy, vượt ngọn Tam Đảo, sang Thái nguyên, ở đây Hiền nhập đơn vị sang Tàu theo học Lục quân khóa Tám địa điểm ở Phụng Minh Thôn cách Côn Minh ba mươi sáu cây số về phía Tây Nam. Vừa tới nơi, cấp trên cho Hiền hay chàng được cử đi Nga học về bộ phận nặng quốc phòng : trọng pháo, xe tăng cùng các loại cơ giới khác. Nguyên vì trước đây một năm đã có một trung đoàn bộ binh dời mặt trận Nam Định

sang bên này sửa soạn chịu huấn luyện thành trung đoàn trọng pháo đầu tiên, linh hồn của chiến thắng Điện Biên Phủ sau này, Hiền được cấp tốc cử sang Nga học để có uy tín chỉ huy trung đoàn đó. Cùng đi với Hiền có hai anh hùng quân đội, một nam một nữ sang dự hội nghị các chiến sĩ giải phóng Đông Nam Á. Cả ba lên xe hỏa đi Bắc Kinh rồi lên phi cơ đi Mạc Tư Khoa. Kèm theo ba người, Bắc Kinh đặc biệt cử một chính trị viên tư tưởng rất vững. Tới Mạc Tư Khoa, trong số ủy ban tiếp đón có người thông ngôn tiếng Việt, có người thông ngôn tiếng Tàu. Họ đều đã tốt nghiệp ở trường Đông Phương Ngữ Học ra. Đặc biệt nội dung bài diễn văn đọc trong buổi họp mặt đầu tiên, đồng chí trưởng ban tiếp đón người Nga có kẻ rành mạch tiểu sử cùng chiến công của từng người. Hiền hiểu điều đó là thái độ chính trị cần thiết nhưng hai nam nữ đồng chí anh hùng quân đội là những người nông dân chất phác thì cảm động đến ngẩn ngơ, đến run cả người. Rồi tuần tự, ba người được đưa tới thăm một nông trường kiểu mẫu, tới thăm xưởng máy Staline sản xuất nông cụ; tới thăm trường đại học Lénine đang xây cất dở chiếm trọn một khu đồi; các đường ngang dọc trong khu đại học này tính tới hàng trăm cây số; vào thư viện chỉ cần viết giấy bấm nút là sách tự động đến tay. Buổi đi thăm xe điện ngầm, ba người được thấy tại từng ga một bản đồ ánh sáng ghi chú những nơi lên xuống; xe chạy vun

vút, hai bên đường hầm là cả một viện bảo tàng mênh
mông những công trình điêu khắc; mỗi quãng đường là
một kiểu kiến trúc tượng trưng cho một giai đoạn tiến
hóa của nhân loại.

Lòng thán phục của hai đồng chí anh hùng quân đội
thuộc thành phần nông dân thuần túy lên tới mức bộc lộ
hẳn nhiệt tình sẵn sàng hy sinh để bảo vệ thiên đường
Nga Xô. Riêng Hiền, chàng thấy ngao ngán và lòng tự
ái như bị xúc phạm mạnh. Mấy năm trước đây xông
pha tiền tuyến, công phá hết đồn này sang đồn khác,
trưởng thành cùng quân đội trong chiến đấu trong mưu
cơ trong tổ chức Hiền đã xóa được trong ký ức hình ảnh
BA SINH HƯƠNG LỬA

tượng trưng cho nhục vong quốc : người thanh niên
Việt chạy trước cô đầm trước rạp Eden; giờ đây Hiền
khao khát muốn sớm đuổi kịp các cường quốc về kỹ
thuật nhưng làm sao mà đuổi kịp họ về kỹ thuật trong
tình trạng chinh chiến của nước nhà ngày nay ? Chàng
không muốn cam nhận mình chỉ là đại diện một tiểu
nhược quốc đến thăm để chiêm ngưỡng, thán phục kỹ
thuật của nước đàn anh vĩ đại. Chàng thấy lúc nào nước
Việt cũng có thể bình đẳng với bất cứ cường quốc nào
về phương diện tinh thần. Trong khi chờ đợi đất nước
thanh bình để có thể đuổi kịp nước ngoài về kỹ thuật,
chàng muốn những đức tính tinh thần của dân tộc phải

được triệt để bổ xung và phát triển ngõ hầu người mình vẫn có thể ngang nhiên nhìn mọi tiến bộ kỹ thuật bên ngoài mà không mảy may tự ti mặc cảm. Một tiêu nhược quốc chỉ có thể tự trọng hiên ngang, giữ được bình thản mà tiến khi biết tin, biết quý, biết tận tâm tận lực phát triển đức tính tinh thần của dân tộc mình. Không biết tới điều đó thì cho đến vạn kiếp người dân nhược tiểu chỉ là thứ tốt biên nhỏ mọn trên bàn cờ quốc tế. Hiên nghiên rặng và mím chặt môi phóng ra một ý nghĩ thâm lặng nhưng đanh thép : Nước Việt Nam quyết không chịu làm con tốt biên cho bất cứ một cường quốc nào, người Việt Nam quyết không chịu làm một thứ « cóc vái trời, » nước Việt Nam phải là một nốt nhạc có ý thức trong bản hợp tấu của nhân loại.

Hiên chưa là đảng viên, nhưng các đồng chí ở nước nhà sau một buổi họp kín đã quyết định cử Hiên đi theo lớp huấn luyện này vì mấy lý do chính sau đây :

- Hành động như vậy Đảng sẽ được dịp tỏ cho một số quần chúng thấy rằng, mặc dầu một số lầm lẫn Đảng đã mắc phải nhưng Đảng vẫn sáng suốt nhận định những tài năng xứng đáng để cử họ vào những trọng trách xứng đáng.

- Đảng cho Hiên được dịp thực mục sở thị những gì là vĩ đại của thành trì Xô Viết, những mong hoàn toàn khắc phục con người tiểu tư sản đó, giải thoát cho hẳn

mọi nghi ngờ, để rồi đây khi trở về nước, được chính thức vào Đảng, con người đó sẽ đem hết năng lực ra phục vụ chủ nghĩa quốc tế.

Sự phản ứng của Hiến đã hoàn toàn ngược lại dự kiến của Đảng !

Ngoài việc thăm viếng những đại công tác trên của thành trì Xô Viết, về phần giải trí, hàng ngày ba người được xem kịch hoặc được xem chiếu bóng.

Bữa ăn có nữ chiêu đãi viên hầu bàn, sáng sáng có bác sĩ đến chăm nom sức khỏe. Thực là chu đáo !

Chu đáo và chặt chẽ nữa ! Đi đâu cũng có người chỉ dẫn thông ngôn; mọi đề nghị phải qua trưởng đoàn là chính trị viên đã được cử đi kèm theo ba người từ Bắc Kinh.

Không ai được quyền tự do đi chơi phố, hoặc tự do tiếp xúc bất cứ ai trong ngay nơi cư trú đó. Thành thử cho đến nay, ôn về nước Nga, Hiến cũng chỉ giữ được trong ký ức có ngần nhiều hình ảnh.

Sau buổi đi xem xe điện ngầm, Hiến được đồng chí chính trị viên cho biết chàng không được theo lớp học dự định và hai hôm sau nữa, một mình Hiến theo chính trị viên ra phi trường lên phi cơ về Bắc Kinh.

Thoạt Hiện tưởng chàng vô tình phạm một lỗi vô chính trị nào, nhưng trên đường về, chính trị viên cho hay sở dĩ chàng không được theo học vì chàng không hoàn toàn có đủ hai điều kiện do Nga Xô chỉ định : Điều kiện văn hóa phải có tú tài toán học hoặc trình độ tương đương, điều kiện giai cấp phải thuộc thành phần công nông. Hiện đã thiếu điều kiện thứ hai.

Hiện đã có thái độ dửng dưng với việc không được chấp

BA SINH HƯƠNG LỬA nhận theo học lớp cơ giới tại Nga Xô vì bài học chính trong chuyến đi Hiện cho là mình đã đạt được rồi : « Phải kiến thiết lâu đài tinh thần của dân tộc để giữ vững tin tưởng, nước Việt Nam quyết không chịu làm con tốt biên cho bất cứ một cường quốc nào, nước Việt Nam phải là một nốt nhạc có ý thức trong bản nhạc hợp tấu của nhân loại !»

CHƯƠNG BA

PHONG TRÀO TAM PHẦN KHÓA BẢY

I

Hiền trở về Phụng Minh Thôn đúng hôm nơi này tràn ngập làn gió nhẹ từ Đông Nam thổi tới, làn gió như có mang lại những hương thơm của đất nước. Trong khi chờ đợi quyết định của thiếu tướng chính ủy chỉ huy trường lục quân Hiền được mấy ngày rảnh để quan sát Phụng Minh Thôn. Chàng đã băng qua khu rừng thông phía Tây, có những con sóc đuôi xòe như bông lau từ trên cao nhìn xuống với đôi mắt đen tò mò một cách ngộ nghĩnh. Hiền theo đường mòn dưới rặng thông đưa xuống một dòng suối rộng, nước trong như pha lê và lạnh buốt. Hai bên bờ suối là những bụi cây nhỏ hoa tím và những dây leo hoa vàng. Con suối rộng này chảy theo hướng Đông Bắc tìm đường đổ ra Dương Tử Giang. Khu rừng núi phía Đông và phía Nam âm u hơn với những cây cổ thụ mọc san sát và cao ngất, với các giống khỉ, hươu, nai, sài cừu (một giống chó rừng)... Phía Bắc là một cánh đồng lúa khá rộng trên đó tầm mắt được dịp phóng đi thoải mái. Ven cánh đồng có con đường đất đỏ rộng, hai bên là cỏ xanh. Dọc theo con đường là nhà dân chúng; nơi đây dân chúng tuy đã chịu vài sự đổi mới nhưng vẫn giữ được nếp sống thuần phác

đặc biệt đáng mến.

Hiển trở về Phụng Minh Thôn được ba ngày thì tới ngày giỗ cha mẹ. Tại phòng Hiển, trên đầu giường nằm của mỗi người có một chiếc kệ nhỏ bằng gỗ tạp làm nơi để các đồ dùng lặt vặt. Các đồ lặt vặt được bỏ xuống, đĩa hoa quả được đặt lên, Hiển thắp hương tưởng niệm. (Các thứ đó Hiển mua ở nhà dân chúng.) Lúc đó vào giờ ăn chiều, trong phòng chỉ có mình Hiển. Chợt một số cán bộ trong ban Giám Đốc trường sịch vào, không hiểu do vô tình hay có người mật báo trước. Một cán bộ, thoáng trông cũng biết là thuộc thành phần tam đại bản cố nông, tiến đến nói bằng một giọng khá hách dịch:

- Đồng chí còn nặng tư tưởng phong kiến lạc hậu thế đây !

Đôi mắt Hiển chợt ngầu đỏ. Tuy nhiên Hiển cũng sẵn sàng không chấp anh cán bộ bản cố nông đã bị Đảng mê muội hóa và cuồng tín hóa nếu anh ta không quá trớn hơn nữa. Số là thấy mắt Hiển đỏ ngầu, anh cán bộ cho ngay đó là triệu chứng của « căn bệnh tự ái tiểu tư sản », anh bèn chỉ trích thêm giọng điệu cợt :

- Chúng tôi chẳng biết đồng chí cúng ai và tưởng niệm cái gì ở khoảng trống này.

Hiển nghiên răng trừng mắt :

- Anh tâm mồm, bàn thờ cha mẹ, bàn thờ các liệt vị anh hùng chính là bàn thờ giá trị dân tộc, giá trị chính mình. Chỉ có những kẻ vô giá trị mới nhìn lên bàn thờ mà thấy đó là khoảng không.

Sự thực Hiển cũng không có ý đặt vấn đề đến mức siêu hình như vậy, Hiển chỉ muốn gián tiếp trình bày với mấy cán bộ cao cấp đứng quanh đây rằng chàng làm giỗ cha mẹ với một quan niệm vững chãi, không hề đi xa đường lối của Đảng. Nhưng sau khi sừng sộ nói một hồi như vậy Hiển thấy trừ một khuôn mặt nhìn chàng với cảm tình đặc biệt còn tất cả giữ vẻ lạnh lùng.

Anh cán bộ bàn cố nông chỉ vào mặt Hiển nói giọng lên án cảnh cáo :

- Đồng chí còn nặng đầu óc cá nhân, tiểu tư sản thoái hóa, tối nay giờ sinh hoạt, đồng chí sẽ tự kiểm thảo trước toàn thể anh em.

Quả nhiên tối hôm đó thái độ cùng lời nói của Hiển được đem ra mổ sẻ vào giờ sinh hoạt. Hiển ngồi giữa, các lời phát biểu, phê bình, chất vấn, từ bốn phía thay phiên nhau đổ lại. Buổi họp kéo dài đến mười hai giờ khuya, Hiển mệt như. Sau cùng Hiển đành thú nhận là còn nặng bệnh anh hùng cá nhân, còn quá nô lệ cho

lòng tự ái, tự tức tự mãn.

Khi mọi người đã về giường ngủ, Hiền còn ra trước hiên làm mấy động tác hô hấp thật mạnh như muốn dùng hơi lạnh ban đêm thoa dịu những bực rọc trong lòng. Cảnh nghèo đói, cảnh cha mẹ chết trong cực nhọc, làm sao mà một tâm hồn cương trực và dễ xúc động như Hiền quên nổi ? Hiền luôn luôn thương quý những người dân quê nghèo, đó là lẽ dĩ nhiên. Hiền vẫn thành kính nghĩ qua nỗi niềm chủ quan của chàng : họ chính là viện bảo tàng sống vừa gìn giữ thể hiện những năng lực bền bỉ cùng những đức tính tinh khiết nhất của dân tộc. Cách mạng là bồi bổ những năng lực đó, những đức tính đó. Người cán bộ nông dân kia đã để mất những thiên tính cao quý của người nông dân thuần hậu chất phác, hấn rơi vào cử chỉ kiêu hãnh tầm thường nhất, làm lỗi nhất là lên mặt với một dúm trí thức hời hợt, hấn mới học mót được của người (ý nghĩ này của Hiền cũng gần giống như ý nghĩ của Tân về Mạnh, chủ tịch huyện Thanh Ba). Cách mạng hầu như khuyến khích sự kiêu đó. Không được ! Hiền nghĩ nếu cán bộ thuần một giống bò sát như thế thì muôn kiếp dân tộc ở vào vị trí châu rìa để làm cái công việc tung hô và ngưỡng mộ vô cùng đơn bạc hèn kém (như mấy anh hùng quân đội trong chuyến sang thăm Liên Xô với chàng). Hờn giận làm Hiền thấy nghẹn ngào nơi cổ.

Có bóng người tiến lại. Hiễn nhận ra anh cán bộ ban chiêu đã nhìn mình với cảm tình đặc biệt. Anh ta hỏi trước :

- Quê anh ở đâu ?

- Ở Vĩnh Yên - Hiễn đáp.

- Anh có học ở Hà nội ?

- Có.

- Hình như anh đỗ tú tài toán học ?

- Đỗ năm 1944.

- Tôi đỗ sau anh một năm, ban Triết học Văn chương.

Chợt anh ta hỏi thêm :

- Bực lắm hả ?

Biết thô lộ với người này cũng không sao, Hiễn chắc lưỡi đáp :

- Kê cũng hơi bực. Ba bốn năm giờ đi dự các chiến dịch, không năm nào tôi quên ngày giỗ cha mẹ và không ở đâu anh em phản đối điều đó.

- Anh làm, tình anh em đồng chí ngoài tiền tuyến lúc công đồn khác, ở đây khác. (Ngừng mấy giây.) Thằng

đó cùng học với tôi khóa bảy.

Hiển biết hai chữ « thẳng đó » dùng để chỉ ai, bèn hỏi lại :

- Anh cùng làm việc ở hiệu bộ với hấn ?

- Không, tôi chỉ phụ trách tờ nội san ở hiệu bộ và tôi sẽ học lại cùng các anh ở khóa tám.

Hiển lặng lẽ đưa mắt quan sát kín đáo anh cán bộ một lần nữa. Anh ta có khuôn mặt thật dễ thương, đáng người anh cao thẳng, đôi mắt nhìn thẳng, đôi môi mím nhưng hơi rung động.

Ngừng một phút anh ta tiếp :

- Đã trải qua một bi hài kịch như vậy mà chúng vẫn không biết ngượng.

- Bi hài kịch nào ? - Hiển hỏi.

- Chuyện còn dài ! - Anh cán bộ đáp gọn, lời đáp như có ý nói : « Rồi tôi sẽ kể cho anh nghe ! »

- Anh không buồn ngủ ? - Hiển hỏi.

- Giờ này là phiên tôi đi tuần - Anh cán bộ đáp.

Lại ngừng một phút. Anh cán bộ ngừng nhìn trời, máy vì sao khuya lấp lánh hiu quạnh. Khoảng rừng núi

phía Đông và phía Nam hiện thành một khối lớn đen đặc nửa như bí hiểm nửa như ngu đần. Tiếng lá rung khe khẽ theo từng đợt gió đêm của những rặng cây gần đây nghe buồn thật buồn, một nỗi buồn dằng dặc mà vô tư, tựa như một nỗi buồn đã dĩ nhiên có tự thời nào và sẽ còn có mãi như bóng theo hình người. Một nỗi buồn vô tư ! - Hiên tự nhủ - có thể như thế được lắm !

Tiếng anh cán bộ hỏi :

- Anh có biết trung đoàn pháo binh Lê K ?

- Trung đoàn của con bà Cát Hanh Long chứ gì ?

- Chính hẳn ở trung đoàn đó, trung đoàn có nhiều người tự tử nhất trong khóa bảy.

- Sao lại tự tử ?

- Chuyện còn dài; thôi anh đi ngủ đi.

Hai người chia tay lặng lẽ, Hiên vào giường nằm, nhưng nào chàng có ngủ được.

Hôm sau Hiên được biết tên anh đã học khóa bảy đó là Kha. Buổi chiều Hiên thấy Kha chợt reo mừng chạy ra cổng trại đón một tốp mới chín người. Đôi bên nói nói cười cười ra vẻ quen thuộc nhau lắm.

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 299

Sau buổi sinh hoạt tối, Hiền lại gặp Kha ngoài hiên.

Kha nói :

- Có thêm chín anh học khóa bảy đã về tới biên giới, phải quay lại đây để theo lớp chính huấn mới.

- Sao vậy ? - Hiền hỏi.

Kha hỏi lại Hiền :

- Khi anh đến đây có qua cầu Thanh Thủy không ?

- Có cầu Thanh Thủy cách chừng mười lăm cây số về phía Bắc Hà giang.

Kha gật đầu :

- Vì các « tướng » này về đến cầu biên giới đó, ném cả tài liệu hồ sơ sổ sách xuống cầu nên phải quay lại đây học thêm ba tháng để đả thông tư tưởng.

- Sao vậy ?

- Câu chuyện còn dài, thôi đi ngủ đi !

II

Câu chuyện còn dài, thôi ngủ đi !

Tưởng rằng hôm sau Hiền sẽ được Kha cho biết đầu đuôi « câu chuyện còn dài » đó. Nhưng không, lục quân khóa tám bắt đầu khai giảng, Kha và Hiền được biên chế vào cùng đại đội nhưng ở hai trung đội khác nhau. Vì là cựu học viên của khóa bảy nên Kha ở thế « dé chân chèo », nửa là học viên khóa tám, nửa là cán bộ phụ trách ban văn nghệ của hiệu bộ (văn phòng ban giám đốc trường). Những buổi đầu khai giảng, cả cán bộ lẫn học viên đều bận túi bụi, một tháng sau mới điều hòa xong mọi hoạt động trong trường. Và cũng cho tới lúc đó, Hiền mới bắt đầu được Kha kể cho nghe « câu chuyện còn dài » trên, kể làm nhiều lần vào những giờ đi tuần trong đêm khuya hoặc những giờ cùng nhau vào rừng kiếm củi.

Sau chiến thắng Cao Bắc Lạng, trường lục quân Trần Quốc Tuấn dời khỏi Thái nguyên chuyển sang Côn Minh (Vân Nam) để tránh nạn phi cơ oanh tạc, địa điểm ở Phụng Minh Thôn. Hết khóa sáu, sang tới khóa bảy, thì cơ sở cho các ngành bộ binh, công binh, pháo binh đã được thiết lập quy củ đâu vào đây.

Khóa bảy học yên lành được nửa chương trình thì viên sư đoàn trưởng cố vấn bèn khuyên thiếu tướng

chính ủy Trần B. nên đem kinh nghiệm Trung Hoa áp dụng vào trường học quân Việt Nam. Đó là kinh nghiệm phát động phong trào « tam phản. » Theo sự đoàn trưởng cố vấn thì trước đây nhờ có phương pháp tam phản mà đảng Cộng sản Trung Hoa đã khám phá ra biết bao thành phần phản động từng trực tiếp hoặc gián tiếp làm gián điệp để phá hoại Đảng. Lịch trình cuộc học tập đó như sau :

- Thoạt tiên đương sự tự bộc lộ mình đã nghĩ điều gì, làm điều gì qua từng biến cố.

- Các đồng chí trong tổ tâm giao, trong tiểu đội, trong trung đội sẽ căn cứ vào những lời đương sự tự tố cáo đó mà nêu nghi vấn rồi chất vấn để soi tỏ đường đi mà tìm ra căn bệnh. Có mấy căn bệnh chính là : cầu an, hưởng lạc, giao động, hủ hóa...

- Cấp lãnh đạo sẽ căn cứ vào kết quả trên, dùng « ánh sáng lý luận Mác Lê » mà quyết định thành phần đương sự.

Việc kiểm thảo nhân sinh quan theo ba đợt như trên áp dụng sang trường học Việt Nam sẽ lấy năm 1945 làm mốc phân chia hai giai đoạn : từ 1945 trở về trước là xã hội cũ, từ 1945 trở lại đây là xã hội mới. Các đảng viên cốt cán được chỉ định vào ban nghiên cứu học tập. Việc làm đầu tiên của ban này là lập một bản « danh sách

đen» ghi sẵn những người thuộc thành phần nặng tội lỗi nhất (là theo ý kiến của ban đó) để chuẩn bị đưa họ lên « bàn mổ » (nghĩa là đưa họ ra kiểm thảo). Ban nghiên cứu học tập còn bố trí sẵn những câu hỏi « phản phúc » (hỏi đi hỏi lại), học tập trước thái độ nên phản ứng ra sao để đối phó với tùy từng đương sự. Ban nghiên cứu học tập lại khôn ngoan chỉ định một số đảng viên xung phong lên « bàn mổ » trước làm « người điển hình », có tác dụng chuẩn bị tinh thần học tập cho những người sau.

Phong trào tam phản bắt đầu !

Khẩu hiệu căng khắp nơi nhắc nhở sự quan trọng của phong trào tam phản. Tất cả mọi phương tiện đều phục vụ cho phong trào tam phản ! Mỗi tiểu đội học tập ở một nhà riêng, tuyệt đối không ai được nói chuyện với người ngoài tiểu đội mình.

« Người điển hình » vào ngôi căn phòng nhỏ xung quanh quay vãi đen, ôn lại quãng đời dĩ vãng hồi tiền cách mạng để bắt đầu viết bản phản tỉnh thư dưới ánh đèn dầu loe loét. « Người điển hình » đi chân không, mặc áo không cài khuy, mặc quần không giải rút, ăn cơm lạt, vẻ mặt giáng người đau đớn, sàu khổ, thiếu não vì hối hận cho những tội lỗi xưa của mình.

Có người điển hình tự tố cáo đã ba lần rấp tâm đầu hàng địch; kháng chiến gian khổ quá, thà làm tù binh địch một thời gian, rồi được trở về quê quán ở vùng tề còn hơn.

Có người điển hình tự tố cáo đã từng làm chỉ điểm cho địch bằng cách treo ngựa gương trên ngọn cây để phi cơ địch biết mà oanh tạc.

Có người điển hình tự tố cáo, ôi ghê tởm, đã có ý tưởng ngủ với em gái. Trong buổi kiểm thảo này người đó nói một hồi lại ngắt đi... nói một hồi lại ngắt đi... ngắt thật sự ! Sau cùng đương sự đứng lên kết tội xã hội cũ đã làm con người sa đọa đến cùng cực, ca ngợi xã hội mới với « ánh sáng Mác-Lê » đã dìu nhân loại từ vực thẳm tội lỗi lên đến đỉnh non cao của đạo đức.

Xin mở một ngoặc đơn để ghi chú ngay ở đây là chỉ sáu tháng sau, vào dịp học tập lại những sai lầm của phong trào tam phản, chính những người điển hình lại thú nhận những tội lỗi trên hoàn toàn chỉ có trong tưởng tượng; họ cho rằng càng tưởng tượng ra được những lỗi tày trời càng chứng thực được kỳ công khắc phục lòng tự ái, tự giải phóng khỏi cá nhân chủ nghĩa, chỉ còn biết trung kiên phục vụ Đảng. Có thể là tội lỗi tưởng tượng, nhưng họ đã hối hận thật, bởi họ tin tưởng rằng xã hội cũ đầy rẫy những tội lỗi như thế mới phải, mới đúng. Không nhìn thấy những tội lỗi do xã hội cũ gây nên ở

chính bản thân là chưa giác ngộ, chưa thấm nhuần tư tưởng Đảng. Lẽ nào một cán bộ được Đảng tín nhiệm đến đề cử ra làm người điển hình, mở đầu phong trào tam phản mà lại chưa thấm nhuần tư tưởng Đảng ?

Các người điển hình đã thi đua tưởng tượng để tự tô cáo một cách hùng hồn những tội lỗi nặng nhất chính là vì thế.

Sau những người điển hình đến những người có tên ghi trong sổ đen. Đây mới là nạn nhân chính, những đích chính của phong trào tam phản.

Có những cán bộ trước là du kích nằm trong vùng địch, có những cán bộ đã từng bị phòng nhì của địch bắt được và tra tấn đến chết đi sống lại, có những cán bộ từng vào sinh ra tử trong bao nhiêu chiến dịch đã được tặng huân chương chiến sĩ hạng nhất (trong số đó phần lớn đã là cán bộ chi ủy viên của Đảng) vậy mà trước những câu hỏi lục vấn lằng lú ngu xuẩn : « Tại sao thế này, vì sao thế nọ » họ cũng bị đưa dần đến thái độ lúng túng, thái độ của « kẻ phản cách mạng đã bị lột trần mưu mô. » Mặc dầu đương mùa đông tuyết phủ, có những anh bị lột hết quần áo ngâm nửa giờ xuống nước lạnh rồi cứ trần truồng như vậy cõ đeo bảng « phản cách mạng » đi diễu trước đông đủ các học viên và nhân viên hiệu bộ, trai có, gái có (trong số những nhân viên hiệu bộ có một số phụ nữ Trung Hoa). Điềm kỳ dị nhất

chính là ở chỗ ban lãnh đạo học tập đã khéo giữ được hai bề mặt hoàn toàn mâu thuẫn ở cùng một buổi học tập. Đương sự làm bản phản tỉnh thư, các anh em đồng đội thông cảm phản tỉnh thư rồi nêu nghi vấn, chất vấn, sỉ vả hành hạ cho điều đứng ê chề... Sau buổi kiểm thảo đương sự được vỗ về nhắc nhở cho biết là có tự bộc lộ như vậy, có bị anh em đồng đội hành hạ như vậy mới tẩy rửa được tàn tích nô lệ cũ mà phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân.

Đã được giải thích như vậy, nếu buổi kiểm thảo xong nạn nhân cười nhạt tức là trong lòng còn tàng trữ một tư tưởng phản động nào chưa bộc lộ. Tiếp tục tam phản tìm căn nguyên mới !

Nạn nhân mà tức uất đến phát khóc ấy là hèn hạ và còn tư tưởng oán Đảng để có thể phản Đảng sau này. Tiếp tục tam phản để tẩy não !

Nạn nhân mà im lặng là ngoan cố. Tiếp tục tam phản để khai thác thêm căn bệnh !

Thường khi buổi kiểm thảo dứt, nạn nhân muốn gục xuống tại chỗ vì cảm thấy cả thân thể lẫn tâm hồn bị nhão dừ, gương mặt trĩu nặng u sầu như người vừa hay tin cả nhà bị tử nạn.

Chưa thoát ! Tinh thần sau buổi kiểm thảo chưa được phóng thích buông xuôi. Nếu sau buổi kiểm thảo mà ăn ngủ như thường ấy là có thái độ nhờn nhờn với tội lỗi, ăn ít hay bỏ ăn là kém thành thật, còn tiềm ẩn tư tưởng oán hận. Phải làm sao vẫn đau khổ thấm thía, đau khổ vì hối hận, vẫn niềm nở chào hỏi anh em, có thể xuống sân vui về gia nhập một sét « vô lây. » Sau đó lại lập tức đi vào căn phòng căng vải đen, ngồi dưới ánh đèn dầu leo lét; tiếp tục ôm đầu suy nghĩ, tìm thêm hành động tội lỗi để chứng minh cho tư tưởng tội lỗi ngõ hầu giải đáp được một số nghi vấn chính đáng của anh em đồng đội đã giúp mình đôi chiếu bệnh trạng trong những ngày qua; rồi thành khẩn hý hoáy viết thêm những trang mới để bổ khuyết cho bản phản tỉnh thư cũ.

Tất cả những công việc đó kể cả khi phải tạm ngừng để đi sau, đi tiêu đều đặt dưới sự canh chừng gắt gao của tổ tâm giao.

Tới một giai đoạn kia, nhiều người bị dồn vào thế cùng và nhân một lúc giây thần kinh bị căng thẳng đến cực độ bèn cho bùng nổ công phần, như quả mìn bùng nổ dưới sức nặng của chiến xa và thét lên :

- Ủ tao phản cách mạng !
- Ủ tao là bí thư của Vũ hồng K. !

- Ừ tao là phản gián cho phòng nhì Pháp !

- Ừ tao chiến đấu vì cá nhân chủ nghĩa, vì anh hùng chủ nghĩa !

Lê K, con bà Cát Hanh Long, khi đó còn đương là phó chính ủy lãnh đạo học tập.

Sau cái chết thương tâm của Đồng (sẽ được thuật lại sau đây) phong trào tự sát bắt đầu và trung đoàn Lê K. nổi tiếng là trung đoàn có nhiều người tự sát nhất. Đã có kẻ dùng giầy thừng tự tử; đã có kẻ bẻ vụn những lưỡi dao cạo râu mỏng hòa với nước uống, rồi ra sân chơi bóng rổ, được nửa cuộc thì gục xuống chết...

Để ngăn phong trào tự sát, chính trị viên tiểu đoàn Hoàng Q. bèn chỉ vào xác một nạn nhân cuối cùng thét mắng :

- Quân phản bội ! Quân trôn nợ nhân dân ! Các đồng chí hãy quăng xác nó lên đồi !

Xác nạn nhân được quăng lên đồi. Qua đi một đêm, sớm hôm sau, khi được phép chôn, anh em đồng đội lên tới nơi thì chỉ còn thấy những mảnh áo rách tơ tả tơi lê dưới mặt đất, vương một ít vào bụi cây thấp ven thung lũng : sài cứu - một giống chó rừng - đã tha xác chàng thanh niên Việt xấu số đó xuống tận đáy thung lũng sâu và xa dưới kia !

U uất, căm hờn chất thành núi thành non mà phải ngậm miệng ! Kể cả giữa đôi bạn tâm tri nhất cũng không ai dám hé miệng thổ lộ với ai một lời, bởi ai nấy sợ nhỡ sẩy miệng đến tai Đảng, Đảng căn cứ vào đây đặt lên bàn mổ tam phản thì thực là tàn cả một đời.

Trong cảnh « tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây » đó có hai chuyện đáng được thuật lại, một vào lúc mở màn cực kỳ thương tâm, một vào lúc gần hạ màn nhiễm tính chất bi hài.

CHƯƠNG BỐN

ĐÔI BẠN NHỎ

I

Câu chuyện thương tâm là câu chuyện giữa hai cậu nhỏ

Uy và Đồng thân nhau hơn ruột thịt mà rồi một bên lỡ làm...

Trước ngày bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc - 19-12-1946 - cha Uy đã bị công an Việt Minh bắt, người ta tình nghi ông có dính líu với Quốc dân đảng. Gia đình còn lại hai mẹ con, tản cư lên Phú Thọ. Ở đây mẹ Uy lúng túng vì sinh kế đành gửi Uy vào « trại thiếu nhi bác Hồ. » Nhưng bà đã gửi nhầm Uy vào đoàn trẻ thuộc Cô nhi viện phố Hàng Bột Hà Nội nay tản cư lên đây. Khi Pháp nhảy dù Phú Thọ, mẹ Uy chạy xuống xuôi - Việt Trì - còn Uy theo đoàn ngược Thanh Ba, ngược Vũ Yên, ngược Phê Đình, ngược Âm Thượng tới Văn Phú, dừng lại ở đây. Uy hoàn toàn mất liên lạc với mẹ từ đây.

Trên con đường di chuyển từ Phú Thọ ngược đến Văn Phú, Uy làm quen với Đồng rồi tình thân nảy nở rất chóng giữa đôi trẻ nhỏ.

Đồng thực sự là trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, được nuôi trong cô nhi viện từ thừa còn phải ẵm ngửa.

Tới Văn Phú đoàn thiếu nhi tự sửa soạn lấy nơi ăn chốn ở. Tại Văn Phú cũng như tại Phê Đình, Âm Thượng, hai bên bờ sông chỉ thấy ngút ngàn ruộng mía, đây đó là mái tranh xám của những nhà quay mật. Quanh nhà quay mật, bã mía phơi khô chất thành những đống lớn như đống rơm ở vùng xuôi, ruồi nhặng bao phủ trên đó như cả một sư đoàn chiếm trọn khu đồi trọc dưới một mô hình nhỏ; thỉnh thoảng thấy động chúng bay vù lên tiếng ve ve dào dạt rộng lớn, qua đi một vài giây chúng lại đậu xuống tựa như con nòng vè nguyên chỗ cũ của con ấy, chỉ còn lại tiếng bước chân trâu theo vòng tròn kéo mật và tiếng máy nghiền mía kin kít tự bên trong vọng ra đều đều. Buổi trưa mùi bã mía khải khải bốc hơi dưới nắng tỏa ra ôm lấy khu nhà, trong khi mùi mật nồng nàn bốc lên từ lò lửa bên trong.

Buổi chiều Uy và Đồng ra sông tắm. Đồng mới võ vè biết bơi, Uy dắt tay Đồng lội xuống nước lần theo bãi cát thoai thoải. Chợt bàn chân Đồng gặp phải khoảng bùn trơn nhày nhựa rồi sa vào một khoảng hoắm sâu như giếng. Vì mất đà, Đồng ngã sấp xuống bị cuốn theo dòng, Uy nhào vội ra tóm được một cánh tay bạn rồi Uy cố lựạ theo dòng nước bơi vào phía trong, một chân tằm phồng trên mặt nước, một chân quờ quạng bên dưới để

xem đã đến quăng nông chưa.

Mấy lần chân Uy vừa chạm vào cát thì dòng nước như một cánh tay lực lưỡng và quái ác lại du Uy ra xa để gặp khối nước sâu lạnh như băng bên dưới. Chắc là Đồng đã uống nhiều nước mà Uy thì cương quyết giữ chặt lấy tay bạn hy vọng dạt vào một quăng nông nào rộng hơn. Chợt có một cánh tay khác lực lưỡng hơn cánh tay của dòng sông, cánh tay đó phải dài lắm vì quàng được cả hai đũa. Đồng, Uy cùng ngửa mặt thờ không khí vì cả hai được lật ngửa kẹp vào giữa cánh tay và khoảng xương háng của người cứu.

Thoáng một phút sau thân hình lực lưỡng đó đã nhoai tới khoảng nông, nước chỉ vừa ngập đầu gối, cánh tay lực lưỡng dựng Đồng, Uy đứng thẳng lên, rồi theo sau một tiếng thở phào là giọng nói khàn và ấm của một ông già :

- Tí nữa các cháu chết nhé !

Còn run cầm cập Đồng, Uy ngẩng lên nhìn ân nhân. Đó là một cụ già trạc trên sáu mươi tuổi nhưng còn vạm vỡ lắm, khuôn mặt cụ nếu đều đặn ra thì hình trái soan nhưng vì má hóp xuống (chắc hẳn vì mấy chiếc răng hàm rụng) lưỡng quyền nhô lên, chiếc cằm càng nhọn với mấy sợi râu màu muối tiêu khiến bộ mặt cụ phẳng phất giống một trái vải chín mồm. Đặc biệt cụ bị hói

cả một khoảng từ trán đến gần đỉnh đầu, da khoảng đó nhẵn bóng như sọc. Khoảng tóc còn lại hai bên và phía sau cũng đã hoa râm và không được nhiều nhận gì cho lắm.

Cụ nhìn hai đứa trẻ lúc đó đã cùng cụ lên tới bãi cát. Đôi mắt sáng cương quyết một cách thuần hậu, nụ cười còn thuần hậu hơn, cụ hỏi :

- Quần áo của các cháu trên bãi cát đằng kia phải không ?

Đồng, Uy gật đầu.

Cụ nói :

- Đứng đây chờ bủ chạy lại lấy cho nghe !

Lát sau Đồng, Uy đã ngồi sượt bên lò mật của bủ Tôn, tên cụ già (miền này chữ « bủ » có nghĩa như ông hay cụ miền xuôi).

Lò mật của bủ Tôn ở ngay bên bờ sông, còn nhà thì ở chân đồi cách đấy chừng ba trăm thước. Về trại, tối hôm đó trước khi đi ngủ, Đồng nắm lấy tay Uy nói :

- Anh em mình khi vui khi buồn có nhau nhỉ.

« Khi buồn » đây Đồng muốn ám chỉ tai nạn suýt chết đuối ban chiều.

II

Dân chúng Văn Phú vẫn thường nhắc đến con hổ thọt đã tác họa cả vùng Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái khoảng bốn mươi năm nay. Khoảng mười năm đầu - hồi nó chưa bị thọt - riêng vùng này, có tới mười người bị nó vồ, như vậy trung bình mỗi năm một người bị nạn cạp. Rồi đồn điền Văn Phú được mở mang giồng chè, sơn và trâu, chủ đồn điền là một người Pháp ưa săn bắn. Con hổ bị ông bắn trượt vào ngay năm đầu (khi ông vừa tới Văn Phú), nó thành hổ thọt từ đấy và xuất hiện luôn quanh vùng, có năm tổng số nạn nhân lên tới ba hoặc bốn người. Nó tăng cường hoạt động để trả thù ? Tới đâu nó để lại hình tích : ba vết chân lớn to bằng chiếc mũ và vết chân phải phía sau nhỏ như bông sen hàm tiếu.

Rồi những chuyện hoang đường được thêu dệt trong dân chúng. Người ta nói hổ thọt đã thành tinh, từng hiện hình người vấy nạn nhân vào bụi rồi mới hiện thành hổ mà vồ. Có lần - vẫn theo truyền thuyết hoang đường của dân vùng này - nó bắt chước tiếng mẹ gọi con; người con « dạ » một tiếng, vội vã mở cửa ra, bị nó vồ liền và cầu ngay vào yết hầu (đã thành tinh nên vồ ai là nó biết cầu ngay vào yết hầu để hết kêu).

Bốn mươi năm qua... hổ thọt còn sống như thường. Hổ thành tinh hẳn không thể già yếu đi được, dân chúng nghĩ thế. Mà có già yếu thì nó đã biết lột để trở thành cường tráng như xưa.

Đồng, Uy đầu có nghe những chuyện về con hổ thọt thành tinh đó lại có chút ít liên lạc đến cái đầu hói của ân nhân chúng là bủ Tôn. Ngày đó bủ Tôn mới khoảng ba mươi tuổi, anh em bà con còn gọi là đoàn Tôn. « Đoàn » là một chức vị trong hàng xã, ai cũng có thể bỏ tiền ra mua để được miễn tuần đinh, cũng như ở miền xuôi người ta mua « xã » mua « nhiều ». Một hôm đoàn Tôn vào rừng hái củi được nửa chùng thì lên cơn sốt nhưng vẫn cố tiếp tục chặt cho đủ gánh. Anh đoàn lại không quên kiếm thêm ít măng tươi để lát nữa về nấu canh cho bầm (mẹ) sôi. Trời đổ cơn mưa lớn, sấm sét vang động cả cánh rừng; anh đoàn thấy ù tai, không phải vì sấm sét mà vì cơn sốt đã lên tới cực độ. Đầu óc bỗng choáng váng, chân tay rời rã, đoàn Tôn chỉ còn kịp nhận thấy chiếc miếu nhỏ thấp thoáng gần đấy trong màn mưa, bèn gắng rảo bước lại nằm vật dưới mái hành lang hẹp. Anh đoàn ưỡn ngực oằn oại người và rên một cách sảng khoái. Anh đoàn thấy mình hiện thành con hổ trắng như chuyện Tiết Nhân Quý xưa ở nhà nàng Liễu Kim Huệ. Anh đập đuôi gầm lên một tiếng vì trước mắt anh khi đó là con hổ thọt thành tinh. Loài hổ quái ác ăn thịt người thành tinh thì cao quý sao bằng bạch hổ ? Anh gầm thêm

một tiếng nữa rền vang thành sấm sét khiến con hổ thọt hoảng sợ chạy mất. Mệt, anh gục xuống, đầu vẫn bùng bùng nóng. Bỗng thấy lạnh trên đỉnh đầu, anh ngừng lên, con hổ thọt đã trở lại lúc nào vừa thè lưỡi liếm. Anh đứng nhòm lên hùng dũng và hiên ngang như một thiên tướng khoác bào trắng, anh quật đuôi, gầm một tiếng còn uy nghi hơn tiếng sét và làm lóa lửa một góc trời. Lần này hổ thọt chạy miết vào rừng sâu không còn dám thò mặt ra nữa. Tiếng rên ngót dần cùng với cơn sốt. Chiều ! Cơn mưa đã tạnh, chỉ còn tiếng con suối lên cao đương xoáy cuộn lao mình ra sông Thao. Anh đoàn Tôn đứng dậy, tâm thần bàng hoàng, chân tay bải hoải. Quần áo anh ướt đẫm không phải vì nước mưa mà vì mồ hôi đổ ra trong cơn sốt như nung như nấu vừa qua. Anh đứng dậy, lão đảo tới chỗ kiếm củi khi nãy. Chiếc diu của anh bị bao phủ bởi một đống bột trắng. «Hừm, nước dãi con hổ thọt chứ gì » ! - Anh nghĩ.

Anh chỉ xách có cái rìu về. Bầm chờ anh ở cửa. Anh về nhà

thay quần áo khô rồi nằm vật lên giường. Bầm nấu cháo hành cho anh ăn. Mồ hôi cha từ nhỏ và là con một, anh vẫn được bầm thương chiều.

Ăn xong bát cháo, anh cúi đầu trầm ngâm một phút rồi mới nói :

- Bầm ạ, lúc này con gặp hổ thọt.

Bà cụ giật nảy mình :

- Mà gặp hổ thọt ? Mà không bị nó ăn thịt

Nụ cười anh đoàn tuy mệt nhọc nhưng bao hàm biết bao là kiêu :

- Lúc đó con đang lên cơn sốt, tướng tinh con xuất hiện thành Bạch Hổ. Hai lần hổ thọt đến gần, hai lần con gào lên, lần thứ hai con hổ thọt chạy mất hút vào rừng. Nó liếm lên đầu con một cái.

Bà cụ chấp tay trước ngực :

- A di đà Phật, thì trước sau tao vẫn bảo là tao cầu tự được mày ở miếu Đức Bà. Mày là con Đức Bà. A di đà Phật, con Đức Bà tướng tinh Bạch Hổ thì hổ thọt là gì được ?

(Miền này, ngay ven rừng cách bờ sông chừng một trăm thước, có chiếc miếu cổ thờ bà Âu Cơ, trưng truyền dựng lên tự thời Lý cùng với một chiếc miếu nữa ở Yên Bái.)

Tin anh đoàn Tôn tướng tinh Bạch Hổ đánh bạt hổ thọt lan đi rất chóng khắp vùng, ai cũng lắc đầu le lưỡi. Anh lại bắt đầu rụng tóc. Một năm sau anh hói từ trán tới đỉnh đầu. Trước các anh em trong họ ngoài làng,

anh thường đưa tay lên xoa khoảng hói đó và nói bằng giọng bình thản :

- Nó chỉ liếm có một cái mà tóc rụng hết, độc thế !

Anh vâng theo lời bầm lấy vợ nhưng được một năm thì vợ chết, chưa kịp có con. Bầm cũng quy tiên. Anh cho rằng mình tướng tinh Bạch Hổ nên hiếm con là phải và chẳng thấy chẳng nghĩ đến tục huyền nữa. Và lại bầm mất rồi còn ai đủ quyền giục anh việc đó ?

Tính anh thẳng thắn, hay giúp đỡ nên được nhiều người vì nể nhưng đôi khi cũng xảy ra sự xô xát có thể đưa đến ẩu đả. Những lúc đó anh đứng rạng chân, khoanh tay lại, uy nghi như Bạch Hổ và anh nói với địch thủ :

- Mà y cứ giỏi vào đây, đến hổ thọt ông còn không coi vào đâu nữa là mà y.

Sự thực, nguyên sức vóc anh đoàn Tôn đã vào hạng lực lưỡng vạm vỡ đáng kể, hướng chi thành tích tướng tinh Bạch Hổ của anh với hổ thọt, bởi vậy khi nghe anh nói vậy, địch thủ thường tìm cách rút lui có...trật tự.

Anh đoàn Tôn xưa, nay đã thành bủ Tôn rồi. Thảm thoát chóng thế ! Bủ Tôn vẫn ở căn nhà cũ ở chân đồi, ven sông, lại còn dư dật tiền hùn vốn với mấy người cùng xã dựng lò kéo mật. Cuộc đời cô độc nhiều khi

cũng làm bủ Tôn thấy buồn. Bủ yêu trẻ lắm, song nhà cửa vùng trung du này cách nhau xa quá, lũ trẻ ít chịu đến chơi với bủ. Hàng ngày chúng chỉ đến tụ tập ở lò mật. Bủ thường mùa nào thức nấy mang hoa quả ở vườn nhà đến cho chúng : chuối, quít, cam, nhãn... Đôi khi gặp ngày phiên chợ bủ mua một ít bánh rán. Lũ trẻ đến bủ cho thêm bát mật lò nhà để chúng thêm vào ăn cho thực ngọt đậm. Trẻ con thích ngọt mà !

Buổi chiều hôm đó nấu xong mẻ mật cuối cùng, bủ ra sông tắm thì thấy hai đứa trẻ đang chơi với giữa dòng. May mà bủ đứng phía dưới dòng nên nhào ra đón kịp. Thoạt bủ tưởng chúng thuộc đoàn trẻ quen thuộc, hàng ngày gặp ở lò mật, ai ngờ đó là hai thiếu nhi « trại bác Hồ » mới đến.

Đồng, Uy là những đứa trẻ biết ơn, nên kể từ đây hằng ngày cứ vào buổi chiều, khi chúng không phải làm gì nữa, chúng cố bớt chút thì giờ đến căn nhà ở chân đồi thăm bủ một lát. Từ trại thiếu nhi đi tắt qua bãi cát bờ sông đến nhà bủ chỉ chừng hai trăm thước là cùng. Hai « ông khách tý hon » đó quen sau mà lại thăm bủ trước, chứ chẳng lười như lũ trẻ kia chỉ biết chờ quà ở lò mật !

Bảo rằng Đồng, Uy là những đứa trẻ biết ơn cũng đúng, nhưng cũng đừng quên vì bủ Tôn yêu trẻ nên mới có sức « nam châm hút sắt » như vậy.

Ba mươi năm qua, bủ Tôn chưa hề quên chuyện tướng tinh Bạch Hổ của mình đã từng làm bạt vía hồ thọt. Ngày nay không còn những chuyện gây gổ như hồi còn trẻ, bủ không phải đứng khoanh tay hiên ngang như Bạch Hổ mà thách thức ai. Trước anh em bà con thân thuộc thỉnh thoảng bủ chỉ đưa tay lên xoa khoảng đầu hói nhắc lại câu bủ vẫn nhắc từ xưa :

- Nó chỉ liếm có một cái mà tóc rụng hết, độc thể !

III

Sớm hôm đó trời còn mờ mờ sáng mà Đồng, Uy cũng đã dậy. Đôi bạn nhỏ rủ nhau vác hai ống bương dài ra sông kiếm nước để về kịp giờ điếm danh là vừa. Trước sau rồi cũng phải làm công việc đó, làm sớm còn hơn. Đường đi còn giữ nguyên hơi mát thăm thẳm của ban đêm, bóng tối còn tràn ngập khe lạch. Đồng, Uy khi đi ngang cầu tre nhìn xuống chỉ thấp thoáng thấy mấy dòng nước nhỏ. Gió sớm phe phẩy, những bụi cây dọc theo lạch nước xào xạc một cách huyền bí.

Đồng theo đường mòn xuống sông trước. Bỗng tiếng Đồng hét thanh :

- Trời ơi, hồ thọt, Uy !

Một luồng điện giựt làm tê ran khắp cơ thể, Uy nhảy bổ xuống với Đồng. Nguy biến đã thu hút đôi bạn nhỏ làm một chứ không tách rời.

Đồng chỉ tay xuống khoảng cát ướt ngay trước mặt giọng run bần bật :

- Hồ thọt, Uy ơi !

Ba vết chân to bằng cái mũ cùng vết chân phải phía sau nhỏ bằng bông sen hàm tiếu in hằn kia, rõ quá và

mới quá như còn đọng ngấn nước ở từng vết.

Uy đứng sát Đồng, cả hai cùng dựng ống bương về phía trước như vừa dùng nó làm mộc che lại vừa dùng nó làm dáo để chuẩn bị chiến đấu.

- Nó vừa ra đây uống nước - Uy nói - thấy động nhậy vội vào bụi cây khe lạch, chắc thế !

Mấy bông cỏ đuôi chồn - Đồng nhìn - ở ngay khoảng khe lạch phát phơ như nhịp theo với bước chân vô hình. Mấy bông cỏ đuôi chuồn ấy - Đồng nghĩ - mà chụm lại thì thành đuôi con hổ thọt.

- Phải gọi bủ Tôn ! - Tiếng Uy nói ăn khớp với ý Đồng nghĩ.

- Phải bước giật lùi - vẫn tiếng Uy - nó đương rình, hễ quay lưng lại là chết với nó.

Đôi bạn lùi nhanh mấy bước, bốn mắt dán lấy bụi cây khe lạch, nín thở.

Tiếng Uy đã quyết định hét :

- Bủ Tôn, cứu chúng cháu !

Cùng với tiếng hét của Uy, gió vừa xoay chiều thổi mạnh đưa cả một mảng sông đập phải khúc quanh thốt thành một tiếng gầm, nước bắn tung tóe. Tiếng Uy hét

hòa với tiếng sóng đó như một cái gì tượng trưng cho Kinh hoàng lồng vào một cái gì tượng trưng cho Hung dữ.

Đồng liếc nhìn lại phía sau, mái nhà bủ Tôn trông khá rõ nhưng còn xa.

Đôi bạn lúi nhanh thêm một mạch nữa, tiếng Uy hét cương quyết hơn :

- Bủ Tôn, cứu chúng cháu !

Có tiếng vang đập vào khúc quanh của bờ đáp lại ?

Không, ôi sung sướng, đó là tiếng của bủ Tôn :

- Bủ Tôn đây ! Gì đấy, các cháu ?

- Hồ thọt, bủ ơi !

- A... Hồ thọt, có bủ đây !

Tiếng chân nhảy xuống bãi, tiếng chân chạy lại tung bưng. Thoắt thôi, bủ Tôn đã tiến tới, bủ còn cởi trần, hai tay không mang gì nhưng có bủ bên cạnh Đồng, Uy cũng cảm thấy hoàn toàn qua cơn tai biến.

Đồng chỉ :

- Bủ trông vết chân nó kìa.

- Đích thị ! - Bủ Tôn đáp rồi tiến nhanh lại cúi nhìn, rồi ngẩng về phía bụi cây khe lạch về thách thức.

- Các cháu ra kín nước ? - Bủ hỏi giọng vang vang.

- Vâng ! - Đồng, Uy cùng đáp.

- Cứ xuống kín nước đi, có bủ đây ! - Bủ Tôn vẫn nhìn thẳng về phía bụi cây khe lạch nói như vậy.

Đồng, Uy kín nước xong cùng bủ Tôn xếp thành hàng ngang lên đường cái. Bủ Tôn luôn luôn án ngữ về phía bụi cây khe lạch, mắt luôn luôn dán về phía ấy, thành thử trong khi đi quanh như thế bủ Tôn bỗng có dáng điệu khuỳnh khoáng nghiêm trọng của một Samourai già đương vờn một địch thủ vô hình trong một bụi cây dưới chân núi Phú Sĩ. Mặt trời đã ló rạng, ánh hồng xua bóng tối khỏi khe lạch, dòng nước bên dưới tựa hồ rộng ra và tươi tỉnh như khuôn mặt đứa trẻ ngủ dậy giấc, mấy bông cỏ đuôi chồn phát phơ dưới gió sớm hiền lành.

- Bớ... hồ thọt... Hồ thọt... Có ta đây !

Tiếng bủ Tôn vang lên, bủ cảm thấy tướng tinh của bủ đương bốc khỏi đầu óc hiện thành Bạch Hổ. Tiếng bủ hét vừa rồi tựa như có nhịp với tiếng gầm vang của tướng tinh và con mắt tâm linh của bủ như trông thấy hồ thọt, kìa, đang chạy miết... chạy miết...

Đến công trại.

- Các cháu vào nhé - bủ nói - bủ về. Có bủ không sợ!
Bủ tướng tinh Bạch Hồ mà !

Đồng Uy đã về kịp giờ điểm danh. Đứng trong hàng,
Đồng bồng nắm lấy tay Uy, vẫn nhìn thẳng, nói :

- Anh em mình khi vui khi buồn có nhau nhỉ.

Uy gật đầu mỉm cười. Đã ba tháng nay chung sống
với Đồng ở trại này, Uy nhận thấy cứ sau mỗi cơn nguy
biến hoặc cực nhọc, Đồng lại nắm tay mình nhắc câu
đó.

IV

Ở Văn Phú bên những rừng mía ngút ngàn là tác phẩm của người, còn một thứ ngút ngàn hơn, ngút ngàn đến như bất tận, ấy là rừng tre nứa. Tre nứa phủ kín đồi núi, tre nứa phủ kín thung lũng, tre nứa phủ kín hai bên bờ sông, do đó món ăn độc nhất của toàn « trại thiếu nhi bác Hồ » là măng tươi. Với người thành thị măng là món ăn hiếm đắt và bổ nhưng ở đây măng nhiều quá, thừa ứ nên có dư luận ngược lại : vì ăn măng nhiều mà sốt rét ngã nước ! Thực vậy trại thiếu nhi bác Hồ gồm chừng năm trăm em thì trên bốn trăm em mắc bệnh sốt rét cách nhật, trong số có những em sốt rét nặng thành báng mà Đồng là một.

Uy đã lẳng lẳng một mình đến nhà bủ Tôn hỏi về cách chữa báng cho Đồng. Bủ Tôn nói khó gì, bủ có cách châm cứu. Thế là hôm sau Uy mang Đồng đến để bủ Tôn châm cứu cho. Bủ lấy ra không biết là thứ ngải gì; bủ châm lửa, ngải bén như than hồng, bủ đặt lên khoảng gần rốn Đồng rồi bủ úp lên một chiếc sừng bò. Thoạt Đồng run lẩy bẩy vì sợ, bỗng Đồng hét : « Nóng quá bủ ơi ! »

Bủ Tôn nắm chắc lấy hai cánh tay Đồng, nhưng giọng vẫn âu yếm :

- Chịu khó một tí cháu, thế mới khỏi báng !

Ba lần như thế để lại ba vết phỏng lớn đỏ ửng quanh rốn Đồng như ba nốt đậu mùa đang mưng. Sau này, ba nốt đỏ đó thành ba cái sẹo xinh.

Ở nhà bủ Tôn về, Đồng đi khom lưng. Uy biết Đồng đau lắm. Về tới trại khi Đồng nằm yên trên giường rồi, Uy khẽ nắm lấy tay Đồng êm đềm nói :

- Anh em mình khi vui khi buồn có nhau nhỉ ?

Uy đoán nhắc câu nói đó như gãi đúng chỗ ngứa cho Đồng, Đồng sẽ vui và chóng khỏi. Quả nhiên đôi mắt Đồng sáng lên, Đồng khẽ rên để vừa tỏ ra đồng ý vừa cho quên đau.

Báng không khỏi, nhưng Đồng, Uy không kịp để ý đến điều đó vì ngày tháng càng đen tối hơn. Phi cơ địch bắt đầu oanh tạc dữ. Một ngày biết bao nhiêu lần keng báo động và tiếng bom dội rung chuyển cả vùng. Tiếng rú của những chiếc Spitfire kế tiếp nhào xuống và tiếng liên thanh 12-7 giữ lấy hơi thở của những người trú ẩn dưới hầm. Trại thiếu nhi vội di chuyển vào sâu hơn nữa, thoát tạm ở Phương Viên cách chỗ cũ chừng ba cây số. Một tuần sau, trại tiến thẳng tới Hà Lương, cách chỗ cũ đến mười cây, xung quanh toàn tre nứa và suối. Đồi núi như bát úp. Mất hẳn chân trời ! Chỉ có buổi sáng sớm là mát đôi chút, kể từ lúc mặt trời cao bằng con sào không khí bắt đầu oi bức, tới trưa mùi tre, nứa, thân chuối mục

xông lên đến nghệt thở.

Bệnh sốt rét chưa giết hại em nào, giờ đây, bệnh dịch tả xuất hiện. Không có thuốc ! Các em rụng như sung ! Các em sống khiêng chôn các em chết. Đêm hôm trước một bạn đồng đội còn nói chuyện với Uy, sớm hôm sau đã chết tự bao giờ, đôi môi thâm méo xệch, đôi mắt khê hé thấp thoáng màu trắng dã.

Đồng, Uy chỉ còn da bọc xương. Uy giờ đây cũng có bóng như Đồng, cả hai tóc rụng gần hết chỉ còn lơ thơ.

May sao lúc đó có người lạ đến gặp ban giám đốc xin cho Uy về với gia đình.

Nguyên ba Uy trước đây bị bắt tình nghi, nay đã được thả về nhận công tác ở ngay ủy ban tỉnh Phú Thọ. Ông phải tích cực làm việc để tự thanh minh. Mẹ Uy trải qua một thời gian lo buồn quá đỗi, mắc chứng tê thấp nặng không thể đi xa được. Bà hay trại thiếu nhi hiện ở Hà Lương bèn nhờ ông chủ nhà nơi bà tản cư, lên tìm đón Uy về giúp. Mới lần đầu gặp ông ngồi chờ ở văn phòng ban giám đốc, Uy đã gọi luôn ông ta một cách thân mật là bố. Uy đã quen thân với bố Tôn !

- Bố làm ơn - Uy nói - nhận giúp cháu anh Đồng cũng là người nhà, để anh Đồng cùng về với cháu.

Ông ta nhận lời. Lý lịch của Đồng đã mất, ban giám đốc còn nhớ đâu Đồng là con mồ côi vào cô nhi viện Hàng Bột từ ngày ẵm ngửa ? Và lại trông tạng Đồng, Uy khi đó mặt bủng da chì, bụng báng, tóc rụng, chân tay như cẳng que thì cũng gần đất xa trời lắm, giữ làm gì ?

Ban giám đốc cho cả hai ly khai trại về với gia đình. Đôi bạn không quên tới chào từ biệt bủ Tôn.

Về tới nơi mẹ Uy ôm Uy khóc rồi bà ôm cả Đồng khóc; bà vừa khóc vừa nói không ngờ có ngày cha mẹ con cái được đoàn tụ như thế này. Ba Uy ngồi ngay đây cùng với một cán bộ tỉnh đôi mắt quăm quăm xét nét; ông cố giữ vẻ mặt nghiêm lạnh để tỏ rằng mình đã làm chủ được tình cảm.

Ba Uy có một người bạn thân làm y tá trưởng tại cơ quan tỉnh; Uy, Đồng được uống thuốc trừ sốt rét, tiêm thuốc trợ lực. Hơn một tháng qua... Cả hai khỏi sốt rét, khỏi báng, duy có Đồng còn giữ xung quanh rốn ba cái sẹo xinh, kỷ niệm châm cứu của bủ Tôn.

Mẹ Uy chợt bị một cơn đau nặng, mê sảng. Ba ngày sau bà mất, trước khi chết một giờ, bà tỉnh hẳn, rất sáng suốt, khi chết còn giữ vẻ hỷ hả vì cha mẹ con cái được sống đoàn tụ. Ba Uy vẫn như có linh tính báo cho biết là ông còn ở tình trạng bất an lắm, ông ưng cho Uy cùng

Đồng đi nhận công tác xa.

Thời này nhiều địa phương nổi tiếng về những vụ thủ tiêu khủng khiếp do những hung thần khát máu gặp thời nắm được quyền sinh sát trong tay.

Liên khu Ba, tại quán Âm Hồn giữa cánh đồng chiêm mênh mông thuộc Phủ Lý, đêm đêm cán bộ ra xử án Việt gian. Một tên ngồi giữa cầm quyền sở ghi tên những người chúng cho là Việt gian, hai tên đứng hầu hai bên, một cầm thanh long đao, một cầm kiếm. Cách bố trí ngồi và đứng như vậy là do chúng khiêu hứng theo bức tranh Quan Công ngồi xem binh thư, Quan Bình và Châu Xương đứng hầu hai bên.

Sau một tiếng công rừng rợn, « Việt gian » được điệu ra trước « ba tòa quan lớn ». Lẽ cố nhiên những người khôn nạn này chỉ được hỏi vài câu chiếu lệ, sau đó kiếm của « Quan Bình » hoặc thanh long đao của « Chu Xương » được uống máu. Đau đớn thay, phần lớn nạn nhân thuộc thành phần trí thức ưu tú của dân tộc.

Tại Liên khu Mười cũng vậy, khúc quanh con sông Thao bên trên ga Thanh Ba một chút có khoảng nước xoáy sâu hoắm thành vực, bờ sông chỗ này cao vôi vọi và dựng đứng như bức tường, nhìn xuống thấy chóng mặt. Cả một mảng rừng cổ thụ từ bờ sông ăn lấn vào chân đồi gần đấy; trên một cây đa cổ thụ giữa rừng

có tổ quạ khoang. Hễ đêm nào dân chúng xung quanh nghe tiếng quạ kêu bất thường ấy là đêm tên chủ tịch tỉnh cho đốt đuốc xử trảm « Việt gian » rồi quăng xác xuống khoảng vực sông, tên này chủ trương « phòng bệnh còn hơn chữa bệnh ». Phòng bệnh có nghĩa là xử trảm những người đương bị tình nghi hoặc trước đây đã bị tình nghi.

Sau chiến thắng Sông Lô và Bông Lau của ta, quân Pháp mở chiến dịch càn quét miền đồng bằng Thái Bình, Nam Định, để trả thù, rồi lại có tin chúng sửa soạn vượt Việt Trì lên càn quét Phú Thọ. Dân chúng hốt hoảng chuẩn bị tản cư. Đồng, Uy đã về tới huyện Yên Thế (Bắc Giang) nhận công tác liên lạc viên cho ủy ban huyện sở tại Uy vẫn hy vọng có ngày trở lại Phú Thọ gặp ba, Uy đâu có ngờ... Dân chúng rục rịch tản cư... « Phòng bệnh còn hơn chữa bệnh... » Ánh đuốc bập bùng trong khu rừng cổ thụ... Có tiếng quạ khoang kêu bất thường... Và ba Uy, đêm đó, đã là một trong số mười nạn nhân bị quăng xác xuống vực.

V

Cơ quan hành chính huyện Yên Thế ở ngay xóm nhà lá thuộc đồn điền bên Trăm, bên bờ sông Thương. Thời Pháp thuộc, bên Trăm là nơi buôn gỗ khá sầm uất. Gỗ từ trong rừng đóng bè chở ra chất cao như núi ở bên Trăm. Các thầy đội kiểm lâm từ ngoài đồn Bó Hạ vào đây kiểm soát, bỗng lộc kiểm ra trò. Đã có nhà tư bản trú lính đặt máy cửa ở đây để xẻ gỗ thành ván rồi vắn theo đường thủy trở về Bắc Giang. Dự định đó chưa thành thì tác chiến.

Nếu thời bình, bên Trăm sầm uất về buôn gỗ thì thời chiến bên Trăm sầm uất về các cơ quan hành chính. Nguyên do vùng này đã bắt đầu chuyển mình vào miền rừng núi, lại thêm là đầu mối của các đường giao thông giữa Yên Thế thượng và Yên Thế hạ, giữa Yên Thế và Lạng Giang; có đường xuôi qua chợ Bằng đến ga Kép về Bắc Giang; có đường ngược qua chợ Phổng gặp quốc lộ số Một đi Lạng Sơn. Đồng, Uy đến nhận công tác nơi đây khi đó đương vào mùa mưa, con sông Thương cuộn cuộn sóng, đêm ngày tấp nước vào ven bờ phá hủy các bụi cây. Những dòng suối đổ ra sông Thương thì thật là thất thường, những ngày nắng ráo nước lội đến bắp chân, nhưng sau một trận mưa lớn lập tức nước tự dãy núi bên trong chợ Phổng đổ ra ào ạt, suối sâu ngập nửa ngọn tre, nhiều khi cuốn phăng cả cầu giây.

Đồng làm liên lạc viên giữa ủy ban huyện với Ty Thông tin tỉnh Bắc Giang, trụ sở đặt ở Vi Sơn, tức là dãy đồi đất ngay cuối rặng Kai-Kinh, đường đi qua Đồi Hồng.

Uy làm liên lạc viên giữa ủy ban huyện với cấp hành chánh tỉnh, trụ sở đặt ở phía trong gần chợ Phổng, đường đi qua đồn điền Mai Chí Nam. Ban ngày làm đầy đủ bốn phận, ban đêm Đồng, Uy ưa nhất những đêm mưa. Thoạt tiếng mưa rơi hập tấp lộn xộn trên mái lá như một khúc rạo vô tổ chức sau đó là âm thanh rào rào đều đặn, hơi ẩm của Đồng Uy cũng vừa kịp tỏa ra dưới làn chăn mỏng. Những lúc đó Uy thường nói với Đồng :

- Anh em mình khi vui khi buồn có nhau nhỉ ?

Thâm tâm Uy nhắc vậy để diều đùa bạn, nhưng Đồng thực thà cựa mình nhìn nghiêng Uy trong bóng tối, gạt đầu làm lung lay gỏi rồi nhắc lại bằng một thật là trịnh trọng :

- Anh em mình khi vui buồn có nhau !

May cho Đồng, Uy, trong thời gian công tác ở đây gặp được anh thư ký ủy ban là một sinh viên cũ trường Luật. Hằng ngày khi thấy hai chú liên lạc đã về đủ, anh lên tiếng :

- Chú Đồng, chú Uy đâu, ra học !

Anh đã tuần tự dạy Đồng, Uy đủ các môn toán, khoa học, sinh ngữ... từ dễ đến khó để cuối năm Đồng, Uy có thể đi thi Trung học phổ thông.

Anh rất vui tính. Đây là lời anh thường tuyên bố với Đồng, Uy :

- Cuối niên khóa hai chú có thi trượt - mà chắc chắn lần đầu thế nào cũng trượt rồi - sang năm anh dạy lại y hệt như thế. Càng trượt nhiều, sự học như cách mạng, càng chín mùi vì giàu kinh nghiệm.

Hết mùa mưa, nước rút dần để lại ngấn bùn trên ngang lưng các bụi cây ven sông. Rồi những trận mưa ngẫu diu dặt rửa sạch ngấn bùn đó. Tạo hóa nhường như ra công lau chùi vạn vật bằng những trận mưa ngẫu.

Cuối thu, sông Thương chỉ còn là một dòng xanh êm chảy, nhiều nơi nước sông chưa đến đầu gối, có thể lội từ bên này sang bên kia. Những ghềnh đá lòng sông được dịp phô lên màu nâu sẫm sạch bóng. Cũng vào mùa này, sông Thương về đến gần Bắc Giang thì gặp một dòng suối đục đỏ vào, ngấn nước hai dòng bên đục bên trong phân biệt rõ rệt ra đến một cây số xa, vì vậy mới có bài ca dao bất hủ :

*Sông Thương nước chảy đôi dòng
Đèn khêu đôi ngọn anh trông ngọn nào
Muốn tắm mát anh lên ngọn sông Đào
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh...*

Đồng, Uy cùng nghĩ giá cuối niên khóa đi thi mà gặp đề luận Việt văn : « Anh hãy tả dòng sông mà anh thích». Đồng, Uy sẽ tả dòng sông Thương, chắc chắn được nhiều điểm lắm. Nhưng đề thi trung học phải khó hơn chứ, lẽ nào người ta chỉ đòi hỏi tả có một dòng sông ở tiểu học ?

Cuối niên khóa, Đồng, Uy đi thi và trượt thật, đúng như lời anh thư ký tiên đoán và anh dạy lại chương trình đúng như lời anh đã hứa. Học lại, nhiều chỗ vỡ lẽ hiểu thêm, Đồng, Uy mới thấy, đúng như lời anh nhận xét, sự học như cách mạng càng thất bại càng được dịp nghiên ngẫm cho chín mùi.

Ai qua Việt Bắc vào những năm 1949-1950 đều nhận thấy hời đó đồng bào thanh niên thiếu số miền này đi đâu vẫn hẵn. Tới bản nào cũng chỉ thấy ông già bà cả, phụ nữ và trẻ con. Thanh niên đã gia nhập bộ đội để thường xuyên quấy phá, chặn đánh địch dọc theo đường số 4 (chạy từ Móng Cáy theo biên thùỵ Hoa Việt qua các tỉnh Lạng Sơn-Cao Bằng). Quân đội kháng chiến đang lớn mạnh cần được tăng cường gấp. Đồng, Uy thôi công tác liên lạc viên, gia nhập bộ đội vào dịp này.

Hai chú đã mười bảy rồi !

Hai chú cùng được huấn luyện ở Thái Nguyên cùng được

vực đi đột kích địch ở mấy đường giao thông nhỏ miền trung du. Trong một trận gần giáp lá cà, một bạn đồng đội của Đồng, Uy bò hớ hênh thế nào bị đạn địch bắn bay mất hạ bộ. Được chở vào quân y băng bó anh bạn trẻ đó đã rên rỉ nói với y tá trưởng : « Thừa đồng chí, em còn thiết gì đời nữa ! »

Và sau này mỗi lần chuẩn bị đi đột kích, Đồng, Uy lại nhắc đùa nhau : « Có bò thì khép đuôi cẩn thận nhé, kéo mất chân lý hạnh phúc. » Rồi nhìn nhau cười phá. Cả hai cùng đã lớn, vừa đến tuổi dậy thì !

Vui nhất và cũng đáng tiếc nhất là trận đánh lấy đồn Đông Khê lần thứ nhất. Đánh một đồn quan trọng như vậy (giữa Lạng Sơn và Cao Bằng) mà bên nhà chỉ chết có hai người. Có biết cơ man nào là chiến lợi phẩm ! Lẽ ra chiến đồn xong, lập tức phải thu dọn chiến trường mà rút lui mới phải; đằng này ban chỉ huy thấy trời bãng lảng về chiều cho rằng địch không dám nhảy dù cứu viện nên để anh em đứng đĩnh nán lại. Ai ngờ địch nhảy dù thật, quân ta rút lui còn bị chúng truy kích đến mười mấy cây số, chiến lợi phẩm bỏ lại hết. Rõ hoài ! Rồi Hồng quân của họ Mao chiếm trọn Hoa Nam, lập đồn ở

bên kia biên giới. Vào dịp này bộ đội của Đồng, Uy có sang phối hợp tác chiến và một lần giải vây cho Hồng quân trong một trận đánh rất oanh liệt, quân Tưởng vừa chết vừa bị thương trên một ngàn. Sau chiến thắng này các chiến sĩ Việt Nam thấy có tự tôn mặc cảm và thấy mình thật xứng đáng là những con cháu của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.

Khi Hồng quân của họ Mao với sự trợ lực của các chiến sĩ Việt đã chiếm trọn Hoa Nam lập đồn ở bên kia biên giới, Pháp phải tính chuyện rút gáp khỏi Cao Bằng. Đồn Đông Khê bị quân ta chiếm lần thứ hai, lần này chiếm dứt.

*Bông Lau ! Bông Lau !
Rừng xanh pha máu.
Bông Lau ! Bông Lau !
Ngàn đời lưu danh về sau.*

Bài ca chiến thắng Bông Lau từ năm 1947 nay lại vang lên trong đoàn quân có Đồng và Uy. Họ gồm hàng ngàn người tiến đến địa điểm trên. Khi tới nơi, họ bí mật đào công sự đợi phục kích đoàn quân lê dương Pháp từ Cao Bằng sắp rút qua.

Cảnh trí đèo Bông Lau - tiếng địa phương gọi là Đèo Lũng Vài - có một vẻ đặc biệt ngoài những chiến công lịch sử của nó : một bên là khu đồi trùng điệp

thuần một giống lau mọc san sát, một bên là sườn núi đứng dựng như một bức thành cổ đã bị thời gian tàn phá nhiều nhưng còn giữ được vẻ uy nghi của nó. Bộ đội của Đồng, Uy nấp sau núi đó đã rót rất đúng những trái móc-chê 80 ly vào khúc giữa con trăn không lồ là đoàn lê dương của Pháp.

Đồng cười lớn :

- Uy ơi, anh em mình khi vui khi buồn có nhau nhỉ !

Uy nắm lấy tay Đồng cười theo.

Hai chú bé ở trại thiếu nhi, hai chú liên lạc ủy ban ở bến Trăm nay đã là hai chiến sĩ, khuôn mặt có già dặn trước tuổi vì nắng gió nhưng tâm hồn còn trẻ thơ.

Có tin hai đại tá địch bị bắt sống. Vài ngày sau tiếp tin quân đồn trú địch tại Lạng Sơn cũng đã rút lui không kèn không trống. Việt Bắc hoàn toàn được giải phóng! Tinh thần quân đội và nhân dân phấn khởi tới tới cao. Đồng, Uy cùng được kết nạp là đảng viên và dịp này để rồi cùng được cử sang Tàu theo học lục quân khóa bảy.

Cũng kể từ đây Đảng chuyển hướng hẳn. Cho rằng mình đã tuyệt đối nắm vững ưu thế, thiên thời và nhân hòa, Đảng bắt đầu đòi bỏ mảnh đất dân tộc nhảy sang mảnh đất giai cấp đấu tranh.

VI

Nhân danh dân tộc trong một cuộc chiến đấu vì chính nghĩa thì từng dải đất, từng ngọn cỏ, từng thớ cây như có sự giao tình thắm thiết với người chiến đấu và trăm ngàn vạn mớ lệch lạc đem tình dân tộc ra kê cũng thành vữa. Nhảy sang mảnh đất khô cằn của giai cấp đấu tranh, lũ người lãnh đạo kia như lũ chó thả mồi bắt bóng. Rồi trong thế chơi voi vỡ lở, một mặt chúng bám lấy những ưu thế dĩ vãng, một mặt chúng dùng đủ thủ đoạn mà củng cố lập trường. Thực thể dân tộc là sự hiện diện mệnh mông của lịch sử của thời gian, của không gian, cố tình bung tai bịt mắt phủ nhận thực thể dân tộc, kia, hãy trông chúng bơi trong ảo tưởng như bơi trong khoảng bọt ngàu trắng bập bênh vì phải bội.

Trở lại chuyện Đồng, Uy vừa được kết nạp thì sang Tàu ngay theo học Lục quân khóa bảy. Lòng hăng hái của kẻ mới được kết nạp đặc biệt thổi bùng trí tưởng tượng lứa tuổi hai mươi của Đồng. Được chứng kiến « các bậc đàn anh » tự giam mình trong phòng kín leo lét ngọn đèn dầu, viết phản tỉnh thư, lại tôi tôi chứng kiến « các bậc đàn anh » hăng hái học tập để thông cảm phản tỉnh thư, Đồng nghĩ ngay đến việc « xây dựng » cho bạn, vì sau người điển hình, đến lượt Uy lên bàn mổ tam phần. Kể từ thuở biết nhau tại trại thiếu nhi, rồi

cùng đảm nhiệm công tác liên lạc ở bến Trăm, rồi vào sinh ra tử với quân đội, đôi bạn đã cùng nhau có biết bao kỷ niệm và kỷ niệm nào phân tích theo « biện chứng Mác-Lê » chẳng giúp Đồng tìm thấy được những uẩn khúc « phi cách mạng » cần được khách quan tố cáo để xây dựng « nhân sinh quan cách mạng » cho Uy ?

Đồng nghĩ : Việc Uy hằng nhắc đến ba ở Phú Thọ khi công

tác ở bến Trăm há chẳng là triệu chứng của căn bệnh « gia đình chủ nghĩa » ? Như vậy làm sao Uy có thể hoàn toàn quên mình khi Đảng cần tới ? Việc Uy trước đây từng luôn miêng ca ngợi vẻ đẹp của con sông Thương vào mùa mưa ngâu tháng bảy há chẳng là căn bệnh yếu hèn của tụi tiêu tư sản ? Trong chiến dịch Cao Bắc Lạng vừa qua, việc Uy reo vui khi tìm ra đôi giày da chiến lợi phẩm vừa chân như in, há chẳng tố cáo Uy còn nặng óc hưởng thụ, còn nô lệ cho cá nhân chủ nghĩa ?

Còn nhiều... nhiều nữa những kỷ niệm được Đồng phân tích thấy khía cạnh phi cách mạng của nó. Nhưng đặc biệt phải kể đến cách Đồng phân tích một giấc mơ gần đây của Uy khi phong trào tam phản chưa bắt đầu. Uy mơ thấy cùng Đồng đi qua một cánh đồng chiêm một đêm đông không trăng không sao. Gió thổi mạnh lắm, như ở trên đỉnh núi trông xuống đèo Bông Lau. Uy nắm lấy tay Đồng, cả hai nép vào nhau, lộ bì bõm,

cùng tiến đến ánh đèn của một căn nhà lá tíu đằng xa. Căn nhà lá đó được dựng trên một gò cao, trong căn nhà lá người ta đang xay bột và tráng bánh cuốn là thứ quà mà Uy rất thích và đã nhiều lần rủ Đồng cùng ăn. Đi được nửa đường vừa bước lên quăng cao ráo thì có một đàn chó xô tới, Uy rút ra một con dao ngắn. Mỗi lần Uy vung dao lên là một lần đàn chó lùi xa ra và một con gặm gù chạy quanh sát bên Đồng nhưng không cắn mặc dầu tay Đồng không cầm gì. Rồi một người to lớn xuất hiện, người đó cầm thanh kiếm dài, đứng chặn giữa đường ra lệnh cho Đồng, Uy phải trở xuống cánh đồng chiêm, không được tiến tới căn nhà lá có ánh sáng...

Ngày đó khi được Uy kể lại cho nghe giấc mơ, Đồng cảm động cho tình bạn thắm thiết, nhưng giờ đây dưới « ánh sáng lý luận Mác-Lê », Đồng đã giải thích với chính trị viên đại đội là Uy có tiềm ẩn tư tưởng đầu hàng địch. Uy muốn kéo bạn dòi khỏi cánh đồng chiêm - tượng trưng cho cuộc kháng chiến gian khổ - về đất địch có căn nhà ánh sáng để được ăn sung mặc sướng theo sở thích...

Vì Uy và Đồng ở hai tiểu đội riêng biệt nên mỗi lời tố cáo của Đồng đều được chính trị viên đại đội ghi lại rồi đem chât vắn Uy, bắt Uy phải bổ khuyết thêm vào phản tỉnh thư.

Thoạt Uy không nhận vì không ngờ do Đồng tố cáo. Uy cho rằng trong lúc vui câu chuyện Uy đã kể những kỷ niệm đó ra, rồi kể nào trong đại đội nghe được bèn nhân dịp này đem tố cáo và giải thích xuyên tạc. Uy là người đầu tiên trong số bị ngâm nước lạnh nửa giờ rồi cứ khóa thân vậy đeo băng « phản cách mạng » mà đi riễu trước toàn thể anh em. Tới tối kiểm thảo kia khi nghe chất vấn về tư tưởng đầu hàng địch trong giấc mơ, Uy mới rõ người tố cáo mình chính là Đồng. Uy cảm thấy gì ? Giận hờn chẳng ? Tội hỏ chẳng ? Không rõ, nhưng chắc chắn Uy vẫn thương mến Đồng và tất cả những kỷ niệm chung sống với Đồng vẫn không hề vẩn đục. Thêm một điều : khi khám phá ra chính Đồng tố cáo mình, Uy nhận hết những tội lỗi tưởng tượng cũ mà cho tới ngày đó Uy vẫn cương quyết bác bỏ. Về phía Đồng, sau lần tố cáo cuối cùng (về giấc mơ) vào buổi trưa với chính trị viên đại đội, rồi chứng kiến cảnh Uy khóa thân đeo biển « phản cách mạng » (sau khi đã bị ngâm nước lạnh nửa giờ) ngay chiều hôm ấy, thì Đồng tưởng như chính mình bị ngâm nước lạnh và có pha cả cường toan nữa. Sự hối hận của Đồng cũng thật là kỳ quặc. Đồng không oán Đảng đã xui mình tố cáo bạn, nhưng Đồng cũng không còn chấp nhận lý luận : hành hạ bạn là xây dựng cho bạn ! Chỉ biết Đồng đau đớn lắm. Nếu trí tưởng tượng hồn hậu của Đồng trước đây cho rằng tố cáo bạn là xây dựng cho bạn thì giờ đây vẫn

trí tưởng tượng trong trắng và đáng quý đó giữ nguyên mãnh lực mà trở ngược chiều. Cái nhìn thất lạc tinh thần vì xấu hổ của Uy như làm sứt khoảng đất đứng của Đồng.

Đồng lúi ra về nằm vật xuống giường, chuẩn bị sẵn câu nói dối là mình bị sốt nếu có ai đến hỏi. Mà Đồng sốt thật rồi còn việc gì phải nói dối nữa. Bệnh sốt rét cách nhật kinh niên vẫn thỉnh thoảng « đột kích » Đồng cũng như Uy. Thoạt là rét, rét từ trong ruột rét ra, bao nhiêu chần của bạn đắp lên chỉ có tác dụng chắn gió chứ không làm cho người bệnh thấy ấm lên chút nào. Sau cơn rét là cơn sốt nóng, nóng đến mê sảng, mồ hôi vã ra như tắm, chân tay bại hoại, miệng đắng, lòng chán ngắt...

Khi bắt đầu sang sốt nóng, Đồng nhớ lại cảm giác đất sứt dưới chân khi Uy khóa thân điếu qua... Đồng ngã xuống sông, Uy nhảy theo nắm kịp cánh tay... Trời ơi, hổ thọt, Uy ! Uy nhảy bổ xuống với Đồng. Nguy biên đã hút đôi bạn nhỏ làm một - A... hổ thọt... Hổ thọt có ta đây ! Tiếng bủ Tôn vang lên giữa rừng mía, rừng tre nửa ngút ngàn... Những ngày ở Phú Thọ khỏi sốt rét, khỏi bóng nhờ cha mẹ Uy săn sóc... Những ngân bùn trên ngang lưng các bụi cây ven sông Thương... Những trận mưa đêm ào ạt phủ phàng... Những trận mưa ngẫu diu dật... - Có bò thì khép đuôi lại, ha ha !

Hơi thở dồn dập miệng khô đắng, chán chường. Đồng nghển cổ với chiếc bi đông ở đầu giường uống ừng ực, nước chè ngọt thủ như nước luộc ngô. Đồng rên khe khẽ... Lẫn trong tiếng rên như có tiếng nói của Uy « Anh em mình khi vui khi buồn có nhau nhỉ ! » Ngày nay chỉ còn buồn... một người buồn... Và đau đớn thay, lại do người kia làm nên câu chuyện !

Có tiếng ồn ào... Cánh cửa mở toang.

- Đồng chí Đồng đâu ? Đồng chí Đồng đâu ? Trời ơi đồng chí sốt à, thảo nào giờ ăn không thấy.

Chính trị viên đại đội ngồi xuống giường sát bên Đồng hỏi tiếp :

- Đồng chí về lúc nào ? Có kịp chứng kiến lúc đồng chí Uy đi riểu trước hiệu bộ và toàn thể anh em không ?

Đồng khẽ gật đầu.

Chính trị viên đại đội đứng dậy, nắm tay Đồng dặn :

- Đồng chí cứ nằm nghỉ nhé, để tôi đi lấy thuốc cho.

Nửa đêm hôm đó khi anh em ở lớp học tập về, Đồng được biết thêm tin Uy đã thú nhận cả tội lỗi (Vì đêm đó mới kiểm thảo đến giấc mơ và đêm đó Uy mới biết rõ Đồng tố cáo mình.)

Hôm sau chính trị viên đại đội đến thăm Đồng rất sớm. Ba viên thuốc ký ninh vàng y gửi đến hôm qua vẫn còn lăn lóc trên đầu giường. Y nói :

- Trời ơi sao đồng chí chưa uống thuốc ? Chết, phải uống chặn ngay đi chứ không có mai đến ngày lên cơn rồi. Đây còn ba viên nữa cho ngày nay !

Đồng liếm môi khô rồi nói :

- Em muốn xin đồng chí cho được gặp mặt Uy.

Chính trị viên vừa quan sát Đồng vừa đáp :

- Chết, như vậy sao được, đồng chí quên kỹ luật học tập rồi sao ? Hai đồng chí ở hai tiểu đội khác nhau !

- Nhưng em cần được gặp Uy, gặp ngay ! - Giọng Đồng sắc gọn hầu như không phải là lời yêu cầu nữa mà là một ý chí đòi thực hiện bất chấp hoàn cảnh.

Chính trị viên đứng dậy giữ nguyên nụ cười, nhưng nhìn Đồng e dè hơn, một giây sau mới nói :

- Việc đó tôi sẽ quyết định và trả lời đồng chí vào trưa nay.

Chính trị viên đã ra tới cửa phòng còn ngoái lại :

- Đồng chí nhớ uống thuốc nhé, kéo mai lên cơn nữa.

VII

Chính trị viên trở về hiệu bộ đem lời yêu cầu của Đồng ra hội ý hội báo. Ban lãnh đạo học tập thấy cần chiều theo ý muốn của Đồng để còn khai thác thêm tài liệu về những căn bệnh điển hình của Uy. Buổi trưa, chính trị viên giữ đúng hẹn đến gặp Đồng bảo cho hay là Uy còn tiếp tục lên bàn mổ tam phần nốt tối hôm đó nữa, sớm hôm sau Đồng sẽ gặp Uy với điều kiện hai người đứng cách xa nhau sáu thước, ở giữa là chính trị viên.

Chính trị viên bỗng la lớn :

- Trời ơi, đồng chí vẫn chưa uống thuốc, đồng chí đang trí quá.

Đồng vội vã vớ lấy ba viên ký ninh vàng, nói giọng tuân phục :

- Vâng em uống ngay đây, uống liền ba viên để chặn cơn.

Chính trị viên gạt đầu tỏ vẻ hài lòng, nhưng khi y vừa ra khuất, Đồng đã giận dữ ném cả sáu viên ra khỏi cửa sổ.

Mãi đến trưa hôm sau, sau bữa cơm, đôi bạn mới được gặp nhau y như điều kiện : đứng cách xa sáu thước giữa

là chính trị viên đại đội. Cả hai cùng im lặng, khuôn mặt cùng hốc hác tiêu tụy. Uy nhìn Đồng dịu dàng thành thực, nhìn rất lâu và không chớp như thể mở rộng cửa linh hồn cho Đồng nhìn vào. Rõ ràng đôi mắt của Uy muốn nói : « Uy không giận Đồng đâu, không giận mảy may, dù việc làm của Đồng trái hay phải. » Đồng hơi mỉm cười để tỏ ra hiểu ý Uy thì Uy đã mỉm cười ngay, có thể nói là Uy mỉm cười trước Đồng nữa, tựa một người lạnh tay giơ vội một cái gì để vừa kịp hứng một cái gì. Thế là ngay từ phút đầu gặp nhau, sự hòa đồng đã hoàn toàn thể hiện trong một thứ yên lặng thần thánh vươn lên cao, rất cao. Sự hiện diện của chính trị viên đại đội, cả Đồng lẫn Uy đều coi như không có.

Chợt Đồng cúi mặt xuống... Trở về thực tại của riêng mình, đôi mắt Đồng thoáng một vẻ gì cương quyết. Vẫn cúi xuống như vậy, Đồng nói :

- Hôm nay tôi... (Đồng ngừng lại nuốt nước bọt) tôi gặp Uy lần cuối cùng.

Chính trị viên tuyên bố cắt đứt câu chuyện. Nhưng hình như chính trị viên đã làm một việc thừa. Đồng đã quay đi, Đồng chỉ muốn nói có thế. Trên đường đưa Uy về tiểu đội, chính trị viên khuyên Uy hãy nghĩ đến tình bạn thiêng liêng của Đồng tỏ gương mẫu sau đợt kiểm thảo đầu tiên này và viết bản phản tình thư thực đầy đủ.

Ngược đường trở lại để gặp Đồng, chính trị viên nhằm tìm lời phê bình thái độ thiếu « cách mạng tính » vừa qua của Đồng. Tờn nơi không thấy Đồng trong phòng.

- Đồng chí có gặp đồng chí Đồng ? - Chính trị viên hỏi một học viên vừa đi qua.

- Thưa đồng chí không ạ - lời đáp.

Chính trị viên thốt tiếng kêu khẽ : « Ô hay ! » rồi tiến thẳng về phía bếp. Bếp vắng tanh. Có tiếng người lao xao dưới suối. Chính trị viên theo đường dốc xuống suối, ban cấp dưỡng rửa nồi, xoong, chảo...

- Các đồng chí có gặp đồng chí Đồng vừa qua đây không ?

- Dạ không ạ.

Chính trị viên đi ngược lại, tiến về phía cầu tiêu công cộng, khi tới nơi, cất tiếng gọi :

- Đồng chí Đồng !

Im lặng !

Có tiếng còi xé không khí, tiếng còi tập hợp ! Chính trị viên chạy về hiệu bộ. Tin lan ra, truyền đi từ các cửa miệng rất nhanh chóng. Đồng đã vào bột gác lầy đi một khẩu mút-cơ-tông có nạp đạn ! (Trong thời gian học tập

tam phản, tất cả súng đạn đều tịch thu vào kho, trừ bớt gác.) Thoạt Đồng tới như thể một người ốm không có công tác, nhân buổi trưa nhàn rỗi đến nói chuyện với mấy người bạn quen. Nhưng rồi Đồng bất chợt ra về lúc nào, trên giá súng một khoảng trống toang ngoảng : khẩu mút-cotông có nạp đạn đã mất mà người lấy không thể ngoài ai khác là Đồng.

Được tin dữ, Uy đã băng mình vào khu rừng thông phía Tây Phụng Minh thôn. Tiếng Uy vang lên ảm đạm như gió và mây buổi tàn đông ngày ấy :

- Đồng ơi i i i...

Những con sóc đuôi sòe như bông lau hốt hoảng chạy trốn trên những cành cao. Uy băng theo đường mòn, lội qua dòng suối không lưu ý nước suối lạnh như băng. Sang tới bờ bên kia, xét thấy bờ cỏ không một chỗ nào rập nát tổ cáo có người vừa đi qua, Uy đành quay trở lại. Thoạt thôi đã thấy bóng Uy chạy miết trên con đường phía Bắc, rồi dáng điệu lặt đặt hơn dừng bước trước từng căn nhà gianh :

- Đồng ơi i i i... Đồng !

Tiếng gọi bồi hồi thổn thức. Một vài người dân áo chàm nhô ra... Uy hỏi, người dân lắc đầu... Uy lại chạy miết.

- Đồng ơi i i i... Đồng !

Tiếng gọi từ đầu đường đất đỏ vọng lại chứng tỏ Uy đã bắt đầu theo đường bờ ruộng lên từng bậc thung lũng để đi vào khu rừng núi phía Đông có loài sài cừ.

Trong khi Uy đi tìm Đồng thì một số học viên được cắt cử đi tìm Uy.

VIII

Mùa đông - dù là cuối đông - tại Phụng Minh thôn vẫn có những ngày như ngày hôm đó, khoảng bốn giờ chiều gió thổi mạnh, mây đen từ phương Đông ùn tới sà xuống thung lũng khiến vạn vật chìm trong một màu xám u ám tưởng như chiều xuống đã từ lâu, người đứng trí có thể ngừng nhìn trời mong thấy ngôi sao hôm quen thuộc.

- Đồng ơi i i i... Đồng !

Tiếng gọi từ ba bề vọng lại xa lắm... xa lắm... Nhiều khi như lạc giọng đi để biến thành tiếng khóc nức nở của rừng núi và không ai có thể phân biệt được là Uy hiện ở khoảng rừng phía Đông hay khoảng rừng phía Nam.

Cho đến khi tối hẳn... Cuộc tìm kiếm không có kết quả ! Người ta nhủ nhau đến mai sẽ tìm kiếm kỹ hơn. Nhưng với những người còn nhớ là Đồng ra đi mang theo khẩu mít-cotông có nạp đạn thì họ lo lắng... họ nghe ngóng... họ chờ đợi... và nếu có tiếng nổ trong đêm tối thì dù sao khi họ tìm được tới nơi cũng đã muộn.

Buổi học tập ban tối tạm ngừng. Sự chờ đợi căng thẳng đến nửa đêm, không thấy động tĩnh gì, nhưng khi mọi người, kể cả những người lo lắng nhất chợp ngủ -

lúc đó vào khoảng ba giờ sáng - chợt một luồng tiếng xông xáo chuyển đi rất nhanh từ tiểu đội này sang tiểu đội khác, từ trại này sang trại khác, những ánh

đuốc bùng lên, những bước đi xáo xuyên... - Tại một nhà chứa thuốc lá của dân... - Ủa sao ?

- Có tiếng thôn thức, người dân đến báo ngay.

- Có chắc là Đồng không ?

- Chưa rõ, nhưng chắc ! Còn ai khác nữa ?

- Quái, sao giờ này mới biết !

- Có thể là Đồng vừa ở rừng về, vì tiếng chó cắn đánh thức chủ nhà dậy.

Uy cầm đuốc cùng người dân (người chủ nhà) đi trước, chính trị viên dẫn tiểu đội thường trực theo sau. Nhà chứa thuốc ở ngay xóm đầu tiên, sát bên đường đất đỏ cách bót gác chừng năm trăm thước. Vừa tới nơi, Uy trao bó đuốc cho người chủ nhà, một mình leo lên cầu thang gỗ. Cửa đóng. Bên trong im lặng. Sáu bó đuốc dàn ra bên dưới. Con chó đen không sủa nữa, ve vẩy đuôi ngẩng nhìn những bó đuốc như ngạc nhiên, thỉnh thoảng cúi xuống liếm chân chủ.

- Đồng ! Uy đây Đồng ạ. Mở cửa cho Uy !

Tiếng Uy nói vừa đủ nghe, rất êm như muốn vỗ về, ngầm chứa một sức mạnh khẩn cầu tha thiết.

Uy khê gõ cửa hít dài một hơi thở vừa toan cất lời khê gọi lần nữa, thì bên trong, tít bên trong, tận phía cuối nhà, bỗng bật ra một tiếng khóc nức. Rõ ràng Đồng đã phải bậm môi kìm giữ tiếng đó từ lâu lắm. Đôi mắt Uy sáng lên, nụ cười nở rộng tràn ngập hy vọng. Đôi môi Uy tròn lại, yết hầu hơi đẩy lên... Nhưng tiếng « Đồng » sau cùng Uy vừa thốt ra chính Uy cũng không nghe thấy vì nó lẫn vào tiếng nổ, một tiếng nổ rùng rợn trong đêm khuya mà tiếng vang từ ba bề đáp lại như để chứng tỏ rằng rừng núi cũng vừa choàng thức dậy kinh hoàng cùng ánh đuốc lao đao. Cánh cửa mở toang dưới sức xô của Uy, đồng thời Uy mất thăng bằng ngã chúi vào. Những bước chân dồn dập lên thang. Một bó đuốc qua cửa soi cho bốn người đẹp vội những bộ thuốc (đã thái) và những đồng lá thuốc (chưa thái) sang một bên để lấy lối đi. Ánh đuốc tiến vội về cuối nhà. Uy đã quỳ xuống ôm lấy xác Đồng. Đồng chết dựa lưng vào tường, chân trái duỗi thẳng, chân phải hơi co, ngón cái còn lồng vào cò súng, mặc dầu, vì sức giật, chiếc nút-tơ-công đã lật nghiêng sang bên. Một mảng mặt vỡ toang nhưng vì Đồng vừa chết nên sự kiện đó chưa đến nỗi ghê rợn,

thoạt trông chỉ như một người bị thương ngồi chờ băng bó. Dưới ánh đuốc, Uy chú ý thấy môi dưới Đồng còn vết răng bậm sâu trước khi bật thành tiếng khóc nức hai phút trước đây, chân tay còn nóng.

IX

Đó là vụ tự sát mở màn cho cả một chiến dịch tự sát sau này. Vì là vụ đầu tiên nên ban chỉ huy học tập nương nhẹ tay. Học tập ngừng lại một ngày - ngày chôn Đồng.

Buổi tối tâm lặng và âm thầm, Uy ngồi trước bàn viết dưới ánh đèn leo lét, những trang phản tỉnh thư kín đặc. Có tiếng hát từ trại xa vọng lại bài « Mẹ nuôi chiến sĩ » lời ca mang máng như sau :

*Bà... Bà mẹ ơi,
Bà đến cho đời thêm tươi
Bà... Bà mẹ ơi,
Lòng chúng tôi luôn nhớ người.
Nhìn về miền xa,
Nụ cười nở hoa...*

Thoáng nghe câu đầu của bài hát, đôi mắt Uy đương thần thờ bỗng nhìn vào bóng tối để tìm một cái gì. Một kỷ niệm âm thanh đã gọi lên những kỷ niệm hình bóng Uy nói khẽ : « Bài hát của Đồng, » rồi gục xuống mặt bàn.

Đồng không bao giờ thuộc hết một bài hát nào. Trong những buổi sinh hoạt, mỗi khi đồng ca, Uy thường mỉm cười nhìn miệng Đồng « A... a... » một cách ngượng

ngập đê nương theo giọng của các bạn. Nhưng đặc biệt bài « Bà mẹ nuôi chiến sĩ » thì Đồng thuộc cả điệu lẫn lời từ đầu đến cuối và hát luôn miệng nghe thật nhẹ nhàng thanh thoát, lột được hết cả sự rung động thành kính. Nếu ai chưa biết Đồng, lần đầu tiên nghe Đồng hát bài này, chắc chắn người đó sẽ không nghi ngờ gì mà liệt Đồng vào hạng danh ca quân đội. Uy hiểu rằng âm điệu bài đó buồn buồn, ý nghĩa bài đó gọi lên mỗi tình mẫu tử xa xôi, chính là những điều mà Đồng hằng khao khát trong tiềm thức.

Uy vẫn gục mặt trên bàn, hai bàn tay đê sau gáy tự vít cổ xuống cho tê dại khoảng mũi và trán. Như thế lâu lắm ! Bỗng Uy cảm thấy bàn tay ai đặt trên vai mình. Ngừng lên, Uy nhận thấy một người lạ mặt bằng tuổi anh trưởng mình (mặc dầu Uy không có anh trưởng), người đó quắc thước đôi mắt nhìn thẳng khỏe mạnh và chân thật. Uy thấy yên lòng. Đã cúi xuống nhìn trang giấy, (vì lúc đó Uy luống cuống không biết làm gì hơn) Uy lại chợt ngừng lên chăm chú nhìn « người anh trưởng » một lần nữa :

- Hình như em đã gặp anh ở đâu.

- Ở đèo Bông Lau !

- A, em nhớ ra rồi, anh ở ban địch vận. »Người anh trưởng » mỉm cười. Uy hỏi :

- Anh ở đại đội nào ? Sao anh lại đến đây, trái quy tắc học tập ?

« Người anh trưởng » thông thả ngồi xuống bên Uy đáp :

- Ban chỉ huy học tập ưng tôi đến thăm đồng chí. Tôi ở đại đội ba bên kia đồi. Tôi là Hăng, đồng chí gọi tôi là Hăng.

Câu chuyện đàm ẩm ngay từ đầu. Hăng và Uy ôn lại cái chết của Đồng. Uy kể lại cho Hăng nghe tình bạn của Uy với Đồng từ ngày gặp gỡ. Câu chuyện kéo dài đến một tiếng đồng hồ. Cả hai cùng không tự đặt câu hỏi xem vì sao trong hoàn cảnh « sa mạc » của học tập tam phần ấy, ủy ban lãnh đạo lại làm ngơ cho phép hai người dừng chân khá lâu ở « ốc đảo tình cảm » để được hưởng những giây phút mát rượi của bóng cây, của dòng nước tâm tình như vậy ?

Thấy Hăng đứng dậy Uy nói :

- Đồng chí hãy ngồi với em.

Ngay từ phút đầu gặp gỡ cho tới giờ, Uy xưng em với Hăng một cách tin cậy tự nhiên như vậy.

Hăng đáp :

- Thôi, giờ này tôi phải về họp tiểu tổ.

Bỗng sực nhớ ra điều gì Hăng hỏi :

- Đồng chí có biết hiện giờ ở bất góc chỉ để một khẩu súng trường ?

Uy chột buồn, trở về với tang bạn. Đôi mắt xa xôi Uy đáp :

- Em không tự tử như Đồng, em phải làm một việc gì đích đáng.

Yên lặng một phút, hai người bắt tay nhau và Hăng về.

Nghỉ một ngày học tập, Đồng được chôn cất mồ yên mả đẹp và Hăng gặp Uy. Nhưng rồi ngay sau đó phong trào học tập tiếp tục gay gắt hơn, hầu như ban chỉ huy cố tình gây một bầu không khí gay gắt như vậy để một mặt gạt xóa kỷ niệm đầu tiên đó trong trí mọi người, một mặt chúng tỏ guồng máy chỉ đạo của Đảng một khi đã chuyển động thì không một sức phản động tình cảm nào có thể ngăn chặn nổi.

Một ngày là một thế kỷ nặng nề những hủy diệt, trong thâm tâm, thực tình chưa ai - kể cả những cán bộ trong ban chỉ đạo học tập - thấy một tia sáng tái sinh, nhưng Đảng đã chủ trương (Đảng là tất cả nhưng lại không là một ai) thì phải đúng chứ ! Guồng máy chỉ đạo tiếp tục quay tiến...ngghiền nát... - Ủ tao phản cách mạng !

358 | Doãn Quốc Sỹ

- Ừ tao là bí thư của Vũ Hồng K.
- Ừ tao làm phản gián điệp cho Pháp !
- Ừ tao chiến đấu vì cá nhân chủ nghĩa, vì anh hùng chủ nghĩa !

Tự tử bằng giầy thừng.

Tự tử bằng lưỡi dao cạo bẽ vụn hòa nước.

Chó rừng đã tha xác chàng thanh niên Việt xấu số bị quăng trên đồi qua đi một đêm...

Đề bé mạc cho tấn thảm kịch vô tiền tuyệt hậu Phụng Minh Thôn là một bi hài kịch cũng vô tiền tuyệt hậu trong lịch sử học tập của Đảng.

CHƯƠNG NĂM

MỘT TẤN BI HÀI

I

Suốt thời gian bị thảm trên, Hăng vẫn thỉnh thoảng đến thăm Uy. Hăng là đảng viên chính thức được ngót một năm, tính cho tới ngày phong trào học tập tam phản phát động. Thành tích tranh đấu của Hăng quá rực rỡ và lòng trung kiên của Hăng thì không đồng chí nào chối cãi nổi. Hăng thuộc hạng người cương trực nghĩ thế nào nói thế, sống thế nào nghĩ thế, đã tin ai thì tin vô điều kiện không thắc mắc, chẳng nghi ngờ. Nhưng khi chợt thấy thắc mắc, chợt thấy nghi ngờ thì... Nhưng thôi, chúng ta hãy tiếp tục câu chuyện. Mặc dầu thành tích tranh đấu rực rỡ, lòng trung kiên không đồng chí nào chối cãi nổi mà Hăng vẫn bị ghi vào hàng đầu sỏ đen ! Sao vậy ? Mặc dầu đứng đầu sỏ đen mà Hăng không bị lên « bàn mổ » tiếp ngay sau « người điển hình ». Sao vậy ? Đã thế Hăng còn được ban lãnh đạo học tập thả lỏng cho phép thỉnh thoảng đến đàm thoại một giờ với Uy trong câu chuyện tình cảm. Sao vậy ?

Có thể nói Hăng bị ghi vào hàng đầu sỏ đen chính vì Hăng bị Đảng liệt vào thành phần trí thức cũ (có một phần cử nhân Luật) và là con địa chủ. Hăng còn bị Đảng đặc biệt chú ý về thái độ quá hồn nhiên của anh. Anh tin

rằng đã bỏ gia đình như thế, gia nhập đội quân Tây tiến chiến đấu gian khổ như thế, bị địch bắt giam và tra tấn như thế thì Đảng không thể bắt anh phải tự tố cáo bất cứ một hành vi hay một tư tưởng phi cách mạng nào.

Đề Hăng đến nói chuyện với Uy, ban lãnh đạo học tập có thâm ý muốn khuấy động mạnh vào ý thức của Hăng, những mong Hăng sẽ phản tỉnh mà tự hỏi : Bản thân của Uy là Đồng chết như vậy mà Uy vẫn viết đầy đủ phản tỉnh thư, vậy chính Hăng khi lên bàn mổ phải nên có thái độ thế nào ? - Nhưng khi nói chuyện với Uy, Hăng chẳng hề tự nêu vấn đề như thế.

Rồi đề cho Hăng lần lượt chứng kiến mấy đợt kiểm thảo các bạn đồng đội - vẫn theo thâm ý của ban lãnh đạo học tập - thái độ cương cường của Hăng sẽ được gián tiếp mài dũa cho mòn bớt. Trong khi đó ban lãnh đạo lại có đủ thì giờ liên lạc với tất cả những người trước đây đã có thời kỳ chung sống với Hăng, sưu tập và bố trí trước tài liệu chất vấn.

Rồi ngày chờ đợi tới, ngày chính Hăng phải lên bàn mổ.

Bản tự thuật đầu tiên của Hăng vắn vện như sau :

« Tôi sinh năm 1921. Năm 1939 tôi sang Pháp học. Năm 1944 tôi về nước, ở Hà nội vừa học Luật vừa giúp

đỡ sổ sách trong công việc buôn bán của ba mẹ tôi. Năm 1945 tôi đỗ phần thứ nhất cử nhân Luật. Cuối 1946 tôi về đồn điền ở Âm thượng (Phú Thọ). Những ngày đầu kháng chiến, tôi còn ở lại đồn điền chúng kiến một lớp huấn luyện tăng gia sản xuất ở đó. Cuối 1948 ngót hai mươi trại tăng gia sản xuất quanh đồn điền đều tan rã, tôi gia nhập bộ đội theo đoàn quân Tây tiến hoạt động về kinh tế trên quãng đường Nho Quan, Sầm Nứa. Năm 1950 tôi đổi sang cơ quan địch vận. Đầu năm 1951 tôi có mặt ở trận Đèo Bông Lau. Cuối xuân sang hạ, tôi có mặt ở chiến dịch đồng bằng Liên khu Ba. Tới đầu thu năm đó tôi bị bắt trong chiến dịch Citron của địch tại Hải dương. Hơn một tháng sau tôi thoát khỏi trại giam Hải Dương về Ninh Giang bắt được liên lạc cũ, trở lại bộ đội được cử sang đây theo học Lục quân khóa Bảy. »

Hãng vừa đọc dứt bản tự thuật chính trị viên lãnh đạo học tập đứng lên nói :

- Thừa các đồng chí, việc kiểm thảo nhân sinh quan của đồng chí Hãng vẫn theo y như đường lối đã định, nghĩa là lấy năm 1945 làm mốc phân chia hai xã hội mới cũ khác nhau. Nhưng trước khi thực sự đi vào việc kiểm thảo nhân sinh quan, xin các đồng chí nào trước đây từng có liên lạc ít nhiều với đồng chí Hãng hãy soi sáng giúp đồng chí Hãng bằng cách thấy điều gì nghi ngờ thì chất vấn... Chất vấn càng tỉ mỉ bao nhiêu càng

xây dựng bấy nhiêu.

Chính trị viên đã dứt lời nhưng còn khẽ gật gù cái đầu, đưa đầy đôi mắt nhìn khắp hội trường, giữ trọn vẹn lấy bầu không khí im lặng nghiêm trang đó một phút rồi mới từ từ ngồi xuống. Cuộc chất vấn bắt đầu. Từ cuối phòng một tiếng vọng lên :

- Tôi xin có ý kiến chất vấn đồng chí Hăng... Tôi muốn hỏi đồng chí Hăng khi đời đồn điền của cha mẹ theo đoàn quân Tây tiến là theo tiếng gọi của Đảng, của nghĩa vụ hay chỉ là theo tiếng gọi của anh hùng cá nhân?

- Khi ở đồn điền, tôi thường tổ chức đi săn đêm, tôi ưa hoạt động mạo hiểm - Hăng đáp - Thoạt tôi có thái độ dửng dưng trong ngày đầu kháng chiến, về sau được chứng kiến cảnh các cán bộ tăng gia sản xuất chịu khó học tập và thực hành canh tác ở ngay đồn điền nhà tôi, chứng kiến cảnh nhe nhóc của các đồng bào tản cư tại các trại tăng gia quanh đây, tôi tự thấy bản khoãn xấu hổ cho nếp sống an nhàn của mình tại đồn điền. Vừa hay dịp gặp anh bạn học cũ, anh bất ngờ có công tác qua địa phận đồn điền nhà tôi. Được biết anh là chính trị viên trung đoàn Tây tiến, tôi bèn nhờ anh giới thiệu cho gia nhập bộ đội này, nghĩ rằng đáng lẽ ra đi săn thú đêm phù phiếm vô ích thì nay đi săn địch đêm góp phần vào kháng chiến chẳng hợp tình hợp lý hơn sao ? Tôi

ra đi theo tiếng gọi của kháng chiến và được kích thích bởi lòng yêu nước chứ chẳng phải theo tiếng gọi của anh hùng cá nhân !

- Đồng chí quen sống sung sướng trên đất Pháp - một đồng chí khác cũng đứng cuối phòng chất vắn - về Hà Nội đồng chí tiếp tục sống sung sướng, ăn ngon mặc đẹp, lại từng lên đại học đỗ một phần cử nhân luật; lên đồn điền đồng chí tiếp tục sống sung sướng, từng tổ chức đi săn đêm để giải trí, vậy khi gia nhập đoàn quân Tây tiến gặp nhiều gian nan khổ ải chắc chắn phải có ngày đồng chí cảm thấy tinh thần giao động và có ý tưởng đầu hàng địch ?

- Trước hết - Hăng đáp - bảo tôi quen sống sung sướng trên đất Pháp là nhầm, nói là tôi tập quen kham khổ trên đất Pháp thì đúng hơn. Tôi sang Pháp tháng ba năm 1939, năm đó tôi mới mười tám tuổi, thì tháng chín 1939 bùng nổ thế chiến lần thứ hai. Tháng sáu năm sau - 1940 - Ba Lê đầu hàng, quốc hội Pháp cử thống chế Pétain lên cầm quyền và nghị hòa với Hitler; tướng De Gaulle rút quân sang Anh lập chính phủ lưu vong. Vào mùa đông năm này, nhiều khi bữa ăn của tôi chỉ có mẩu bánh mì và củ hành sống, không cả pho-mát! Có những chiều đông rét đến nỗi tôi đành nằm lại ở trong phòng nhịn ăn, vì tính toán thấy rằng bữa ăn còn cỡ buổi chiều không đủ bù đắp lại số nhiệt lượng

trong người mất đi, khi mình tung chấn ra đi kiếm bữa. Chính tôi là người đã sớm chứng kiến cảnh bom đạn, cảnh đói rét thời chiến ở xứ người, nhưng vì còn ít tuổi quá nên những điều mắt thấy tai nghe đó chưa làm tôi suy nghĩ nhiều đến tình nhân loại. Năm 1944 sau cuộc đổ bộ thành công của tướng Mỹ Eisenhower lên bờ bãi Normandie phía Tây bắc nước Pháp, quân Đồng minh giải phóng được Ba Lê rồi tiến tới sông Rhin, thì ba mẹ tôi gọi tôi về nước. Tại Hà Nội, tôi ghi tên học Luật, tôi hết sức hưởng thụ cuộc đời chính vì luôn luôn bị ám ảnh bởi cảnh bom đạn đói rét mà tôi được chứng kiến thời còn sống ở Pháp. Điều đó tưởng cũng là lẽ dĩ nhiên của con người. Hơn nữa tôi vừa đến tuổi trưởng thành ham sống. Hai mươi bốn tuổi !

Cả phòng im lặng một phút. Lời nói lưu loát của Hăng hầu như có uy hiếp được cả tinh thần chính trị viên.

- Tôi có ý kiến chất vấn - một tiếng nói cương quyết vang lên giữa phòng - tôi là người cùng ở tiểu đoàn 150 trong trung đoàn Tây tiến với đồng chí Hăng. Tiểu đoàn đóng ở đồn điền Bát cô cách Nho Quan tám cây số. Chính mắt tôi một buổi tôi bắt gặp đồng chí Hăng đội mũ xụp xuống để che mặt rồi bước vào một tiệm cà phê ở Nho Quan. Ngày đó gạo 2.800 đồng một tạ, lương bộ đội cấp chỉ huy như đồng chí Hăng là 220 đồng, chưa đủ mua một yếm gạo. Vậy tôi xin chất vấn đồng chí

Hãng lấy tiền đâu mà vào tiệm ? Phải chăng đồng chí Hãng đã lợi dụng lòng tin của đoàn thể, lạm công quỹ để tẩm bổ riêng cho bản thân mình, đúng với tinh thần vị kỷ tiểu tư sản, con đẻ của một xã hội thối nát là xã hội thực dân liên kết với tay sai phong kiến trước 1945 ?

- Tôi công nhận - Hãng đáp ngay chẳng hề trù trừ - có vào tiệm cà phê ở Nho Quan. Việc xụp mũ che mặt là việc của bất cứ cán bộ cao cấp nào bước chân vào tiệm, bởi trong khi đồng bào cùng các đội viên khác kham khổ cực nhọc, mình bước chân vào tiệm « tẩm bổ lẻ » như vậy không là điều đáng thẹn sao ? Nhưng tiền ăn uống đó của tôi không hề là tiền xâm lạm công quỹ. Nguyên vì trên con đường đi công tác từ Nho Quan đến Sầm Nứa tôi gặp nhiều đồng bào tản cư quen, trước là bạn hàng của ba tôi ở Hà nội, họ ân cần mời ăn uống... Số tiền lương không tiêu đến tôi để mua vài tá bút máy rẻ tiền, trữ trong sacoche, đến đâu cần tiền, bán ra từng chiếc một mà tiêu. Đạo đó tôi vẫn nói đùa mỗi chiếc bút máy là một tấm chèque bình dân của tôi.

- Đồng chí ăn ở nhà người quen - một đồng chí khác hỏi - tất nhiên « hòn đất ném đi hòn chì ném lại », đồng chí lấy tiền đâu để đáp lại miếng ăn ?

- Đôi khi tôi nhận lời mua giúp họ một vài vật dụng ngoại hóa cần thiết ở ranh giới vùng tề.

- Như vậy là đồng chí lạm dụng quyền hành đoàn thể để phục vụ cho cá nhân đồng chí ! - Vẫn tiếng nói đó vội vã hần học kết tội.

- Điều đó tôi nhận có, nhưng thật tình không phương hại chút nào đến công tác đoàn thể giao cho.

- Đồng chí Hăng ngoan cố - một tiếng khác còn hần học hơn - lợi dụng công tác để buôn lậu hàng ngoại hóa, đồng chí đã làm một thứ tay sai cổ động cho nền kinh tế địch !

- Mỗi chúng ta đây - Hăng đáp - đều có một bút máy ngoại hóa để ghi chép học tập, đoàn thể mặc nhiên công nhận điều đó vô hại, thì việc tôi mua trữ một ít bút máy là một thứ « chi phiếu bình dân » không thể đem quan trọng hóa để kết tội là làm tay sai cổ động cho nền kinh tế địch. Còn nếu đồng chí nghi là tôi ăn cắp hàng của đoàn thể thì xin thưa việc tổ chức của đoàn thể rất chu đáo !

Theo dõi cuộc chất vấn, chính trị viên đại đội không ngờ là Hăng còn cố bám vào thái độ « cương trực tiêu tư sản » đó, giá biết trước thế, có lẽ ban học tập sẽ không vội chọn Hăng lên bàn mổ tam phần. Đã lỡ thì đành phải đeo đuổi đến cùng, chính trị viên tin tưởng ở tài uốn nắn cá nhân của đoàn thể. Nhưng, cuộc lãnh đạo học tập cần phải thận trọng và khéo léo lắm. Nhận thấy

nếu còn kéo dài thì buổi học tập nhất định sẽ thất bại, y bèn đứng dậy, giơ cao cánh tay lên, đợi mọi người im lặng được một phút mới cất tiếng nói :

- Việc kiểm thảo nhân sinh quan để tìm ra căn bệnh là việc tối hệ trọng. Đoàn thể chỉ giúp đồng chí Hăng tự tìm ra tội lỗi, phải chính mình tìm ra tội lỗi của mình, có như vậy cuộc kiểm thảo mới có lợi ích cho đồng chí...

- Tôi rất đồng ý ở điểm đó ! Hăng bất chợt ngắt lời.

- Vậy tôi đề nghị - chính trị viên tiếp - ngừng buổi học tập tại đây, đồng chí Hăng về sẽ bỏ tước phẩm tước bằng cách thuật rõ lại khoảng thời gian đồng chí hoạt động trong trung đoàn Tây tiến. Chúng ta sẽ căn cứ vào đấy mà giúp đồng chí Hăng một cách đích đáng trong việc nhận định ra tội lỗi của mình !

Lẽ cố nhiên mọi người đồng ý với chính trị viên.

II

Bản bỏ túc phản tỉnh thư thuật lại thời gian công tác trong trung đoàn Tây tiến, Hăng viết rất ngắn gọn, nhất là câu kết. Nếu nội dung không gồm những sự kiện cụ thể, người ta có thể ngờ là Hăng tỏ thái độ ngạo mạn, với đoàn thể.

Tiểu đoàn 150 của trung đoàn Tây tiến ngày đó đóng ở đồn điền Bát Cô cách Nho Quan chừng tám cây số. Công tác của chúng tôi là công tác kinh tế mạo hiểm : buôn thuốc phiện lậu. Vì đoàn thể mà làm, rủi bị bắt ở những nơi đoàn thể không tiện can thiệp vì « nhĩ mục quan chiêm » thì cá nhân chịu trách nhiệm trước tòa án. Lộ trình của chúng tôi như sau : từ Nho Quan qua Kim Tân tới Cẩm Thủy theo đường bộ; từ Cẩm Thủy qua La Hán tới Hội Xuân theo đường thủy ngược dòng sông Mã, rồi sang Sầm Nưa. Mấy tháng đầu chúng tôi phải mua bạc hoa xòe (đồng bạc có hình bà đầm xòe) ở Phát Diệm, Phủ Lý vì người Lào chỉ chịu đổi thuốc phiện lấy bạc thật, về sau hết bạc hoa xòe chúng tôi có thuyết phục họ lấy bạc giấy Đông Dương. Khi đã qua La Hán, Hội Xuân, tới những trạm liên lạc gần biên giới Lào - Việt, chúng tôi thường bị phục kích bao vây ban đêm, hỏa châu sáng rực, liên thanh nổ rền quét ngang bụi rậm. Có đồng chí tử thương đành bỏ xác lại, nhưng bạc hoa xòe, bạc Đông Dương nhất định phải mang

theo bằng được. Tới địa phận Sầm Nứa nhiều khi chờ hai tuần mới có hàng, phải ăn sẵn phơi khô trừ bữa. Kiệt lý và sốt rét là hai bệnh thông thường của chúng tôi. Đó là khoảng 1948 và đầu 1949. Chúng tôi đi từng trung đội như một cuộc hành quân. Hàng về, từ đại đội trưởng trở lên mới được dùng thẻ hỏa tốc, chính quận trưởng công an mới được phép khám hàng trong phòng kín rồi cùng ký. Chúng tôi bắt liên lạc với người tàu ở Pắc Hối (Bắc Hải), họ đưa hàng lậu từ Ma Cao Hồng Kông sang. Thoạt trao hàng ở Phát Diệm, sau đưa sang Diêm Điền (Thái Bình), sau đưa sang Hải Hậu (Nam Định). Mỗi lần trao hàng, có trung đoàn Hà Nam Ninh (Hà NamNam Định-Ninh Bình) bố trí thiết quân luật để nhân dân khỏi thấy. Chúng tôi trao hàng tạ thuốc phiện đổi lấy máy chữ, đá lửa, vải, và các chất nổ như mélinite, tolite... Sang mùa hạ 1949 Pháp luôn luôn ngược dòng sông Đáy càn quét từ Ninh Bình lên cầu Gián Khẩu qua Trường Yên đến tận Nho Quan. Cuối tháng 11 1949 Pháp nhảy dù xuống Yên Mô, chiếm Phát Diệm, chúng tôi bất ngờ bị vây mất mấy ngày nhưng rồi may thoát được. Chiếm Phát Diệm xong, Pháp tiến vào chợ Ghềnh định sửa trường bay Đồng Giao, nhưng bị phá. Đường Việt Bắc bị cắt đứt, Hà Đông, Phủ Lý bị càn quét liên tiếp, kiểm soát ngặt nghèo, các khu vực biến thành tự trị. Muốn liên lạc với Việt Bắc phải quành lối trong, qua Chi Nê. Chính đạo này chúng tôi bị đối

nhiều và là gạo gạo 2.800 đồng một tạ, lương cấp chỉ huy của tôi 220 đồng, không đủ mua một yến gạo. Bữa ăn nào cũng phải có rau muống già để độn; bữa nào rau muống già nấu với nước luộc thịt trộn với ít tót mỡ, ấy là đại tiệc. Và cũng chính vào thời này khi tôi có chút tiền dư là đội sụp mũ che mặt đi uống vụng cà phê. Xin nhắc tôi không hề ăn cấp tiền nhưng nghĩ rằng xung quanh mình còn nhiều bạn đồng đội và hầu hết đồng bào không có tiền, đói, khát, thì bước chân vào tiệm cà phê như vậy lương tâm cắn rứt. Vì luôn luôn gặp lực lượng địch phục kích chúng tôi phải hành quân cấp tốc, mặc dầu ba lô trên lưng nặng, mặc dầu đường hết leo đèo lại xuống dốc, chúng tôi vẫn đi được sáu mươi cây số một ngày. Lên con sốt rồi, đi có cũng được mười cây số để kịp đến trực liên lạc. Chúng tôi hành quân lần giây trong đêm tối dưới rừng, giây trùng thì đi chậm, giây căng thì đi nhanh. Một lần vào buổi chiều chạng vạng, chúng tôi tới Bát Cô, qua gầm cầu còn thấy sợ người đổ máu vì bị cọp ăn. Có một bài thơ nói đến chúng tôi mở đầu bằng câu : Tây tiến, đoàn quân không mọc tóc! Đúng thế !»

Hãng đã ngồi xuống chờ chất vấn, giây lâu mọi người mới biết rằng bản đồ tức phản tỉnh thư tận cùng bằng hai chữ « đúng thế !» Rồi cuộc chất vấn khởi đầu. Thái độ sáng suốt của Hãng làm những câu chất vấn mất tính cách huyền hoặc mà lộ vẻ ngớ ngẩn. Câu trả lời của

Hãng luôn luôn đơn giản nhưng vô cùng xác thực và đượm một niềm tin tưởng nhiệt thành. Quả là hai bên nói hai ngôn ngữ khác nhau, một bên cố quy về tội lỗi, một bên hoàn toàn phủ nhận tội lỗi, thứ tội lỗi a dua cố bịa ra cho có.

Hai câu chất vấn cuối cùng như sau :

- Hành quân sáu mươi cây số một ngày, hành quân lần giây dưới rừng đêm tối, hành quân leo đèo lặn suối như vậy, khi qua gầm cầu Bát Cô lại thấy sợ người còn đỏ máu vì mới bị cọp ăn, tôi tin rằng đồng chí Hãng phải thấy ngã lòng vì kháng chiến quá gian khổ và chắc chắn phải đã có tư tưởng hành địch lớn vờn trong đầu óc, tôi muốn đồng chí Hãng cho biết lúc đó đồng chí nghĩ gì, rắp tâm đầu hàng địch ra sao ?

- Trong óc, tôi luôn luôn chia đất nước làm hai miền, miền địch và miền ta, không bao giờ tôi nghĩ sang ở vùng địch. Tôi ưa mạo hiểm, ở đồn điền, tôi thích tổ chức săn đêm, gia nhập kháng chiến tôi hành quân đêm, nhìn sợ người đẫm máu vì bị cọp ăn càng là một thứ gia vị kích thích cho lòng ưa mạo hiểm của tôi thêm hào hứng !

Chính trị viên khẽ lắc đầu. Biết cơ sự thế này thì bảỉ bỏ cuộc tam phản của Hãng ngay từ hôm qua lại hóa có chính trị. Vừa lúc một giọng chất vấn khác tiếp theo :

- Cách đây chừng ba tháng, đồng chí Hăng có thuật lại cho tôi hay khi phụ trách địch vận đã có lần đồng chí trốn địch ở một hang đá Đông Triều, rồi lên cơn sốt rét, đồng chí đã ngủ trên bụng một nữ đồng chí...

Cả phòng cất tiếng cười ồ. Đồng chí chắt vắn chờ cho tiếng cười ngớt mới tiếp :

- ... Tôi ngờ rằng còn có điều chi khuất tất, đồng chí Hăng cần bộc lộ rõ hơn để chúng tôi giúp đồng chí tìm ra căn bệnh.

Đôi mắt chính trị viên thoáng tia sáng, y giơ tay, mọi người im lặng, y cất tiếng :

- Năm 1950 đồng chí Hăng đổi sang cơ quan địch vận, rồi dự trận đèo Bông Lau, rồi dự chiến dịch đồng bằng Liên khu Ba. Tôi thấy đồng chí Hăng cần bổ túc phần tinh thu thuật rõ lại khoảng thời gian này cho đến ngày đồng chí theo khóa bảy sang đây, có như thế chúng ta mới có đủ tài liệu giúp đồng chí Hăng kiểm thảo nhân sinh quan.

Lẽ cố nhiên đề nghị của chính trị viên lại được đoàn thể chấp thuận.

III

Gian phòng của Hăng cũng căng vải đen với những khẩu hiệu ngang dọc, Hăng cũng đi chân không, mặc áo không cài khuy, mặc quần không giải rút, ăn cơm lạt để viết bản báo tức phản tỉnh thư thứ hai dưới ánh đèn leo lét, nhưng điều làm cho chính trị viên phát phiền là Hăng không có dáng người, vẻ mặt thiếu não sâu khổ vì những tội lỗi trong quá khứ của mình, bởi lẽ giản dị là Hăng vẫn chưa chịu nhận đó là tội lỗi. Khẩu hiệu chính căng lớn tại văn phòng hiệu bộ : TẤT CẢ CHO PHONG TRÀO TAM PHẦN ! Trong khi các người lên bàn mổ cặm cụi viết bản phản tỉnh thư hoặc bản báo tức phản tỉnh thư thì ban nhạc cử những bài ai oán bên ngoài cửa sổ như tiếng khóc thương trước cửa nhà mồ. Ban nhạc có đến trước cửa phòng Hăng vừa đàn vừa ca một bài hát buồn trong phim « Bạch Mao Nữ ». « Anh có nhớ chẳng quê hương tôi bởi khói lửa... » nhưng chính trị viên không tin ở hiệu lực của lời ca tiếng nhạc đó chút nào đối với Hăng. Vấn đề Hăng, hay đúng hơn « hiện tượng Hăng » mấy ngày mấy đêm nay ám ảnh y và toàn ban lãnh đạo học tập vẫn chưa tìm được giải pháp ổn thỏa. Hạt thóc không thể gieo trên phiến đá nhẵn thín mà nảy mầm, chính trị viên tin ở tài lãnh đạo của đoàn thể, hạt thóc có thể nảy mầm trên phiến đá phủ rêu, nhưng từ phiến đá nhẵn đến phiến đá phủ rêu đòi hỏi thời gian. Đã chót chỉ định Hăng lên

bàn mổ, thời gian không còn nữa, cái làm của ban lãnh đạo học tập là ở đây.

Buổi tối hôm đó Hăng lên sập ngồi đối diện với các đồng chí đọc bản báo tức phản tỉnh thư thứ hai của anh.

« Cuối năm 1949 vì địch khủng bố dữ quá nên công tác buôn thuốc phiện bị ngừng trệ hẳn, chúng tôi phải xoay buôn gỗ, nhưng bè bị vỡ ở thác Hội Xuân, phải huy động quân đội đi vớt; chúng tôi nuôi gà, gà toi; chúng tôi nuôi vịt, vịt không đẻ. Tôi đổi sang cơ quan địch vận vào dịp này (đầu năm 1950). Suốt một tháng đầu tôi không giúp được việc gì cho cơ quan mới vì chúng sốt rét lưu trữ từ thuở hoạt động trong đoàn quân Tây tiến. Một lần cơ quan bị động, toàn thể anh chị em phải lần tảo mát vào những hang núi Đông Triều, tôi lên cơn sốt vào nửa đêm, một nữ đồng chí có cảm tình cho tôi nằm ngả lên người đồng chí để tránh hơi đá lạnh buốt. Chỉ có thể thôi ! Và lại lúc đó tôi ốm chỉ còn da bọc xương (có tiếng cười khúc khích đâu đó trong phòng). Khi bệnh sốt rét ngớt lui, tôi trực tiếp điều khiển tờ báo bằng Pháp ngữ : viết bài, chọn bài, in báo và phân phát. Đầu năm 1951 tôi lên mặt trận đèo Bông Lau vừa để ngầm tung báo địch vận tới các đại đội Pháp vừa tổ chức một hệ thống phát thanh lợi dụng vị trí thuận chiều gió cho lời tuyên truyền của ta lọt tới tai địch mỗi khi tiếng súng của chúng vừa dứt đợt. Sau chiến thắng

đèo Bông Lau đoàn thể cử tôi về đồng bằng tăng cường cho cơ quan địch vận nơi đây. Chiến dịch REPTILE của địch bao trùm cả Hải Dương Hưng Yên. Thoạt chúng đánh các vùng Thanh Miện, Bình Giang, Gia Lộc thuộc Hải Dương rồi chúng quành sang Hưng Yên như thể trò chơi rồng rắn của trẻ con. Chủ trương của chúng : bao vây tiêu diệt cán bộ và bộ đội. Tôi về tăng cường cho bộ đội địch vận của trung đoàn 42, trung đoàn phụ trách Hải Dương, Hưng Yên và đường số 5, khét tiếng là khi ẩn khi hiện như ma làm điên đầu tướng Cogy chỉ huy chiến dịch này.

Cuối hạ sang thu, địch mở tiếp chiến dịch CITRON đánh cả Hải Dương, Thái Bình. Giữa hai tỉnh này là con sông Luộc, chiến dịch đồng thời diễn ra ở hai tỉnh như hai nửa trái chanh đã cắt mà lưỡi dao phân đôi là con sông Luộc. Chiến thuật của địch quây tròn rồi thắt chặt lại để tiêu diệt cán bộ và bộ đội ta. Chúng bắt cả ngàn người đưa đến trại hỏi cung. Tôi bị bắt ở Ninh Giang (Hải Dương). Camp de triage của chúng loại dần, sau cùng còn lại chừng ba ngàn người tình nghi, già có trẻ có, thuần là đàn ông. Chúng tập trung chúng tôi vào một khu đất trống giữa trời, xung quanh rào giây thép gai. Mười tám ngày ròng, dầm mưa dãi nắng như vậy. Tới bữa chúng chia cho mỗi người một nắm cơm với con cá mắm, chúng tiếp tục lọc dần để gửi những người tình nghi thực sự lên camp Hải Dương và camp

Hải Phòng, tôi bị giải lên camp Hải Dương. Tới đây tôi mới biết em rê tôi là Mạnh, tỉnh ủy viên Hải Dương, cũng bị bắt trong chiến dịch CITRON và cũng bị giam ở khu đất lộ thiên mà trước đây vì đông quá không biết nhau. Phương pháp hỏi cung của nhân viên Phòng Nhì nơi đây là đánh phủ đầu, đánh tới mặt mũi rồi hỏi dồn dập: «Mày có phải cán bộ Việt Minh? Mày có phải Việt Minh quan trọng?» Mình chối nó tiếp tục đánh. Mạnh, em rê tôi, chịu qua đợt đòn này thì được thả vì y có bộ mặt nông dân nên Phòng Nhì Pháp cho là bắt nhầm. Chúng kêu là tôi có bộ mặt trí thức và chắc chắn là «Việt Minh quan trọng;» tôi nhất định khai mình là giáo sư trường trung học Ngô Sĩ Liên ở Bắc Giang về thăm gia đình ở Ninh Giang nhưng gia đình đã vào Hà Nội không biết ở phố nào. Chúng tiếp tục tra tấn tôi, chúng đánh đòn theo kiểu Nhật «xin âm dương», nghĩa là đánh cho té xấp lật ngửa liên tiếp, chúng cột tôi vào phía sau xe Jeep, rồi cho xe chạy khiến tôi phải chạy giật lùi, mỗi lần ngã khụy là một lần trầy xương bánh chè, chúng cho quay điện rồi gí vào hai tai tôi... Tôi chịu qua thời gian truân đó, giữ vững lời khai. Một số cán bộ công an cũ của ta về hàng địch và được cử tới nhận diện, may thay tôi mới về công tác đồng bằng nên chúng không biết. Sau cùng tôi được xếp hạng tù binh nhốt trong phòng C, ngày ngày đi phu làm đường, làm công hoạc đi hầu các dinh thự. Tòa hành chánh Ninh

Giang, các công sở khác, cùng các đồn bót, nhà cửa đều còn lọt tôn với hàng rào giây kẽm gai vây quanh. Ở salle C này tôi may mắn gặp được đồng chí liên lạc viên công tác đội trong cơ quan địch vận của tôi. Trong lúc giả vờ đánh cờ hút thuốc chúng tôi mới dám nhận nhau và trao đổi một vài câu thăm lén. Nơi đây là cả một cuộc tranh sống ! Chính nhờ chú Khải - tên đồng chí liên lạc viên công tác đội - tôi mới có được bát cơm đầy mà ăn, có được bát nước mà uống. Salle C có hai dãy sàn gỗ, giữa là lối đi, tù nhân ngủ trên và dưới gầm sàn, chật ních; chính nhờ chú Khải mà tôi có được một chỗ nằm dưới gầm sàn gần một khe hồng để bắt lấy tia gió mỏng qua đó mà đỡ ngạt thở phần nào. Sáng sáng vào lúc rửa cầu tiêu, chính nhờ đồng chí Khải mà tôi có được một bơ nước để tắm, tắm bằng cách kỳ cho bờ ghét rồi rấp nước vào khăn mặt mà lau. Trong lúc giả vờ đánh cờ hút thuốc, chú Khải thường bảo tôi : « Thế nào em cũng được tha trước anh, vậy khi nghe họ đọc tên em, anh cứ đứng dậy nhận giấy mà ra, em ra sau anh, không sao. Các anh bị giam tối ngày ở salle D họ mới nhớ mặt, còn anh ở salle C này thì không lo. Vả lại Nô-en, hoặc Tết Nguyên đán tới, anh cũng được tha; nếu không thì ngày Phật đản mừng tám tháng tư hoặc cùng lắm đến ngày rằm tháng bảy sang năm là cùng anh cũng phải được tha, ngày đó em ra cũng được, không sao. » Quả nhiên hơn một tuần sau chú Khải được tha,

tôi đã đội tên chú mà ra trước như đã bàn định với nhau; họ cấp cho tôi một mảnh giấy nhỏ để về nguyên quán là một làng thuộc huyện Ninh Giang (như lời chú Khải đã khai hồi bị tra tấn). Ra khỏi trại giam tôi rẽ tay trái tới bến ô-tô gần vườn hoa, mua vé về Ninh Giang cho khỏi bị nghi ngờ, nhưng khi ô tô qua khỏi Cầu Cát (cầu kéo lên được) một quãng xe ngừng, tôi nhảy xuống đồng tìm vào một làng tè, bắt liên lạc được ngay với anh em để đi Việt Bắc. Và đoàn thể cử tôi sang đây vừa kịp theo học Lục quân khóa Bảy. »

Hãng ngồi xuống, mọi người biết là bản bỏ tức phản tỉnh thư đã hết. Một đồng chí đứng ngay lên cất tiếng nói hần học :

- Tôi thấy cần chỉnh đốn lại danh từ, lần trước cũng như lần này, đó chỉ là bản bỏ tức tiểu sử chứ không phải là bản bỏ tức phản tỉnh thư bởi đồng chí Hãng có chịu nêu lên những tội lỗi gì của mình đâu ?

- Tôi đồng ý với đồng chí - Hãng đáp - thực ra đó chỉ là những bản bỏ tức tiểu sử để các đồng chí căn cứ vào đấy mà chất vấn, giúp tôi tìm ra tội lỗi. Sở dĩ tôi không bộc lộ tội lỗi vì tôi chưa nhìn thấy tội lỗi của tôi đâu cả.

Rồi cuộc chất vấn bắt đầu, vẫn những câu hỏi ngu xuẩn cố lái về phía tội lỗi. Câu đáp lại của Hãng thường đầy đủ chi tiết khiến cuộc chất vấn đỡ ngỡ ngẩn phần

nào.

Đáp lại câu chất vấn « Khi bị đổi công tác từ đoàn Tây tiến sang cơ quan địch vận như vậy có phát sinh tư tưởng oán Đảng không ? » Hăng nói : « Tôi chẳng hề có tư tưởng oán Đảng vì sang ngành địch vận Liên khu Ba, trông coi tờ báo La Résistance để thi đua với tờ Frères d'Armes của trung ương tôi có dịp ôn lại tiếng Pháp. »

Đáp lại câu chất vấn « Trong công tác địch vận nguy hiểm như vậy hẳn có khi phải ngã lòng thối chí và phát sinh tư tưởng đầu hàng địch, » Hăng nói : « Kể về gian nan thì công tác tại trung đoàn Tây tiến gian nan vất vả hơn nhiều. Phát truyền đơn và báo chí địch vận, chúng tôi thường rải trên các con đường chúng tôi đi tuần tiễu, gần các đồn bốt. Gọi loa theo chiều gió thì chúng tôi đã đào trước nhiều hố để núp, sau mỗi lần gọi loa chúng tôi lại thay hố núp để tránh luồng đạn liên thanh. Chúng tôi rất vui trong cái trò chơi rồn với địch, rồn với tử thần như vậy. Theo chiều gió tiếng nói của chúng tôi có thể đi xa vài trăm thước. »

Gay go nhất là câu kết tội « Hăng đã úy tử cầu xin nhận giấy tha của Khải để thoát thân mình, không xứng đáng chút nào đạo đức cán bộ. » Hăng đáp : « Khải đề nghị với tôi như vậy cũng là thâm nhuần chính sách bảo vệ và bồi dưỡng cán bộ của đoàn thể. Tôi ở trại giam ra, không ở lại đất địch nửa ngày, lên xe ngay, bắt liên lạc

với các đồng chí ngay, nửa tháng sau đã có mặt ở đây để theo Lục quân khóa Bảy, tôi tự thấy không có điều gì hổ thẹn với đồng chí Khải cả. »

Lời chất vấn khác nhất định buộc Hăng phải có tinh thần giao động cầu an muốn về thành khi ở trại giam ra, Hăng trả lời : « Thái độ của đồng chí Khải trong trại giam đối với tôi như vậy, khi ở trại giam ra tới bến ô-tô tôi có mua một ít thức ăn, đồng bào nhất định không lấy tiền vì biết tôi là tù chính trị vừa được thả. Tình đồng bào, tình đồng chí đối với tôi như vậy làm sao tôi có thể có tinh thần giao động cầu an rấp tâm về thành ?»

- Đồng chí thấy gì khi bị địch quay điện ? (Ý câu chất vấn muốn quay về vấn đề giao động tinh thần.)

- Tôi chỉ thấy - lời Hăng đáp - hoa cà hoa cải đổ ra trước mắt.

Cả phòng cười ồ, có tiếng cười thích chí của những người vẫn ngầm phản đối phong trào tam phản. Không phải là Hăng dụng tâm khôi hài, chính trị viên biết lắm. Lời đáp của Hăng chỉ là lời anh chàng thẳng ruột ngựa có thừa thiện chí nhận lỗi nếu rõ ràng đó là lỗi thật, nhưng cương quyết khước từ mọi tự kỷ ám thị để gây thành một tội lỗi hư ảo. Cũng biết lời đáp trên nhằm nhiều tính chất khôi hài, để tránh mọi hiểu nhầm, Hăng giải thích thêm :

- Thoạt đầu bị quay điện ai cũng sợ nhưng rồi ai cũng quen vì biết rằng khi họ kẹt giây điện vào tai, mắt mình nhắm lại, một khoảng hồng rực lóe ra phía trước, chỉ qua đi vài giây là toàn thân ê ẩm, đầu óc tê dại, mình ngất đi không biết gì nữa. Đáng sợ nhất, chính là đòn xin âm dương...

Cánh cửa phòng họp bỗng mở tung, một đồng chí trong ban lãnh đạo học tập bước vào tiến nhanh lên bục, trao đổi khẽ vài lời với chính trị viên, vẻ bàng hoàng thoáng lộ. Tổ tâm giao của Hãng được gọi lên. Cả phòng nín thình chờ đợi... Chính trị viên quay lại tuyên bố buổi học tập tạm giải tán.

Có việc gì vừa xảy ra đây !

IV

Việc gì vừa xảy ra ?

Việc xảy ra bên trung đoàn 34, trung đoàn pháo binh do phó chính ủy Lê K. (con bà Cát Hạnh Long) lãnh đạo phản tỉnh.

Phong trào phản tỉnh đã tới giai đoạn chót, trung đoàn 34 của Lê K. nhiều người tự tử nhất. Thiếu tướng chính ủy Trần B. báo cáo tổng quát về nước với Trung Ương Đảng Bộ là phong trào tam phẩm đã giúp y khám phá tới 70% Việt gian trong trường Lục quân. Mặc cho mọi người bất mãn ! Mặc cho mọi người mất hết tinh thần ! Người lên bàn mổ song song với Hăng bên trung đoàn 34 là Duy Hoàn.

Trái hẳn với Hăng, Duy Hoàn có dáng nhỏ nhắn như con gái, nước da trắng xanh khuôn mặt trái soan trông rất dễ thương, đôi mắt khi vui thành thực thì mở lớn, khi suy nghĩ hoặc muôn dấu tình cảm thì lim dim, vẻ lim dim nửa chịu đựng nửa khôì hài, tuyệt nhiên không nham hiểm. Cũng là người được nhiều cảm tình với quần chúng như Hăng nhưng Duy Hoàn có một vẻ quyền rũ huyền bí như những chuyện huyền bí anh thường kể cho anh em nghe. Trước kia, hồi chưa phát động phong trào tam phẩm, cứ sau giờ sinh hoạt, về khú, tuy đã rất mệt, anh em trong tiểu đội hay trung đội vẫn thích ngồi

nán lại nghe chuyện huyền bí của Duy Hoàn, ai nấy miệng há hốc.

Tất cả bè bạn đều biết câu chuyện tình của Duy Hoàn với nữ cán bộ Phương Thảo. Trí tưởng tượng của Duy Hoàn thật phong phú ! Ngày đó vào cuối năm 1945, đoàn tuyên truyền xung phong Kiến An vừa thành lập, Duy Hoàn hay tin trong đoàn của anh sẽ có một cô gái tên là Phương Thảo, anh mê ngay tên đó, rồi muốn mê luôn cả người, mặc dầu anh chưa biết mặt người đẹp. Phương Thảo là cỏ thơm, cái tên sao mà hiền sao mà thơ mộng, sao mà lãng mạn ! Anh tự nhiên thích tất cả những câu cổ thi trong đó có hai chữ phương thảo.

Anh ngâm lớn :

*Vương Tôn du hệ bất quy
Phương Thảo thanh hệ thể thể.*

Rồi hôm khác anh ngâm bài khác :

*Xuân du Phương Thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì
Thu ẩm hoàng hoa tửu
Đông ngâm bạch tuyết thi.*

Một anh bạn nghiêng tai lắng nghe rồi lắc đầu cái chính bằng giọng thân mật :

- Không phải rồi ông ơi, « Xuân du thanh thảo địa» mới đúng ! Bốn câu thơ nhấn mạnh ở bốn màu sắc thanh thảo địa, lục hà trì, hoàng hoa tửu, bạch tuyết thi.

Nhưng Duy Hoàn vẫn khăng khăng ngâm theo ý hướng của anh :

*Xuân du phương thảo địa
Hạ thưởng lục hà trì...*

Rồi người đẹp Phương Thảo tới nhận công tác, nàng đẹp và hiền đúng như Duy Hoàn đã tưởng tượng trước. Duy Hoàn được bầu làm trưởng ban, người ta cấp cho anh một chiếc xe ngựa, một con ngựa. Dưới quyền anh có Phương Thảo và hai anh Vệ quốc quân nữa, vị chi là bốn người. Duy Hoàn có mang theo chiếc mandoline của anh. Thế là chiếc xe ngựa cộc cạch chở bốn người đi hết làng này đến làng nọ, hết tổng này đến tổng nọ để tuyên truyền giải thích đường lối của chính phủ. Trước khi diễn thuyết mọi người đứng nghiêm làm lễ chào cờ, cùng hát quốc ca, Duy Hoàn đánh mandoline theo. Lễ cố nhiên anh và Phương Thảo yêu nhau và khi ban tuyên truyền đến tổng Đồ Sơn sẵn cảnh sơn thủy hữu tình khích lệ, Duy Hoàn đã hoàn toàn chiếm hữu Phương Thảo dưới ánh trăng, khoảng bãi cỏ thơm, trên

mỏm Hòn Đầu, một địa điểm tuy đẹp thật nhưng đượm vẻ khốc liệt của chốn sơn cùng thủy tận. Sau phút ân ái Phương Thảo gục đầu lên vai anh khóc nức khiến cảnh núi, rừng, trăng, biển Hòn Đầu bỗng như run rẩy trong cô quạnh và tang thương. Sau đó Phương Thảo được cử đi công tác nơi khác, Duy Hoàn gia nhập bộ đội, rồi kháng chiến toàn bùng nổ, hai người không được gặp nhau nữa. Linh tính cho Duy Hoàn hay Phương Thảo đã chết, Duy Hoàn tin chắc vậy. Vào bộ đội chiến đấu, Duy Hoàn truy kích binh đoàn Pháp trong chiến dịch sông Lô, phục kích tiêu hao địch trên quốc lộ số 4, thuyên chuyển sang trung đoàn 42 để đặt mìn phá hoại đường số 5 cùng công đồn địch tại Hưng Yên Hải Dương, ở đâu anh em cũng thấy Duy Hoàn hăng hái đi hàng đầu, tự nêu khẩu hiệu đánh nhanh đánh mạnh, vì trong tâm linh Duy Hoàn luôn luôn có tiếng nói huyền bí của Phương Thảo : « Anh tiến thật nhanh đi, đánh thật mạnh đi, đã có em phù hộ. » Trước khi được cử sang Tàu theo học lục quân khóa Bảy Duy Hoàn được tặng huân chương chiến sĩ hạng nhất. Anh em đồng đội thường gọi đùa Duy Hoàn là Mã Siêu (trong Tam Quốc). Trong dịp đi tuyên truyền ở các làng, các tổng quanh Kiến An, Duy Hoàn đã được chứng kiến cảnh người Cộng sản thủ tiêu anh em Dân chủ đảng, cho nên sau này anh chiến đấu rất anh dũng cho kháng chiến chứ nhất định khước từ lời dụ dỗ vào Đảng. Vào Đảng theo ý anh là

a tòng với bọn giết người (giết anh em Dân chủ đảng). Anh đâu có là đảng viên Dân chủ nhưng một hình ảnh ghê tởm nào anh đã thấy thì in sâu trong trí anh đến mãi đời, anh vốn giàu tưởng tượng !

Duy Hoàn chẳng còn ai thân thích trên đời, cha mẹ đã mất sớm, anh trên chẳng có, em dưới thì không, lẽ ra anh không phải lên bàn mổ tam phần, nhưng ban lãnh đạo học tập thấy cần phải mổ xẻ anh vì bốn điểm sau này :

- Một người không phải là đảng viên mà chiếm được nhiều tình cảm quần chúng như vậy rất có hại cho sự lãnh đạo của Đảng.

- Môi tình của Duy Hoàn với Phương Thảo sặc mùi lãng

mạn tiêu tư sản.

- Duy Hoàn trước đây rất giỏi đàn tam thập lục, thường ca ngợi những bài Tàu như bài Vương cô nương, một thứ tiêu tư sản và bài Nhị Vòng (Nhị Vương) ca ngợi phong kiến.

- Ưa những chuyện huyền bí có hại cho ánh sáng Mác-Lê.

Bởi thế Duy Hoàn phải lên bàn mổ. Đảng đã khôn ngoan để Hăng và Duy Hoàn lên bàn mổ vào giai đoạn cuối vì cả hai đều được cảm tình quần chúng, nếu họ bị hành hạ ngay từ phút đầu e bất lợi. Lên bàn mổ vào giai đoạn cuối hai người đã được thừa dịp quan sát và nghiên ngẫm trường hợp những kẻ giác ngộ nửa vời bị trói rồi lấy báng súng đập vào đầu, bị lột trần truồng ngâm trong nước lạnh nửa giờ rồi đeo bảng « Ngoan cố » hoặc « Phản cách mạng » mà đi điều trước mọi người. Cả những gương tự vẫn bị quăng xác lên đồi làm mồi cho sài cứu nữa. Hai người tất nhiên cũng phải hiểu hoặc cố hiểu rằng lý do tây nảo hoán nảo điều đứng như vậy chính là để sau đây có thể phục vụ cho đoàn thể, phục vụ cho kháng chiến đặc lực gấp bội.

Nhưng hai người đã phản ứng ngược lại với dự tính của Đảng, mỗi người một cách !

Phần nặng nhất của Hăng là có ông nội làm tay sai cho giặc (cụ đề Kinh), và cha là địa chủ (ông phán Nghị). Nhưng phần kiểm thảo bản Hăng chưa xong thì Duy Hoàn đã cứu Hăng bằng tấn bi hài kịch do chính Duy Hoàn vừa đạo diễn vừa thủ vở.

V

Cũng như Hăng, Duy Hoàn khởi sự buổi học tập bằng cách thuật lại tiểu sử, Duy Hoàn thuật miệng chứ chẳng phải nhìn vào giấy tờ chi cả. Lẽ có nhiên tiểu sử Duy Hoàn cũng có lớn vờn những bóng ma. Ban lãnh đạo học tập không ngắt lời Duy Hoàn vì cần thu lượm những bằng cứ hoang đường đó để « đập » lại sau này, còn anh em khác thì nín thở theo dõi, kể cả những anh đã được nghe chuyện một lần rồi. Trong bầu không khí nghẹt ngào u uất của học tập tam phần mà có được một buổi công khai nghe chuyện ma như vậy, giây phút giải thoát đó giá đáng ngàn vàng.

Tôi sinh ngay tại tỉnh Kiến An, mồ côi cha mẹ từ sớm, ở với người anh giai làm thư ký tòa Sứ. Hàng tuần anh tôi họp các bạn tại nhà vào ngày chủ nhật để họa đàn. Anh tôi mê đàn hơn mê gái nên năm đó đã trên hai mươi tuổi rồi mà chưa chịu lấy vợ. Tuổi tôi mới chừng mười hai, mười ba. Trong lúc anh tôi cùng các bạn họa đàn tại phòng khách thì tôi nằm ở trong phòng nghe lỏm; chẳng bao lâu tôi thuộc hết những bài anh tôi thường họa : Bình bán, Lưu thủy, Hành vân, Khổng Minh tọa lầu, Tây thi, Kim tiền... Vào những ngày giờ anh tôi đi làm, tôi mang cây đàn tứ xuống dò lại những bài đó, rồi tụ tập các bạn trẻ cùng lứa tuổi tại nhà, đàn và dạy chúng hát. Chúng thích lắm. Đôi khi tôi đánh

đứt dây đàn nói không đúng kiểu, anh tôi chỉ mặt dọa đánh, lại có khi tôi đang tụ tập dạy hát thì anh tôi quên cái gì chợt về, tôi bị những các củng tưởng như đến thùng đầu. Tôi sợ anh như cha, có phần hơn thế. Buổi chiều khi đi học về, anh tôi cũng đã ở sở về, tôi len lét như rắn mừng năm. Không phải là anh tôi nghiêm ác gì, người vốn có cái oai như vậy. Năm mười sáu tuổi tôi thi được vào trường Canh nông Thực hành tại Tuyên Quang. Tôi sống cuộc đời tự lập. Nơi đây tôi gặp một anh bạn giỏi kéo nhị, thường cùng tôi họa đàn và những ngày giờ nghỉ. Anh bạn dạy tôi thêm đàn tam thập lục. Nói là tam thập lục kỳ thực những ba mươi tám giây, vì còn phải kể thêm hai giây chập đôi thật trầm nữa. Tôi chơi giỏi tam thập lục những bản Tàu như Chống Bản, Vương Cô Nương, Nhì Vòng... Bản Vương Cô Nương nghe như lời khóc than thiết tha của người đàn bà xa tình nhân vào thời chinh chiến; bản Nhì Vòng tức là nhị vương - hai vua - thật có khúc dạo, rồi đến bản đàn chính nghe như hai vua ngồi đàm thoại với nhau về quốc kế dân sinh, đoạn kết thúc nghe sang sảng như tiếng cười tâm đầu ý hợp của hai vua trước khi chia tay. Đàn đó đắt quá, của anh bạn, nên từ sau ngày dời khỏi Tuyên Quang tôi không được mó tới lần nào nữa. Chương trình lớp canh nông thực hành học hai năm. Vào dịp hè tôi có về Kiến An thăm anh. Giờ đây tôi tự coi như đã trưởng thành, không còn len lét sợ anh như

xưa nữa. Hai anh em họa đàn. Thấy tôi chơi hay và đúng anh tôi ngạc nhiên hỏi : « Chú biết đánh đàn tự bao giờ thế ? » Tôi đáp là đã biết đánh mò từ thuở còn ở nhà với anh. Tốt nghiệp ở trường Canh nông Tuyên Quang ra, chưa kịp đèn đáp công nuôi nấng của anh chút nào thì anh bị bạo bệnh mất. Tôi vào Thanh Hóa nhận việc tại đồn điền Vân Du, một đồn điền nhà nước mới khai phá (một vài người mỉm cười một cách kín đáo vì họ biết sắp đến đoạn kể chuyện ma).

Chuyến tàu xuyên Việt qua đèo Đồng Giao sang địa phận Thanh Hóa tới ga Bỉm Sơn ngừng lại mấy phút. Tôi xuống ga này và còn phải đi vào chừng mười sáu cây số nữa mới tới đồn điền Vân Du. Đền Phố Cát cách đây chừng một cây, vào những ngày rằm, mừng một, phu và cai đều tới đền lễ để cầu xin bà Liễu Hạnh che chở cho khỏi bị ma rùng quấy nhiễu. Tối đầu khi vừa thiu thiu ngủ tôi bỗng thấy có người nằm ngay cạnh tôi. Trí suy xét còn hoàn toàn minh mẫn, tôi nhớ rằng mình đến đồn điền có một mình, và một mình mình ở căn nhà ba gian này, cai và phu ở chung một căn nhà khác phía gần cổng, thì làm sao có người thứ hai nằm cạnh được ? Tôi cất tiếng hỏi đồng dạng : « Anh là ai mà nằm cạnh tôi thế này ? » - Nó đáp, giọng con gái : « Tôi là cô An đây mà, anh Hai ! » Cô An ! Sao nó biết chuyện cô An với tôi ? Nguyên vì khi còn học ở Tuyên Quang, vào những đêm trăng, thế nào tôi và anh bạn cũng bỏ ra ít thì giờ lên đồi

họa đàn. Cô An thường đứng lẩn ở chân đồi nghe trộm, cô là con gái ông giám đốc trường, cũng trạc tuổi tôi. Một lần gặp tôi trên đường, cô nói : « Anh Hai chơi đàn hay lắm, anh Hai ! » Ý cô muốn đợi tôi tỏ tình. Vì ít thì giờ quá, chương trình học nặng cả về lý thuyết lẫn thực hành nên chuyện đó tôi bỏ qua, nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao cô ta biết tôi là con thứ hai trong gia đình. Tôi vừa nghĩ đến đây thì người nằm cạnh thọc nách cù tôi, lập tức tôi dùng cùi tay gạt hẳn ra lia lịa, chứ không dám đấm (tôi còn nhớ rõ đây là đàn bà). Vì làm nhiều cử động như vậy, tôi tự trạng thái nửa mê nửa tỉnh trở thành tỉnh hẳn. Tôi bàng hoàng nhìn quanh không thấy ai. Tôi vẫn chưa biết mặt hẳn. Sau đó tôi ngủ yên suốt đêm. Ba bốn đêm sau liền không hề thấy động tĩnh gì. Sắp rằm tháng tám, tôi muốn về ăn Tết Trung thu với ít người thân ở Kiến An. Tôi dời đồn điền vào sáng sớm, đi xe đạp. Dọc đường tôi nghỉ ở hai chặng : Ninh Bình và Phủ Lý. Tôi tới Hà Nội vào khoảng năm giờ chiều, định ra ngồi ghé đá ngấm Hồ Hoàn Kiếm một lúc rồi đi ăn và mua bánh Trung thu sửa soạn mai về Kiến An là vừa. Vừa ghéch xe đạp cạnh ghé đá chưa kịp ngồi thì có bàn tay ai đặt trên vai tôi. Giật mình quay lại, tôi vui mừng nhận ra anh bạn thân thường cùng tôi họa đàn ở Tuyên Quang. Anh được bổ đi làm ở một đồn điền nhà nước tại Sơn Tây, anh cũng vừa về tới Hà Nội sắp sửa đi mua bánh Trung thu để còn kịp về thăm nhà trong Hà

Đông. Anh rủ tôi về ăn Trung thu tại Hà Đông với gia đình anh, nhân tiện anh sẽ kể một câu chuyện có liên lạc với tôi. Tôi cũng muốn về Hà Đông lắm để cùng anh bạn họa lại những bản đàn Chông bản, Vương cô nương, Nhì vòng, nhưng mệt quá rồi, tôi từ chối; anh bạn bèn ngồi ngay ghé đá kể chuyện cô An. Cô An đã chết. Cô treo cổ trên sà nhà tự tử. Cô có mang với anh bạn xấu nhất và dốt nhất lớp, hiện còn phải ở lại học đúp một năm nữa. Da đen mặt rỗ, người gầy như que củi nhưng rất tốt bụng, khi hay tin An có mang, anh bàn chuyện ăn hỏi và làm lễ cưới, nhưng An nói thẳng cho anh hay là An không yêu anh mà chỉ thầm yêu trộm nhớ có tôi. Rồi An tự tử.

Kể xong chuyện anh bạn tôi cười, kết luận : Đứa con đó đẻ ra, nhất định giống cậu vì khi ngủ với hấn, An tư tưởng đến cậu.

Tôi chưa yêu An, không mấy khi nghĩ đến An nhưng hay tin An chết như vậy tôi thương nàng vô cùng.

Ăn Tết trung thu ở Kiến An xong tôi trở về đồn điền Vân Du bằng đường ngang qua Nam Định. Lần thứ hai tới đồn điền này, tôi mới có dịp quan sát kỹ địa thế nơi đây. Cả Thanh Hóa chỉ vùng này có đất đỏ, xung quanh là rừng già, cây lớn tới sáu bảy người ôm, thổ dân phần lớn là người Mường. Tự đó có đường xuyên rừng đi Nho Quan thuộc Ninh Bình. Tôi bắt đầu trông nom việc

giồng sơn và trồng cam. Hồ báo nơi đây đã nhiều, đồn điền lại có con bò mộng giống Ấn Độ, đêm đêm gầm lên chẳng khác gì tiếng cộp gầm. Tôi còn sắp khám phá thêm một điều. Căn nhà chính ba gian thên thang, gian giữa có tiền đình, phòng khác rồi phòng ăn, gian phía Nam làm nhà kho chứa thóc và dụng cụ, tôi ở gian phía Bắc. Tôi hỏi người cai : « Lấy vợ hiền hòa làm nhà hướng Nam, tại sao gian hướng Nam lại dùng làm nhà kho ? Ở gian hướng Bắc thế này, rồi sắp tới mùa lạnh đây chịu sao được ?» - Lúc đó người cai mới nói thực là cách đây một năm, khi căn nhà này sắp hoàn thành thì hai chú cháu người thợ mộc có điều chi xô xát, người cháu sẵn rìu trong tay bổ chú một nhát chết tươi. Nhà làm xong người cai có mang vợ đến ở gian phía Nam, nhưng bảy ngày sau người vợ cuốn gói về quê, không dám ở nữa, vì hễ cứ chợp mắt là ma xuất hiện, khi thì thọc nách cù, khi thì bóp cổ, trên cả hai vợ chồng. Vợ về quê, người cai xuống căn nhà gần phía công, ngủ chung với phu.

Hôm sau tôi nhất định cho chuyển kho thóc và dụng cụ sang gian phòng Bắc, tôi ở gian phòng Nam. Người cai căn dặn hễ đêm khuya thấy ai rung cửa dù gấp đến mấy cũng chớ có mở. Mấy đêm qua không có chi lạ, tới buổi tối đó, đương nằm đọc sách dưới ánh đèn dầu tôi chột thiu thiu ngủ và thấy cánh cửa rung lên như có người cầu cứu bên ngoài. Vẫn trong trạng thái nửa mê

nửa tỉnh tôi lẳng lặng quan sát cho rằng gió lớn chuyển rùng. Bỗng bên phòng khác có tiếng đưa võng và tiếng ru con. Tôi nhớ rõ phòng khách không có chỗ nào mắc võng, và đồn điền không có đàn bà. Tôi cố rướn mắt cho tỉnh hẳn nhưng chỉ được chùng một phút, tôi lại rùng mình thấy tim nặng và chìm vào trạng thái nửa tỉnh nửa mê, nhưng đầu óc rất sáng suốt để nghe thấy rõ tiếng võng kẽo kẹt và tiếng ru con. Sau cùng tôi cố vùng dậy ra khép cánh cửa thông sang phòng khác và nói : « Thôi được, bên đó mày cứ ru con, bên này tao ngủ. » Rồi tôi ngủ như thường. Cứ thế cách dăm bảy hôm lại một lần tôi rơi vào trạng thái nửa mơ nửa tỉnh, khi thì cảm thấy như giường bay lên trần nhà, khi thì cảm thấy như giường trôi veo veo quanh phòng. Những lúc đó tôi trùm kín chăn tự nhủ : « Kệ cho mày nô rồn, mày có lật tao xuống đất thì tao lại leo lên giường ngủ như thường.» Tôi tự hỏi phải chăng đúng vào lúc nửa mơ nửa tỉnh, trí xét đoán còn minh mẫn như vậy, là lúc mình ở trạng thái có thể giao cảm với hai miền âm dương ?

Thường thường tôi tự trạng thái tỉnh chìm xuống trạng thái nửa mơ nửa tỉnh, nhưng tới đêm kia vào khoảng hai ba giờ sáng tôi đang ngủ mê mệt bỗng bình bỗng nổi lên trạng thái nửa mơ nửa tỉnh và nghe tiếng trẻ con khóc lặng bên phòng khách. Thường khi nghe tiếng khóc lặng như vậy, bao giờ ta cũng ngóng

đợi cho tới lúc đứa bé lấy lại được hơi và khóc sang đợt khác, lần này tôi nghe tiếng khóc ằng ặc bật luôn, tựa hồ đứa bé đã bị bóp cổ cho nghẹt thở. Tôi còn đang phân vân thì thấy có người vén màn lên, trời ơi, An ! An ăn vụng hết hôm gặp tôi giữa đường và khen tôi câu : « Anh Hai chơi đàn hay lắm, anh Hai. » Tôi ngồi nhòm dậy nắm lấy tay An, An rút vội tay lại. Sực tỉnh hẳn, thấy mình quả đã ngồi dậy, trước mặt không có gì, vừa lúc con bò Ấn Độ gầm lên một tiếng hãi hùng. Tôi cứ tưởng đêm sau, tôi tắt còn gặp An nữa, nhưng không, cả tiếng văng kiu kịt và tiếng ru con cũng bật mất. Một đêm kia thấy màn rung động, mở mắt ra tôi thấy ba người đàn ông, một người dưới chân giường đối diện tôi, một người ngồi mép giường sát khủy tay trái của tôi và một người đứng. Tôi hỏi : « Các anh muốn gì mà vào đây ? » - Người ngồi dưới chân giường đáp : « Thưa ông, xin ông cúng cho chúng con. » - Tôi làm vẻ gật đầu : « Được rồi ! » Khi ba người ra tới gần cửa tôi chợt nhớ một điều vội gọi lại : « Các anh phải cho tôi biết tên chứ. » Người trước đây ngồi dưới chân giường đáp : « Con tên là Chu Trác Ngọc, hai em con đây là Chu Trác My và Chu Trác Phục. » Tôi thấy những tên đó không có vẻ Việt Nam chút nào. Tôi lại hỏi : « Thế các anh ở đâu ? » Chu Trác Ngọc đáp : « Chúng con đều ở núi Ông Voi. » Tôi nghĩ thầm : « Quái ở Kiến An mới có núi Ông Voi chứ ở đây làm gì có núi ấy. » Rồi ngủ

thiếp đi. Hôm sau hỏi người cai mới hay vùng này có núi Ông Voi, cách đồn điền chừng sáu cây số. Tôi tới thăm, núi đó chỉ là một ngọn đồi thấp nhấp nhô lên giữa khoảng đồng lầy, lau sậy mọc ngút ngàn. Dân cư vùng này vào mùa mưa phải trữ thức ăn chừng mười hôm, vì khi mưa, nước lũ đổ xuống, cả vùng biến thành biển hồ, có nhà nền cao một thước mà nước lên mấp mí bực cửa. Trên núi Ông Voi có một khu làm nghĩa địa, có một cái miếu bỏ hoang đã lâu ngày không ai cúng vái gì. Trở về đồn điền, nhớ lại lời hứa của mình đêm hôm trước tôi có mua đồ cúng. Bảo là tin tôi không tin hẳn, cho đến nay tôi cố tìm hiểu trạng thái nửa mơ nửa tỉnh đó. Bảo là sợ, tôi cũng không hề sợ, vì tôi đã quen với trạng thái hồi hộp này lắm, nhất là cũng có khi trong trạng thái này tôi thấy mình đi vào một thế giới có thứ nắng vàng đẹp vô cùng. Thực tình tôi ngờ là con người có một linh khiếu nào khiến mình có thể nhìn thấy một chiều khác của sự vật. Linh khiếu đó, khoa học chưa khám phá ra hoặc không thể khám phá ra được. »

Buổi học tập tạm ngừng vì đã mười hai giờ khuya. Để « giải độc » bầu không khí những mộng cùng mị những ma cùng quái đó, chính trị viên đại đội lên tiếng :

- Chúng ta tạm ngừng ở đây để tối mai tiếp tục. Đồng chí Duy Hoàn đã thuật lại tiêu sử bằng một giọng thành thực, tuy nhiên hẳn các đồng chí cũng nhận thấy qua lời tự thuật, tính cách lãng mạn rẻ tiền tiêu tư sản và tư tưởng huyền bí phản Mác Lê ! Đó là những con rắn độc thối nhân sinh quan kể từ 1945 trở về trước, chúng ta có bốn phạm chuẩn bị giúp đồng chí Duy Hoàn đánh rập đầu những con rắn độc đó !

VI

Lời cảnh cáo của chính trị viên đại đội không ảnh hưởng gì đến Duy Hoàn; hôm sau anh thuật đến quầnng đời tham gia cách mạng của anh, thoát là khoảng thời gian đi tuyên truyền trên chiếc xe ngựa và gặp Phương Thảo. Anh kể rất kỹ mọi tình của anh với Phương Thảo, anh thuật rõ cả buổi ân ái dưới trăng trên mỏm Hòn Đầu và niềm tin do linh tính báo là Phương Thảo đã ra người thiên cổ. Trái lại tới quầng đời gia nhập bộ đội chiến đấu, anh kể rất ngắn gọn, anh quên cả việc anh đã được thưởng huân chương chiến sĩ hạng nhất.

Cũng như Hăng, Duy Hoàn đã ngồi để anh em chát vát hai đêm liền, Duy Hoàn không đơn giản và thẳng ruột ngựa như Hăng. Nếu Hăng có thái độ sẵn sàng nhận lỗi nếu quả đó là lỗi thật, Duy Hoàn trái lại có vẻ cương quyết âm thầm (âm thầm với anh nhưng thách thức với toàn ban học tập) của một con ngựa già trở về đường cũ theo khe rùng lạch suối. Nếu Hăng giữ được thái độ hồn nhiên suốt từ đầu đến cuối buổi chát vát thì Duy Hoàn càng về sau càng có thái độ nửa khinh mạn nửa chua chát nhưng luôn luôn giữ vững lập trường của anh và tuyên bố rằng đó là những lời thực những ý nghĩ thực. Anh ngược nhìn người chát vát chăm chú như nhìn ai, anh trả lời trầm trầm như còn đồng thời

lắng nghe lời ủng hộ của An, của Phương Thảo ở thế giới bên kia; lời đáp của anh đôi khi như văng vẳng âm u trên một nền âm thanh cổ xưa của những bản Vương cô nương, Nhì vòng, Kim tiền...

Vừa hay có thêm một đồng chí tự vẫn vì phong trào tam phản. Một người dân địa phương có cảm tình với kẻ xấu số này bèn gửi vào cho chiếc áo quan. Phó chính ủy lãnh đạo phong trào học tập cương quyết khước từ và tập hợp tất cả anh em quanh xác nạn nhân - Duy Hoàn được xếp đứng sát với phó chính ủy - trình trọng tuyên bố trước đảng tịch, trước quân tịch, trước quyền công dân vì tội đã làm ô nhục thanh danh Đảng, thanh danh quân đội, rồi cho vùi nông trên núi. Qua một đêm, hôm sau mất xác : loài sài cứu đã mò tới bới mộ lên...

Duy Hoàn tuyên bố với tổ tâm giao sẽ thú nhận hết tội lỗi trong những trang phản tỉnh thư cuối cùng. Tổ tâm giao lập tức mật báo tin đó lên ban lãnh đạo học tập. Phó chính ủy Lê K. mỉm một nụ cười đắc thắng nói với thiếu tướng chính ủy : « Thừa đồng chí thế là chúng ta đã khám phá thêm một tên phản cách mạng, truy kích toi bởi thêm một kẻ thù của tư tưởng Mác-Lê. »

Tổ tâm giao quan sát thấy Duy Hoàn lục tận đáy ba lô lấy ra một quyển nhật ký cũ, rồi vừa đối chiếu nhật ký vừa hí hoáy viết bổ túc phản tỉnh thư dưới ánh đèn dầu leo lét. Tiếng violon của ban nhạc ni non bên ngoài, rồi

giọng ca u sầu bài Bạch Mao Nữ : « Anh có nhớ chẳng quê hương tôi bởi khói lửa ? » ...

Buổi tối khi Duy Hoàn lên ngôi sập, ban lãnh đạo học tập có cảm tưởng như hai bên má Duy Hoàn hóp hẳn, mái tóc bù lên, cả khuôn mặt thiếu nả. Duy Hoàn đứng lên lão đảo tưởng sắp ngã, nhưng anh bỗng cười thét, tiếng cười khác thường, ai nấy trở mắt ngạc nhiên. Tiếng cười ngắn và dứt ngay, vài người ở cuối phòng đăng trí chưa kịp nhận ra thì Duy Hoàn đã cất tiếng nói:

- Tôi là một tên duy tâm không tưởng, tôi thật có tội với nhân dân, tôi thật là một tên Việt gian phá hoại Đảng !

Tất cả phòng họp im lặng hồi hộp.

Duy Hoàn bắt đầu tự kể tội, bốn tội lớn.

Tội thứ nhất vào tháng giêng năm 1944 rắp tâm đầu độc

anh vì anh đã quá nghiêm khắc với mình. Duy Hoàn kể tỉ mỉ mua năm viên gardenal, tán nhỏ, pha vào ấm nước, để trên table de nuit vì biết ông anh thường đêm đêm sực dậy uống nước; may thay đêm đó ông anh đã ngủ say một mạch đến sáng, nếu không Duy Hoàn đã thành người giết anh, một ông anh vô cùng gương mẫu đã thay cha nuôi mình ăn học nên người.

Tội thứ hai vào tháng mười năm 1957. Ngày đó Duy Hoàn ngồi nói chuyện với một tên mà Duy Hoàn biết là gián điệp của địch tại một quán nước dưới chân núi Tam đảo. Bất mãn vì cuộc kháng chiến quả có vẻ trường kỳ, trong câu chuyện Duy Hoàn đã cố ý tiết lộ là bộ đội ta hiện đang đóng trên Tam Đảo. Hôm sau phi cơ địch oanh tạc Tam Đảo, Duy Hoàn những mong bộ đội ta sớm bị tận diệt để trở về thủ đô sống nô lệ nhưng thanh bình.

Tội thứ ba vào tháng 5 năm 1948 Duy Hoàn quyết tâm vào tề. Duy Hoàn khởi hành từ thị trấn Phú Lộc thuộc huyện Phù ninh tỉnh Phú thọ, qua chợ Vàng, tới bến Vàng, qua sông Phó Đáy, tới Phú Vinh, chỉ còn chặng cuối cùng qua Đông Đạo nữa là tới tỉnh lỵ Vĩnh Yên, vùng địch kiểm soát. Rủi thay tới Đông Đạo, Duy Hoàn thấy nhiều công an quá, biết là không thể đi thoát, đành nuốt hận quay về đường cũ.

Tội thứ tư vào tháng chạp năm 1950, nhân một dịp Duy Hoàn đi công tác vào vùng hậu địch ở chân núi Thiên Thai thuộc Bắc Ninh, Duy Hoàn đã quyến rũ một nữ cán bộ có phận sự dẫn đường. Sau cùng vào một đêm tối trời Duy Hoàn đã hiếp nữ cán bộ trên bờ sông Máng.

Duy Hoàn vừa dứt lời thú tội, phó chính ủy lãnh đạo học tập đứng ra cổ súy :

- Nhân danh Đảng, nhân danh quân đội, tôi khen ngợi các đồng chí Duy Hoàn đã chiến thắng kẻ thù tội lỗi, tôi khen ngợi các đồng chí khác đã giúp đồng chí Duy Hoàn truy kích được kẻ thù tư tưởng !

Rồi mọi người theo phó chính ủy hô mấy khẩu hiệu hùng hồn trước khi cùng hát Quốc tế ca. Khi im lặng trở lại như cũ, Duy Hoàn đứng lên nói :

- Thừa các đồng chí, thành thật cảm ơn các đồng chí đã khích lệ. Tôi thiết nghĩ tạo hóa sinh ra con người không dễ ai mỗi lúc tiêu diệt được bản chất con người. Các đồng chí vừa đồng ca Quốc tế ca, giờ đây tôi xin đơn ca bài khác hợp với bản chất tôi, đó là bài hát theo điệu Kim tiền nhan đề « Dưới trăng » do anh tôi làm vào dịp thưởng trăng thu, bài này làm ra được một tháng thì anh tôi mất.

Giọng Duy Hoàn cất lên âm và buồn khác hẳn với giọng thù hận đặng đặng sát khí của Quốc tế ca.

*Anh em chúng ta, nay hợp mặt chơi,
Vui dưới trăng được buổi sáng trời.*

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 403

(Mọi người cảm thấy rừng mình, lời ca tựa như mang ánh trăng mát lạnh vào phòng họp.) Ta ngắm trăng ánh sáng rạng soi

*Sáng tỏa khắp nơi
Hương sắc trời
Cơn gió thoảng
Hương sắc trời
Ta thấy ta muôn tình tình say.*

(Mọi người thốt nhớ đến mỗi tình thất vọng của An đối với Duy Hoàn, và mỗi tình thơ mộng dưới trăng của Duy Hoàn với Phương Thảo.)

*Mảnh hồn lẹ bay
Là bay ruổi theo mây bạc
Cùng tận khắp nơi
Ngày năm không thôi.*

(Ai nấy nhắm mắt nương theo giọng ca nhịp nhàng của Duy Hoàn, như muốn được uống ánh trăng thần tiên.)

*Chốn này êm ái lắm thay !
Chốn này êm ấm lắm thay !
Thú vui trong mộng,
Dưới trời sáng rộng.
Này cảnh trăng mây,
Thú vui trong mộng
Dưới trời sáng rộng...*

(Tiếng rên xiết kêu gọi căm hờn của Quốc tế ca không còn một chút đồng vọng. Giọng hát đơn độc đáng yêu của Duy Hoàn đã diu anh em về quê hương thật của lòng người, quê hương hiền hòa thơ mộng.)

*Anh em chúng ta, nay họp mặt chơi
Vui dưới trăng được buổi sáng trời
Ta ngắm trăng ánh vàng rạng soi
Sáng tỏa khắp nơi.*

Duy Hoàn ngừng giọng. Anh em mong đợi giọng hát còn tiếp tục để kéo dài giây phút quý giá gặp gỡ quê hương nhưng Duy Hoàn ngừng hẳn.

- Thừa các đồng chí - giọng Duy Hoàn nghe sao mệt mỏi chán chường - bài hát theo điệu Kim tiền vừa qua là của anh tôi làm để thưởng trăng thu năm 1943, sau đó một tháng, anh tôi mất, mãi tới tháng giêng năm 1944 tôi mới ráp tâm đầu đọc anh tôi ! Cả tháng mười năm 1947 tôi ở mặt trận sông Lô truy kích địch đến Đuan

Hùng, sau trận truy kích cuối cùng này, anh P. trung đội phó vì suốt một tuần mỗi ngày hai lần lên cơn sốt rét, nên tới Phủ Đoan vừa uống xong cốc nước chanh, bị cảm khuẩn chết liền. Anh N. hồi đó là trung đội trưởng hiện có ở đây hẳn nhớ chuyện đó. Tháng năm năm 1948, chúng tôi đương thực tập bôn tập tại Phúc Trìu thuộc Thái Nguyên, thực tập bằng cách ôm súng lặn từ cao trên sườn núi Guột cho tới khi rơi tòm xuống dòng sông Kông, đồng chí H. người đã đặt cho tôi cái tên hiệu Mã Siêu hiện có ở đây, hẳn nhớ chuyện đó. Tháng chạp năm 1950 địch oanh tạc dữ lắm, hai con chó đùa nhau trên bờ sông máng tung bụi mù, B24 địch cũng sà xuống bắn chết, đã có một lần đồng chí chính trị viên đại đội trong ban lãnh đạo học tập đây chỉ kịp quẳng chiếc xe đạp Sterling trên mặt đường mà nhảy vội xuống hầm trú ẩn, chiếc xe đạp bị bắn nát khung. Phải đợi tới đến thắp đèn lên mới biết những ai còn sống. Cả đại đội hoạt động trên đường số 5 phải đào lại tranchée theo lối hầm ếch. Thừa các đồng chí tôi đã tự tố cáo là Việt gian phá hoại Đảng ! Nhưng hãy xét lại coi, khi tôi nói thực thì không tin, đến khi tôi bịa chuyện thì hát Quốc tế ca chào mừng. (Giọng Duy Hoàn bỗng đanh lại.) Việt gian phá hoại Đảng chính là các anh (Duy Hoàn không dùng hai chữ « đồng chí » nữa) - chính là các anh trong ban lãnh đạo học tập tam phần ! Tôi yêu các bóng ma của

tôi còn có lý bằng vạ các anh yêu những bóng ma tội lỗi của các anh !

Không ai ngờ câu chuyện xoay chiều ra thế. Duy Hoàn đã khéo dẫn dắt câu chuyện nửa úp nửa mở, đến giây phút cuối cùng, phó chính ủy Lê K. mới vỡ lẽ. Y đứng phắt dậy quắc mắt nói như thét :

- Đồng chí Duy Hoàn loạn trí, các đồng chí trong tổ tâm giao hãy đưa đồng chí Duy Hoàn về phòng !

VII

Ban lãnh đạo học tập vẫn hàng ngày hội ý hội báo nên rất rõ tình hình học tập toàn thể. Khi tấn bi hài kịch do Duy Hoàn đạo diễn và thủ vở vừa chấm dứt, lập tức chính ủy cho liên lạc sang ngay bên đại đội Hăng yêu cầu ngừng học tập kéo rơi vào trường hợp Duy Hoàn.

Không rõ qua một đêm hội ý hội báo, ban lãnh đạo học tập quyết định những gì ? Dù sao thì quyết định đó cũng bằng thừa vì công văn Trung ương Đảng bộ bên nước nhà vừa tới kia cho hay tất cả những chỉ thị, thông cáo, mệnh lệnh về tam phản đều tạm thời bãi bỏ tới khi có lệnh mới.

Nguyên do : Trung ương Đảng bộ khi nhận được phúc trình của Thiếu tướng chính ủy Trần B. cho hay là y đã khám phá ra 70% Việt gian trong trường Lục quân thì ai nấy đều thất kinh, biết là y đã đi quá trớn, nhất là trong bản phúc trình còn ghi rõ chi tiết những hình phạt và những vụ tự vẫn. Sợ trường Lục quân nổi loạn, Trung ương Đảng bộ cử ngay một phái đoàn điều tra do Nguyễn Chí T. cầm đầu. Một đảng ủy viên của Trung cộng cũng được cử từ Bắc kinh xuống gia nhập phái đoàn này. Phái đoàn trực tiếp xem các hồ sơ, trực tiếp đến hỏi những người đã bị ghi trong lý lịch là : « Phản cách mạng ». Lúc đó các học viên mới được dịp bộc lộ

thật. Có cả người co rúm lại, biến dạng đi, nói như thét, có người vừa nói vừa nghiến răng kèn kẹt, có người vừa nói vừa khóc... Họ nói :

- Từ sau chiến thắng Cao Bắc Lạng tôi có về thăm gia đình không ? Không ! Chính tôi chỉ huy đại đội bắt sống được tên Ch. của 2/3 REI, sau đó tôi được huân chương hạng nhất, như vậy mà tôi phản cách mạng à ?

- Tôi hoạt động trong vùng địch, tôi đã từng bị phòng phản gián địch tra tấn sống đi chết lại, chúng tha tôi về, không phải vì tưởng tôi vô tội mà vì chúng sợ tôi chết trong sà lim, thế mà ghi vào lý lịch tôi là phản cách mạng à ?

- Vân vân và vân vân...

Sau cùng đến chính những « người điển hình » mở đầu phong trào tam phản cũng đứng ra thú nhận những tội lỗi mình bộc lộ trước đây đều là những tội lỗi tưởng tượng, để vừa chứng tỏ mình đã khắc phục được lòng tự ái, vừa khuyến khích những người sau.

Để thoa dịu sự công phẫn của phần lớn học viên, Nguyễn Chí T. cho mở cuộc tổng kiểm thảo giữa toàn thể học viên với tên thiếu tướng chính ủy Trần B. và toàn ban lãnh đạo học tập, kể cả tên sư đoàn trưởng cố vấn. Thái độ tên chính ủy hết sức mềm dẻo. Các học

viên thay phiên nhau gay gắt chất vấn làm sao, gay gắt phê bình làm sao, hẳn nhận hết lỗi. Phần uất bực lộ đến cực độ, trong đám học viên có tiếng nói vất vẻo như tiếng chửi đồng : « Cứ cho nó một quả lựu đạn hay một phát mót cơ tông ! »

Trần B. vẫn luôn luôn giữ nụ cười nhũn nhặn. Hắn đứng lên kết luận cuộc tổng kiểm thảo :

- Thừa các đồng chí, trong phong trào tam phản vừa qua tôi đã lầm lẫn nhiều. Trong số ba ngàn học viên, phần lớn các đồng chí bị nghi oan, một số đồng chí bị thác oan. Sai lầm thì chúng ta thẳng thắn sửa đổi cho kịp thời, đúng với tinh thần ôn-sê- vích ! ...

Giọng chính ủy đánh dần :

- ... Nhưng vì quyền lợi Đảng, uy tín Đảng xin đồng chí tuyệt đối không nên công bố những chuyện đó khi về nước.

Đôi môi chính ủy mím lại, đôi mắt y quắc lên, vẻ nhũn nhặn nhận lỗi vừa qua không còn mảy may dấu vết :

- Những đồng chí nào ở lại khóa Tám công tác ở hiệu bộ nên nhớ cho điều này : « Khóa Tám mà nghi ngờ, khóa Bảy chịu trách nhiệm ! »

Thực tình tới lúc đó Hăng mới cảm thấy cái vẻ muôn mặt đáng kinh tởm của những kẻ lãnh đạo Đảng. (Lẽ có nhiên Duy Hoàn quá hiểu điều đó từ lâu rồi.)

Chắc hẳn tên chính ủy Trần B. không quên câu nói lớn của một học viên : « Cứ cho nó một quả lựu đạn hay một phát mứt cơ tông, » nên kể từ đấy, nơi hắn ở có lính Tàu gác.

Hăng nhận thấy - Hăng bắt đầu chú ý để nhận xét - Đảng để cho những người được quần chúng cảm tình ra lãnh đạo, chính Hăng và Duy Hoàn mỗi người phải phụ trách một trung đội. Mấy ngày đầu, hiệu bộ đành để mặc cho các chiến sĩ muôn làm gì thì làm, các người trong ban lãnh đạo học tập luôn luôn nở nụ cười, mặc cho các chiến sĩ thốt lên những lời mỉa mai cay độc. Nhiều người bỏ bữa ăn trưa, họ lang thang lên tận Minh Hồ, cách Phụng Minh Thôn chừng ba cây số, để ngắm cảnh hồ (hồ này dài 20 cây số, lên tận Côn Minh) hoặc để thăm các bạn của họ theo lớp sĩ quan trung cấp (tiểu đoàn trưởng trở lên) và sơ cấp (đại đội trưởng trở xuống) tại đó. Hăng mệnh danh cho chính sách Đảng vào thời này là chính sách nụ cười - politique du sourire.

Đáng lẽ sau cuộc tổng kiểm thảo chỉ còn nửa tháng thì mãn khóa, nhưng chính ủy quyết định kéo dài khóa học thêm ba tháng nữa để học tập về « sự tiến bộ không ngừng » của Đảng sau sự sai lầm vừa qua và nhất là để

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 411

ngiên cứu về tư cách một « cán bộ gương mẫu » biết giữ uy tín và danh dự cho Đảng trong mọi trường hợp. Tuy học tập khẩn trương là vậy mà một số lớn vẫn bất mãn ra mặt. Những phần tử bất mãn nhất được đề nghị ở lại theo học khóa Tám.

CHƯƠNG SÁU

DÒNG SUỐI TÌM ĐƯỜNG

I

Lần cuối cùng Hiễn được nghe kể dứt câu chuyện Lục quân khóa Bảy này đúng vào một dịp Kha đi tuần đêm. Kể dứt chuyện, Kha còn đứng bên Hiễn trong khi Hiễn ôn lại trong trí cả khung cảnh Phụng Minh Thôn. Hiễn nhớ nhất khoảng rừng thông phía Tây mà chàng đã băng qua ngày nào vừa từ Nga về, khu rừng có những con sóc đuôi xòe như bông lau từ trên cao nhìn xuống với đôi mắt đen tò mò một cách ngộ nghĩnh. Hiễn nhớ cả con đường mòn dưới rặng thông đưa xuống một dòng suối rộng, nước trong như pha lê và lạnh buốt, hai bên bờ là những bụi cây nhỏ hoa tím và những cây nhỏ hoa tím và những cây leo hoa vàng. Tựa hồ như tâm hồn Hiễn đang mở rộng... mở rộng... Ngay lúc đó Hiễn chưa rõ lý do vì sao mà chàng có cảm giác vui vui như vậy, chỉ biết Hiễn quên băng cả Kha bên cạnh và tiếp tục nghĩ về dòng suối rộng chảy dưới khu rừng thông phía Tây, dòng suối theo hướng Đông Bắc tìm đường đổ ra Dương Tử Giang... Phải rồi, dòng suối tìm đường đổ ra Dương Tử Giang.

Hiển không ngờ tình bạn của Kha đã làm ấm lòng Hiển và hình ảnh dòng suối tìm đường thoát ra sông lớn chính là uyên nguyên của hành động giã từ kháng chiến sau này.

Bỗng sực nhớ ra điều gì, Hiển quay sang nhìn Kha chăm chú hỏi :

- Anh cùng đơn vị với Hăng khi còn chiến đấu bên nước nhà ?

- Không !

- Hai anh là bạn học cũ ?

- Không ! (Ngừng một giây.) Nhưng tôi với Hăng tuy không cùng làng mà thành như cùng làng.

- Sao vậy ?

Kha nở một nụ cười nửa vui nửa buồn với chút ít bí mật rồi tiếp :

- Đó lại là một câu chuyện khác, còn dài !

Biết rằng Kha chưa chịu kể tiếp « câu chuyện còn dài» này, Hiển trở về chuyện Đảng mà chính Hiển thấy cần được biết rõ hơn. Hiển nói để gợi chuyện :

- Tôi biết lắm, Đảng độc quyền quyết định làm điều này điều nọ, nếu Đảng làm lần khiến xương máu đổ oan. Đảng sẽ độc quyền tự phê bình, nhận lỗi, để rồi lại độc quyền quyết định điều khác. Chúng ta chỉ là nguyên liệu cho Đảng dùng trong các cuộc thí nghiệm và trước sau chỉ có độc quyền cúi đầu tuân lệnh !

Kha gật đầu :

- Anh nói đúng, anh hẳn còn nhớ chín đồng chí về đến cầu Thanh Thủy chỉ vì còn bất mãn, ném giấy tờ hồ sơ lý lịch xuống sông mà phải quay trở lại học tập thêm ba tháng, rồi có thể thành sáu tháng, hoặc rất có thể thành chín mười tháng cũng nên. Đảng đã hối hận cho kia rồi mà, sao còn bất mãn ? !

Yên lặng khá lâu. Hiền nhớ lại chuyện sang Nga và thái độ

thán phục của hai đồng chí anh hùng quân đội, thán phục đến mức bộc lộ nhiệt tình sẵn sàng hy sinh tính mạng để bảo vệ « thiên đường Xô viết, » thán phục đến mức quên mình còn cá tính, dân tộc mình còn cá tính. « Không, không thể thế được, nước Việt nam quyết không chịu là một thứ cóc vái trời, nước Việt Nam phải là một nốt nhạc có ý thức trong bản hợp tấu của nhân loại ! » Hiền vẫn khăng khăng nghĩ vậy. Tiếng Kha tiếp :

- Nghĩ lại khuôn mặt làm ra vẻ hối hận của thằng chính ủy Trần B. buổi tổng kiểm thảo mà tôi thấy... buồn nôn. Thực khôi hài như một con gấu làm trò đứng trên hai chân ôm mặt làm bộ xấu hổ mà lại quên không che... hạ bộ.

Vừa xúc động về phong trào tam phản khóa Bảy, vừa cảm động về chân tình của Kha đối với mình, Hiền hỏi :

- Thế trong phong trào tam phản anh bị hành hạ ra sao ?

- Tôi ở một tình trạng đặc biệt : bố mẹ chết cả, anh em không còn một ai, tham gia cách mạng từ thời bí mật; sang tới đây tôi được hiệu bộ ủy cho trông nom tờ nội san, ngoài cái tội vô hại là trong văn thư của tôi thường có những lời bóng bẩy lãng mạn, ngoài ra tờ báo vẫn theo sát tôn chỉ Đảng, họ không thể bới ra điều gì để gán cho tôi thuộc thành phần phản cách mạng cần lên bàn mổ.

- Vì vậy anh thoát ?

- Vì vậy tôi thoát.

Yên lặng một giây Kha ngửa mặt hứng gió đêm rồi tiếp :

- Hồi còn ở bên nhà, hình như có hơi ám của dân tộc nên khi chiến đấu cho Đảng mình ngỡ cũng là chiến đấu cho dân tộc. Sang tới đây đồng đất nước người, chứng kiến cảnh Đảng lãng nhục đồng chính, chứng kiến cảnh mấy đồng chí chết thảm thương tôi mới cảm thấy hết cái mọi rợ của lũ người cuồng tín và cái phi lý của quan niệm muốn thành thánh hóa Đảng, coi Đảng là một cái gì lớn hơn dân tộc, biệt lập hẳn với dân tộc.

- Thế vì sao anh phải ở lại khóa Tám học với chúng tôi ?

- Vì tôi luôn luôn tỏ ra thân mật với Hăng.

- Hăng đâu ?

- Hăng được về nước công tác rồi.

- Chính Hăng được về nước mà anh ở lại ?

- Thoạ dịu đương sự nhưng trừng phạt những ai có cảm tình nồng đượm với đương sự đó là chính sách « mâu thuẫn thống nhất » của Đảng.

Giọng Hiên âu yếm hẳn :

- Tại sao anh tin tôi đến mức kể hết những chuyện đó?

Kha cười :

-Trước hết tôi biết anh chưa được kết nạp là đảng viên thực thụ; anh lại chỉ mặt cán bộ đảng viên mắng như vậy thì chuyện thực thụ còn lâu lắm. Thứ nữa tôi biết xem tướng (Kha lại cười), anh không có tướng phản bạn !

Ngừng một phút Kha tiếp :

- Vui nhất là đúng vào dịp đó phó chính ủy Lê K. bị « nhân dân » đòi về. Nguyên do : Bà Cát Hạnh Long bị giam tại trại Liên khu Việt Bắc khoảng cây số 5 trên con đường từ Thái nguyên đi Bắc kạn, rồi bà bị tòa án nhân dân kết án tử hình; rồi một hôm vào bốn giờ sáng họ đưa bà vào Phúc Xuân; bà bị bắn cùng với cụ cử Trần Thúc Cáp là người hồi đầu kháng chiến đã từng làm thơ với « già Hồ », đã từng được Đảng đề cao uy tính bằng cách cử làm chủ tịch hội Liên Việt Liên khu Việt Bắc. Xử tử mẹ xong, « nhân dân » gọi đến con : phó chính ủy Lê K. phải về đúng vào dịp này. Em ruột y là H. còn nhỏ tuổi chỉ bị có năm năm cầm cố, chính y bị hai mươi năm khổ sai. Mới đây lại có tin đồn y bị chết trong một trận oanh tạc. Chẳng rõ có đúng ?

- Duy Hoàn và Uy còn ở đây không ? - Hiền hỏi.

- Đi rồi ?

- Đi đâu ?

- Mông Tụ bên kia Lao Kay.

- Làm gì ?

- Theo lớp huấn luyện pháo binh ở đó. Anh còn nhớ tôi có thuật lời Uy nói với Hăng vào buổi đầu Hăng đến thăm Uy sau khi Đồng tự tử ?

Hiển nheo mắt cố nhớ lại thì Kha đã nhắc :

- « Em không tự tử như Đồng, em phải làm một việc gì đích đáng !»

- À phải rồi, phải rồi, tôi nhớ - Hiển vừa nói vừa gạt đầu lia lịa.

- Duy Hoàn không nói ra nhưng tôi thừa biết là cùng tâm trạng như Uy. Và còn biết bao tâm trạng Duy Hoàn và Uy trong đám gia nhập trung đoàn pháo binh đó. Họ đang sửa soạn dự một chiến dịch lớn. (Tức là chiến dịch Điện Biên Phủ sau này.) Qua đi một phút im lặng, Kha tiếp :

- Anh hẳn nhớ Vronsky trong truyện Anna Karénine? Vronsky đi đánh giặc thuê để tìm sự an ủi tâm hồn, nhưng Duy Hoàn và Uy và nhiều khác nữa, họ không đòi bại như vậy, họ xử dụng cả cái chết của họ để đem lại ích lợi cho tổ quốc như con nhà nghèo không muốn phí phạm cái gì.

- Thế còn Hãng được cử về nước ?

- Hãng về nhận công tác tại Bộ Tổng Tham Mưu. Chắc lại ở cơ quan địch vận !

- Tại sao Hãng với anh tuy không cùng làng mà như cùng làng ?

Kha cười, nụ cười thật hiền. Anh nhìn đồng hồ tay rồi nói :

- Khuya lắm rồi chúng ta nên đi nghỉ, chỉ còn mấy phút nữa là hết phiên tuần đêm của tôi.

Kha gơ tay, Hiền nắm lấy ưu ái ! Họ đã thật là đôi bạn thân, cảm thấu lòng nhau. Đôi bạn giữ chặt tay nhau khá lâu, hai luồng điện thông cảm giao thoa nơi hai bàn tay đó, rồi chiếu sáng hai tâm hồn khiến họ quên ánh sao lấp lánh trên vòm trời khuya, quên hơi sương lạnh của núi rừng Phụng Minh Thôn.

II

Tới đây xin mở một dấu ngoặc.

Hãng, người con trai thân hình vạm vỡ, tính tình thẳng ruột ngựa đót, bắt đầu cảm thấy đường lối tráo trở của Đảng và thường cũng như tâm lý những người trước đây đã cho ai lòng tin không mặc cả, khi phải lấy lại, càng nhìn bằng đôi mắt nghi kỵ, xét nét, xoi móc. Có điều đôi bạn Hiền-Kha không biết rằng Hãng được cử về nước một tuần thì viên chính ủy nhận được công văn bí mật tự nước nhà gửi sang cho hay cha Hãng, địa chủ bị bao vây, đã tự vẫn, hiệu bộ cần giữ Hãng ở lại khóa Tám và cho theo dõi hành vi, tư tưởng. Trót để Hãng đi rồi, viên thiếu tướng chính ủy chỉ còn ước mong Hãng đừng về thăm nhà, mà đến thẳng Bộ Tổng Tham Mưu trình diện, nhận công tác mới.

May thay, Hãng đã về đồn điền Thanh Ba - đồn điền Lợi Ký - và gặp Vân giữa đường. Tới lúc đó chàng mới hay tin cha treo cổ tự vẫn, cán bộ tam cùng cho lột trần truồng ông, chỉ xác mắng là « quân trốn nợ nhân dân » trước khi cho chôn, không cả bó chiếu.

Vân khóc lóc kể cho anh hay thêm là cả Mạnh - (chồng nàng, cựu chủ tịch huyện Thanh Ba) - cũng mất tích luôn từ ngày bị địch bắt trong chiến dịch Citron. (Thôi làm chủ tịch huyện Thanh Ba, Mạnh được cử làm

tỉnh ủy viên hoạt động tại Hải Dương.) Hãng cho Vân biết chính anh cũng bị bắt trong chiến dịch đó cùng với Mạnh. Hai anh em không dám nhận nhau, khi cả hai bị giải tới trại giam Hải Dương thì Mạnh được tha trước.

Vậy thì Mạnh mất tích ở đâu ?

Vân hàn huyên với anh những gì ?

Chính nàng rồi đây ra sao ?

Chỉ biết Hãng không quay lên Việt Bắc để tới trình diện tại Bộ Tổng Tham Mưu. Vân tiễn anh một quãng đường, rồi Hãng vào thành. Anh cần tìm gặp mẹ và em: bốn tháng trước ngày ông Phán bị bao vây bà Phán đưa Thi vào thành để điều trị bệnh lao cho nàng. Như vậy chỉ còn Vân ở lại hậu phương kháng chiến : nàng đợi Mạnh !

III

Nơi huấn luyện trung đoàn pháo binh không ở Phụng Minh Thôn mà ở Mông Tự - phía Lào Kay sang, nhưng chúng ta biết - Hiền được cử tới đó theo học sau khi đã qua ba tháng cơ bản về bộ binh. Phải khéo léo lắm Kha mới xin được một công tác về nước liên lạc với Bộ Tổng Tham Mưu để rồi sẽ quay lại. Hiền giả vờ ốm nằm quân y viện hai ngày đợi. Đôi bạn ra đi cùng một ngày !

Dời khỏi trường, họ bước miết trên đường ra ga xe lửa đi Khai Viễn. Hai cặp giò khỏe mạnh là thế mà cũng run lên vì cảm động. Khi đã ngồi bên nhau trong toa xe lửa rồi, Kha mới nói :

- Tôi cô độc từ hai năm nay, ra đi có đôi thế này ấm cúng quá.

Hiền bảo bạn :

- Về nước tôi còn phải đến huyện Lập Thạch đón đưa em gái.

Kha gật đầu :

- Được lắm chúng ta sẽ cùng về Lập Thạch.

Từ Phụng Minh Thôn đi Khai Viễn mất một ngày xe lửa. Từ Khai Viễn tới Nghiên Sơn mất hai ngày đi bộ

đường núi. Đi thêm non một ngày nữa tới Si Kai, nơi đây ngọn nguồn con sông Lô là một khe suối nhỏ. Kha ghé miệng xuống uống một ngụm rồi gục mặt rất lâu trong dòng suối, khi đứng lên nói với Hiền :

- Hoi hương tôi sẽ theo ngọn nguồn con sông Lô này mà về nước trước !

Từ Si Kai đôi bạn luôn luôn dọc theo đường đỉnh núi, nhìn xuống bên dưới là Ma Li Phố, một thị trấn nhỏ; dưới nữa là dòng sông Lô càng về gần Việt Nam càng rộng lớn. Đường lên Cổng Giời ngược trông chỉ thấy hun hút, đi từ sáng tới trưa mới tới đỉnh, nơi đây có cây đa cổ thụ hàng mấy trăm năm. Từ Cổng Giời đi xuống, về tới cầu Thanh Thủy mất một ngày đường nữa. Qua cầu sang biên giới quê hương rồi, đôi bạn dọc theo hữu ngạn sông Gấm qua Bác Me, Pac Van, Đại Thi. Tới Tuyên Quang đôi bạn mới vượt sông Lô về huyện Lập Thạch. Tới đâu, qua đâu cả hai cùng có thái độ rất đàng hoàng : vừa là quân đội cấp chỉ huy, vừa đủ các giấy tờ !

Một tuần qua đi, quân y viện Lập Thạch hay việc Miên theo anh biệt tích, nhưng tại Phụng Minh Thôn phải đợi ngót một tháng sau vào ngày mừng một tháng tám, ngày kỷ niệm thành lập giải phóng quân Trung quốc, trường lục quân đương tung bồng treo đèn kết hoa, viên thiếu tướng chính ủy mới hay tin cấp báo đôi bạn đã về vùng quốc gia.

Thật ra tất cả câu chuyện Phụng Minh Thôn phải đợi tới khi về Hà Nội Miên mới được nghe Hiền dần dà thuật lại cho hay, thuật lại từng chi tiết nhỏ với thú nghệ thuật kể chuyện đơn sơ mà vô cùng gợi cảm, đặc biệt của Hiền. « Anh vẫn có tài kể chuyện ! Nếu cứ được anh kể chuyện mãi thế này, mình sẽ vĩnh viễn là trẻ thơ.» Miên luôn luôn tự nhủ thâm vậy sau mỗi lần nghe dứt một đoạn.

Giờ đây chúng ta hãy theo dõi bộ ba Hiền, Kha, Miên từ lúc họ rời khỏi Lập Thạch tới khi họ vào được miền quốc gia. Quãng đường tuy ngắn nhưng không phải là không có điều đáng ghi nhớ.

CHƯƠNG BẢY

HAI LẦN SANG SÔNG

I

Tình ta thức trắng tinh cầu

Hồn ta tím ngắt một màu hoa lau.

Giong ngâm đắm đuối của Kha tỏa ra man mác cùng nắng và gió trên đỉnh núi đầu làng Thạch Trục đã biến thành mũi tên êm ái mà Miên là... con chim bị thương. Hiền luôn luôn cắn môi, nhú lông mày, theo dõi điều gì thăm thẳm trong tâm tư. Ba người rời khỏi Lập Thạch sang địa phận huyện Hạc Trì, họ dự định vào thành bằng ngả Sơn Tây. Đi về ngả này xa hơn về ngả Vĩnh Yên rất nhiều nhưng theo tin tức truyền qua cửa miệng dân chúng thì địch đương mở cuộc hành quân lớn quanh Vĩnh Yên, họ cần tránh tên bay đạn lạc! Họ dự định vào nửa đêm hôm đó sẽ lẩn vào với dân chúng qua Ngã Ba Hạc sang vùng quốc gia.

Cả ba vào ngồi một quán nước khuất dưới cây đa um tùm. Qua những mẩu chuyện dân chúng trao đổi, ba người được biết đồn binh địch tại Việt Trì mới được tăng cường. Máy ngày nay, chiều nào trọng pháo cũng trở sang vùng kháng chiến mà khạc đạn và suốt mười cây số đê trên và dưới Việt Trì, các đội Lê dương dồn dập tuần tiễu đêm ngày tựa như sắp có trận đánh lớn.

Nhưng đó cũng có thể chỉ là nghi binh - vẫn dư luận dân chúng - vì đạo này địch hay dương Đông kích Tây lắm.

Vẫn theo lời dân chúng thì cửa ngõ giao thông giữa hai khu quốc gia và kháng chiến đã chuyển lên Ngã Ba Lờ phía trên Hạc Trì chừng mười hai cây số vừa đường đê vừa đường nhựa : nhu cầu giao thông giữa hai miền khẩn bách như sức cây đang lớn, chặt cành này chồi đâm ở cành khác.

Hiển khẽ đưa mắt, cả ba cùng đứng dậy. Họ cần vượt ngay mười hai cây số để còn kịp lợi dụng ánh sáng buổi chiều mà quan sát quãng sông sẽ sang ngang đêm nay. Hai người đàn ông đi trước, Miên dẻo bước theo sau. Đi suốt năm cây số đường đê, nhìn bãi ngô mênh mông bên trái, những làng mạc với lũy tre xanh rờn bên phải, Kha mới sực nhớ đã có qua đây vào năm đầu kháng chiến khi trung đoàn Thủ đô vừa rút khỏi Thành. Chàng nói với Hiển :

- Khoảng quê hương lâu đời nhất của dân tộc hẳn là vùng này. Hồi mới kháng chiến, vào dịp đầu xuân tôi qua đây còn thấy dân chúng giồng cây đu chơi xuân. Đến nay tuy không phải mùa xuân và dầu có gặp mùa xuân chắc chắn cũng chẳng còn cảnh giồng cây đu, nhưng xem ý dân chúng còn thuần phác không đờm vẻ kinh hoàng hay nghi kỵ như những vùng bên trong chúng ta đã đi qua.

- Đây sát vùng tề - Miên góp lời - nếu cũng đầu tó như ở Tuyên Quang, Thái Nguyên và phía trong Vĩnh Yên, Phú Thọ, dân chúng sang sông hết thì xong.

Cùng lúc đó có tiếng hò trên sông vắng lại :

O này hò ơi...

Sông Thao nước đỏ người đen,

Ai lên phố Ẻn thì quên đường về.

Hiển nói :

- Đã lâu lắm tới đây tôi mới được gặp lời ca thật của dân tộc, không bị nhuộm « màu và mùi » tuyên truyền.

Kha giọng mỉa mai hơn :

- Tôi tởm tuyên truyền ! Đã lâu lắm tôi mới lại được nghe tiếng « người » hát.

Kha lơ đãng quay sang bên Miên, Miên thấy tia nhìn của « anh chàng » có chiều âu yếm và dịu đi nhiều. Một chiếc thuyền rẽ sóng, lướt theo bờ rồi ghé vào bến vắng, một cô gái mặc áo nâu non, đầu chít khăn mỏ quạ, tay cầm nón, từ khoảng lau bên bến nhô ra, lên thuyền, con thuyền ngược dòng một quãng rồi sang ngang. Hiển và Kha miết mãi đi. Miên rảo bước theo nhưng vẫn không quên nhìn theo con thuyền khi đó chỉ còn nhỏ tấp như chiếc lá rụng. Miên có cảm tưởng nòng vừa ra đây để

tiễn một cô bạn cùng làng lấy chồng ở bên kia sông.

Cả ba tới bến Lờ vào lúc mặt trời vừa lặn. Một vài ánh nắng tàn còn rớt trên các ngọn cây đay đó. Trời sâu thăm thẳm. Những tiếng động tự trong các thôn xóm vắng ra hòa với tiếng sóng vỗ vào bờ và tiếng chim riu rít về tổ thành một bản nhạc chiều muôn thuở êm như ca dao.

Bến Lờ còn vắng thuyền, vắng người. Trai gái tự trong thôn theo nhau ra tắm ở khoảng có ghềnh đá đỏ ven bờ. Kha thốt lời nói :

- Da cô nào cũng đỏ hồng như dòng sông, đôi mắt đến là tinh nghịch, cô nào cũng đẹp như công chúa Tiên Dung chẳng cần phải lên đến phố Ẻn mới quen đường về. Kia, đàn ông thì vị nào cũng tấm kiêu...Chữ đồng Tử !

Thấy Hiên chỉ tùm tùm cười, Kha sực nhớ còn Miên đứng phía sau, vội nói lảng :

- Ba sinh hương lửa, ha ! Chúng mình thật là ba sinh hương lửa !

Hiên và Miên ngơ ngác, Kha giải thích thêm :

- Này nhé ! Hết Pháp thuộc đến Nhật thuộc rồi đến Việt minh thuộc, thế chẳng là ba sinh hương lửa sao ?

- Ô nhĩ đúng ! - Hiền vừa đáp dứt lời thì Kha đã vì một liên tưởng nào đó cất tiếng ngâm :

Ba sinh đã phỉ mòi nguyên

Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.

Hiền giơ tay chỉ về phía xa :

- Dưới đê đặng kia có cái quán, tốt hơn hết chúng ta nên lại đó nghỉ, đợi đến nửa đêm.

Ba người theo đường mòn men xuống vệ đê. Kha lại cất tiếng ngâm :

Ngâm hay muôn sự tại trời

Trời kia đã bắt làm người có thân,

Bắt phong trần phải phong trần,

Cho thanh cao mới được phần thanh cao.

Giọng ngâm của Kha tuyệt hay, Miên thấy rừng mình với gió chiều. Miên nhận thấy khi ngâm thơ Kha coi như không có ai quanh chàng cả. « Con người này phải nhiều đam mê lắm, » Miên nghĩ thầm thế.

Cả ba đã tới quán ăn.

II

Quán tranh thấp nhưng có vẻ âm cúng. Trong cùng kê hai giường tre cho khách trọ ngả lưng, giữa nhà kê bốn bàn gỗ, mỗi bàn gỗ có bốn ghế đầu gọi hình ảnh một mẹ bốn con, ngoài cùng là quầy hàng có bày các thức ăn. Đậu, thịt kho bày trên đĩa; xu hào hành, tỏi, giò heo, thịt bò... treo lủng lẳng trên móc. Trong quán, ngồi bên chiếc bàn gỗ mộc ở bên phải phía ngoài là một thanh niên dáng người quắc thước, trán rộng, mắt sáng, nước da trắng hồng. Căn cứ vào cách ăn mặc - quần si-mi-li xám, áo lót mình kẻ vuông - người đó muốn chừng mới ở « bên kia » sang thì phải.

Hiển đương định tìm cách làm quen thì chàng thanh niên đã tiến tới hỏi ba người :

- Tôi xin lỗi hỏi khi không phải, các đồng chí là bộ đội cả thì phải ?

Hiển đáp :

- Vâng, chúng tôi cùng trong bộ đội cả. Còn đồng chí mới tự trong Thành ra ?

Chàng thanh niên nhìn Hiển, Kha bằng con mắt thán phục và thềm muốn rồi mới đáp :

- Đúng ạ. Kê ra thì tôi bắt được liên lạc ngoài này đã

từ ba tháng rồi, nay mới thoát được. Đồng chí dẫn tôi còn đi lấy giấy tờ, chắc chỉ sớm mai là trở lại đây.

Kha hỏi :

- Tình hình bên đó ra sao ?

- Bì ôi ! - Chàng thanh niên đáp gọn như một tiếng nổ công phẫn, tựa hồ đã từ lâu chàng chỉ đợi hỏi thế để đáp thế.

- Tinh thần dân ta ra sao ? - Kha hỏi tiếp.

- Tinh thần dân ta thì ở đâu cũng một lòng lo lắng đến tương lai tổ quốc, nhưng thôi nát ở tụi cầm quyền. Biết rằng có thể gọi chúng là « tụi cầm quyền » được không, vì sự thực chúng làm gì có quyền ! Chúng tuyên bố âm ỉ là Pháp đã trả độc lập cho Việt Nam, kỳ thực bao quyền hành chính vẫn gọn thon lỏn trong thực dân. Nhất là về kinh tế lại càng bi thảm. Các đồng chí hãy tưởng tượng vào thành phố Hà Nội, chao ôi, lớn từ chiếc xe ô-tô, nhỏ đến chiếc đinh đóng guốc đều là hàng ngoại hóa. Các đồng chí hãy tưởng tượng vào một công sở, thôi thì bóng đèn nê-ông sáng xanh, máy chữ, cặp giấy, cặp sách, bút mực, bút chì... thấy đều nhập cảng tự ngoại quốc. Mình nhìn thấy thì đau lòng, trong khi lũ cao cấp, chúng đua nhau nịnh hót quan thầy, chúng biết chi là nhục, chúng, lũ không óc !

Miên rụt rè hỏi :

- Nghe nói phụ nữ Hà Nội tiến lắm phải không ạ ?

- Chà như đầm ! - Chàng thanh niên vừa thở phào, vừa mỉm cười đáp - Tôi không phản đối việc Âu hóa của họ, điều đáng buồn là họ chỉ Âu hóa được cái hình thức. Chẳng riêng gì phụ nữ, các giới khác cũng vậy, họ như những chai rò đáy, bên ngoài dán nhãn hiệu Tây phương bên trong rượu nồng của ông cha đã chảy hết, chỉ còn chai rỗng.

Kha chột hỏi :

- Thế còn văn chương nghệ thuật ?

Người thanh niên cười rử :

- Cơ quan liên lạc đưa những người tự thành vào hậu phương thiết lập ngay dưới mũi địch là một làng tại Gia Lâm. Trước khi từ giã Hà Nội, tôi ra ngắm hồ Gươm một lần nữa. Máy phóng thanh khoảng gần nhà Khai Trí Tiến Đức ông ổng một bài nhíp slow ảo não nhưng lời ca toàn những : « Ra đi, chiến đấu, quyết diệt quân thù... » Quân thù nào ? Quân thù là lũ thực dân ở ngay trước mắt chứ còn ai nữa.

Người thanh niên cúi đầu, ngón tay trở gãi trán, dáng điệu càng khôi hài, tiếp :

- Cùng lúc với bài slow « Quyết diệt quân thù » hòa điệu với hình ảnh bác xích lô ghếch xe ven đường rồi tiến tới một gốc cây lớn, vén quần, hơi khuyu hai đầu gối tè !

Chàng thanh niên lại cười rũ một hồi, rồi mới tiếp :

- Tôi phải xin lỗi nữ đồng chí đây vì tôi không thể thuật lại sự thực đó một cách thanh nhã hơn, nhưng âm thanh slow với lời ca « quyết diệt quân thù » hòa điệu với hình ảnh bác xích lô khuyu hai đầu gối tiểu tiện dưới gốc cây, quả thực đã tượng trưng trọn vẹn cho hiện tình văn nghệ Hà Nội dưới danh nghĩa một nền độc lập giả hiệu.

Sự thất vọng mênh mông tràn vào tâm hồn ba người nghe chuyện cùng một nhịp với bóng tối tràn tới mênh mông ngập cả cánh đồng, làng mạc, dòng sông... Người chủ quán đương lảng xãng đi tìm diêm thấp đèn.

- Trước khi vào đây, đồng chí làm gì ở Hà nội ? - Chỉ nghe thấy Kha hỏi, khuôn mặt chàng chìm trong bóng tối.

- Tôi chưa làm gì cả. Tôi sang Pháp học từ năm 1949 năm ngoái tôi đã đỗ một phần tiến sĩ Luật về kinh tế. Tôi bỏ dở việc học về nước những mong giúp chính phủ mới giành được độc lập. Về tới nơi thấy cảnh tượng

như vậy tôi bèn... « trùm chẵn, » rồi bắt được liên lạc với ngoài này, rồi hôm nay đến đây để chờ giấy giới thiệu lên Việt Bắc. Cha mẹ tôi đều còn sống và ở Hà nội cả.

Ánh đèn dầu tây nhuộm vàng hoe cả căn nhà trọ. Bên ngoài, trời đen kịt không còn nhận đâu là đường ra sông, đâu là cánh đồng. Vẻ mặt chàng thanh niên lộ vẻ nhẹ nhõm sau khi tổ cáo những thói nát ở vùng quốc gia. Chủ quán lách cách sửa soạn dọn cơm, người thanh niên trí thức xin rút lui trở lại bàn cũ ngồi.

Kha thở dài nói khẽ đủ để ba người nghe thôi :

- Anh bạn tưởng đương đi vào tương lai, chúng mình sắp mất hiện tại mà tương lai thì chưa có !

Rồi cả ba cũng gọi cơm ăn.

Quán đã bắt đầu tấp nập, kể từ bến Lờ tới, người từ các thôn xóm ra. Bến quan ải đã mở cửa, giờ giao thông bắt đầu. Cơm nước xong chàng thanh niên tới mặc áo thò tay vào túi blouson lấy ra bao Cotab mang lại mời Kha và Hiên rồi trở về bàn. Quán đông người quá rồi, câu chuyện tương đối đã đủ nên đôi bên cùng không muốn gọi chuyện thêm nữa mặc dầu cảm tình với nhau có lai láng.

Hiển và Kha khuyên Miên nên ra giường ngả lưng nằm nghỉ lấy sức để khoảng nửa đêm còn sang sông, sau đó hai chàng lững thững lên đê nghe ngóng tình hình.

Dòng sông đen ngòm, đôi bờ bí hiểm, ánh đèn của những con thuyền đầy đó phản chiếu xuống dòng nước thành những ánh vàng leo lét càng làm tăng vẻ hiu quạnh của cảnh sông nước. Tiếng người ồn ào vẳng từ dưới bến, bốc tỏa lên, rồi mất hút ngay trên vòm cao mà bóng tối tựa như trong suốt.

- Lịch sử có định mệnh của nó - tiếng Hiển - cuộc kháng chiến toàn quốc xảy ra vào năm 1946, giả sử nó có chậm đi vài năm thì rồi chúng ta và dân chúng vẫn rơi vào tay Cộng sản. Một đảng thì được huấn luyện kỹ trong trường lừa đảo, lại biết rút kinh nghiệm quốc tế, một đảng thì ô hợp, ngờ nghệch, cả tin.

- Thôi, cầu mong cho anh chàng ban nãy khi tỉnh mộng cũng gặp được nhiều may mắn như bọn mình - Kha nói.

- Hồi đầu kháng chiến - giọng Hiển trầm ngâm hẳn - tôi có được nghe thuật lại lời của một lãnh tụ quốc gia, - quốc gia chân chính, lẽ cố nhiên - ông nói : « Chúng ta chưa đến thời. Phải để cho Cộng sản thành công đã, nhiên hậu sự thành công của chúng ta mới bền. » Hồi

đó tôi còn đương hăng, không để ý đến ý nghĩa sâu sắc của lời nói, bây giờ càng nghĩ càng thấy thấm thía. Chúng mình chỉ là những con vật cận thị, phản ứng thô thiển.

Bậc thức thời chói lợi đứng tít trên đỉnh cao, nhìn suốt dòng lịch sử, thấy trước những khúc quanh phải kinh qua, họ cô độc thật !

Kha đặt nhẹ tay lên vai Hiền và nói :

- Hình như Moise có nói : Je suis grand mais solitaire!

Sao đã mọc rất nhiều trên vòm trời. Bãi Kiêu Mộc ngăn đôi dòng sông Hồng và dòng sông Đà hiện lên lơ mờ đặng xa như một bãi tha ma trôi trên một con sông lạnh dưới âm phủ. Tiếng Kha ngâm cổ làm vẻ đùa cợt nhưng nghe thật buồn, cũng chẳng khác gì tiếng than thầm tự âm phủ vẳng lên :

Ai mang tôi đến chốn này

Bên kia không óc bên này không tim.

III

Miên lại mơ thấy mình leo lên núi Sáng, gần tới khu rừng lau thì lửa bốc cháy tự một bãi cỏ, lửa bén rất nhanh vào khu rừng lau khô xác, rồi lửa quần vào thân cây trò chỉ cao ba mươi thước. Cây trò chỉ biến thành thác lửa đổ sập xuống. Miên muốn thét lên một tiếng thì vừa bùng tỉnh. Nàng ngồi nhồm dậy ngơ ngác nhìn quanh. Trong quán kẻ ra người vào tấp nập một cách xa lạ. May thay Kha cũng vừa tiến tới sát bên nàng nói khẽ :

- Cô sửa soạn, chúng ta lên đường.
- Máy giờ rời anh Kha - Miên hỏi.
- Khoảng hai giờ sáng.
- Chết chưa, tôi ngủ được nhiều thế kia anh ?
- Cô ngủ được thế là may.

Miên chú ý thấy Hiền tay cầm bút chì đang ghi vội những gì trên tờ giấy màu vàng bản. Ghi xong, Hiền đứng lên dời khỏi bàn, tiến về phía mắc áo, gài nhanh mảnh giấy đã gấp gọn vào túi blouson (chàng thanh niên khi đó đương ngáy khò khò ở giường bên). Miên lờ mờ đoán được nội dung bức thư Hiền viết cho chàng thanh niên.

Ba người đưa mắt nhìn nhau kín đáo ra hiệu. Họ ra khỏi quán, rẽ vào một ruộng ngô; mấy phút sau họ hoàn toàn có vẻ là ba người dân vùng tề chuyên đi bờ lờ (buôn lậu). Hiền đã dấu giấy tờ của cả ba dưới một tảng đá lớn bên vệ đê, để nhờ sang bên kia không trôi chảy thì ba người còn giữ được nguyên giấy tờ bên này, tránh mọi lời thôi. Là Hiền quá lo xa thế !

Trên một mô đất khuất có đám con buôn đang đổi tiền, Hiền tập trung tiền của ba người lại mới đổi được bốn chục bạc Đông Dương.

Kha nói khẽ :

- Giá sinh hoạt bên kia rẻ, với số tiền này thừa đủ để chúng ta cầm cự về tới Hà Nội.

Mãi tới bốn giờ sáng ba người mới xuống thuyền sang sông, trên thuyền còn chở thêm năm người nữa đều là dân buôn lậu, không kể hai vợ chồng người lái.

Miên hồi hộp lắm, luôn luôn đưa mắt nhìn lên bờ chỉ e có sự gì trở ngại : công an miền kháng chiến bất chợt xuất hiện hỏi giấy tờ chẳng hạn. Kha cũng như Hiền đều giữ được vẻ mặt lìm lì điềm tĩnh.

Giây phút nóng lòng chờ đợi tới. Người chồng dựng chiếc quan sào lên, chống vào bờ rồi tì vai, lưng hơi khom lấy sức đẩy. Con đò tròng trành... tròng trành...

Ba lần như vậy con dò dòi hẳn bờ, người chồng hạ quan sào xuống bắt đầu dùng tới hai mái chèo, người vợ chăm chú bẻ lái.

« Cảnh sông nước này, con thuyền này đúng là sông nước trầm luân con thuyền tể độ !» - Miên nghĩ thầm thế.

Hiển khoanh tay trước ngực khẽ thở dài nói với Kha :

- Dân tộc mình còn phải chiến đấu nhiều, chiến đấu với nô lệ bên kia, chiến đấu với độc tài bên này, chiến đấu với những thói quen nô dịch ở ngay trong lòng mình.

Cả ba cùng ngồi xuống thang thuyền. Miên ngồi sát bên Kha. Vì chỗ ngồi chật, Miên cảm thấy nàng đang dựa vào một thân hình vững chắc như cây lim xanh rờn trên núi Thạch trúc nhưng lại nở hoa tím ngát rất thơ mộng. Miên nhớ đến câu thơ Kha ngâm trước khi xuống núi :

*Tình ta thức trắng tinh cầu,
Hồn ta tím ngát một màu hoa lau.*

Không khí ban mai lạnh toát ! Chắc chắn, chắc chắn Kha có cảm thấy hơi ấm của người Miên truyền sang, vì cả hai cùng đưa mắt nhìn nhau mỉm cười băng quơ. Miên lại thoáng nhớ tới tờ Paris Match với trang hình

ảnh chụp những cặp tình nhân nằm dài ôm sát nhau trên bãi cỏ một vườn hoa Luân đôn. Nàng vẫn âm thầm khao khát tình yêu... Sự tuyệt vọng cam chịu làm gái già giữa một thế giới lang sói không còn... Nàng đương đi sang một thế giới khác tuy nhiều như bản nhưng còn tình yêu, nghĩa là còn hy vọng.

Con thuyền đã ra tới giữa sông lướt đều theo nhịp chèo ... Chỉ còn một lát nữa là cập bến. Miên nhắm mắt lại, nàng tưởng tượng nếu thiu thiu ngủ nàng sẽ ngã đầu lên vai Kha...

Chợt có tia chớp ! Tiếng vang ầm ! Đạn xiết không khí vòng đỉnh đầu. Tiếp theo tiếng ầm thứ hai phía bên kia sông, vùng kháng chiến.

- Sao vậy ?

- Cái gì thế ?

- Trời ơi, ca-nông địch !

- Chết rồi, có khổ tôi không !

Hai ba tiếng nổ liên tiếp. Vẫn tiếng đại bác.

Mọi người xôn xao...

Con thuyền tròn tránh gần sát bờ...

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 441

Tiếng đại bác liên tiếp...rền rĩ, rền rĩ... không còn đếm được nữa.

IV

Tâm thần thảng thốt, chân tay rụng rời, tim hồi hộp, một sự chán nản, một sự tuyệt vọng mênh mông chưa từng thấy, choán lấy cả tâm tư Miên thành một tấm vải liệm bị đất. Thuyền đã ghé sát bờ nhưng chưa ai lên, chưa ai muốn lên. Tiếng người lao xao dò hỏi tin tức, trao đổi ý kiến. Miên vẫn cúi gầm mặt. Kha đã đứng lên cùng Hiền chắc cũng chỉ để nghe ngóng. Dư luận kẻ dưới thuyền người trên bờ mỗi lúc một tới tấp lộn xộn nhưng đầy đủ mọi khía cạnh :

- Chúng nó ở Vân Xa (tên làng) kéo lên chắc ?

- Vân Xa cóc gì, Vân Xa cách đây mười cây số ! Chúng nó ở ngay bên Nhông này này.

- Trời ơi !

- Bên Nhông là chỗ đầu cầu quân viễn chinh mà ! Tự đây chúng có thể đánh tủa đi Hòa Bình, Phú Thọ, và nữa trên Vĩnh Yên. Chúng chiếm trọn mấy đồi lớn, xây bun-ke.

- Nhiều Tây đen lắm !

- Đại bác yểm hộ thế là quân chúng tiến rồi đấy !

- Chúng định sang sông !

- Hả đi ! Chiếm Phú Thọ đã sao ?

- Làm sao bây giờ ?

- Xuôi thuyền về đâu ?

- Hãy xuôi thuyền đã, vì nhất định đại quân chúng sắp kéo qua đây. Đó, thấy chưa, tiếng súng con !

Người lái đò lúc đó mới phát biểu :

- Xuôi thuyền là phải ! Đi sát bãi Kiêu Mộc tránh được làn đạn.

- Thuyền xuôi đi nhanh, tới chỗ nào xa tiếng súng chúng ta lên đê, tìm đường đi sâu vào các làng.

Tiếng Hiền hỏi lo lắng :

- Vậy chúng ta lại sang bên kia sông ?

- Phải sang bên kia sông chứ !

Không muốn sang sông ! Không muốn sang sông ! Miên không muốn ba người phải sang sông lần nữa. Từ lúc biết anh sẽ đưa mình về vùng quốc gia Miên đã đoạn tuyệt với vùng Cộng sản rồi. Bước chân xuống thuyền, con thuyền rời đất Cộng sản, rồi sang bên này bờ sông, tuy mới chừng nửa giờ qua mà Miên tưởng chừng mười mười lăm năm qua. Mười mười lăm năm

qua rồi, còn sang đất của cán bộ tam cùng, của đầu tổ đó làm gì ? Tâm hồn Miên nhàu nát vì mảnh đất đó, rồi đây lại sang sông, lại lên đê, lại đi sâu vào miền đất đó, khác chi tự lột da mình làm giày mà đi ?

Con thuyền bỗng tròng trành dữ.

- Trời ơi thuyền đông thế này rồi còn nhảy xuống làm gì ?

- Ông lái cho xuôi thuyền đi thôi ?

- Tất cả đồng ý xuôi thuyền chứ ?

- Để tôi phụ cho tay sào nào.

Miên vẫn ngồi im bên Kha như tượng đá.

Kha đưa mắt nhìn bàn tay Miên. Bóng tối còn tràn đầy, không có ánh nhũn saphir, nhưng ánh sao mai trước mắt lấp lánh.

Thuyền đã có đà, bắt đầu xuôi theo dòng nước. Miên nghe tiếng Hiền nói khẽ với Kha :

- Chúng mình không thể quay lại chỗ cũ để lấy giấy tờ !

- Không lo - tiếng Kha đáp khẽ - hay tin địch hành quân cả khoảng đê bên kia sẽ không còn một bóng

người !

- Xuôi thế này, liệu đến bến nào thì lên đò, ông lái?
- Hiện hỏi lớn.

- Ai mà đoán trước đò ! - Người lái đò gọn.

Bình minh bắt đầu hé rạng. Mọi người nhú lông mày nghe ngóng, chợt tiếng kêu hốt hoảng :

- Chết cha rồi, phi cơ !

Thuyền tròn tránh rồi quay ngang mũi vì người bẻ lái đã buông tay để cùng nằm rạp xuống với mọi người. Chiếc phi cơ hạ thấp nghiêng cánh lượn vòng. - Dakota!
- Tiếng Hiện Kha nói :

- B-26 thì nó bắn rồi !

Miên nhắm nghiền mắt nói thảm với lòng như lời cầu nguyện :

- Anh Hiện, anh chết thì còn giờ đất nào nữa !

Chắc chiếc Dakota quan sát rõ thấy những người trên thuyền chỉ là thường dân, không phải bộ đội, nên ngược chiều bay thẳng về Phú Thọ.

- Hú vía ! Nhanh tay lên nào !

- Đã chắc đâu thoát !

Thuyền xuôi. Trời sáng hẳn. Chiếc Dakota không quay trở lại. Xa dần... Xa dần... Tiếng súng đại bác, tiếng súng con. Nắng vàng tràn ngập dòng sông, tràn ngập bờ bãi, tràn ngập những làng mạc xa. Thuyền tiến dần tới khúc quanh con sông có mấy chiếc thuyền khác đậu. Bền !

- Dừng lại đây được rồi ! - Người lái nói.

Tiếng người lao xao trên bến hỏi tin tức.

Hiển hỏi khéo, giọng dịu dàng :

- Ông lái này, lên đê, theo đường thẳng xuống, đi đến đâu ?

- Vĩnh Yên ! - Người lái đáp gọn.

- Còn cách chừng bao cây số nữa ông ?

- Mười lăm cây ! Nhưng chỉ đi bảy cây nữa là gặp đồn bảo chính đoàn.

- Những làng dưới vệ đê còn thuộc vùng kháng chiến không ông ?

- Tề !

Miên thốt lời vui mừng :

- Tề rồi ?

Khu Rừng Lau 1 - Ba Sinh Hương Lửa | 447

- Tề hai mang ! - Vẫn giọng cộc cằn của người lái -
Trước khi lên bờ xin các ông bà cho thêm tiền.

V

Lên bờ đê nhìn xuống, cánh đồng Vĩnh Yên lấp lánh nước. Dưới đê có con đường khá rộng - chắc là đường liên huyện - trải đá cuội lớn, nhiều chỗ phá hoại, cuội đường đắp lên thành ụ lùn với đất thịt màu đỏ kệt. Đường vắng tanh, hai bên cánh đồng vắng tanh. Ba người không ai bảo ai đều cắm đầu rào bước. Lát sau tiếng Miên hỏn hể :

- Sao đường vắng thế này, hai anh ?

- Có thể chạy mới dễ - Kha đáp - Tôi biết trước mà, nghe tiếng súng dạo, thấy phi cơ lượn, công an và bộ đội du kích vùng tề hai mang này buộc lòng phải tạm lẩn đi.

- Đi nhanh hơn nữa các anh ạ ! - Miên nói mà vẫn phải nửa đi nửa chạy mới theo kịp Hiền, Kha.

- Bảy cây số nữa đã gặp đồn bảo chính ! - Kha đáp.

Ba người cắm đầu đi miết... đi miết...

Đã lác đác có bóng người trên đồng lúa xanh. Đó là những nông phu ra thăm đồng, vẻ thanh thản yên phận. Xa tít phấp phới bóng lá cờ vàng với những vạch đỏ. Con đường đá vòng sát vào bãi tha ma ven làng. Từ cổng làng gần đấy nhô ra một người, vai có vác súng,

bận đồ kaki sẫm, mũ partisan rộng vành bằng thứ vải đó thì phải vì đồng màu. Thêm ba người nữa xuất hiện cũng ăn mặc như vậy, cũng đeo súng như vậy. Họ đi thành hàng dọc, đúng là lính bảo chính đi tuần. Đi ít thế hẳn đây đã an ninh rồi ! Họ ra tới đường thì cũng vừa gặp bọn Hiền. Người đi đầu đã đứng tuổi, vạm vỡ, cánh tay trái đeo lon cai. Ông ta chăm chú ngắm Hiền, đôi mắt hóm hỉnh. Hiền tòm tòm cười nhìn lại ông. Bỗng ông phá lên cười, vung tay phát lên mông Hiền một cái thân ái và nói :

- Các « cháu bác Hồ » phải không ? Sao về muộn thế?

Cả bốn người lính cùng cười theo, vừa cười vừa đi bước xuống đồng sang làng gần đây.

Miền thở phào nhẹ nhõm. Lúc đó vào khoảng tám giờ rưỡi sáng, một buổi sáng đẹp, mặt trời lên, gặp đám mây trắng lộng che khuất khiến ánh sáng đây đó dịu và bâng khuâng. Con đường trước mắt không còn những mô cao hoặc những hố phá hoại, con đường trước mắt giờ đây phẳng tấp, bụi cát trắng xóa hai bên lề cỏ, dưới đường là ruộng lúa con gái lấp lánh nước. Nhìn kỹ khoảng nước ven đường, Miên thấy có những con đòng đòng lượn lờ lững. Vài con châu chấu nhảy chuyền sang những ngọn lúa khác gần đây, trong số có con cào cào xòe bay một quãng khá xa như để làm đóm khoe với khách qua đường bộ cánh xanh đỏ.

450 | Doãn Quốc Sỹ

Cào cào giã gạo tao xem, Tao may áo đỏ áo đen cho mày.

Dù cánh đồng này - Miên nghĩ thâm - có biến thành
cả khu rừng lau khô xác đi nữa thì giờ đây, trên đường
đời, có những ba bóng người !

Bớt cô quạnh !

HẾT KHU RỪNG LAU TẬP I

Tiểu sử

Tên thật là Doãn Quốc Sỹ. Ông sinh ngày 17 tháng 02 năm 1923 (nhằm ngày Mừng Hai Tết Quý Hợi) tại xã Hạ Yên Quyết, Hà Đông, ngoại thành Hà Nội. Thuở còn là thanh niên, ông đã từng tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp. Sau đó, khi phong trào này để lộ bộ mặt Cộng sản, ông đã rời bỏ kháng chiến. Vào năm 1946, ông lập gia đình với bà Hồ Thị Thảo là ái nữ của nhà thơ trào phúng Tú Mỡ-Hồ Trọng Hiếu. Năm 1954, khi hiệp ước Geneva chia đôi đất nước, ông theo làn sóng di cư đem vợ con vào miền Nam sinh sống.

Doãn Quốc Sỹ có hai sự nghiệp song song là nhà văn và nhà giáo. Ông vẫn thường nói rằng : « Nhà giáo là nghề, nhà văn là nghiệp ». Trong cương vị nhà giáo, ông đã dạy tại các trường Trung học Công lập Nguyễn Khuyến (Nam Định, 1951-1952), Chu Văn An (Hà Nội), Hồ Ngọc Cẩn (Sài Gòn 1961-1962), Trường Sư phạm Sài Gòn, Đại học Văn khoa Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn. Ông từng là hiệu trưởng trường Trung học Công lập Hà Tiên (1960-1961) và từng đi tu nghiệp về sư phạm tại Hoa Kỳ (1966-1968). Với cương vị nhà văn, ông là đồng sáng lập viên nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên vào năm 1956 cùng với Mai Thảo, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng mà ông vẫn gọi là

« Thất Tinh ». Ông cũng có những bài viết được đăng trên những tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Văn Nghệ, Bách Khoa, Văn Học, Nghệ Thuật...

Sau ngày Miền Nam thất thủ 30/04/1975, vào tháng Tư năm 1976, Doãn Quốc Sỹ cùng nhiều nhà văn Miền Nam khác bị bắt đi tù cải tạo. Ông bị giam tại trại Gia Trung, cách thành phố Pleiku 25 km, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác như Trần Dạ Từ, Thanh Thương Hoàng, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Nguyễn Sỹ Tế, Chóe... Đến năm 1980, ông được thả tự do nhờ sự can thiệp của nhiều tổ chức quốc tế. Trong thời gian chờ đợi được người con gái đầu bảo lãnh đi Úc, ông tiếp tục viết thêm một số tác phẩm nữa, trong đó có quyển Đi được ký với bút hiệu Hồ Khanh. Ông đã gửi tác phẩm này sang Pháp, để xuất bản tại hải ngoại. Cũng vì lý do này, ông đã bị bắt lần thứ hai vào tháng 5 năm 1984, chỉ trước ngày đi Úc vài tháng, cùng với một số văn nghệ sĩ khác như Duy Trác, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Lý Thụy Ý,... Ông bị kết án mười năm tù. Ông mãn hạn tù lần thứ hai vào tháng 11 năm 1991.

Năm 1995, ông được người con trai trưởng bảo lãnh di dân sang Houston, Hoa Kỳ. Hiện nay, ông đang sống tại Quận Cam, California.

Tác phẩm

Sợ Lửa (Truyện cổ tích, 1956)

U Hoài (Truyện ngắn, 1957)

Gánh Xiếc (Truyện ngắn, 1958)

Gìn Vàng Giữ Ngọc (Truyện ngắn, 1959)

Dòng Sông Định Mệnh (Truyện dài, 1959)

Khảo Luận Về Cao Bá Quát (1959)

Khảo Luận Về Nguyễn Công Trứ (1959)

Khảo Luận Về Đoàn Trường Tân Thanh (1959)

Khảo Luận Về Tản Đà (1960)

Khảo Luận Về Nguyễn Khuyến (1960)

Khảo Luận Về Trần Tế Xương (1960)

Tự Lực Văn Đoàn (Khảo luận, 1960)

Hồ Thủy Dương (Truyện cổ tích, 1960)

Trường thiên tiểu thuyết Khu Rừng Lau :

- Ba Sinh Hương Lửa (Khu Rừng Lau I, 1962)

- Người Đàn Bà Bên Kia Vĩ Tuyền (Khu Rừng Lau II, 1964)

- Tình Yêu Thánh Hóa (Khu Rừng Lau III, 1965)

- Những Ngả Sông (Khu Rừng Lau IV, 1966)

Trái Cây Đau Khổ (Kịch, 1963)

Khảo Luận Về Ngữ Pháp Việt Nam (1964)

Người Việt Đáng Yêu (Khảo luận, 1965)

Cánh Tay Nổi Dài (Truyện ngắn, 1966)

Đốt Biên Giới (Truyện dài, 1966)

Ca Dao Nhi Đồng (Biên khảo, 1969)

Tuyển Tập Văn Chương Nhi Đồng (Biên khảo, 1969)

Thần Thoại Ấn Độ (Biên khảo, 1969)

Ngụ Ngôn (Biên khảo, 1969)

Vào Thiên (Tùy bút, 1970)

Sâu Mây (Truyện dài, 1970)

Con Cá Mắc Cạn (Truyện ngắn, 1971)

Trái Đắng Trường Sinh (Truyện ngắn, 1971)

Cúi Đầu (Tân truyện, 1972)

Thần Thoại Nhật Bản, Châu Đại Dương, Hy Lạp,
Bắc Âu (Biên khảo, 1972)

Thần Thoại Việt Nam-Trung Hoa (Biên khảo, 1972)

Văn Học Và Tiểu Thuyết (Biên khảo, 1972)

Con Kỳ Lân Cuối Cùng (Truyện dịch, The Last
Unicorn của Peter S. Beagle, 1975)

Đi (Truyện dài, 1982)

Mình Lại Soi Mình (Truyện dài, 1995)

Người Vái Tứ Phương (Truyện dài, 1995)

Dấu Chân Cát Xóa (Truyện dài, 1995)

Cò Đùm (Truyện dài, 1997)